



ĐOÀN VĂN TOẠI

Trại cải tạo của
Việt cộng
Le goulag vietnamien



phần 1

Trại cải tạo của Việt cộng

Đoàn Văn Toại



Paris * 04.2025

Bìa : *M. C. P*
Nguồn : *Thư viện Tiểu Lùn*

**Trại cải tạo của
Việt cộng**
(phần 1)

ĐOÀN VĂN TOẠI



**ÉDITIONS ROBERT LAFFONT
PARIS**

MỤC LỤC

Lời dẫn	11
Giới thiệu	25
1. Tên anh là Toại ?	65
2. Tuổi thơ của tôi ở quê	109
3. Nhà tù Trần Hưng Đạo	161
4. Cam kết chính trị đầu tiên	209
5. Tết này khác với những tết trước	269
6. Đại biểu của khoa Dược	313

7. Cuộc chiến của sinh viên	369
8. Trong nhà tù của Thiệu	421
9. Cái bóng của thất bại	463
10. Sự ra đời của thành phố Hồ chí Minh	515

Lời dẫn

Cuốn tự truyện *Le goulag vietnamien* (tạm dịch : *Trại cải tạo của Việt cộng*) do nhà hoạt động Đoàn Văn Toại viết bằng tiếng Pháp, xuất bản tại Paris năm 1979, kể lại cuộc đời chính trị của ông, đặc biệt là những năm tháng sau song sắt dưới hai chế độ khác nhau. Sinh ra ở Vĩnh Long và học tại Sài Gòn dưới thời Việt Nam Cộng hòa.

Ông Toại từng bị bỏ tù vì tham gia biểu tình sinh viên chống chính quyền Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu.

Chỉ vài tháng sau khi Sài Gòn sụp đổ, một người từng có cảm tình với Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam như ông lại bị chính những người giải phóng bắt giam. Trong suốt 28 tháng ở nhà tù cộng sản, dù luôn hỏi một cách lịch sự, ông không được thông báo lý do bị bắt. Giấy ra tù cũng không nêu rõ lý do bắt giữ hay phóng thích.

Qua cuốn sách, độc giả hình dung lại thời gian đã qua của nước Việt Nam Cộng Hòa cùng sự ấu trĩ, mơ hồ về chủ nghĩa cộng sản của những người trí thức máu nóng trẻ tuổi Miền Nam.

Mong độc giả mọi lứa tuổi, mọi tầng lớp đọc cuốn sách này để không bao giờ mắc phải những sai lầm chết người và không nên ảo tưởng vào chủ nghĩa cộng sản.

Chúng tôi lục đặng những câu nói bất hủ về chủ nghĩa cộng sản như một lời cảnh tỉnh cho giới trẻ — nhất là thế hệ bị nhồi nhét những sai lệch trong môi trường giáo dục của cộng sản :

1). Người cộng sản làm cách mạng không phải để mang đến hạnh phúc cho người dân, mà họ làm cách mạng để người dân mang hạnh phúc đến cho người cộng sản. (Đức Đạt Lai Lạt Ma).

2). Cộng sản là loài cỏ dại mọc trên hoang tàn của chiến tranh và là loài trùng độc sinh sôi nảy nở trên rác rưởi của cuộc đời. (Đức Đạt Lai Lạt Ma).

3). Cộng sản sinh ra từ nghèo đói và ngu dốt, lớn lên bằng dối trá và bạo lực và sẽ chết đi trong sự khinh bỉ và nguyên rủa của nhân loại. (Đức Đạt Lai Lạt Ma).

4). Cộng sản đã làm cho người dân trở thành gian dối. (Thủ tướng Đức Angela Merkel).

5). Tôi lớn lên trong chủ nghĩa cộng sản tại Đông Đức và tôi hiểu rõ về họ: cộng sản là chủ nghĩa gian trá và man rợ nhất của nhân loại! Chủ nghĩa cộng sản là một vết nhơ của loài người và thế giới văn minh ! (Thủ tướng Đức Angela Merkel).

6). Bất cứ nơi nào chủ nghĩa xã hội hay cộng sản được thực sự áp dụng, thì chỉ mang đến đau thương, tàn phá, và thất bại (Tổng thống Mỹ Donald Trump).

7). Tôi mà làm Tổng thống Hoa Kỳ thì bọn độc tài cộng sản sẽ chết. (Tổng thống Mỹ Donald Trump).

8). Chủ nghĩa cộng sản là giấc mơ của vài người, nhưng là cơn ác mộng của nhân loại. (Nhà văn , nhà thơ, nhà viết kịch,... Victor Hugo).

9). Khi thấy thằng cộng sản nói láo, ta phải đứng lên và nói nó nói láo. Nếu không có can đảm nói nó nói láo, ta phải đứng lên ra đi, không ở lại nghe nó nói láo. Nếu không có can đảm bỏ đi, mà phải ngồi lại nghe, ta sẽ không nói lại những lời nó nói láo với người khác. (Nobel lauréat /laureate, Văn hào Nga Aleksandr Isayevich Solzhenitsyn).

10). Những người theo xã hội chủ nghĩa muốn làm mọi việc tốt hơn bằng cách lấy hết tiền mọi người, và có những

người cộng sản muốn làm mọi việc tốt hơn bằng cách giết hết mọi người trừ họ ra. (Văn hào Richmal Crompton).

11). Tôi đã bỏ một nửa cuộc đời cho lý tưởng cộng sản. Ngày hôm nay tôi phải đau buồn mà nói rằng: đảng cộng sản chỉ biết tuyên truyền và dối trá. (Cựu Tổng bí thư đảng cộng sản Liên Xô, awarded Nobel prize in 1990, Mikhail Sergeyevich Gorbachev).

12). Cộng sản không thể nào sửa chữa mà cần phải đào thải nó. (Cố Tổng thống Nga Boris Nicholalevich Yeltsin).

13). Chủ nghĩa xã hội là một hệ tư tưởng của sự thất bại, là tiếng kêu của sự ngu dốt, là lời truyền giáo của sự ganh tị, ưu điểm của nó là chia xẻ đồng đều sự nghèo khổ (Cố Thủ tướng Anh, Sir Winston Leonard Spencer Churchill).

14). Chủ nghĩa tư bản không chia đều sự thịnh vượng, nhưng chủ nghĩa xã hội lại chia đều sự nghèo khổ ! (Cố Thủ tướng Anh, Sir Winston Leonard Spencer Churchill).

15). Chủ nghĩa cộng sản là logic cuối cùng khi nhân loại không còn tồn tại. (Đức cố Tổng giám mục Fulton John Sheen).

16). Vấn đề của chủ nghĩa xã hội là tới lúc nào đó nó sẽ xài hết tiền của người khác ! (Cố Thủ tướng Anh Margaret Hilda Thatcher).

17). Nền kinh tế chủ nghĩa xã hội hoạt động dựa trên tư tưởng rằng: sự hiểu biết của một nhóm người cao rộng hơn sự hiểu biết của hàng trăm triệu người. Đây là một sự suy nghĩ cực kỳ kiêu ngạo. (Nhà kinh tế học Friedrich

August von Hayek).

18). Chủ nghĩa xã hội nói chung đã thất bại rõ tới độ chỉ có những nhà trí thức mù mới có thể không nhìn thấy (xin phép dịch thoát ý một chút) (Nhà kinh tế học Thomas Sowell —> Socialism in general has a record of failure so blatant that only an intellectual could ignore or evade it.)

19). Tôi hiểu người cộng sản... hiểu sự xấu xa và gian dối của đảng cộng sản. (Cố Thủ tướng Singapore, Lý Quang Diệu).

20). Chủ nghĩa tư bản không thể tồn tại nếu không có TỰ DO, chủ nghĩa cộng sản không thể tồn tại nếu cho phép TỰ DO. (Nhà kinh tế học, Milton Friedman, Nobel prize for Economics in 1976).

21). Hãy nhìn bao nhiêu người từ các xứ cộng sản đã liều chết vượt biên, vượt biển qua các xứ tư bản tự do, nhiều đó cũng đủ cho chúng ta biết nhân loại đã lựa chọn ra sao. (Nhà kinh tế học, Milton Friedman, Nobel prize for Economics in 1976).

22). Khi bạn thấy một người mập đứng kế một người ốm, không có nghĩa là người mập lấy bớt phần ăn của người ốm. Nhưng đây là cách suy nghĩ của chủ nghĩa xã hội. (khuyết danh).

23). Làm thế nào để bạn biết người đó là một người cộng sản? Đó là những người đọc Marx và Lenin. Và làm thế nào để bạn biết người đó là người chống cộng sản ? Vì người đó hiểu Marx và Lenin (Cố Tổng thống Mỹ Ronald Wilson Reagan).

24). Chủ nghĩa cộng sản chỉ có thể thành công ở hai nơi: – Thiên đường, nơi mà không cần có nó. – Địa ngục, nơi mà nó đã có rồi. (Cố Tổng thống Mỹ Ronald Wilson Reagan).

25). Tôi có một câu hỏi cho các nhà lãnh đạo của các nước cộng sản: nếu chủ nghĩa cộng sản có tương lai, thì tại sao các ông phải xây những bức tường (điển hình là bức tường Berlin) để giữ mọi người lại, và dùng quân lực và cảnh sát chìm để bắt công dân của các nước ông im lặng (Cố Tổng thống Mỹ Ronald Wilson Reagan).

26). Chấm dứt chiến tranh không phải đơn thuần là chỉ rút quân về nhà là xong. Vì lẽ, cái giá phải trả cho hòa bình là hàng ngàn năm tăm tối cho các thế hệ Vietnam sinh về sau (Cố Tổng thống Mỹ Ronald Wilson Reagan).

27). Nếu Việt cộng thắng thì toàn thể Quốc gia Việt Nam sẽ bị tiêu diệt và sẽ biến thành một tỉnh nhỏ của Trung hoa cộng sản. Hơn nữa toàn dân Việt Nam sẽ mãi mãi sống dưới ách độc tài vong bản, vô gia đình, vô tổ quốc, vô tôn giáo của cộng sản Việt Nam (Cố Tổng thống Đệ nhất Việt Nam Cộng Hòa, Ngô Đình Diệm).

28). Đừng nghe những gì cộng sản nói, mà hãy nhìn kỹ những gì cộng sản làm! (Cố Tổng thống Đệ nhị Việt Nam Cộng Hòa, Nguyễn Văn Thiệu).

29). Đảng cộng sản Việt Nam đã hi sinh hơn 2 triệu cán binh của họ để biến toàn thể nước Việt Nam thành một nước cộng sản toàn trị. Nhưng cuối cùng họ lại dùng chủ nghĩa tư bản để làm giàu cho chính họ ! Vậy hơn 2 triệu người Việt Nam chết để làm gì? (Nhà văn Den-

nis Mark Prager, one of America 's most respected Radio Talk Show hosts).

30). Giải mã nhân vật Hồ Chí Minh chính là giải mã lịch sử bất hạnh của dân tộc Việt Nam. (Truth 23).

Ban Tuyển đọc Thư viện Tiểu Lùn

***Gửi đến các tù nhân chính trị của
mọi chế độ ở Việt Nam.***

***Để tưởng nhớ mẹ tôi và tất cả những
người mẹ Việt Nam đã chết khi chờ đợi
sự trở về trong vô vọng.***

GIỚI THIỆU

GIẢI PHÓNG BẢN THÂN KHỎI “GIẢI PHÓNG”

Lúc đó đã rất muộn. Trong một thời gian dài, tại khu rừng gần Sài Gòn này, chúng tôi trò chuyện trong bóng tối. Sư Thích Chơn Pháp nắm tay tôi và nói lời tạm biệt có lẽ là lời từ biệt :

– Nếu chúng ta không gặp lại nhau ở vùng đất tự do, Toại, chúng ta sẽ gặp nhau ở một thế giới khác.

Lúc đó là ngày 10 tháng 5 năm 1978.

Thích Chơn Pháp, người mà tôi quen biết khi bị giam cầm, đã rời bỏ chiếc áo cà sa màu nâu của các nhà sư Việt Nam. Ông đã quay lại với tên khai sinh của mình là Nguyễn Hữu Hiếu. Ông đã nói lời tạm biệt với các học trò của mình tại Học viện Phật giáo Vạn Hạnh. Ông đã trao cho một nhà văn cộng sản đến từ miền Bắc để bảo vệ tài sản trần thế duy nhất của mình, đó là sách vở. Bao gồm cả các tác phẩm của riêng ông – khoảng hai mươi cuốn sách dành riêng cho các triết gia phương Tây vĩ đại, từ Nietzsche đến Sartre, mà ông đã dịch sang tiếng Việt.

Ăn mặc như một người nông dân Việt Nam, Hiếu biến mất vào màn đêm. Ông ấy định gia nhập một trong những nhóm trên bờ biển mà báo chí Anh-Saxon gọi là những người lênh đênh trên

biển và chúng ta nên gọi họ là những kẻ tuyệt vọng trên biển. Bởi vì họ rời đi, thường là vào nửa đêm, cùng với con cái của họ, một đất nước mà họ yêu mến nhưng lại đến một nơi không xác định, tay không. Và không biết liệu họ có bao giờ đi đến đâu cả. Để đưa ra quyết định như vậy, mạo hiểm như vậy, bạn phải ở giai đoạn cuối của hy vọng.

Tôi trở về Sài Gòn, đổi tên thành Thành phố Hồ Chí Minh. Tôi đã may mắn hơn bạn Hiếu của tôi. Tôi có một tấm vé máy bay đi Pháp trong túi. Tôi đã có thể rời khỏi đất nước một cách hợp pháp sau hai mươi tám tháng ngồi tù. Hai ngày sau, tôi đã tới Paris.

Việc đầu tiên tôi làm khi đến Paris là tổ chức một cuộc họp báo để tiết lộ sự thật kinh hoàng mà cả thế giới chưa biết : sự tồn tại của 800.000 tù nhân trong

các trại tập trung và nhà tù của nước Việt Nam “dân chủ và xã hội chủ nghĩa” mới, ba năm sau ngày “giải phóng”. Con số này có vẻ quá lớn đến nỗi hầu hết các nhà báo đều đưa tin bằng ngôn ngữ thận trọng thể hiện sự nghi ngờ. Vào thời điểm đó, chính phủ Việt Nam miễn cưỡng thừa nhận chỉ có 50.000 người trong các trại “cải tạo” nơi các cựu quân nhân và công chức của chế độ cũ bị “tái chế”... Những người này, tình cờ thay, đã bị triệu tập ba năm trước đó để tham gia thời gian “cải tạo” là... một tháng.

Tuy nhiên, các nhà báo phương Tây vẫn bị ấn tượng bởi “Di chúc” của các tù nhân của chế độ mới mà tôi mang theo, được ký kết từ năm 1975 đến năm 1977 bởi 47 người bị giam giữ, tất cả đều là cựu đảng viên Đảng Cộng sản, cựu chiến binh Mặt trận Giải phóng miền

Nam hoặc những người từng là đối thủ nổi tiếng của chính quyền bù nhìn của các tướng lĩnh Sài Gòn.

Vào năm 1978, phe cánh tả phương Tây, mặc dù lo ngại về tình trạng di cư liên tục của người Việt Nam, vẫn còn ngần ngại thách thức chính quyền Hà Nội. Các nhà lãnh đạo của Cách mạng Việt Nam vẫn được hưởng lợi từ hào quang cách mạng đã làm cánh tả mù quáng trước tội ác của Stalin trong nhiều thập kỷ. Trong khi đó, bên phải, vốn không có lương tâm trong sáng, vẫn im lặng.

Trong mắt những người tiến bộ phương Tây, những người cộng sản Việt Nam là những anh hùng đã đánh bại nước Pháp trong ba mươi năm đấu tranh và buộc nước Mỹ hùng mạnh phải cúi đầu. Chúng là biểu tượng của cuộc đấu tranh chống thực dân và chống đế

quốc. Họ là những người bất khả xâm phạm.

Vì vậy, trong một thời gian dài, những người trong giới cánh tả phương Tây giả vờ coi những người tuyệt vọng đến bờ biển Thái Lan hoặc Malaysia là những người ủng hộ cuối cùng của chế độ cũ : những người tư sản giàu có bất ngờ trước chiến thắng chớp nhoáng của Cách mạng, hoặc những kẻ đầu cơ chiến tranh mà người Mỹ không kịp sơ tán trước khi Sài Gòn sụp đổ vào ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Đồng thời, những lời tường thuật và mô tả của họ về tình hình ở Việt Nam cũng vấp phải sự hoài nghi. Họ nói về một đất nước đang chết đói, nơi gạo ngày càng bị phân phối hạn chế, nơi thịt gần như biến mất, nơi người dân không còn tự do, nơi nhà tù và trại tập trung

quá tải, nơi các quan chức tham nhũng... Họ không được tin.

Có hai sự kiện đã phá vỡ âm mưu im lặng này vào cuối năm 1978.

Đầu tiên, vào tháng 11, một tàu chở hàng cũ mang tên Hai Hong đã cập cảng Eo biển Malacca, chở đầy hơn 2.500 người chạy trốn, ở mọi lứa tuổi và mọi tầng lớp xã hội. Hoảng sợ trước sự gia tăng đột ngột của làn sóng di cư của người Việt, chính quyền Malaysia đã cấm tàu chở hàng xuống bờ, đuổi tàu trở lại biển và thậm chí từ chối tiếp tế cho tàu. Báo chí quốc tế đã nhanh chóng đưa tin về hiện trường. Cảnh tượng của những con người bất hạnh này đã gây chấn động thế giới. Người dân Việt Nam đã di cư.

Hải Hồng đã tiết lộ quy mô của thảm kịch chỉ bằng một hình ảnh. Nó tiết lộ rằng, thay vì cạn kiệt, dòng người tị nạn vẫn tiếp tục tăng. Nó tiết lộ rằng việc từ chối chế độ mới không phải là hành động của một nhóm nhỏ những người trước đây được hưởng đặc quyền, mà là của tất cả các tầng lớp dân chúng.

Tiếng sét thứ hai xảy ra vào những ngày cuối tháng 12, khi quân đội Việt Nam xâm lược Campuchia. Chắc chắn, không ai trên thế giới dám bảo vệ chế độ Pol Pot đê tiện, một chế độ đã xây dựng chủ nghĩa xã hội thông qua các cuộc trục xuất và hành quyết hàng loạt kể từ năm 1975. Nhưng hành động chiếm đóng đầy ác ý của các sư đoàn thiết giáp Việt Nam tại một quốc gia láng giềng nhỏ bé lại gợi nhớ đến hành động chiếm đóng Tiệp Khắc mười năm trước đó của quân

đội Khối Hiệp ước Warsaw. Và trên hết, nó cho thấy một bộ mặt mới của chế độ Hà Nội, vốn ẩn giấu lâu nay sau những lời thể hữu nghị và lời hứa không can thiệp vào “hai dân tộc anh em” Khmer và Lào. Lào không còn nữa ngày hôm nay hơn là một nước bảo hộ của Việt Nam, và Campuchia cũng đang trên đường trở thành một nước như vậy.

Chính phủ Việt Nam có còn độc lập không? Sự phá sản kinh tế của chế độ, hệ thống cảnh sát tàn bạo, sự tham gia vào cuộc chiến chống du kích kéo dài nhiều năm ở Campuchia, tình trạng báo động thường trực ở biên giới Trung Quốc khiến Việt Nam ngày càng phụ thuộc vào viện trợ từ Moscow, buộc nước này phải hội nhập ngày càng nhiều vào khối Liên Xô mỗi năm.

Và trên hết, chế độ mới chưa bao giờ bị cô lập trên trường quốc tế như vậy.

Trong bốn năm, những người cộng sản Việt Nam đã gần như phung phí hết vốn liếng uy tín to lớn mà nhân dân Việt Nam đã gây dựng được trong ba mươi năm đấu tranh giành độc lập.

Ở Pháp, hầu hết các trí thức cánh tả, nhân danh chính những nguyên tắc mà họ bảo vệ bằng cách ủng hộ cuộc đấu tranh của Việt Nam chống lại chủ nghĩa đế quốc và chế độ độc tài, hiện đang yêu cầu các nhà lãnh đạo ở Hà Nội phải chịu trách nhiệm. Và chúng ta đã thấy hai đối thủ tư tưởng cũ, Jean-Paul Sartre và Raymond Aron, cùng nhau đi tìm Tổng thống nước Cộng hòa để yêu cầu hành động mạnh mẽ có lợi cho người tị nạn.

Ở Hoa Kỳ, nhận thức của giới trí thức đến muộn hơn nhưng lại gây sốc hơn nhiều. Vào tháng 6 năm 1979, Ủy ban Nhân đạo do Joan Baez làm chủ tịch đã công bố trên các tờ báo lớn của Mỹ “Thư ngỏ gửi Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” với nội dung : “Sự tàn ác, bạo lực và áp bức mà các thế lực nước ngoài đã thực hiện trong hơn một thế kỷ ở đất nước của các bạn vẫn tiếp diễn cho đến ngày nay, dưới chế độ hiện tại...” Bức thư có chữ ký của hàng chục nhân vật đã đấu tranh cho hòa bình tại Việt Nam vào thời điểm đó, chẳng hạn như Norman Cousins, Allen Ginsberg, Irving Horowitz hay I. F. Stone, Herbert Gold, James Michener, William Styron, Morris West.

Phía đối diện, một nhóm người hâm mộ cuồng nhiệt tụ tập xung quanh Jane Fonda đang phản công. Trong một bức

thư ngỏ gửi Joan Baez, được đăng ngay sau đó trên cùng tờ báo, nhóm này viết :

“Bằng chứng duy nhất mà ông đưa ra là lời khai của một người tên là Đoàn Văn Toại, một người cung cấp thông tin đáng ngờ, vì mối quan hệ của ông ta với chế độ Thiệu và với CIA của chúng ta. »

Chúng tôi xin giới thiệu như sau :

Bằng cách tiết lộ trong một năm, tại Pháp, Hoa Kỳ, Canada, Anh, Đức và Thụy Sĩ, sự tồn tại và thực tế của “Gulag” Việt Nam, bằng cách xuất bản cuốn sách này, tôi biết rõ mình đang phơi bày điều gì. Ngay từ tháng 8 năm 1978, chính quyền Hà Nội đã bắt đầu chiến dịch làm mất uy tín của tôi. Ông đặc biệt huy động Huỳnh Tấn Mẫm, chủ tịch Tổng hội Sinh viên Sài Gòn khi tôi là phó chủ tịch, để thực hiện nhiệm vụ này và chúng tôi đã cùng

nhau đấu tranh chống lại chính quyền bù nhìn ở Sài Gòn.

Tôi đã bị cáo buộc “biến thủ hàng triệu đồng” từ quỹ của Hội Sinh viên cũ... một hành vi bất thường, vì Hội chưa bao giờ có một xu dính túi. Nhân tiện, tôi sẽ là một “kẻ truy lạc”. Hơn nữa, tôi bị cáo buộc đã phá hoại các hoạt động của Hội sinh viên và cố gắng thành lập một chi nhánh của Liên đoàn sinh viên chống cộng sản Châu Á (tất nhiên là được CIA tài trợ). Cuối cùng và trên hết, tôi bị cáo buộc là làm việc cho cảnh sát mật của chế độ cũ và do đó phải chịu trách nhiệm về “sự mất tích bí ẩn” của nhiều sinh viên đối lập.

Kẻ tổng tiền, kẻ truy lạc, kẻ phản bội, kẻ chỉ điểm, điệp viên nước ngoài, nhiều lắm. Quá nhiều đối với một người đã trải qua nhiều tháng trong các nhà tù

của chế độ cũ, trước khi nếm trải chế độ mới trong hai mươi tám tháng. Trong suốt hai mươi tám tháng, tôi chưa bao giờ nghe thấy bất kỳ lời buộc tội nào nêu trên.

Thật đáng kinh ngạc khi tất cả những “tội ác” này đột nhiên bị phát hiện sau khi tôi đã đảm nhận việc vạch trần sự thật về hệ thống trại tập trung của Việt Nam. Trong khi đó, theo các tài liệu do đại sứ quán Việt Nam công bố, tôi “hoàn toàn mất uy tín trong phong trào sinh viên kể từ năm 1970”. Nếu chính quyền mới, và tôi ở vị trí biết rằng họ hiểu rõ về tôi, như chúng ta sẽ thấy, đã không tin tưởng tôi, tại sao sau khi “giải phóng”, họ lại chính thức đề nghị tôi tham gia Ủy ban Tài chính của chính phủ lâm thời ? Nếu họ có những cáo buộc nghiêm trọng như vậy đối với tôi trong hồ sơ,

tại sao họ lại thả tôi ? Khi có một mẫu tệ nạn của chế độ cũ, người ta không để nó lan tràn khắp thế giới, mà phải trưng bày nó trong một phiên tòa công khai để quần chúng được giác ngộ.

Tôi không muốn làm người cáo buộc tôi hôm nay phải chịu đựng nhiều hơn, Huỳnh Tấn Mẫm, người gần như là anh em của tôi. Tôi thương hại anh ấy. Hiện nay anh là đại biểu quốc hội và chủ tịch Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh. Đảng viên. Anh ấy không được tự do. Vì tôi đã trở thành kẻ thù cần phải tiêu diệt trong mắt Đảng, nên Đảng phải tấn công tôi, và mọi biện pháp đều tốt. Nếu không, chính ông cũng sẽ bị nghi ngờ.

Họ sẽ bịa ra những “bằng chứng” cần thiết để chống lại tôi, họ sẽ tìm ra những “nhân chứng” cần thiết.

Trong một năm, các quan chức Việt Nam đã biết rằng cuốn sách này sẽ được xuất bản. Có lẽ họ thậm chí còn biết những chương đầu tiên. Vào tháng 9 năm 1978, 110 trang đầu tiên của bản thảo đã biến mất khỏi nhà người bạn Michel Voirol, người đã biên tập câu chuyện này. Ngay sau khi được công bố, họ chắc chắn sẽ huy động những người ủng hộ còn lại, những người ngày càng trở nên hiếm hoi, để cố gắng phản công.

Những người quen thuộc với các phương pháp của Stalin (và Đảng Cộng sản Việt Nam không phát minh ra phương pháp nào khác) sẽ không ngạc nhiên. Phủ nhận sự thật, bôi nhọ những người tiết lộ sự thật, bịa đặt “bằng chứng” với “nhân chứng” do cảnh sát kiểm soát là những thủ tục đã quá quen thuộc ngày nay đến nỗi không cần phải giải

thích nữa. Trong “căn phòng tối” chính là Việt Nam ngày nay, nơi không ai được đảm bảo về quyền tự do, nơi không ai được lên tiếng, nơi không ai được quan sát độc lập điều tra, bất cứ điều gì cũng có thể được làm, được nói và được khiến phải nói ra.

Bất kỳ ai là người đầu tiên vạch trần mặt trái đáng xấu hổ, ẩn giấu của một chế độ đã mang lại hy vọng cho cả một dân tộc và những người tiến bộ trên toàn thế giới đều dễ bị tổn thương ở mọi phía. Đặc biệt là nếu bản thân ông ta là người ủng hộ Cách mạng, giống như trường hợp của tôi.

Phe cánh hữu, những người dự đoán sẽ có cảnh khốn khổ và chế độ nô lệ nếu những người cộng sản lên nắm quyền, đã chiến thắng : “Chúng tôi đã nói với các người như vậy.” Vậy mà bạn

lại giúp họ ! Đã đến lúc bạn phải phàn nàn rồi. «Đúng vậy. Có cần phải giữ im lặng không ? Hôm nay tôi cũng chẳng còn hoài niệm gì về chế độ nô lệ mà người Việt Nam đã lật đổ vào tháng 4 năm 1975.

Phe cánh tả, một bộ phận nhất định của phe cánh tả, không muốn từ bỏ những phản xạ cổ điển của mình : “Bằng cách lên án những điểm yếu của chế độ xã hội chủ nghĩa, bạn củng cố phe phản động. Vì vậy, bạn phản bội lý tưởng của mình. “Chúng ta đã nghe lập luận khủng khiếp này trong nửa thế kỷ, mà nhân danh đó, hàng triệu nạn nhân đã được phép chết mà không một lời nào, đặc biệt là ở Liên Xô.

Cũng có những người hoài nghi, những người hoài nghi lạnh lùng, trong số đó có nhiều người là nhà báo, nhưng

họ có vai trò là những người hoài nghi khi nói rằng : “800.000 người bị giam giữ ở Nam Việt Nam ! Trong số 20 triệu dân ! Bạn có nhận ra con số khổng lồ mà bạn đưa ra không ? Và bạn là người duy nhất chỉ ra điều đó ?”

Một năm trước, đúng là tôi là người duy nhất. Vì một lý do rất đơn giản. Nguyên nhân là vì trong số vô số người Việt Nam đã trốn chạy khỏi quê hương kể từ năm 1975, rất ít người có kinh nghiệm cá nhân và lâu dài về các trại giam và nhà tù của chế độ mới. Các tù nhân, người bị giam giữ từ cái gọi là “trại cải tạo” chỉ được thả theo từng đợt nhỏ. Và những người rời khỏi “gulag” hầu như không có cơ hội rời khỏi đất nước. Còn những người ra đi, dù hợp pháp hay bất hợp pháp, hay sau khi đã mua sự đồng lõa của một cán bộ (giám đốc điều hành)

với giá cao, họ đều không muốn nói. Bởi vì tất cả bọn họ, không có ngoại lệ, đều bỏ lại người thân, bạn bè, tù nhân mà họ có thể trả thù. Những biện pháp trả đũa này bao gồm từ việc bỏ tù đến việc thu hồi thẻ thực phẩm, bao gồm cả việc trục xuất đến những nơi được gọi một cách khiêm tốn là “khu kinh tế mới” : những vùng đất hoang vu và căn cỗi, nơi hàng trăm nghìn cư dân thành phố bị kết án tử hình từ từ.

Cái chết chậm rãi. Đây là phương pháp mà chính phủ Việt Nam sử dụng để đồng hóa miền Nam Việt Nam. Tất cả các cán bộ của chế độ cũ, chính trị, quân sự, hành chính, đã bị nhốt trong bốn năm trong các trại “cải tạo” nơi họ được cho là phải ở trong một tháng khi họ được triệu tập để trình diện vào tháng 5 năm 1975. Tất cả các nhà lãnh đạo chính

trị, trí thức, tôn giáo đã không hoàn toàn trung thành và toàn bộ thành viên trong chế độ mới đều bị bỏ tù hoặc bị vô hiệu hóa. Toàn bộ dân số luôn được giám sát, từng huyện, từng làng. Ngoài giờ học, trẻ em và thanh thiếu niên được tuyển dụng vào các tổ chức thanh thiếu niên, thanh niên vào quân đội. Sau giờ làm việc, người lớn phải tham dự hàng loạt cuộc họp. Không còn sự riêng tư nữa. Ngay cả trong gia đình, mọi người cũng cẩn thận trong lời nói, vì sợ trẻ em có thể vô tình nói với giáo viên điều gì đó nguy hiểm.

Việt Nam mới là một nhà tù khổng lồ, bên trong có một “Gulag” không hề thua kém nhà tù mà Alexander Solzhenitsyn mô tả.

Tôi cũng giống như những nhà trí thức cánh tả phương Tây, phải mất một

thời gian dài mới mở mắt ra được. Tôi cũng tin vào chương trình của Mặt trận Giải phóng Dân tộc : một miền Nam Việt Nam độc lập, trung lập và dân chủ, có quan hệ hữu nghị với miền Bắc, nhưng sẽ đi theo con đường riêng của mình. Tôi cũng tin vào những lời hứa long trọng được Hà Nội lặp lại hàng trăm lần và đảm bảo : chế độ mới sẽ thực hiện chính sách hòa giải và hòa hợp, sự đa dạng về ý kiến sẽ được tôn trọng, hệ thống kinh tế sẽ không bị phá vỡ.

Phần lớn người dân miền Nam Việt Nam, mệt mỏi vì chiến tranh, chán ghét chế độ cũ nhưng không ủng hộ nhà nước cộng sản, đều đồng ý với chương trình này. Trong giới trí thức, nhiều người thậm chí còn mơ về một “mô hình” chủ nghĩa xã hội của Việt Nam. Họ tin rằng qua nhiều năm, Nam Việt Nam sẽ xã hội

hóa và Bắc Việt Nam sẽ tự do hóa. Qua sự tác động qua lại, chúng ta sẽ đạt được sự tổng hợp lý tưởng mà những người của “Mùa xuân Praha” muốn đạt được, quá sớm và quá gần với Liên Xô. Sau đó, sự thống nhất của hai miền Việt Nam sẽ bắt đầu và «chủ nghĩa xã hội mang bộ mặt nhân văn» sẽ được thiết lập. Sau ảo tưởng của Liên Xô, Trung Quốc, Cuba và Tiệp Khắc, chủ nghĩa không tưởng đã tái sinh ở Việt Nam.

Ngay từ ngày 15 tháng 5 năm 1975, trong cuộc biểu tình công khai đầu tiên được tổ chức sau khi chế độ Thiệu sụp đổ, các nhà báo phương Tây vẫn có mặt tại Sài Gòn đã ghi nhận rằng người dân. Các hoạt động của FNL và GRP đã bị đẩy lùi vào dĩ vãng. Trong những tuần tiếp theo, cán bộ Mặt trận và của Chính phủ Cách mạng Lâm thời dần dần được

“lãnh đạo” bởi những đảng viên từ Hà Nội. Sáu tháng sau ngày “giải phóng”, GRP không còn đại diện cho bất cứ điều gì nữa. Vào mùa xuân năm 1976, một đại hội do Đảng Cộng sản Bắc Việt kiểm soát đã quyết định (tất nhiên là nhất trí) thống nhất hai miền Nam Bắc. Và vài ngày trước lễ kỷ niệm một năm ngày Sài Gòn (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) thất thủ, người dân được mời phê chuẩn quyết định này bằng cách bầu đại biểu cho một quốc hội Việt Nam duy nhất. Trong chính quyền Hà Nội, được cải tổ nhân dịp này, các thành viên của GRP đã giành được hai hoặc ba ghế. Trong chính quyền thực sự của đất nước, Bộ Chính trị của Đảng Cộng sản, Nam Việt Nam vẫn tiếp tục được đại diện bởi tổng cộng một thành viên trong số 17 người. Tất nhiên, từ lâu không còn vấn đề gì về

các đảng phái chính trị hay các tờ báo độc lập.

Miền Nam Việt Nam “trung lập, độc lập và dân chủ” theo chương trình của Mặt trận Giải phóng đã đến hồi kết.

Trong khi đó, tất cả các viên chức nhà nước và quân nhân của chế độ cũ (đại diện cho hơn một triệu người) đã được “mời” đến trình diện với chính quyền mới và tham gia một khóa “cải tạo”. Khóa đào tạo này kéo dài từ ba ngày đến một tháng, tùy theo cấp bậc.

Một năm sau ngày “giải phóng”, ngoài những viên chức hạng tư và những người lính thường thuộc các đơn vị không chiến đấu, những người dân bị cuốn vào cuộc truy quét khổng lồ và giả tạo này vẫn chưa trở về nhà.

Cùng lúc đó, các nhà tù đã giam giữ hàng ngàn “nghị phạm” tuần này qua tuần khác. Trong số đó, tất nhiên có một số kẻ trục lợi từ chế độ cũ, mặc dù những kẻ chủ chốt đã chạy ra nước ngoài từ lâu. Nhưng phần lớn nhóm này là những người “có tội” vì muốn rời khỏi đất nước “bất hợp pháp” và bị bắt quả tang [1], là nạn nhân của những lời tố cáo từ “nhân dân”. Ai là ai ?

1. Cho đến nay, chính phủ Việt Nam, giống như các nước cộng sản khác, vẫn chưa giải thích được tại sao việc xuất cảnh là “bất hợp pháp”. Quan niệm này hoàn toàn trái ngược với Điều 13 của Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền, trong đó nêu rõ : “Mọi người đều có quyền rời khỏi bất kỳ quốc gia nào, kể cả quốc gia của mình, và quyền trở về quốc gia của mình”. “mọi người” ? Ai mà biết được !

Hơn nữa, các nhà tù ngày càng chứa đầy những cựu thành viên đối lập với chính quyền Thiệu, cựu chiến binh hoặc nhà hoạt động FNL, thậm chí cả cựu đảng viên Đảng Cộng sản : bất kỳ ai không hoàn toàn đồng tình với lập trường của Đảng đều bị nghi ngờ và do đó có thể bị bỏ tù.

Đối với những công dân Việt Nam «tự do», họ nhanh chóng hiểu được số phận hàng ngày của mình sẽ như thế nào : số phận của cả một dân tộc bị những cán bộ cấp cao, những đảng viên miền Bắc coi là nghi phạm.

Một mạng lưới chặt chẽ các thị trấn và làng mạc, nơi các đảng viên kiểm soát chặt chẽ, từng nhà, cuộc sống riêng tư của mỗi người. Các cuộc họp bắt buộc, “tiểu sử” được viết đi viết lại hàng chục lần, hoạt động huy động “tự nguyện”

trong các tổ chức chuyên môn (trẻ em, thanh thiếu niên, phụ nữ, người lớn, v.v.) chiếm hết thời gian rảnh rỗi. Nghĩa vụ báo cáo mọi chuyển động ra khỏi nhà và thông báo về nơi ở của bất kỳ người nào đến từ bên ngoài thực tế cấm một người sống theo ý mình.

Chế độ phân phối trở nên chặt chẽ hơn theo từng tháng : khẩu phần gạo cho mỗi người, được ấn định ở mức 9 kg/người/tháng vào tháng 5 năm 1975, đã giảm xuống còn 3 kg hai năm sau đó. Khẩu phần thịt (nửa ký/người/tháng) hoàn toàn chỉ là lý thuyết, vì không thể tìm thấy thịt hay cá nữa, ngoại trừ trên chợ đen, nơi buộc người dân phải bán cho “các lãnh chúa mới” những hàng hóa có được từ thời “bù nhìn Mỹ”. Tại sao lại xảy ra tình trạng thiếu hụt này ở một quốc gia xuất khẩu gạo vốn có

khả năng nuôi sống dân chúng trong thời bình ? Bởi vì nông dân phải chịu sự cưỡng bức giao hàng với mức giá không có lợi nhuận do chính phủ áp đặt, không còn làm việc gì khác ngoài việc tự nuôi sống bản thân. Những bài học từ Đông Âu không có tác dụng gì.

Tệ hơn nữa, những cư dân thành phố thuộc “gia đình đáng ngờ” (chỉ cần có người thân trong tù hoặc trong trại cải tạo, nghĩa là có tới hàng triệu người đang trong tình trạng này) sẽ bị thu hồi thẻ thực phẩm. Sau khi bán hết mọi thứ mình sở hữu, giải pháp duy nhất là rời đi đến “khu kinh tế mới”. Về mặt chính thức, các khu vực này có mục đích giải quyết tình trạng dân số trong các thành phố không có tài nguyên và việc làm. Khi nói đến việc gửi những người nông dân đã chạy trốn chiến tranh trở về làng

của họ và đã trở thành những người dân khu ổ chuột khỏa thân, chúng ta chỉ có thể đồng ý. Nhưng các khu kinh tế mới lại là vấn đề hoàn toàn khác. Hàng trăm ngàn cư dân thành phố không biết gì về nông nghiệp bị đưa đến những vùng đất hoang vu hoặc không lành mạnh, nơi những người bị di dời này chết dần chết mòn. Mục đích thực sự của chiến dịch này, được đưa ra như một cách để quảng bá đất nước, là dần dần tiêu diệt những người dân bị nghi ngờ có hành vi chống đối chế độ mới.

Để giải thích cuộc cách mạng thâm lặng đang diễn ra ở Việt Nam, chúng ta cũng nên nói về quá trình «xã hội hóa» kinh tế điên cuồng. Chính sách của chế độ mới, trong số những hậu quả khác, đã bóp nghẹt một số doanh nghiệp công nghiệp còn sót lại từ thời Pháp (đồn

điền, ngân hàng, nhà máy bia, v.v.) và ngăn cản sự phát triển của những doanh nghiệp đã bắt đầu từ thời Mỹ. Các nhà máy Việt Nam có thể giúp nền công nghiệp Việt Nam cất cánh hiện đang được điều hành bởi những người kém năng lực. Thẻ đảng của họ được kiểm tra trước khi xem xét năng lực điều hành doanh nghiệp của họ. Những giám đốc điều hành có năng lực hoặc đang ở trong tù hoặc lưu vong. Vô số người Việt Nam có thể làm việc trong các ngành công nghiệp chính xác, nơi họ có năng khiếu, lại bị đưa vào trại tập trung hoặc bị bắt làm những công việc cơ bản. Việc trục xuất người Hoa, những người Việt gốc Hoa, những người thúc đẩy hoạt động thương mại và xuất nhập khẩu, chỉ làm cho cuộc khủng hoảng trở nên trầm trọng hơn.

Khi ông Võ Văn Sung, đại sứ Việt

Nam tại Pháp, tuyên bố hôm nay rằng Việt Nam là “một trong hai mươi quốc gia nghèo nhất thế giới”, đây quả là một lời thừa nhận ! Bởi vì vào năm 1975, khi chiến tranh kết thúc; Đất nước không thiếu tài sản. Đúng là hàng tỷ đô la mà Hoa Kỳ đã đổ ra trong nhiều năm đã tạo ra một sự thịnh vượng hoàn toàn giả tạo và thậm chí không lành mạnh, tạo ra thói quen tiêu dùng không tương ứng với sự giàu có thực sự của đất nước. Cần phải quay lại lối sống khắc khổ hơn : người Việt Nam hiểu và chấp nhận điều này. Nhưng họ không hiểu tại sao Việt Nam không còn hòa bình nữa.

1. Phỏng vấn ông Võ Văn Sung trên R.T.L., ngày 13 tháng 7 năm 1979.

Ngày nay để nuôi sống dân chúng, tại sao sản lượng lúa gạo của nước này còn thấp hơn cả thời chiến ! Họ cũng

không hiểu tại sao nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa lại không có khả năng khai thác một cách thông minh một số “di sản” tích cực của thời kỳ Mỹ : máy móc, đường sá, cảng biển, sân bay và trên hết là hàng chục ngàn chuyên gia được đào tạo các kỹ thuật hiện đại nhất. Trong tay Đảng Cộng sản, thủ đô này vẫn vô sinh, nếu không muốn nói là hoàn toàn tan chảy.

Sau bốn năm năm quyền không bị thách thức và chống đối, Đảng Cộng sản Việt Nam chỉ có thể trình bày thành tích thất bại trên mọi lĩnh vực. Và sự thất bại này hoàn toàn là trách nhiệm của chính họ.

Trong nhiều thập kỷ, Đảng Cộng sản Việt Nam hoạt động dựa trên khát vọng độc lập của nhân dân Việt Nam, dựa trên làn sóng dân tộc chủ nghĩa mà Đảng biết

cách sử dụng một cách đáng ngưỡng mộ. Chính sức mạnh này đã giúp ông đánh bại quân Pháp, buộc quân Mỹ phải đầu hàng và cuối cùng là quét sạch quyền lực đã mất uy tín còn tồn tại ở Sài Gòn.

Sự quyết tâm của Hồ Chí Minh và những người đồng chí, lòng dũng cảm của những người chiến đấu, từ lâu đã che giấu bản chất thô sơ trong tư duy của những người cộng sản Việt Nam, sự ngu dốt ngạo mạn của cán bộ đảng, bản chất độc tài, kiểu Stalin của các phương pháp cai trị.

Chừng nào chiến tranh còn kéo dài, huyền thoại này vẫn còn nguyên vẹn. Sau chiến thắng, những khiếm khuyết của Đảng đã trở nên rõ ràng. Những người cộng sản biết cách giành chiến thắng trong chiến tranh; đó là điều duy nhất họ biết làm. Họ không có khả năng

giành được hòa bình, không thể mang lại cho người dân Việt Nam một chế độ dễ chịu.

Cuộc di cư hàng loạt của người Việt Nam là cú tát mạnh nhất mà một dân tộc từng giáng vào những nhà lãnh đạo của mình. Ngay cả cuộc di cư của hàng triệu người Đông Đức sang Cộng hòa Liên bang trước khi “bức tường” được xây dựng cũng ít thuyết phục hơn, vì họ rời bỏ nước Đức này để đến nước Đức khác. Về phần mình, người Việt Nam rời bỏ đất nước để lưu vong, và thường là để chết. Họ biết rằng nếu ném mình xuống biển trên những chiếc thùng cũ kỹ mà hầu như không có nhiên liệu hay thức ăn, họ chỉ có hai phần ba cơ hội sống sót để đến được nơi nào đó. Và sau khi đến “nơi nào đó”, nếu chúng ta để chúng xuống, chúng sẽ nằm đó trong nhiều

tháng, thậm chí nhiều năm.

Ở trong những trại tị nạn khổ khổ, trong cảnh bần cùng hoàn toàn. Ở đó, họ sẽ chờ đợi một thị thực giả định đến Pháp, Hoa Kỳ hoặc Úc, nơi mà trong mọi trường hợp, họ sẽ bị nhổ tận gốc, ngay từ đầu đã phải chịu số phận phải sống sót qua những công việc vô ơn nhất.

Họ biết tất cả những điều này, nhưng họ vẫn chấp nhận. Bởi vì họ không thể chịu đựng được việc sống trên chính đất nước của mình, dưới sự cai trị hoàn toàn của người Việt Nam đầu tiên mà đất nước này biết đến trong một thế kỷ...

Khi chúng ta biết người Việt Nam gắn bó sâu sắc với đất nước, quê hương, ngôi mộ của tổ tiên và gia đình họ như thế nào, chúng ta có thể thấy được sự

tuyệt vọng mà họ phải trải qua để đạt đến được thành quả này.

Của sự tuyệt vọng, và đồng thời của ý chí sống.

Người Việt Nam một lần nữa lại khiến thế giới kinh ngạc. Cuộc di cư là một hành động chính trị, một phong trào phản kháng của người dân, là giai đoạn đầu tiên của một cuộc chiến tranh mới. Đó là sự lên án rõ ràng một chế độ không thể chấp nhận được, cuộc nổi loạn của những người dân bị lừa dối, những người đã rơi vào bẫy và từ chối từ chức. Bằng cách gieo mình xuống biển, những người này đã gây ra một vụ bê bối, kêu gọi toàn thế giới chứng kiến, giống như các nhà sư tự thiêu.

Liệu Việt Nam có phải là chế độ cộng sản đầu tiên bị lật đổ bởi sự phản

đối của người dân ? Câu hỏi này hiện đang được đặt ra. Pascal nói rằng tôi chỉ tin vào những câu chuyện có nhân chứng sẽ bị cắt cổ. Vào thời điểm cuốn sách này được xuất bản, một triệu nhân chứng đã liều mạng sống để trốn thoát khỏi «Gulag» của Việt Nam. Tôi chỉ là một trong số họ.

ĐOÀN VĂN TOẠI

Tháng 7 năm 1979

1

TÊN ANH LÀ TOẠI ?

Vào tối ngày 22 tháng 6 năm 1975, chưa đầy hai tháng sau khi miền Nam Việt Nam, Thiệu và Hoa Kỳ sụp đổ, một sự kiện nghệ thuật đã diễn ra tại Thành phố Hồ Chí Minh, trước đây là Sài Gòn.

Vào lúc 8 giờ, Dàn nhạc Quốc gia Việt Nam từ Hà Nội đã có buổi hòa nhạc tại Nhà hát Lớn, nơi một lần nữa trở thành phòng biểu diễn sau nhiều năm là

trụ sở của quốc hội chế độ cũ.

Trong một tuần nay, không thể nào tìm được chỗ ở. Đã lâu lắm rồi thủ đô miền Nam mới được nghe một buổi hòa nhạc giao hưởng. Tôi, năm nay ba mươi tuổi, chỉ từng nghe những dàn nhạc rẻ tiền bắt chước nhạc pop Mỹ với rất nhiều đàn ghi-ta điện và những bài hát ngọt ngào có lời bài hát sến súa một cách kinh khủng. Còn âm nhạc truyền thống Việt Nam thì đã bị chiến tranh giết chết.

Nhờ một số người bạn cộng sản, tối hôm đó tôi được ngồi ở Nhà hát lớn. Có thể nói Dàn nhạc giao hưởng Việt Nam không phải là Dàn nhạc giao hưởng Berlin. Nhưng đây là lần đầu tiên trong đời tôi được chứng kiến và nghe một nhóm nhạc sĩ chuyên nghiệp gồm khoảng một trăm người chơi nhạc, và tôi thực sự ngạc nhiên. Sự bình yên, thú mà tôi chưa từng

biết đến, là một trong những điều xa xỉ mà nó có thể mang lại cho bạn....

Dàn nhạc vừa hoàn thành bản concerto của Beethoven. Tôi đang bơi trong hạnh phúc. Người dẫn chương trình sẽ giới thiệu vở ballet sẽ diễn ra sau đó vài phút. Đó là lúc tôi nhận ra,

Ở cuối hàng tôi ngồi là vòng xoay ngựa gỗ gồm bốn bộ đội, bốn người lính mặc quân phục màu xanh lá cây.

Ngay từ đầu giờ nghỉ giải lao, họ đã lần lượt loại bỏ những người đàn ông ngồi trước tôi ra khỏi hàng. Giữ ! Họ đang tìm kiếm ai đó. Đến lượt tôi, tôi được mời đến tiền sảnh của nhà hát. Tôi cảm thấy tò mò nhưng vẫn hoàn toàn bình tĩnh.

Có khoảng mười người đàn ông

đang đợi ở tiền sảnh, tất cả đều là người Bắc Việt Nam, xét theo giọng nói của họ. Một trong số họ, rất trẻ, chắc chắn không quá mười tám tuổi, gọi tôi bằng giọng khô khốc :

– Tên anh là Toại phải không ?

Tôi trả lời là có và sắp hỏi thêm «tại sao ?» «Tôi thậm chí còn không có thời gian. Tên nhóc bộ đội lao vào tôi, tát tôi một cách dữ dội. Một trong những đồng chí của hắn giữ hắn lại, chúng bao vây tôi, chúng đẩy tôi về phía văn phòng quản lý, ở tầng một.

Tôi nhớ mình đã chạy lên chính những bậc thang đó cách đây năm năm, khi chúng tôi cùng với vài trăm thành viên của Liên đoàn Sinh viên chiếm đóng Quốc hội để đòi trả tự do cho những đồng chí bị cầm tù. Điều này khiến tôi

lần đầu tiên ở trong nhà tù của cựu tổng thống Thiệu.

Những người cộng sản, FNL, biết rõ vai trò của tôi là người đứng đầu phe đối lập của sinh viên dưới chế độ cũ. Mặc dù tôi chưa bao giờ chính thức gia nhập tổ chức của họ, nhưng tôi luôn là đồng minh của họ. Họ có thể muốn gì ở tôi ?

Tôi được đưa vào một văn phòng nơi một trung úy quân đội Bắc Việt đang đợi. Trong khi lính của ông giữ tôi lại, ông nhìn chăm chăm vào tôi, đánh giá tôi rồi hỏi :

– Ông có phải là Ngô Vương Toại không ?

Tâm trí tôi đột nhiên trở nên sáng suốt. Khoảng mười năm trước, Ngô Vương Toại là chủ tịch của một tổ chức

sinh viên chống cộng nhỏ, chịu sự điều khiển của chính quyền bù nhìn, tầng lớp trung lưu thượng lưu Sài Gòn và có thể cả người Mỹ. Các tờ rơi đưa tin rằng Mặt trận Giải phóng Dân tộc (FNL) đã kết án tử hình ông. Thực tế, năm 1966, lệnh đã được thực hiện : Ngô Vương Toại bị thương nặng ở bụng trong một cuộc tấn công. Nhưng ông đã sống sót. Sau đó, ông đã dừng mọi hoạt động trong giới sinh viên, nơi ông bị mất uy tín. Ông ấy tiếp tục làm việc cho chính phủ, tại Bộ Thông tin, trong những văn phòng được bảo vệ nghiêm ngặt.

Rõ ràng đây là một sự hiểu lầm, tôi đã bị nhầm lẫn với ông ấy.

Tên tôi là Đoàn Văn Toại. Tôi không có điểm gì chung với Toại kia cả. Tôi là phó chủ tịch Hội sinh viên Sài Gòn. Tôi đã chiến đấu chống lại chính

quyền bù nhìn. Tôi đã làm việc cho Mặt trận. Tôi đã vào tù nhiều lần vì chuyện này. Hiện nay, tôi làm việc tại Ủy ban Tài chính GRP. Bạn có thể kiểm tra với Đại tá Nguyễn Ngọc Hiến của Hội Trí thức Yêu nước...

Tôi rất tự hào khi liệt kê các chức danh và hồ sơ phục vụ của mình. Tôi mong đợi một lời xin lỗi. Mặc dù thất vọng với những tuần đầu tiên của chế độ mới, tôi vẫn không thể tưởng tượng được chế độ này mù quáng, bè phái và quan liêu đến mức nào.

Trung úy bối rối. Anh được giao nhiệm vụ bắt giữ một Toại mà anh không quen biết, người được cho là sẽ có mặt tại buổi hòa nhạc tối nay. Giả sử rằng Toại mang nhãn hiệu kia vẫn còn ở Việt Nam (điều này khó có thể xảy ra), thì thật khó để tưởng tượng ông ta

sẽ phơi bày bản thân trước công chúng như thế này...

Nhưng mặt khác, tại sao anh ta lại được giao nhiệm vụ nghiên cứu ngay tại hàng ghế mà tôi đang ngồi ?

Lỗi ? Hiểu lầm à ? Hoàn cảnh này cho thấy có thể đây là một lời tố cáo ẩn danh từ một người tin vào sự hiện diện của Ngô Vương Toại tại Nhà hát Lớn tối hôm đó, hoặc từ một người đã gian trá lợi dụng sự đồng âm giữa hai cựu lãnh đạo sinh viên để gây rắc rối cho tôi.

Có lỗi hoặc hiểu lầm gì không ? Tôi đã tự hỏi mình câu hỏi này hàng ngàn lần kể từ ngày 22 tháng 6 năm 1975, mà không bao giờ tìm thấy câu trả lời thỏa đáng. Nhưng đó là một câu hỏi thuần túy

1. Tôi gặp Ngô Vương Toại vào tháng 1 năm 1979 tại Hoa Kỳ, nơi ông bị nạn trong thời gian chế độ Nam Việt Nam sụp đổ. Hiện ông là chủ tịch của Hiệp hội đấu tranh vì sự tôn trọng nhân quyền tại Việt Nam. Với tư cách này, ông đã tổ chức một số cuộc họp của tôi với cộng đồng người Việt tại Mỹ. Vào năm 1966, tôi thấy việc FNL tìm cách «thanh trừng» kẻ đầy tớ của chủ nghĩa đế quốc nước ngoài này là điều bình thường. Trớ trêu thay, chính tôi là người đã chuộc tội trong nhà tù của chế độ, và ngày nay chúng tôi lại đang chiến đấu trong trận chiến tương tự...

Sự tình cờ, một sự thay đổi bất ngờ của số phận sẽ là điều quá bất thường.

Đối với viên trung úy, tôi đã thực hiện quá tốt, hoặc không đủ tệ, những mệnh lệnh mà anh ta nhận được nên

không bị nghi ngờ. Ông ấy đã chuyển vấn đề này lên cấp độ tiếp theo. Phản ứng giống như tất cả cảnh sát trên thế giới trong những trường hợp này : «Bạn có một Toại và anh ta nói rằng anh ta không phải là người phù hợp ? Hãy mang anh ta vào, chúng tôi sẽ kiểm tra.»

Cảnh sát không thích «xử lý» «nghi phạm» vào ban ngày. Dù họ thuộc chế độ cánh hữu hay cánh tả, họ đều đưa con mỗi về hang ổ của mình, khuất mắt. Và khi bạn đã ở trong những bức tường của họ vài giờ, khuôn mặt bạn đã hằn lên sự mệt mỏi và lo lắng, chiếc áo sơ mi nhăn nhúm, bộ râu thô ráp... Khi bạn phải xin phép để đi vệ sinh, khi bạn đói và lo lắng («mẹ tôi, vợ tôi, các con tôi đang tự hỏi chuyện gì đã xảy ra với tôi»), khi bạn nhận ra rằng mình đã bị cắt đứt khỏi thế giới, bạn sẽ nhanh chóng trông

giống như một nghi phạm, bạn nhanh chóng có vẻ ngoài của một người có tội...

Ngồi ở ghế sau xe Honda của một cảnh sát, được hộ tống bởi hai xe máy khác, tôi đã đến được trụ sở cảnh sát trên đường Trần Hưng Đạo. Tôi hoàn toàn đồng ý, tin chắc rằng «sự hiểu lầm» sẽ nhanh chóng được giải quyết. Tôi đã đọc tập đầu tiên của tác phẩm The Gulag của Alexander Solzhenitsyn, được xuất bản bằng tiếng Việt. Nhưng tôi không thể tưởng tượng được rằng hệ thống này đã có hiệu quả ở Việt Nam.

Tại trụ sở cảnh sát, trong lúc tôi đợi ở lối vào, vẫn đang bị ba hoặc bốn cảnh sát theo dõi, tôi nghe từ xa tiếng viên trung úy đã bắt tôi nói chuyện với viên cảnh sát đang làm nhiệm vụ, chắc hẳn là đang giải thích về sự kỳ lạ của vụ án. Người đầu tiên cố gắng chuyển một tù

nhân công kênh cho người thứ hai. Có thể đây không phải là Toại mà anh được giao nhiệm vụ ngăn chặn, nhưng để phòng... Anh muốn được bảo vệ. Người kia rõ ràng phản đối : «Tôi không muốn gặp rắc rối...» Sau đó, viên trung úy nói, «Nhưng nếu cuộc điều tra tiết lộ rằng... Anh sẽ gặp nhiều rắc rối hơn vì đã từ chối giam giữ anh ta...» Cuộc thảo luận kéo dài rất lâu. Bây giờ đã hơn 11 giờ rồi. Chúng ta không thể làm phiên cấp trên để giải quyết cuộc tranh luận nữa. Vì vậy, điều tốt nhất là giữ mình ở nơi an toàn trong khi chờ đợi quyết định từ cấp trên.

Đây là cách tôi bị đẩy ra trước mặt cảnh sát đang làm nhiệm vụ.

– Anh có phải là Đoàn Văn Toại không ? Anh ấy hỏi, tay cầm bút chì.

Đúng vậy, Đoàn Văn Toại chứ không phải Ngô Vương Toại, người mà viên trung úy ở đây được giao nhiệm vụ bắt giữ. Và tôi phản đối... Viên cảnh sát đang làm nhiệm vụ ra hiệu cắt ngang lời phản đối của tôi :

– Mọi chuyện sẽ được làm sáng tỏ. Trong khi đó, anh đã bị bắt giữ.

Bắt giữ ? Nhưng điều đó vô lý ! Tôi không phải là Ngô Vương Toại, người đồng lõa với chính quyền cũ. Tôi là một lãnh đạo của phe đối lập sinh viên và tôi đã phải ngồi tù nhiều tháng ! Điều này có nghĩa là gì ? Điều này là không thể chấp nhận được !

Tôi bắt đầu hét lên. Viên sĩ quan lo lắng gõ nhẹ vào chiếc bàn gỗ nơi anh đang ngồi. Tôi lại lớn tiếng :

– Lầm ? Dừng tôi lại ! Và nhờ vào việc gì ? Tôi có gì ?

Viên sĩ quan, cho đến lúc đó chỉ liếc nhìn tôi một cách lén lút, nhìn tôi một cách ngắn gọn và rõ ràng hơn :

– Anh bị cáo buộc có hành vi đáng ngờ.

Tôi ? Hoạt động đáng ngờ ? Những hoạt động đáng ngờ nào ? Và ai đã tố cáo tôi ? Tôi yêu cầu được đối chất với kẻ nói dối này !

Tôi hét lên, tôi nổi giận, nhưng số phận của tôi đã được định đoạt, tôi cảm nhận được điều đó. Với tên thuộc hạ này, kẻ sợ thả một tên có thể là thủ phạm hơn là bắt giữ một người vô tội, thì không có lý do gì để thảo luận. Tôi sẽ giải thích với các viên chức thực sự. Ông cố gắng trấn

an tôi bằng cách dùng đến giáo lý của mình :

– Nếu Cách mạng quyết định bắt giữ ai đó thì họ đều có lý do. Nếu có sai sót, chúng tôi sẽ thừa nhận. Hãy chờ đợi sự phán xét của Cách mạng. Trong lúc này, hãy giữ bình tĩnh.

Tôi lại phản đối, chỉ để cho có lệ, nhưng tôi biết điều đó không còn tác dụng nữa. Vì đại diện của «Cách mạng» đã quyết định rằng tôi phải được an toàn, nên tất cả những gì còn lại là tôi phải giữ im lặng. Tiếng la hét của tôi chỉ khiến họ bị đánh thôi, thái độ của lính canh đã chứng minh điều này rồi.

Họ tháo thắt lưng và ví của tôi ra, rồi lục túi tôi. Còn mười phút nữa là đến nửa đêm. Tôi nhớ chi tiết này vì tôi liếc nhìn đồng hồ trước khi nó bị lấy mất.

Trong vòng hai mươi bảy tháng, tôi sẽ phải đoán thời gian bằng các dấu hiệu khác.

Tối hôm đó, tôi vẫn không thể tưởng tượng được rằng điều đó sẽ kéo dài lâu đến vậy. Tôi bị đẩy dọc theo một hành lang có rất nhiều cửa phòng giam. Độ dày của bầu khí quyển và tiếng ngáy cho tôi biết rằng tất cả các tế bào này đều có người ở. Đây là điều ngạc nhiên đầu tiên của tôi. Tôi nghĩ rằng cuộc Cách mạng đã làm trống các nhà tù. Trong chiến tranh, FNL thường tuyên bố rằng một trong những mục tiêu của họ là xóa bỏ mọi nhà tù. Sau chiến thắng, khi đến thăm trại giam Côn Sơn (nơi có những «chuồng cọp» nổi tiếng), Bí thư thứ nhất Đảng Cộng sản Bắc Việt Lê Duẩn đã tuyên bố : «Chúng ta sẽ biến nhà tù thành trường học !» «Những người đàn

ông ở đây hẳn là những kẻ cướp bóc mà tôi đã thấy làm việc vào những ngày cuối cùng của chế độ cũ, những tên trộm và buôn người đã bị truy đuổi trong những tuần gần đây. Tôi cảm thấy nhục nhã khi phải chung sống với những căn bã của Việt Nam này, bị chiến tranh làm thối nát và làm xấu hổ hầu hết người Việt Nam. May mắn thay, tôi được cho một phòng giam đơn, với một chiếc ghế dài xi măng để ngủ, một nhà vệ sinh. Kiểu Thổ Nhĩ Kỳ, một vòi nước.

Tôi tắm rửa, đi ngủ, cố gắng kiểm soát những cảm xúc đang sôi sục bên trong mình. Một bóng đèn mờ ngoài tầm với đang chiếu sáng ngực tối của tôi. Đôi tai tôi lắng nghe những lời đồn đại về đêm của thế giới riêng biệt này, một nhà tù mà tôi hiểu rõ. Tiếng thở dài của những người đang ngủ gần đó và tiếng

đi lại bí ẩn của những người lính canh nhìn thấy bạn còn chúng tôi thì không. Tôi tự nhủ : «Ngày mai mình sẽ có thể giải thích được và mình sẽ được tự do». Rồi tôi ngủ thiếp đi.

Buổi sáng, tôi bị đánh thức bởi một giọng nói hung hăng phát ra từ cửa sổ, ngang tầm mắt, trên cửa phòng giam.

– Anh vẫn còn ngủ à ? Tên anh là gì ? Anh có tới đây vào tối qua không ? Anh nên biết rằng phải dậy và dọn giường vào lúc 6 giờ sáng.

Tôi vẫn đang cố gắng chống lại logic của người tự do đối với hệ thống nhà tù vốn đã nắm giữ tôi như con nhện tóm lấy con ruồi mắc vào lưới của nó.

Nhưng tôi thậm chí còn không biết tại sao tôi lại ở đây !

Anh không biết tại sao à ? Đúng thế ! Đúng thế ! giọng nói vang lên trong lỗ đen của phòng giam.

Không có lý do gì, tôi đã bị bắt cóc...

Không có lý do gì cả, ha ! Đúng thế ! Nếu không có động cơ thì tại sao anh lại bị đưa tới đây ? Ha ha ! Trong khi đó, anh sẽ biết rằng những người không thức dậy sẽ không được ăn.

Và cú đập của wicket đã thành công. Không ăn sáng. Tôi vẫn còn nằm trên chiếc giường bê tông của mình, cho đến khi có lời nhắc nhở mới từ quầy bếp :

– Này, anh bạn mới ! Anh nghĩ mình có thể ngủ như thế này cả ngày sao ? Không được phép nằm xuống. Anh phải đứng hoặc ngồi.

Tôi ngồi xuống. Phải làm gì ? Tôi

nhìn vào đôi tay mình, suy nghĩ và lắng nghe những tiếng động xung quanh.

Tôi đứng dậy và đi bộ. Ba bước một hướng, ba bước hướng kia. Người ta nhanh chóng xác định được kích thước nơi ở của tù nhân. Tù nhân ! Tôi đã bị giam giữ hai lần dưới chế độ trước. Nhưng bên ngoài có những người thân và bạn bè đang chiến đấu vì tôi, những luật sư đang chuẩn bị biện hộ cho tôi, những chính trị gia đang thách thức chính phủ, những tờ báo đang lên án sự đàn áp. Hàng chục phóng viên nước ngoài đã đưa tin với thế giới về những gì đang diễn ra ở miền Nam Việt Nam.

Hôm nay, tờ báo Việt Nam nào sẽ đưa tin về vụ bắt giữ tôi ? Ai sẽ thông báo điều này với báo chí nước ngoài ? Trước đây, người ta có thể nghe thấy tiếng nói phản đối của Việt Nam tại Hoa

Kỳ, Pháp... và tất nhiên là tại Bắc Kinh và Mátxcova. Bây giờ, làm sao để bạn được lắng nghe ở Washington ? Và ai sẽ nhận được sự phản đối ở Liên Xô ?

Tôi đột nhiên nhận ra rằng không còn luật sư, không còn đảng phái, không còn báo chí, không còn phóng viên nước ngoài nữa. Việt Nam bị cắt đứt khỏi thế giới bên ngoài. Đảng nắm quyền tối cao và không có quyền kiểm soát. Nó tạo ra và sửa đổi tính hợp pháp theo cách mà nó thấy phù hợp. Nếu nó muốn quên tôi trong nhà tù này thì không có gì và không ai có thể đưa tôi ra ngoài được. Cha mẹ bất lực, bạn bè không quan tâm đến việc thu hút sự chú ý bằng cách can thiệp thay mặt cho “kẻ tình nghi”. Có một thời ở đất nước này, khi bị bắt, bạn sẽ trở nên vĩ đại và được tôn vinh trong mắt phần lớn công chúng. Ngày nay, sự

thật tương tự sẽ kết án bạn mà không thể kháng cáo và không thể kháng nghị.

Tôi cảm thấy những bức tường xung quanh mình dày lên và trở nên vô cùng nặng nề. Tôi cô đơn. Chưa, chưa. Xung quanh tôi còn có những người khác. Các tế bào lân cận phát ra tín hiệu “psst !” cái mới ! «đối với tôi. Sáng hôm đó, tôi từ chối đối thoại với những người mà tôi tin là kẻ cướp bóc. Tôi bám vào hy vọng rằng vụ việc của tôi đã được trình lên một viên chức cấp cao, rằng sự hiểu lầm sẽ được chú ý...

Không có cách nào để đo thời gian. Ánh sáng ban ngày không khó có thể thâm nhập vào đây. Phía trên đầu tôi, qua một lỗ có đường kính 20 cm, cũng là lỗ thông gió, một ngọn đèn đêm chiếu sáng mờ nhạt vào phòng giam của tôi. Và phía trên ngọn đèn đêm là một trong

những chiếc quạt lớn thời thuộc địa cũ, được sản xuất tại Massy-Palaiseau, đã tồn tại sau khi người Pháp rời đi.

Cuối cùng, cửa phòng lại mở. Tôi vội vàng. Một người phụ nữ đưa cho tôi một bát cơm lớn, thứ mà chúng tôi gọi là “gạo đỏ”, loại gạo kém chất lượng, loại dành cho heo. tôi hét lên :

– Tôi muốn gặp người chịu trách nhiệm !

Cô gái - có lẽ khoảng mười tám tuổi - nhìn tôi với vẻ mặt xin lỗi và nói nhanh, giọng thì thầm : “Anh biết đấy, tôi không thể làm gì được”, rồi ngay lập tức, giọng the thé :

– Cấm nói chuyện !

Đứa trẻ tội nghiệp không thể làm gì cho tôi. Tôi đã coi cô ấy là «đồng chí bộ

đội». Trên thực tế, cô là một tù nhân và phục vụ như một người hầu. Sau đó tôi biết rằng cô ấy có một người bạn đã bị bắt khi đang cầm súng trên tay. Công an đã đặt bẫy tại nhà anh ta. Cô bị bắt trên đường đến nhà anh ta.

Khi cắn miếng đầu tiên, tôi cảm thấy cát lạo xạo dưới răng. Không chỉ là cơm heo mà trông nó còn giống như được hốt từ dưới đất lên.

Vài giờ sau, thực đơn tương tự : cơm đỏ đầy cát với một ít muối hạt. Lần này, để được ăn nó, tôi đã tìm ra mẹo mà tất cả tù nhân đều dùng : đổ nước vào bát và khuấy đều. Cát lắng xuống đáy. Thật kinh tởm, nhưng nó giúp bạn nuốt cơm dễ hơn. Sau đó, một người lính canh tiết lộ với tôi rằng cát được trộn một cách có chủ đích vào gạo, “để tù nhân nhớ đến tội lỗi của mình khi ăn”...

Khi màn đêm buông xuống, chỉ có thể nhìn thấy lờ mờ qua lỗ thủng trên trần nhà, tôi bắt đầu lo lắng. Cả ngày dài, chẳng có ai quan tâm tới sự tồn tại của tôi. Ngoại trừ các tù nhân ở phòng giam bên cạnh, họ liên tục cố gắng bắt chuyện. Tôi vẫn tiếp tục im lặng. Nhưng tôi đã lắng nghe lời thì thầm của họ. Một số người đã nhìn thấy tôi đi ngang qua hành lang tối qua và mô tả về tôi với những người khác : “Anh ta là một thanh niên, có thể là một sĩ quan, anh ta có vẻ có học thức...” Dần dần, tôi nhận ra rằng họ hoàn toàn không phải là những tên côn đồ mà tôi từng tưởng tượng.

Tôi sẽ sớm biết rằng hầu hết họ đều là cựu chiến binh của Quân đội miền Nam, rằng tất cả đều là “chính trị gia”.

Tuy nhiên, đêm thứ hai này, tôi vẫn tiếp tục im lặng. Tôi vẫn muốn tin rằng

mình sắp được thả tự do và không làm gì có thể gây nguy hiểm cho điều đó. Nhưng có một câu hỏi khiến tôi băn tâm trước khi đến đây, tôi nghĩ rằng có rất ít vụ bắt giữ. Bây giờ, tôi hiểu ra một nhà tù đúng nghĩa, chứ không phải đây bọn tội phạm.

Một đêm, rồi một ngày nữa trôi qua. Tôi tiếp tục lắng nghe các cuộc trò chuyện nhưng không tham gia vào. Hai lần, gạo đỏ. Trong lúc đó, tôi giải mã các bức tường ngực tối của mình. Hầu hết các dòng chữ khắc đều có niên đại từ thời chế độ trước. Họ nói : “Đả đảo Thiệu !” hoặc “Người Mỹ hãy rút đi !” » Nhưng một số thì rất mới, như thế này :

“Tôi là Nguyễn Tú, phóng viên báo Chính Luận (“Chính Luận” là một tờ báo cánh hữu, là tờ báo nghiêm túc nhất trong tám hoặc chín tờ nhật báo mà

chính quyền Thiệu cho phép tồn tại. Cho đến năm 1975, Sài Gòn có tới bốn mươi tờ báo hàng ngày. Từ khi chế độ thay đổi, chỉ còn lại ba tờ.). Tôi bị bắt ngày 2 tháng 5 (năm 1975, tức là hai ngày sau khi quân cộng sản tiến vào Sài Gòn). Tôi bảy mươi tuổi. Tôi sẵn sàng chết để đất nước được trường tồn. Tôi thà chết còn hơn làm gãy bút.”

Chuyện gì đã xảy ra với Nguyễn Tú? Tôi không biết. Có lẽ đó là bản di chúc mà tôi tìm thấy trên tường phòng giam số 5 của nhà tù Trần Hưng Đạo, nơi ông ở trước tôi một thời gian ngắn.

Những tin nhắn khác không thể xác định được ngày tháng. Vì vậy, câu trích dẫn này của Hồ Chí Minh đã được tuyên truyền của Hà Nội lặp lại hàng ngàn lần :

“Không có gì quý hơn độc lập và tự do.”

Đây có phải là thử thách cuối cùng của một tù nhân của chế độ cũ, hay là sự trở trêu cay đắng của một tù nhân của thời đại mới ?

Trong mọi trường hợp, kể từ khi chính quyền nhân dân được thành lập cách đây năm mươi hai ngày, đã có một số người ở trong phòng giam này. Một người trong số họ viết những chữ cái lớn lên tường : « Đả đảo chủ nghĩa cộng sản ! », điều này khó có thể hiểu được cách đây hai tháng...

Tôi cũng khắc thông điệp của mình lên tường. Với một mảnh đá nhỏ, tôi có thể viết :

“Đoàn Văn Toại, ba mươi tuổi, cựu

phó chủ tịch Hội Sinh viên Sài Gòn. Đã bị công an Thiệu bắt giữ vì hoạt động ủng hộ cộng sản. Tôi bị bắt lại vào ngày 22 tháng 6 năm 1975 lúc 9 giờ tối, tôi không biết tại sao. Tôi không chống lại lý thuyết cộng sản, nhưng tôi phản đối những người áp dụng nó một cách sai lệch.

Tối nay, cảm giác bất công mù quáng dâng trào trong lòng tôi. Tôi hình dung nỗi lo lắng của mẹ tôi, cha tôi, vợ tôi, ba đứa con trai nhỏ của tôi, đứa lớn nhất mới bốn tuổi. May mắn thay, tôi khỏe mạnh và tập yoga. Một vài bài tập thư giãn thần kinh giúp tôi dễ ngủ hơn.

Đến ngày thứ ba, sau khi quan sát, cuối cùng tôi cũng nghe thấy tiếng bộ đội đi qua hành lang. Anh ấy mở phòng giam.

– Tôi đã ở đây ba ngày rồi và không biết tại sao ! Tôi muốn gặp người quản lý !

Người cảnh vệ – khoảng hai mươi tuổi, giống như hầu hết các đồng nghiệp khác - nhìn chằm chằm vào tôi và trả lời một cách bình thản :

– Anh không phải là người duy nhất ở đây. Cán bộ rất bận rộn. Anh là tù nhân phải không ? Anh phải đợi.

Đó là lúc tôi bắt đầu hiểu rằng tôi sẽ phải chấp nhận việc này lâu dài. Tôi đã có phản ứng lành mạnh : Tôi tự đặt ra cho mình một thời khóa biểu. Thay vì chìm đắm vào những bất hạnh của mình trong suốt thời gian dài giữa các bữa ăn, tôi đã sắp xếp lại ngày của mình.

Ở Trần Hưng Đạo, bạn không bao giờ được ra khỏi phòng giam, ngoại trừ khi bị thẩm vấn. Chuyến «đi bộ» hàng ngày nổi tiếng ngoài trời được mô tả trong tất cả các cuốn sách của cựu tù nhân đều không hề tồn tại. Tù nhân không được đọc, viết, nói hoặc ngủ vào ban ngày.

Tôi bắt đầu luyện tập những buổi yoga dài và tỉ mỉ. Tôi đã tham gia vào các bài tập rèn luyện trí nhớ của bệnh nhân. Tôi đã chuẩn bị sẵn trong đầu những văn bản tôi sẽ viết nếu tôi lấy lại được tự do.

Sự xao lãng duy nhất là những cuộc trò chuyện lén lút với các tù nhân khác. Đến ngày thứ ba, không thể chịu đựng được nữa và mất hết hy vọng thoát ra nhanh chóng, tôi đành phải trả lời điện thoại của hàng xóm.

– Chào ! Ông số 5, ông có thể cho chúng tôi biết ông là ai không ?

Tôi nói điều này, bắt chước phương pháp của những người bạn tù của tôi, những người thì thầm ở khe hở dưới chân cửa phòng giam, hướng âm thanh về phía gần nhất ở phía đối diện. Từ nhà này sang nhà khác, thông tin được truyền đi nhanh chóng từ đầu này đến đầu kia của hai dãy mười ngục tối được đánh số như những ngôi nhà trên một con phố : một bên chẵn, một bên lẻ.

Đối với câu hỏi không thể tránh khỏi :

– Tại sao anh ở đây ?

Tôi chỉ có thể trả lời :

– Tôi không biết.

Điều này gây ra tiếng thì thầm hoài nghi giữa các phòng giam bên cạnh. Những người bạn tù của tôi nghĩ rằng tôi nghi ngờ mọi thứ – «những con chó săn», hay nói cách khác là những kẻ cung cấp thông tin, hay đúng hơn, theo tiếng lóng của nhà tù Pháp, là «những con cừu». Sau này, khi thấy mình ở trong một phòng giam tập thể, tôi cũng biết rằng một số người coi tôi là thủ lĩnh của phe đối lập với chế độ mới. Trong mọi trường hợp, những người bạn tù của tôi đều tôn trọng những gì họ tin là sự thật trọng và ngừng hỏi tôi chi tiết. Mặt khác, họ thể hiện sự thông cảm của mình bằng cách gửi cho tôi thuốc lá, sử dụng một kỹ thuật mà tôi đang khám phá : Điều thuốc, được buộc vào một mảnh sợi cỏi, được đu đưa (vẫn qua khe hở ở dưới cùng của cửa) từ phòng giam này sang phòng giam khác. Chúng ta lại bắt đầu

cho đến khi điều thuốc nằm trong tâm với của người bạn tù.

Những cuộc trao đổi, những «cuộc trò chuyện» này không bao giờ kéo dài và không thể đi xa. Nhưng trong sa mạc, nơi chờ đợi chúng ta mỗi sáng khi thức dậy, chỉ có những ngum nước ngọt. Trong suốt chặng đường còn lại, bạn phải tự mình đi. Và để giữ vững, bạn phải xây dựng đời sống nội tâm.

Một số tù nhân đã suy sụp. Thỉnh thoảng, đặc biệt là vào ban đêm, có một số người thực sự lên cơn điên loạn, họ bắt đầu hét lên : “chủ nghĩa cộng sản chết tiệt !” Họ la hét dữ dội cho đến khi bộ đội đến và đưa họ đi, không ai biết đi đâu. Không ai nhìn thấy họ nữa. Những người ở lại cho biết họ đang bị “loại bỏ”. Tôi không biết. Tôi không có bằng

chúng. Nhưng chúng ta không nhìn thấy họ nữa.

Chúng tôi cũng thấy những tù nhân mới đến, đôi khi là những phụ nữ dắt theo con (vâng, tôi đã nhìn thấy trẻ em đi qua nhà tù này), đôi khi là những người nông dân đến từ các tỉnh xa, từ Pleiku, từ Rạch Giá. Một số người bị trói tay, chân chảy máu, bị mất mắt và hỏi chúng tôi vào ngày hôm sau :

– Tôi đang ở đâu ?

Tôi nhìn thấy hai nhà sư và một linh mục đi qua “ngõ” của tôi tại nhà tù Trần Hưng Đạo, tay chân bị xiềng xích.

Tôi nhìn thấy người Thái, người Trung Quốc và người Campuchia. Tôi cũng nhìn thấy bốn tù nhân da trắng. Họ mặc trang phục Việt Nam màu đen.

Sau này tôi mới biết một trong số họ là chủ quán cà phê người Pháp Brodard nổi tiếng, nơi gặp gỡ của giới tư sản và trí thức Sài Gòn, trên đường Tự Do (trước đây là đường Catinat). Ba người còn lại có vẻ là người Mỹ và được đưa về phía bắc hai tuần sau đó.

Một đêm nọ, khoảng một tháng sau khi tôi đến đây, tôi đột nhiên bị đánh thức bởi tiếng cửa đóng sầm lại. Một người lính đẩy một người đàn ông vào ngực tối của tôi, người này đang ngồi gần chiếc ghế dài nơi tôi ngủ.

Người đàn ông nói nhỏ :

– Nó ở đâu, ở đây à ? Nhà tù nào ?
Anh là ai ? Có nước không ?

Tôi chỉ vùi nước :

– Anh phải uống bằng tay, tôi không có cốc.

– Anh có thể giúp tôi được không ? Tôi không được rảnh tay được.

Sau đó tôi nhận ra rằng cổ tay trái của anh ấy bị còng vào mắt cá chân phải bằng một chiếc còng tay, và tay phải cũng bị còng vào chân trái. Người đàn ông bất hạnh không thể đứng dậy được. Tôi đỡ anh ấy ngồi vào ghế và mang cho anh ấy ít nước trên tay. Anh ấy uống một cách tham lam và cảm ơn tôi. Tôi muốn hỏi anh ấy một số câu hỏi, nhưng hãy cẩn thận ! Tại sao anh ta lại bị đưa vào ngục tối của tôi ? Tôi quan sát anh ấy.

Người đàn ông này khoảng năm mươi tuổi. Giọng miền Bắc. Một ngôn ngữ tao nhã tương phản với tình trạng thể chất đáng thương. Anh ta rất gầy,

râu không cạo và có mùi hôi. Rõ ràng là đã lâu rồi anh ấy chưa được tắm rửa. Anh ấy hỏi tôi bị bắt khi nào. Anh ta đã bị nhốt cách đây hai tháng. Ông đến từ nhà tù quận 3 Sài Gòn.

– Trước đây anh làm gì ?

– Trưởng khoa Luật.

Tôi ngơ ngác nhìn anh ấy kỹ hơn. Ông có phải là ông Vũ Quốc Thông không ?

– Đúng. Anh có biết tôi không ?

– Tôi là một trong những học sinh của thầy.

Bây giờ tôi nhận ra giọng nói của anh ấy rồi. Nhưng làm sao tôi có thể tìm thấy Giáo sư Thông tài giỏi ngay từ cái nhìn đầu tiên ? đặc điểm của kẻ khốn khổ, gây

gò, bắn thủ này, bị xiềng xích trong tư thế kỳ dị ? Ông thực ra là thầy cũ của tôi, một trong những nhà luật học nổi tiếng nhất Việt Nam, tốt nghiệp Đại học Paris.

Đến lượt tôi giới thiệu bản thân mình.

– Tôi nghĩ, tôi nói, rằng thầy đã rời khỏi đất nước trước khi Sài Gòn sụp đổ.

– Tôi không muốn bỏ rơi mẹ tôi, người đã rất già rồi. Và tôi tự nghĩ rằng những người cộng sản sẽ không tấn công một giáo sư luật. Tôi đã sai. Họ cáo buộc tôi là gián điệp của CIA. Họ tra tấn tôi để bắt tôi phải nói. Nhưng tôi không có gì để thú nhận.

Giáo sư Thông nói với tôi rằng hầu hết đồng nghiệp của ông đã bị bắt và khoa luật đã bị đóng cửa.

Giống như nhà cách mạng Pháp năm 1889 đã nói rằng nền Cộng hòa không cần học giả, những người cách mạng của chúng ta cũng nói rằng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa không cần luật sư. Đối với họ, luật sư chỉ là những người hầu của giai cấp tư sản. Về phần thẩm phán, họ do đảng bổ nhiệm và chính đảng là người quyết định điều gì là hợp pháp hay không. Chúng tôi nói chuyện cho đến tận bình minh.

Sáng sớm, ông Thông bị bắt đi, tôi không biết đi đâu.

Và vào buổi tối, một tên bộ đội vào phòng giam để xích tôi lại giống như ông giáo sư. Để giải thích, hắn càu nhàu :

– Anh là một người khó tính, không đáng tin cậy.

Tôi hiểu họ đang muốn nói đến điều gì. Họ đang cố làm cho tôi tin rằng ông Thông đã báo cáo những điều tôi nói với ông ấy, và rằng tôi đang phải gánh chịu hậu quả từ lời tố cáo của ông ấy. Họ muốn khiến tôi chống lại ông và khuyến khích tôi tự nói với hắn những điều ông đã nói với tôi. Một trò lừa cũ rích của công an. Hai ngày sau, tôi đã xác nhận được nghi ngờ của mình.

Một cán bộ triệu tập tôi và cho tôi biết rằng Thông đã đưa ra những lời buộc tội chống lại tôi. Tôi đang đóng vai kẻ ngốc :

– Tôi không hiểu. Tôi chỉ cho anh ấy uống nước vì anh ấy không thể uống. Chúng tôi nói rất ít và tôi lại ngủ thiếp đi. Ông ấy có thể nghĩ ra điều gì ?

Tên cán bộ thất vọng. Nhưng có lẽ

hắn hy vọng rằng cuối cùng tôi sẽ kể cho hắn nghe điều gì đó về người bạn tù sống sót trong thời gian ngắn của mình, bởi vì tôi sẽ vẫn bị xiềng xích trong hai tuần nữa.

Còng tay của tôi được mở hai lần một ngày, mỗi lần năm phút, đôi khi lâu hơn một chút tùy thuộc vào tâm trạng của cai ngục. Khẩu phần cơm cát của tôi đã giảm đi một nửa. Tôi không thể sử dụng vòi nước được nữa. Khẩu phần nước của tôi đã giảm xuống còn hai can nước một lít rưỡi để uống, vo gạo và có thể nói là để tắm rửa. Tôi bắt đầu thấy ngứa khắp người. Trước đây tôi không biết đến hạnh phúc của mình...

Tôi nằm như thế trong sáu tuần ở phòng giam số 5, mỗi ngày ăn cơm heo, rửa sạch bằng nước để loại bỏ cát hai lần. Tập yoga để rèn luyện trí nhớ.

Không cần thăm vấn, không cần thư từ, không cần liên lạc với thế giới bên ngoài. Không có dấu hiệu nào khác của sự sống ngoài tiếng tù nhân đến và đi, không có tin tức gì ngoài những tin nhắn thì thăm từ phòng giam này sang phòng giam khác. Thành phố, đất nước, thế giới đang dần biến mất. Vũ trụ thu hẹp lại còn ba mét vuông trong phòng giam của tôi, một nhóm người đàn ông khác bị nhốt gần tôi, những người mà tôi không biết mặt, đến hành lang nơi lính canh và những tù nhân lạ mặt thỉnh thoảng đi qua. Ngày và đêm hòa làm một. Tôi cảm thấy như mình đang sống dưới lòng đất, giữa những bóng ma. Bất chấp sự kỷ luật mà tôi đã áp dụng cho bản thân, tôi cảm thấy một bức màn dần dần bao phủ tâm trí mình.

2

TUỔI THƠ CỦA TÔI Ở QUÊ

 háng 8 năm 1975 - Nhà tù Trần
Hưng Đạo

Một buổi sáng, tôi nghe thấy một người lính canh gọi tù nhân ở phòng giam số 8, gần đối diện phòng giam của tôi :

– Anh có thật là Nguyễn Văn Hiến không, Hải Hương nói ? Có một lá thư của vợ anh từ Hà Nội.

Tôi thực sự sửng sốt. Vậy tù nhân nào có thể nhận thư ? Người phụ nữ có thể gửi nó cho anh ấy là ai ?

Bộ đội cũng phải ngạc nhiên khi chứng minh điều này bằng cách chuyển từ «mày» sang «anh». Anh ta tò mò hỏi :

– Anh đã làm gì để có mặt ở đây ?

Câu trả lời đến như một viên đạn, được tất cả các tù nhân đang lắng nghe, giống như tôi, nắm bắt :

– Tôi đã phản bội đảng.

Người cảnh sát trẻ miền Bắc, hoàn toàn không hiểu được sự chế giễu cay đắng trong câu trả lời, tin rằng anh đã hiểu lầm :

– Cái gì ?

– Tôi đã phản bội đảng ! Hiền nhắc

lại bằng giọng lớn để tất cả các phòng giam bên cạnh đều có thể nghe thấy.

Kinh ngạc trước lời thú nhận khủng khiếp này, người lính gác lắp bắp :

– Nhưng... anh đã làm gì ?

– Không phải việc của anh.

Chắc chắn là Hiền này, Hải Hương nói (nhiều thành viên lãnh đạo đảng, bắt đầu với Hồ Chí Minh, người tự xưng là Nguyễn Ái Quốc, được biết đến nhiều hơn với các bút danh hơn là tên thật của họ) không bị lừa. Cậu bé bộ đội rất ấn tượng và đổi giọng, cố gắng khoe khoang :

– Anh đã sống ở Hà Nội à ? Ở khu phố nào ?

– Tôi sống ở Khâm Thiên. (Khám

Thiện đối với Hà Nội cũng giống như phố Catinat cũ đối với Sài Gòn.)

– Tôi, Hiền trả lời, giọng bình tĩnh
– Tôi đã sống ở nhiều nơi tại Hà Nội. Nhưng không nơi nào trong số đó xứng đáng với Phòng giam số 8.

Tôi cố nhin cười, càng khó hơn khi tôi cảm nhận được sự hân hoan của những tù nhân khác phía sau cánh cửa bên cạnh. Bộ đội, người cuối cùng đã cảm nhận được sự mỉa mai cay đắng của tù nhân, cố gắng giữ thể diện bằng cách đặt một câu hỏi tế nhị :

– Còn vợ anh, sống ở Hà Nội, cô ấy làm nghề gì ?

Nguyễn Văn Hiến lặng lẽ trả lời :

– Cô ấy là giáo viên tại trường “Nguyễn Ái Quốc”.

Đối với người lính canh không may mắn này thì điều đó là quá sức chịu đựng. Làm sao vợ của một tù nhân có thể là giáo sư tại Trường đảng cao cấp danh tiếng ? Hay đúng hơn, làm sao một tù nhân có thể là chồng... Toàn bộ hệ thống giá trị của anh ta bị đảo lộn. Anh ta không thể không hét lên :

– Không thể được ! Vậy làm sao anh có thể ở đây ?

Bình tĩnh, Hiền lại trả lời :

– Tôi đã nói rồi, đó không phải việc của anh.

Lần này, bộ đội bé hiểu rằng mình bị khinh thường. Hấn nói :

– Anh thật là kiêu ngạo so với một tù nhân.

Hắn đóng sầm cửa phòng giam số 8 và nhanh chóng rời đi. Thực tế là hắn bỏ chạy. Rõ ràng là ông đã có lời phát biểu cuối cùng. Nhưng Hiền vừa giành được một chiến thắng khiêm tốn về mặt đạo đức, điều này có lợi cho tất cả những ai có thể theo dõi cuộc trò chuyện kỳ lạ đó, cuộc trò chuyện duy nhất thuộc loại này mà tôi có thể nghe được ở Trần Hưng Đạo trong những tuần đầu tiên bị giam giữ.

Và cuộc tranh luận tâm thường này, qua cửa sổ nhà tù, vừa xác nhận điều tôi nghi ngờ, cụ thể là ở đây, xung quanh tôi, có những tù nhân chính trị, và trong số họ, có những người cộng sản chân chính như Nguyễn Văn Hiền.

Cách Hiền đối xử vừa kiêu ngạo vừa chế giễu lòng tốt người cai ngục nhỏ bé của chế độ mới đã an ủi tôi. Bây giờ tôi

biết rằng tôi không chỉ ở cùng với những người ủng hộ cũ hoặc những kẻ trục lợi của chính quyền bù nhìn Nguyễn Văn Thiệu, tay sai của Hoa Kỳ. Tôi khám phá ra sự hiện diện giữa những bức tường này của những người đàn ông như Hiền, người mà tôi đã ngưỡng mộ từ nhỏ mà thậm chí không hề biết họ. Những người đàn ông đã chiến đấu giành độc lập cho Việt Nam khi tôi vừa mới mở mắt.

1945 – Cái Vồn

– Chồng chị đâu rồi ?

Chàng trai đột nhiên hỏi câu hỏi này đang cầm một con dao dài trên tay. Anh ta có khuôn mặt cứng rắn và đáng sợ. Người phụ nữ mà anh ta chặn lại đang bế đứa con út trên tay. Một bé gái bảy

tuổi đang nép mình vào cô.

– Chồng tôi làm việc ở Sài Gòn.

– Chị nói dối ! Cậu bé đáp trả. Ông tham gia kháng chiến Việt Minh. Tôi biết mà !

– Tôi thề với cậu rằng chồng tôi không thuộc phe kháng chiến. Anh ấy làm việc cho một công ty Pháp ở Sài Gòn.

Chàng trai trẻ – chỉ vài tháng trước còn là một thiếu niên vô hại – đang sống cách ngôi nhà một quãng ngắn – rời khỏi căn nhà lẩm bẩm những lời đe dọa.

Người phụ nữ mà anh ta đe dọa là mẹ tôi. Đứa trẻ sơ sinh chính là tôi. Cô bé sợ hãi kia chính là chị gái tôi. Người chồng ở đây chính là bố tôi.

Cảnh này diễn ra vào năm 1945 tại

làng Cái Vồn, ở đồng bằng sông Cửu Long. Và mãi sau này mẹ tôi đã kể cho tôi nghe về điều đó.

Sáng hôm sau, trước khi bình minh, mẹ tôi rời khỏi làng, một ngôi làng đã trở nên điên loạn.

Để tránh bị nghi ngờ, bà bỏ đi mà không có gì – chỉ có tôi, Đoàn Văn Toại và chị gái tôi bám chặt vào chân bà.

Vào thời điểm châu Âu đang dần ổn định lại thì Việt Nam vẫn tiếp tục phải vật lộn với chiến tranh. Hay đúng hơn là đang chìm trong một mớ xung đột không thể thoát ra được.

Từ tháng 9 năm 1940, chính quyền Pháp đã cùng tồn tại với sự chiếm đóng của Nhật Bản. Vào tháng 3 năm 1945, Nhật Bản đã thanh trừng chính quyền

Pháp, thám sát hoặc giam cầm quân đội của họ. Sau đó là sự đầu hàng của Đế quốc Nhật Bản và sự trở lại mạnh mẽ của người Pháp. Nhưng trong khi đó, tại Hà Nội, ngày 2 tháng 9 năm 1945, Hồ Chí Minh tuyên bố Việt Nam độc lập. Một cuộc chiến mới bắt đầu.

Đối với người dân quê tôi ở làng Cái Vồn, miền Nam, những sự kiện trọng đại này đã diễn ra từ lâu. Người Nhật, giống như người Pháp, bị giới hạn trong các thành phố và chỉ được biết đến qua tin đồn và qua sự đau khổ mà cuộc chiếm đóng đã gây ra trên khắp cả nước.

Đối với Cái Vồn, mối đe dọa gần nhất là Trà Ôn, một thị trấn cách đó khoảng mười km, nơi có người Khmer sinh sống, họ rất đông ở đồng bằng. Hai ngôi làng này từ lâu đã duy trì một loại chiến tranh kỳ lạ. Thỉnh thoảng lại

xảy ra những cuộc tấn công giết người, thường là sau đó là trả thù. Mỗi làng đều sống trong sự thù hận với làng kia và luôn cảnh giác. Người canh gác báo hiệu sự xuất hiện của kẻ thù bằng cách đập vào thân tre. Đôi khi phải đấu tranh, đôi khi phải bỏ chạy. Trong mắt người Việt Nam, người Khmer là những kẻ man rợ hung dữ. Và ngược lại.

Sau đó là cuộc chiến tranh giữa Việt Minh và Hoa Kỳ.

Làng Cái Vồn chính là quê hương đầu tiên của giáo phái Hòa Hảo : đây là nơi Huỳnh Phú Sổ, người sáng lập ra giáo phái này, đã ra đời. Ban đầu, đây là một đạo Phật «bình dân» với những lời cầu nguyện và nghi lễ vừa mang tính thơ mộng vừa đơn giản, dễ tiếp cận với nông dân hơn so với giáo lý truyền thống mang tính trí tuệ cao. Nhưng Huỳnh

Phú Sổ cũng có tham vọng chính trị, dân tộc. Phong trào của ông, ban đầu nhằm chống lại chủ nghĩa thực dân Pháp, cuối cùng lại liên minh với Pháp để chống lại Việt Minh, kẻ thù đáng gờm nhất của họ ở nông thôn. Giữa hai lực lượng này, cuộc thanh toán diễn ra đẫm máu, và bản thân Huỳnh Phú Sổ đã bị một toán biệt kích Việt Minh giết chết. Tuy nhiên, giáo phái này vẫn tồn tại và cho đến ngày nay, những người cộng sản vẫn không kiểm soát được các vùng đồng bằng nơi mà Phật giáo Hòa Hảo đang gây ảnh hưởng.

Ngay từ năm 1943, cha tôi, một giáo viên, đã tham gia lực lượng kháng chiến Việt Minh được tổ chức trong khu vực. Anh trai tôi, hơn tôi mười sáu tuổi, đã tham gia cùng cha tôi. Mẹ tôi vẫn ở lại Cái Vồn để trồng lúa. Thỉnh thoảng cha tôi lại bí mật đến thăm bà. Mẹ tôi giải

thích với hàng xóm rằng chồng bà đang làm việc ở Sài Gòn và anh trai tôi đã đi cùng ông ấy. Nhưng các chiến binh Hòa Hảo nghi ngờ điều này là sai, và những lời đe dọa, lúc đầu còn ẩn ý, đã trở nên chính xác hơn. Những lời đe dọa này không thể xem nhẹ. Đã có những cuộc thanh toán đẫm máu, khi cha mẹ của những chiến sĩ kháng chiến Việt Minh bị sát hại. Vì vậy, sau chuyến viếng thăm của một kẻ cuồng tín trẻ tuổi với con dao dài, mẹ tôi đã quyết định bỏ trốn.

Khi tôi sinh ra vào tháng 3 năm 1945, tôi còn quá nhỏ đến nỗi không ai trong làng tin rằng tôi có thể sống sót. Vì vậy, khi mẹ tôi, rời Cái Vồn lúc rạng sáng với đứa con trên tay, nói với những người dân làng bà gặp trên đường rằng bà sẽ ra chợ mua thuốc cho tôi, thì lời giải thích đó có vẻ hợp lý.

Mẹ tôi hòa vào đám đông trong chợ và bước ra ở phía bên kia, trông giống như bà đang đi làm việc ngoài đồng. Nó chạy dọc theo bờ đê của các cánh đồng lúa, dọc theo các vườn xoài. Cả ngày, mẹ tôi đi bộ với chị gái tôi chạy nhảy bên cạnh.

– Mẹ nghĩ đến căn nhà bỏ hoang, nơi có mọi thứ cần thiết để sống.

Mẹ tôi kể với tôi sau đó.

– Nhưng mẹ cũng nghĩ rằng con và chị con có thể mất mạng nếu chúng ta ở lại. Không còn cách nào khác nữa.

Khoảng cách từ Cái Vồn tới Rạch Ranh là 20km. Mẹ tôi biết đường. Mẹ đã làm điều này nhiều lần để đến thăm cha tôi. Khi hoàng hôn buông xuống, kiệt sức, bà bước vào một ngôi chùa nhỏ bên

bờ một khe núi. Một vài chiến sĩ kháng chiến ở đó nhận ra bà và chạy đến mời bà ăn. Họ cũng có những con dao dài đeo ở thắt lưng, giống như người Hòa Hảo, nhưng những con dao này rất an toàn. Có người chạy đến gọi cha và anh trai tôi, rồi cả gia đình ôm chầm lấy nhau và khóc.

Có vẻ như tôi cũng vậy, khi mở mắt ra trong hoàn cảnh xa lạ này, trong vòng tay của một người đàn ông mà tôi không quen biết, tôi bắt đầu khóc. Trong khi bế tôi, mẹ tôi giải thích những gì đã xảy ra :

– Họ nghi ngờ anh đang ở trong bụi rậm. Họ truy lùng tất cả gia đình của những người ở cùng Việt Minh. Ba ngày trước, họ bắt bà Vinh, lôi ra phía sau nhà chúng ta và đánh bà đến chết. Chúng tôi nghe thấy bà ấy la hét và rên rỉ một hồi lâu. Em không dám ra ngoài giúp bà ta,

vì nếu làm vậy, họ cũng sẽ làm như vậy với em. Và hôm qua Năm Lúa đã đến nhà mình để hỏi em rằng anh ở đâu và hăm dọa. Tất nhiên là em nói anh đang ở Sài Gòn. Hấn không tin nhưng cũng không chắc chắn. Có lẽ hấn sẽ hỏi người Pháp, những người hiện đang ủng hộ hấn, xem điều này có đúng không. Hấn đóng vai ông chủ lớn.

Năm Lúa ! Cha tôi kêu lên và quay sang các đồng chí của mình để gọi họ làm chứng. Năm Lúa, thằng du côn thất học ! Ngày nay, bọn thực dân đang dựa vào những người đàn ông như thế này ! Thật đáng tiếc !

Trong miệng cha tôi, “mù chữ” là một sự xúc phạm nghiêm trọng. Ông tôn trọng những người nông dân chất phác, những người không có cơ hội học hành nên không biết đọc, biết viết, nhưng lại

khinh thường những viên chức không được học hành.

– Con đã làm tốt khi rời đi, cha tôi nói, nhìn đứa con út đang ngủ ngon lành trong vòng tay mẹ.

Vài ngày sau, Phật giáo Hòa Hảo ở Cái Vồn đã tiến hành một Ngày lễ Thánh Barthélemy thực sự chống lại những người ủng hộ Việt Minh và gia đình họ. Khoảng năm mươi người đã thiệt mạng và nhiều ngôi nhà bị cháy, bao gồm cả nhà chúng tôi. Khi mẹ tôi nghe tin, bà đã bật khóc :

– Chúng ta chẳng còn gì nữa, rồi sẽ ra sao đây ?

Cha tôi nắm lấy tay mẹ tôi :

– Những người chết ở đó thậm chí không còn sự sống nữa. Một ngôi nhà,

chúng ta sẽ xây dựng lại một ngôi nhà. Trong lúc đó, chúng ta sẽ ở lại đây, trong ngôi chùa.

Đấy là cách mà khi mới hai hoặc ba tháng tuổi, hoàn toàn không nhận thức được những bi kịch đang diễn ra xung quanh mình, tôi đã trở thành công dân của Rạch Ranh, một trong những ngôi làng «nổi loạn» mà người Pháp đã bàn tán trong mười năm mà không hề biết gì về chúng.

Vào thời điểm này, Việt Minh đã kiểm soát hàng trăm ngôi làng. Và đối với người Pháp, từ “Việt Minh” nhanh chóng trở thành từ đồng nghĩa với “cộng sản”, cũng giống như từ “fellagah” sau này có nghĩa là “khủng bố”. Không có điều gì có thể xa rời sự thật hơn thế, ít

nhất là ở miền Nam Việt Nam.

Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh Hội, viết tắt là “Việt-minh”, nghĩa đen là “Liên minh các lực lượng cách mạng Việt Nam”. Ban đầu, vào những năm 1930, Đảng Cộng sản do Hồ Chí Minh sáng lập chỉ là một bộ phận của hiệp hội này, chứ không phải là bộ phận chính. Chủ tịch của phong trào là Nguyễn Hải Thần, và Hồ Chí Minh chỉ là một trong những thành viên của ban chấp hành, giống như Tạ Nguyên Minh... người mà tôi gặp, đã ngoài tám mươi tuổi, bị giam giữ tại nhà tù Lê Văn Duyệt ở Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 1976.

Điểm mạnh của Hồ Chí Minh là ngay từ đầu ông đã có một học thuyết, học thuyết của Marx, dùng để giải thích thế giới, và một phương pháp, học thuyết của Stalin, dạy cách loại bỏ «những

người đồng hành». Tất cả đều được phục vụ bởi một giác quan nhạy bén về tâm lý và nghệ thuật xảo quyết điêu luyện.

Lúc đầu, Hồ Chí Minh không bao giờ nói về chủ nghĩa cộng sản với những đồng minh theo chủ nghĩa dân tộc, lãng mạn và phi giáo điều của mình. “Chủ nghĩa duy vật lịch sử” không phù hợp với truyền thống Phật giáo và không được mọi người ưa chuộng. Ngược lại, cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân Pháp là một “chủ đề động viên” và là động lực thúc đẩy của Việt Minh.

Vào cuối những năm 1950, đối với những người kháng chiến, từ “Việt Minh” không liên quan gì đến “chủ nghĩa cộng sản”, một thuật ngữ mà tôi không nhớ đã từng nghe thấy trong thời thơ ấu của mình. Câu hỏi duy nhất là khôi phục chủ quyền của Việt Nam trên

đất nước họ, nói cách khác là đánh đuổi người Pháp. Chúng ta nói về lòng yêu nước và độc lập, chưa bao giờ nói về đấu tranh giai cấp. Hơn nữa, hai cuộc đấu tranh này đan xen vào nhau : những địa chủ lớn là tay sai và là học trò của thực dân Pháp.

Bản thân Hoa Kỳ khi đó đã tin rằng Hồ Chí Minh thực chất không phải là một người cộng sản mà là một người theo chủ nghĩa dân tộc, và các tài liệu được công bố kể từ đó đã chứng minh rằng họ đã ủng hộ ông, giống như cách họ đã ủng hộ Fidel Castro trong những năm đầu của ông.

Ở vùng du kích miền Nam Việt Nam, cho đến khi người Pháp rời đi, những người cộng sản rất hiếm, và mối liên hệ với miền Bắc thậm chí còn hiếm hơn. Những gì đang xảy ra ở Hà Nội hoàn

toàn bị bỏ qua. Hồ Chí Minh chỉ là một cái tên khác, chưa phải là một huyền thoại.

“Một ngôi làng Việt Minh”, đối với người Pháp vẫn nhớ những câu sáo rỗng của Chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất, gợi lên hình ảnh kỷ luật sắt đá, những buổi tự phê bình và nhồi sọ, những chính trị viên kiên cường và công tác tập thể. Và bức chân dung chủ tịch Hồ Chí Minh được đặt ở vị trí bàn thờ tổ tiên. Trong ký ức của tôi không hề có điều này.

Rạch Ranh không phải là một ngôi làng theo nghĩa của châu Âu; đó là một vài chục ngôi nhà tập trung xung quanh một tháp chuông và một tòa thị chính.

Để hình dung ra cảnh tượng này, trước tiên bạn phải hình dung về đồng

bằng sông Cửu Long, một đồng bằng rộng lớn với vô số nhánh sông uốn khúc, nối liền với nhau bằng các con rạch. Đây là một vùng đất bằng phẳng với những cánh đồng lúa lấp lánh được ngăn cách bởi bờ ruộng, và những vườn xoài, dừa và măng cụt. Điều này không liên quan gì đến khu rừng rậm hoang dã mà chúng ta đôi khi tưởng tượng ở phương Tây, và chỉ tồn tại ở miền Trung Việt Nam, gần biên giới Campuchia và Lào.

Thủ phủ của tỉnh là Vĩnh Long, cách đó khoảng ba mươi km, và Vĩnh Long cách Sài Gòn 135 km về phía tây nam. Từ Sài Gòn tới Vĩnh Long, con đường chính duy nhất uốn lượn giữa hai nhánh sông, thỉnh thoảng phải đi phà qua. Các khu định cư phát triển tại ngã tư đường bộ và các con rạch, nơi mọi người di chuyển bằng thuyền. Chỉ thông qua

những tuyến đường thủy này, người ta mới có thể tiếp cận được vùng đất phía sau, vùng đất nằm phía sau “mặt tiền” của quốc lộ. Trong nhiều thập kỷ, các đoàn xe của quân đội Nhật Bản, Pháp và Mỹ, quân đội của Diệm và Thiệu, và ngày nay là quân đội cộng sản, đã đi qua con đường này, với nhiều trạm gác dọc hai bên. Tất cả các chế độ tưởng tượng rằng họ có thể kiểm soát một đất nước khi họ kiểm soát được các con đường của đất nước đó...

Khi những năm 1950 đến gần, muộn hơn, như ngày nay ; Vùng đất này hoàn toàn nằm ngoài tầm kiểm soát của chính quyền địa phương.

Bên rìa một trong những con rạch này, cách đường Sài Gòn - Vĩnh Long khoảng mười lăm cây số, có Rạch Ranh. Dọc theo con đường chính, các loại cây

trông liên tục. Đi xa hơn nữa, có nhiều đất hoang và ít nhà hơn. Đôi khi, các ngôi nhà cách nhau hơn một km.

Rạch Ranh là một “ngôi làng” tiêu biểu của vùng đất phía sau đồng bằng này. Nó không có trung tâm, ngoại trừ ngôi chùa cổ này, được bao quanh bởi một vài ngôi nhà, nơi mà cha tôi đã biến thành trường học và trở thành nhà của gia đình kể từ khi mẹ tôi đến sống cùng ông.

Khoảng hai mươi trẻ em từ khu vực xung quanh đã theo học tại trường này. Đối với hầu hết mọi người, khoảng cách quá xa đến nỗi họ phải sống ở đó ngày đêm, học tập, ăn uống và ngủ nghỉ xung quanh thầy mình trong chùa. Khi họ trở về nhà, họ mang theo nhiều đồ tiếp tế và chúng được gom lại với nhau. Chúng tôi kiếm thêm thu nhập hằng ngày bằng

cách câu cá ở rạch.

Ở đồng bằng sông Cửu Long, cuộc sống thật dễ dàng, con người hài lòng với sản vật của vùng đất này. Lúa ở đó phát triển tốt, hoa quả tươi ngon, nước thì đầy cá. Tôi nhớ những chú cá bơi quanh chân tôi khi tôi bước xuống nước. Đây là vùng đất được các vị thần ban phước và tôi vẫn luôn hoài niệm về nó. Sau này ở Sài Gòn, sau khi chế độ thay đổi, tôi nghĩ đến chuyện trở về đó cùng gia đình để sống giản dị như những nhà bảo vệ môi trường ở châu Âu và châu Mỹ mơ ước. Nhưng điều đó không còn khả thi nữa. Dòng sông vẫn còn đó, đất đai và cây cối cũng vậy. Nhưng những người điều hành đất nước này không còn muốn người dân sống hòa hợp với nước, đất và cây cối nữa. Họ muốn biến họ thành những nhà sư lính, hy sinh

hiện tại của mình cho một tương lai lý tưởng mà ngay từ cái nhìn đầu tiên đã thấy rùng rợn.

Vào khoảng năm tuổi, tôi tự nhiên trở thành một cậu học sinh. Luôn sống trong trường học, tôi thường được ru ngủ bằng tiếng hát của những người lớn tuổi lắm nắm những chữ cái cơ bản, dưới sự chỉ bảo điểm tĩnh của cha tôi.

Chúng tôi viết trên bảng gỗ cứng, bằng những que đất sét màu được làm tại làng. Chúng tôi đã xóa nó bằng cát. Bút chì thật rất hiếm, giấy thì rất quý, còn lông vũ thì hầu như không được biết đến. Chỉ có cha tôi sở hữu, thật tuyệt vời ! Bút máy hiệu Kaolo. Chúng tôi đứng quanh ông khi ông mở nắp để bơm mực vào lọ, rồi cẩn thận đậy nắp lại. Ông cũng

có một chiếc đồng hồ Printania có mặt đồng hồ phát sáng. Hai dụng cụ này, độc đáo trong khu vực, đã góp phần không nhỏ vào uy tín của ông, cũng như số ít cuốn sách ông lưu giữ trong một góc của ngôi chùa.

Người nông dân Việt Nam rất tôn trọng những người đàn ông có học thức. Trong thang giá trị của mình, trí thức (nhất sĩ) đứng đầu, tiếp theo là nông dân (nhì nông), thợ thuyền (tam công) và thương nhân (tứ thương). Quân đội, khi được nhắc đến, ở cấp bậc cuối cùng... Hệ thống phân cấp này được tìm thấy trong truyền thống của Trung Quốc, trong nhiều thế kỷ đã ảnh hưởng đến Việt Nam, bất chấp sự đối kháng lâu đời giữa hai nước : các học giả Việt Nam phải biết tiếng Trung, và chế độ quan lại, một thể chế đặc trưng của Trung Quốc, vẫn tồn

tại cho đến thời của Diệm, bản thân ông là con trai của một viên quan lại. Tuy nhiên, dần dần, giới trí thức theo lối cũ đã bị thay thế bởi những sinh viên đến từ các trường học Pháp, những người sau này được kế nhiệm bởi những người được đào tạo tại các trường đại học Mỹ. Và những người «bị nhổ tận gốc» thâm nhuần văn hóa phương Tây này sẽ đóng vai trò trong toàn bộ tình hình có hại này. Khinh thường đồng bào của mình, họ sẽ phục vụ cho chủ nghĩa đế quốc nước ngoài, dần dần để lại cho những người cộng sản độc quyền về khát vọng dân tộc.

Dưới chế độ Thiệu, tinh thần chua cay của người Việt đã sắp xếp lại thang bậc truyền thống theo một hệ thống thứ bậc mới : nhất tướng, nhì cha, tam ma, tứ dĩ. Nói cách khác, đầu tiên là các vị

tướng, sau đó là các linh mục, thứ ba là các bóng ma hoặc con rối (tức là các bậc thầy nghệ thuật của các trường đại học Mỹ) và cuối cùng là gái mại dâm.

Tất nhiên, sự hài hước cay đắng của dân chúng đã thay đổi thứ tự ưu tiên kể từ khi chế độ mới được thành lập. Công thức hiện nay là : làm dối, nói không, bò sống, chống chết - có thể dịch theo các châm ngôn sau :

“Người làm việc thì đói;

Người nói có một cái bụng no;

Kẻ nào bò thì sống sót;

Kẻ phản đối sẽ phải chết.”

Cha tôi không có điểm gì chung với nhóm “tinh hoa” nhỏ bé này thuộc tầng lớp quý tộc hoặc trung lưu thượng lưu,

những người sắp hoàn thành việc học ở Pháp. Ông là con trai của một người nông dân ở vùng đồng bằng có mười lăm người con... trong đó có mười ba cô con gái, và ông muốn một trong hai cậu con trai của mình được học hành. Nhờ vậy mà cha tôi đã có được tấm bằng sư phạm của trường Cao đẳng Sư phạm Cần Thơ.

Sự đào tạo tại chỗ này không làm anh mất đi gốc rễ của mình. Nhưng ông đã học được bài học cá nhân từ các nguyên tắc của Cách mạng Pháp : ông đã trở thành một người theo chủ nghĩa cộng hòa... và một người theo chủ nghĩa dân tộc. Giống như hầu hết các bạn cùng lớp. Trong số những người bạn cùng lớp của cha tôi ở Cần Thơ có Phạm Văn Đăng, hiện là một trong 120 ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt

Nam. Có Đặng Văn Quang, cựu đại diện của Mặt trận Giải phóng miền Nam Việt Nam tại Mátxcơva. Ngoài ra còn có ông Nguyễn Văn Ngợi, một chức sắc Cao Đài hiện là đồng chủ tịch của “Mặt trận Tổ quốc”, một tổ chức được cho là đại diện cho sự đoàn kết của người Việt Nam từ tất cả các tổ chức chính trị và tôn giáo kể từ năm 1975.

Nhiều người nổi tiếng khác, như Phạm Văn Đồng, người đứng đầu chính quyền Hà Nội, và Võ Nguyên Giáp, vị tướng của Điện Biên Phủ, cũng tìm thấy trong sử thi năm 1789 những nguyên tắc và mô hình làm họ phấn khích. Họ nằm trong số ít người Việt trẻ, trước Thế chiến thứ hai, có được đặc ân đạt được tấm bằng “tú tài” thiêng liêng, giúp họ có được uy tín đáng kể trong số những người đồng hương của mình.

Rạch Ranh, ngôi làng Việt Minh nằm bên bờ rạch, sống tách biệt với thế giới bên ngoài, tự sản xuất được hầu như mọi thứ cần thiết.

Trong nghệ thuật sử dụng tài nguyên thiên nhiên theo quy luật nỗ lực tối thiểu, người dân vùng đồng bằng có sự khéo léo phi thường.

Ví dụ, họ khoan một lỗ trên quả dừa vẫn còn trên cây. Họ đưa một con ếch nhỏ vào qua lỗ này và chặn lỗ lại để nó không thể thoát ra. Nó ăn rất nhiều cùi dừa. Sau vài ngày, nó đã phát triển quá mức đến mức chúng tôi có thể mở lại lỗ và nó không thể ra ngoài được nữa. Sau một tháng ăn theo chế độ này, con ếch trở nên to lớn : nặng gần một kg và chiếm toàn bộ phần bên trong của quả

dừa. Sau đó, ta tách vỏ ra và ăn thịt con ếch, thịt rất ngon.

Ngoài ra còn có rượu dừa, được làm từ chính cây dừa. Nấm men được đưa vào thân cây dừa. Và mười ngày sau, người ta thu hoạch nhựa cây đã lên men khắp toàn bộ cây.

Và những con vịt, được nuôi trong thân tre khiến chúng bất động, phiên bản gà công nghiệp của Việt Nam trước thời đại.

Nó cũng làm tôi nhớ đến một công thức nấu ăn ngon mà tôi thường mơ ước khi còn trong tù. Vào những dịp đặc biệt, người ta nấu gà bằng nước mía đang sôi. Khi tôi được thả vào tháng 10 năm 1977, sau hai mươi tám tháng sống trong trại cải tạo, tôi không nghĩ ngợi cho đến khi đạt được điều gì đó thỏa mãn mong

muốn này. Một món ăn dành cho vua.

Những thứ duy nhất bạn có thể mua ở Rạch Ranh là vải, trà và muối, và bạn không cần nhiều thứ. Chúng tôi mua chúng ở chợ Song Phú, quê mẹ tôi, nằm giữa Vĩnh Long và Cần Thơ, trên quốc lộ. Chỉ có phụ nữ mới đến chợ Song Phú vì có một đồn quân sự ở cửa rạch, và bất kỳ người đàn ông nào đến từ khu vực của chúng tôi đều được coi là người ủng hộ Việt Minh. Họ bán trái cây và một ít vịt. Mẹ tôi thường đi thăm gia đình và thỉnh thoảng mang về một số món ăn của Pháp : kẹo, sô cô la.

Vào thời đó, để nói đùa về sự nghèo đói của người dân, người ta thường nói rằng vợ chồng chỉ có một chiếc quần. Và trong trường hợp có người đến thăm, ta chỉ gặp từng người một, vì người kia đang đợi người kia giới thiệu về mình.

Bức biếm họa này không hề phóng đại chút nào.

Bam-bam-bam... BAM... Bam-bam-bam... Tiếng trống tre vang vọng khắp nơi, khiến cả làng phải đứng dậy. Ba tiếng gõ ngắn, mạnh và một tiếng gõ mạnh, có nghĩa là : “Báo động máy bay”. Một phát súng mạnh, tiếp theo là hai phát súng nhanh, báo hiệu một đoàn lính Pháp cùng lính đánh thuê người Việt đang tiến đến.

Cuộc ném bom của Pháp không liên quan gì đến cuộc chiến trên không do Không quân Hoa Kỳ tiến hành sau đó. Chúng tôi có thể nghe và nhìn thấy hai hoặc ba chiếc Dakotas cũ đến từ xa, chậm chạp và nặng nề, thả bom một cách khá ngẫu nhiên vào “khu vực Việt

Minh”. Thỉnh thoảng chúng phá hủy một vài ngôi nhà nhưng hiếm khi ảnh hưởng đến dân cư. Khi chúng đến, chúng tôi đã ẩn náu lâu trong các chiến hào, được che chở bởi các vườn cây ăn quả, cách xa các tòa nhà.

Tuy nhiên, đôi khi cái chết đã đến rất gần. Tôi vẫn có thể cảm nhận được vòng tay của cha ôm chặt lấy tôi, áp vào ngực ông, sâu dưới đáy hào. Lúc đó tôi chắc khoảng sáu hoặc bảy tuổi. Tôi vẫn còn nghe thấy anh ấy thì thầm Nam mô a di đà phát (một lời cầu nguyện : Câu nói Phật giáo có nguồn gốc từ Ấn Độ tương đương với : “Xin Chúa bảo vệ chúng con !”), trong khi những quả bom rơi cách đó vài chục mét. Ngày hôm đó, cảnh báo được đưa ra quá muộn; nhiều người trong chúng tôi không có thời gian để tìm nơi ẩn náu. Một trong hai

chiếc máy bay đã phát hiện ra chúng tôi và quay lại tấn công, lúc này đang bay gần ngang tầm ngọn cây. Đạn súng máy tạo ra những mạch nước phun nhỏ xung quanh chúng tôi. Tiếng sấm trên đầu làm tôi sợ. Chúng ta có sắp chết không ? Tôi nhắm mắt lại, áp mặt vào cha.

Đột nhiên, khi tiếng ồn lắng xuống, tiếng reo hò vui mừng vang lên ngay một gần hơn. Cha tôi ngồi dậy và kêu lên : “Nó bị trúng đạn rồi !” Mọi người đều nhảy ra khỏi hào, chạy và hét lên : “Nó rơi ! Nó rơi !” Các ngón tay chỉ lên bầu trời, ám chỉ chiếc máy bay ném bom, với động cơ bốc cháy, đang lao xuống đất theo đường chéo không ngừng nghỉ.

Điều khó tin đã xảy ra : một phát bắn may mắn đã hạ gục con quái vật, nó phát nổ thành một quả cầu lửa cách đó hai hoặc ba km.

Từ khắp nơi, dân làng chạy về phía đồng lửa, điên cuồng vì vui mừng, những chàng trai trẻ đi đầu, trẻ em ở phía sau, phụ nữ ở phía sau một chút. Tôi cảm thấy như mình có cánh. Khi tôi đến bên cha, ông đang bắt tay một chàng trai trẻ tươi cười, đặt tay còn lại lên vai anh ta :

– Hải, anh thấy đó, anh đã làm được điều này ? Thật khó tin !

Cha tôi nắm lấy cánh tay đang cầm súng của Hải, giơ nó lên trời như người ta vẫn làm với những võ sĩ chiến thắng, rồi quay sang dân làng :

– Anh Hải của chúng ta đã lập nên chiến công cách mạng đem lại vinh quang cho Rạch Ranh. Chúng ta hãy cùng chúc mừng anh ấy ! Việt Nam ơi ! (Việt Nam muôn năm !)

– Chúc Hải sống lâu ! Việt Nam ơi !
đám đông hét lên.

– Đả đảo thực dân Pháp ! Cha tôi lại
nói.

Đám đông say sưa vì vui mừng đã
hô vang những khẩu hiệu. Chúng tôi
cười, chúng tôi chúc mừng Hải, chúng
tôi theo dõi xác con Dakota cháy hết.

Nhiệt độ vẫn còn quá cao đến nỗi
không ai có thể lại gần được. Các mảnh
vỡ của máy bay văng ra xa hàng chục
mét. Những đứa trẻ, những người cùng
nhau ở khắp mọi nơi, một trong số họ bị
bỏnặng ở ngón tay khi cố nhặt một
mảnh kim loại sáng bóng.

Cách cabin vài bước chân, có một
hình bóng màu đen, cuộn tròn lại, đó là
thi thể của một trong hai phi công người

Pháp. Cái còn lại có lẽ đã bị cháy bên trong.

– Họ ở quá thấp để có thể nhảy dù ra ngoài, một chiến sĩ kháng chiến giải thích.

Liệu họ có được trang bị dù không? Vào thời điểm đó, vũ khí của lực lượng kháng chiến rất kém, ít nhất là ở miền Nam, khiến các phi công cảm thấy mình bất khả xâm phạm. Tuy nhiên, loại sự cố này đã xảy ra nhiều lần trong cuộc chiến tranh chống Pháp.

Hai mươi năm sau, các máy bay ném bom chiến đấu của Mỹ quá tự tin vào tốc độ của mình đã bị bắn hạ bởi súng máy hạng nặng.

Hải, một học trò cũ của cha tôi, đã cống tôi lên vai để trở về chùa, và tôi

cũng tự hào như người anh hùng ngày ấy. Khi màn đêm buông xuống, toàn bộ ngôi làng diễu hành thành một hàng dọc theo bờ đê, vừa đi vừa hát :

– Quyết tiến, ta là dân lạc hồng... Khi đó tôi khó có thể ngờ rằng tác giả của bài hát cách mạng này của Việt Minh, Võ Đức Thụ, lại là chú của người vợ tương lai của tôi, người vừa mới sinh ra ở Sài Gòn... Tôi hát hết mình, chúng ta đã bắn rơi một chiếc máy bay Pháp, đây là ngày vinh quang, và cả làng đang ăn mừng.

Chỉ trong chốc lát, một bụi đã được dựng lên gần ngôi chùa. Đây không phải là điều mới mẻ. Vào buổi tối, người ta thường tổ chức biểu diễn sân khấu ở đó cho người dân. Thậm chí còn có một dàn nhạc nhỏ trong làng, nơi anh trai tôi chơi đàn mandolin. Chuyên môn của tôi là kéo rèm sân khấu.

Nhưng tối nay, không có rèm. Đó là một bữa tiệc tự phát, ngẫu hứng và có phần điên rồ. Mọi người đều hô vang : Hải vạn tuế ! Việt Nam muôn năm ! Việt Minh muôn năm ! Đả đảo thực dân Pháp ! Mọi người cùng hát bài Tiến Lên ! Cha tôi có bài phát biểu :

– Làng của chúng ta vừa dạy cho kẻ thù một bài học ! Chúng ta phải chiến thắng ! Đế chế Pháp phải bị đánh đổ ! Việt Nam muôn năm ! Đả đảo người Pháp !

Đám đông đáp lại. Hải cũng tôi trên vai, cha tôi đọc bài phát biểu, anh trai tôi đã chơi đàn mandolin... Tôi đang ở đỉnh cao của sự phấn khích, tự hào khi được là bạn của một anh hùng, con trai của một nhà trí thức cách mạng, anh trai của một nghệ sĩ. Tôi gần gũi với những người mà toàn thể người dân Rạch Ranh

đều kính trọng và ngưỡng mộ. Rạch Ranh là toàn bộ vũ trụ của tôi, tôi không thể tưởng tượng ra vinh dự nào cao hơn. Và đúng là không có cái nào cả. Chiến thắng của một ngôi làng đồng bằng khốn khổ trước sức mạnh tàn bạo, áp đảo của phương Tây là một chiến thắng mà người Pháp hay người Mỹ khó có thể tưởng tượng được ý nghĩa của nó. Với tôi, một đứa trẻ chân đất ở Rạch Ranh, đây là báu vật mà tôi vẫn luôn gìn giữ cho đến ngày nay. Từ ngày đó, tôi tự hào là người Việt Nam, tin rằng người Việt Nam không bị buộc phải tuân theo luật pháp của các nước lớn, dù là Pháp, Hoa Kỳ, Trung Quốc hay Liên Xô...

Không phải ngày nào ở Rạch Ranh cũng tươi đẹp như thế. Đôi khi, tiếng trống tre báo hiệu đoàn quân Pháp đang

tiến đến, cùng với sự hộ tống của lính đánh thuê Việt Nam, và ngày nay hiếm khi kết thúc mà không có nước mắt. Những người kháng chiến Việt Minh không muốn đổi đầu trực tiếp. Họ không được trang bị vũ khí đầy đủ cho việc đó. Tôi nghĩ có khoảng năm khẩu súng trường ở toàn bộ làng Rạch Ranh. Không phải súng tiểu liên, không phải súng máy, không phải súng cối. Những khẩu súng trường này được trao cho những tay súng giỏi nhất như Hải. Những người còn lại chỉ có dao.

Đối với chúng tôi, những đứa trẻ ở Rạch Ranh, chiến tranh là một loại thiên tai định kỳ, giống như giông bão vậy. Có những khoảng thời gian dài cuộc sống bình thường, rồi đột nhiên chiến tranh xảy ra. Cuộc sống đã trở lại bình thường, nhưng cơn bão có thể ập đến bất cứ lúc

nào. Đó chính là cuộc sống. Tôi không nhớ mình thực sự sợ hãi vào thời điểm đó, ngoại trừ ngày máy bay ném bom bị bắn hạ. Tôi đã trải nghiệm cảm giác chạy trốn điên cuồng khi máy bay hoặc đội tuần tra đến gần như một trò trốn tìm vừa nguy hiểm vừa thú vị. Và anh trai tôi rất hào hứng với trò chơi chiến tranh.

Ở làng, mọi người giúp đỡ nhau rất nhiều và sống trong tình anh em ấm áp. Chúng tôi ăn ở nhà của nhau, chia sẻ những gì mình có. Khi mọi người đều nghèo, sự đoàn kết là có thật. Sự ích kỷ bắt đầu từ sự giàu có. Người đàn ông tội nghiệp tự nhủ : «Ngày mai, có thể chính là anh ta sẽ cho mình ăn.» Ngay khi ai đó có nhiều hơn những gì họ cần cho ngày mai, họ sẽ ngừng chia sẻ.

Ở Rạch Ranh, ai cũng nghèo. Tất cả dân làng, dù có họ hàng hay không, đều

có mối quan hệ gia đình với nhau. Không có thứ gì được trả bằng tiền.

Tôi nhớ có một người chú phải lợp lại mái nhà. Đến đúng ngày đã hẹn, hàng chục thanh niên đã đến giúp đỡ. Chúng tôi đã giết một số con vịt và làm rượu dừa để nâng cao tinh thần. Nhưng chú tôi là người đầu tiên lạm dụng nó và đã ngủ quên. Khi chú tỉnh dậy, mái nhà đã hoàn thành... Mọi người đều chế giễu chú, và họ đã cười rất nhiều, mà không hề có động cơ thâm kín nào cả. Sau đó, chú đi làm việc cho người khác như họ đã làm cho chú, mà không hề tính toán thời gian hay công sức của mình. Những món quà này không cần phải đong đếm, miễn là mọi người đều tham gia. Người này cho nhiều hơn, người kia cho ít hơn, nhưng mọi thứ đều có trong cộng đồng, và tài năng riêng của người này bù đắp

cho sự siêng năng của người kia.

Ở một ngôi làng Việt Nam, cũng như tôi biết, ở một ngôi làng Pháp, những dịch vụ «miễn phí» qua lại này được đo lường theo giá trị thực của chúng mà không cần đồng hồ hay thuế quan và tạo ra sự cân bằng tương ứng với giá trị xã hội của mỗi bên, mà không có Nhà nước mù quáng hay chủ nghĩa tư bản tàn nhẫn, cả hai đều quan liêu, can thiệp vào vấn đề này.

Ở Rạch Ranh, mọi người đều biết rõ giá trị của những công dân khác. Không cần phải ghi lại lời ông nói, hay cân đong đếm những gì ông đã làm hay không làm ; một người có thuộc về hay không thuộc về cộng đồng ; mọi người đều biết mình là con nợ hay chủ nợ của người khác, nhưng lại không bao giờ có số liệu thống kê. «Sự cân bằng» nguyên thủy và

trực quan này, được chủ nghĩa tư bản thay thế bằng tiền, và chủ nghĩa xã hội thay thế bằng báo cáo của cảnh sát, đã bị xóa bỏ ở Việt Nam. Dưới chế độ cũ (của Thiệu, của Diệm), tiền bạc đã thay thế sự phán đoán của cộng đồng. Dưới chế độ mới, đây là những phán quyết của các viên chức bên ngoài làng. Cuối cùng là thảm họa. Ngày nay chúng ta có thể đo lường kết quả của “tiến trình” này.

Đối với Phật tử nói chung và người Việt Nam nói riêng, cuộc sống là một chuỗi : Hỉ, nộ, ái, ố (vui, ghét, yêu, lo). Không có gì ngạc nhiên khi thấy thảm họa xảy ra sau chiến thắng.

Một thời gian sau buổi tối mừng chiến thắng máy bay ném bom của Pháp bị bắn rơi, một buổi tối tôi thấy mẹ tôi

loạng choạng trở về chùa, trên tay bế thi thể của một trong những người em trai của bà. Mẹ tôi đang khóc. Những chiến binh kháng chiến có vũ trang đã ủng hộ bà. Xung quanh bà, đàn ông và phụ nữ đang cầu nguyện hoặc la hét, vừa cầu nguyện vừa la hét. Chú tôi đã hy sinh trong một trong những cuộc phục kích mà người dân chúng tôi luôn giành chiến thắng, theo như những gì chúng tôi được nghe, nhưng người dân chúng tôi cũng chết, giống như lính đánh thuê của thực dân.

Ngày hôm đó, nhìn vào thi thể bất động của người cậu trẻ tuổi, vẫn còn là một thiếu niên, tôi cảm thấy một nỗi căm ghét dâng trào trong lòng một đứa trẻ.

Tại sao người Pháp, những người đàn ông da trắng mà tôi chỉ từng nhìn

thấy từ xa, lại giết cậu tôi ? Tại sao họ lại sẵn lòng người Việt Nam, với sự giúp đỡ của những người Việt Nam khác ? Và tại sao họ lại ở đây khi họ có đất nước riêng của mình tại châu Âu ?

Cho đến lúc đó, tôi chưa bao giờ thực sự hiểu những từ “độc lập” và “chủ nghĩa thực dân” mà tôi nghe được sử dụng trong các cuộc họp làng.

Nhưng cái chết của cậu tôi giống như một sự mặc khải. Nhiều năm sau, khi không quân Mỹ ném bom Việt Nam, cách xa Sài Gòn, tôi nhớ lại nỗi kinh hoàng thời thơ ấu của mình, khi cha tôi ôm tôi vào ngực dưới đáy hào, tôi nhớ đến cậu tôi trong vòng tay mẹ, và tôi không khỏi nghĩ đến hàng ngàn đứa trẻ giống như tôi, hàng ngàn người cha, người cậu, người mẹ đã phải chịu đựng cuộc chiến này trong nhiều năm.

3

NHÀ TÙ TRẦN HUNG ĐẠO

Đối với người đàn ông bị nhốt trong phòng giam biệt lập trong nhiều tuần, không một lá thư, không một lối thoát, không thể đọc hay viết, những ngày và đêm trở thành cơn ác mộng dài.

Giống như mọi tù nhân trên thế giới, tôi đếm ngày bằng cách cào một con ve vào góc phòng giam mỗi sáng. Tôi ép bản thân phải thực hiện các bài tập ghi nhớ dài. Tôi cố gắng giữ dáng bằng cách tập

thể dục, nhưng rất nhanh mệt mỏi. Với hai bát cơm mỗi ngày, không rau, không thịt, bạn dần dần rơi vào tình trạng suy nhược.

Chỉ có tâm trí vẫn còn nhanh nhẹn, xoay đi xoay lại những câu hỏi : “Tại sao họ bắt tôi ? Khi nào họ sẽ thả tôi ?” Tôi cảm thấy một nhu cầu dai dẳng phải giải thích cho bản thân. Bất cứ khi nào có thể, tôi đều gọi lính canh và yêu cầu được nói chuyện với người phụ trách. Nhưng họ luôn lặp lại cùng một điều : “Hãy kiên nhẫn. Bạn không phải là người duy nhất. Cán bộ rất bận rộn.”

Yoga vẫn giúp tôi dễ ngủ hơn, nhưng việc này ngày càng khó hơn.

Vào sáng ngày thứ 46, cuối cùng, một người lính gác gõ cửa và mở cửa :

- Số 5 ! Tên mày là gì ?
- Đoàn Văn Toại.
- Hãy chuẩn bị sẵn sàng để đi làm.

Theo cách nói khiêm tốn của Trần Hưng Đạo, «làm việc» có nghĩa là «đi thăm vấn». Bỗng nhiên, tên lính canh hét lên :

– Nhưng mày hoàn toàn khỏa thân ! Điều này có nghĩa là gì ? Mày có phải là một con chó không ? Ôi chao ! (con rối của người Mỹ), mày được giáo dục như thế hả ?

– Tôi chỉ có một bộ quần áo, bộ quần áo tôi đã mặc khi đến đây cách đây bốn mươi sáu ngày. Để giữ sạch sẽ, tôi ngủ khỏa thân. Và ai có thể nhìn thấy tôi trong ngục tối này ?

– Hãy mặc quần áo nhanh lên ! Tên lính hét lên giận dữ.

Tôi tuân thủ. Cánh cửa phòng giam mở ra, tên lính canh trẻ đẩy tôi vào hành lang, giữa hai dãy phòng giam. Tôi cảm thấy hơi chóng mặt khi phải bước thẳng về phía trước.

Một cánh cổng sắt mở ra, chúng tôi rẽ trái, rồi lại rẽ trái lần nữa. Lính gác chặn tôi lại, đi ngang qua và thông báo :

– Tù nhân Toại.

– Đưa anh ta tới đây, một giọng nói vang lên.

– Chú ý !

Tên lính hét lên và quay về phía tôi. Sau đó, với vẻ nghiêm trọng, hất ra hiệu cho tôi vào.

Tôi cảm thấy nhẹ nhõm khi bước qua ngưỡng cửa văn phòng này. Cuối cùng, tôi đứng trước một người quản lý và người này sẽ cho tôi biết lý do tại sao tôi ở đây. Tôi có thể nói với ai rằng tôi không có việc gì phải ở đây ?

Người cán bộ ngồi sau một chiếc bàn ở phía cuối phòng, đang xem xét giấy tờ. Tôi chào ông ấy một cách trân trọng :

– Kính thưa Bác, một hình thức lịch sự cao cả của người Việt Nam không ám chỉ mối quan hệ họ hàng mà thể hiện sự tôn kính.

Không trả lời, vẫn cắm cúi vào đóng giấy tờ của ông ta – tôi nghĩ là hồ sơ của tôi đã đầy ắp rồi – người quản lý mời tôi ngồi trên một chiếc ghế cách ông ta sáu bước, ở đầu kia của văn phòng.

Nhiều phút trôi qua trong im lặng. Tất cả những gì chúng ta nghe thấy là tiếng sột soạt của những trang giấy. Người cán bộ, một người đàn ông khoảng năm mươi tuổi, cuối cùng cũng ngẩng đầu lên, mỉm cười và hỏi tôi một cách thân mật :

– Anh có khỏe không ? Anh ngủ có ngon không ? Anh có ăn ngon miệng không ?

Tôi gần như cảm thấy như mình đang ở phòng khám bác sĩ.

– Vấn đề không phải là thiếu cảm giác thèm ăn đâu, ông ạ. Đó là đồ ăn. Và trên hết tôi muốn biết tôi đang làm gì ở đây ! Tôi không có...

Chỉ bằng một cử chỉ, cán bộ cắt đứt cuộc biểu tình sôi sục trong tôi.

– Các tù nhân cũng ăn những thứ giống như chúng ta. Bạn phải hiểu rằng đất nước chúng ta nghèo... Tốt. Bây giờ, bạn đã sẵn sàng trả lời câu hỏi của tôi chưa ?

– Tôi đã sẵn sàng chưa ? Nhưng tôi đã chờ đợi điều này hơn sáu tuần rồi. Bất cứ khi nào có thể, tôi đều yêu cầu được thăm vấn để chứng minh...

Một lần nữa, cán bộ lại khiến tôi dừng lại.

– Hoàn hảo ! Anh phải trả lời trung thực mọi câu hỏi mà tôi hỏi anh. Một ngày nào đó anh sẽ được tự do, tôi chắc chắn điều đó. Nhưng điều đó phụ thuộc vào sự chân thành của bạn. Chính quyền cách mạng khoan dung với những người thừa nhận lỗi lầm trong quá khứ, nhưng lại phán xét nghiêm khắc những người

cố chấp và nói dối.

Tôi muốn nhảy ra khỏi ghế, nhưng tôi cố kiềm chế, cố gắng kiềm chế sự phản nộ đang bóp nghẹt tôi : «Lỗi lầm trong quá khứ» là gì ? Tôi là con trai của một giáo viên ở vùng kháng chiến. Tôi đã tổ chức các cuộc biểu tình phản đối Diệm khi còn học trung học. Tôi là một trong những người lãnh đạo phong trào sinh viên phản đối chế độ bù nhìn của Thiệu. Tôi thậm chí đã bị bỏ tù nhiều lần vì lý do này. Tôi chưa từng vi phạm bất kỳ quy định nào kể từ ngày 30 tháng 4 (năm 1975). Vậy, «sai lầm trong quá khứ» của tôi là gì ?

Một lần nữa, bàn tay giơ lên của cán bộ ra lệnh cho tôi im lặng. Tôi phụ thuộc vào ông ta. Tôi giữ im lặng. Với nụ cười và sự kiên nhẫn, ông giải thích với tôi rằng ông biết một số hoạt động của tôi

dưới chế độ cũ, nhưng có một số điểm cần phải làm rõ. Những điểm nào ? Anh ta vẫn giữ nụ cười mơ hồ. Điều quan trọng là phải nói mọi điều một cách chân thành ngay từ đầu.

– Vậy, anh sinh ra ở Cái Vồn...

Và cuộc thăm vấn bắt đầu. Tôi kể câu chuyện về Phật giáo Hòa Hảo, cuộc chạy trốn của Cái Vồn, sự xuất hiện tại làng Rạch Ranh của Việt Minh, vai trò của cha tôi và vụ máy bay Pháp bị bắn hạ.

Cán bộ ghi chép lại mọi thứ, thỉnh thoảng hỏi thăm về cha tôi, mẹ tôi, ông bà tôi, anh trai tôi, chị gái tôi. Thỉnh thoảng anh ấy lại kể về thời gian gần đây, hỏi thăm tôi về bạn gái, vợ và bố mẹ vợ tôi. Nhưng sau đó, anh ấy quay lại chi tiết những năm tháng đầu đời của tôi.

– Anh nói anh đã tổ chức các cuộc biểu tình chống lại Ngô Đình Diệm khi còn là học sinh trung học. Giải thích cho tôi việc đó...

Đến một lúc, cán bộ đã bắt đầu xưng hô với tôi một cách trang trọng. Tôi coi đó là dấu hiệu của sự cân nhắc. Người đàn ông này có sức quyến rũ và lịch sự. Ông là người miền Nam, ông không có sự ngạo mạn như cán bộ cộng sản miền Bắc. Tôi ngày càng cảm thấy mình giống một nhân chứng hơn là một bị cáo. Chắc chắn là bị giam cầm, nhưng rõ ràng là sẽ không lâu. Toàn bộ quá khứ của tôi đã nói lên tất cả.

Tôi kể cho ông nghe về cuộc đời của chàng thanh niên Đoàn Văn Toại, từ khi Ngô Đình Diệm lên nắm quyền năm

1954 cho đến khi ông sụp đổ năm 1963, đối với tôi tương ứng với thời gian tôi vào trường trung học ở thủ phủ Vĩnh Long, cho đến kỳ thi «tú tài» ở Cần Thơ.

1954 – Vĩnh Long

Năm 1954, quân Pháp bị đánh bại ở Điện Biên Phủ, tiếp theo là việc ký kết Hiệp định Genève, tạm thời chia đôi Việt Nam dọc theo vĩ tuyến 17. Một đơn vị tồn tại được hơn hai mươi năm.

Lực lượng của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (DRVN) sẽ tập hợp lại ở phía bắc đường ranh giới này, lực lượng Pháp ở phía nam, trong khi chờ đợi cuộc tổng tuyển cử quyết định chế độ của đất nước.

Tại Sài Gòn, chính quyền Ngô Đình Diệm được thành lập, về mặt lý thuyết là

dưới sự bảo trợ của Bảo Đại, nhưng trên thực tế lại được Hoa Kỳ hỗ trợ. Một năm sau, họ lên án Hiệp định Genève và phế truất hoàng đế.

Về mặt chính thức, đó là hòa bình và độc lập hoàn toàn. sẽ sớm có. Nhưng người dân đã cảm thấy rằng cuộc đối đầu với người Pháp sẽ được tiếp nối bằng cuộc đấu tranh của người Việt Nam.

Phía bắc vĩ tuyến 17, nơi sự thống trị của cộng sản thể hiện rõ, hơn một triệu người quyết định di cư vào miền Nam, đặc biệt là những người Công giáo, dưới sự ảnh hưởng của giáo sĩ. Ở các nước phương Tây, người ta bàn tán nhiều về cuộc di cư này ; Ít ai biết rằng đã có sự di chuyển dân số theo hướng ngược lại, từ Nam ra Bắc. Điều đó không quan trọng lắm, vì như đã nói, lực lượng du kích có tính «dân tộc chủ nghĩa» hơn là

«cộng sản», và chế độ Diệm tự coi mình là người theo chủ nghĩa dân tộc. Tuy nhiên, những người ủng hộ nhiệt thành nhất cho nền độc lập không khoan nhượng (không nhất thiết phải là thành viên của đảng cộng sản) đã rời đi để định cư tại VNDCCH. Số lượng những «tập kết» này từ miền Nam rất khó xác định, nhưng phải vào khoảng từ một trăm đến hai trăm ngàn người.

Ở «làng Việt Minh» Rạch Ranh của tôi, một số gia đình đang di cư ra Bắc. Những người khác, những người chỉ đến đó để tìm sự bảo vệ khỏi người Pháp, đã trở về làng quê của họ. Ngày qua ngày, cha tôi chứng kiến ngôi trường của mình dần tan biến. Nhưng ông không muốn đưa gia đình trở về Cái Vồn, nơi Phật giáo Hòa Hảo đang hùng mạnh hơn bao giờ hết và quê hương của ông đã bị phá

hủy. Ông quyết định rời quê lên tỉnh lý Vĩnh Long và tìm việc làm giáo viên ở đó.

Việc này không phải là không có khó khăn.

Tôi nhớ lần thử đầu tiên của chúng tôi. Chúng tôi đi dọc theo con rạch bằng hai chiếc ghe nơi chúng tôi chắt chyu hành lý. Trên chiếc ghe đầu tiên có một trong nhiều chú bác của tôi (gia đình có mười hai người con). Tôi ở trên chiếc ghe thứ hai, cùng với cha, mẹ và chị gái. Anh trai tôi đã đi thử vận may ở Sài Gòn. Chính phủ mới đã thực hiện các bước để cô lập, thậm chí là tiêu diệt những người bị nghi ngờ có cảm tình với cộng sản. Khi đến Sông Phú, nơi con rạch này giao với quốc lộ Sài Gòn-Vĩnh Long, chúng tôi bị bắt mà không báo trước. Chúng tôi đến từ «khu vực Việt Minh», thế là đủ. Chú

tôi đã bị bắt.

Mẹ tôi bị thương ở chân do trúng đạn, nhưng nhờ sự bình tĩnh của cha tôi, ghe của chúng tôi đã quay trở lại được. Chúng tôi không bị truy đuổi.

Phải mất rất nhiều thủ đoạn để đưa gia đình tôi đến Vĩnh Long, thoát khỏi sự kiểm soát của chính quyền mới, nhưng cha mẹ tôi đã thành công. Một hoặc hai tháng sau, chúng tôi đã ổn định ở thị trấn chính và ở với một trong những người dì của mẹ tôi.

Cha tôi tìm được một vị trí giảng dạy tại một trường tư thục, có hiệu trưởng là một người ủng hộ Việt Minh. Mẹ tôi kiếm thêm thu nhập cho gia đình bằng cách bán ở chợ các loại trái cây và rau quả mà bà mua từ những người nông dân địa phương.

Trong đôi mắt mười tuổi của tôi, nơi chỉ biết đến những túp lều nằm rải rác ở vùng sâu vùng xa của đồng bằng, Vĩnh Long là một thành phố ấn tượng. Trên thực tế, vào thời điểm đó dân số của thành phố chắc hẳn phải ít hơn năm mươi ngàn người. Lần đầu tiên trong đời, tôi được chứng kiến những điều kỳ diệu của nền văn minh hiện đại... Đèn đường điện, ô tô, xe buýt.

Ngoài ra còn có một rạp chiếu phim, nơi tôi xem bộ phim đầu tiên trong đời — một bộ phim Trung Quốc về Đức Phật. Có rất nhiều người Hoa trong thành phố. Họ sở hữu hầu hết các cửa hàng, hiệu thuốc, nhà hàng.

Cuối cùng, và cũng là lần đầu tiên, tôi được sống gần người Pháp. Những người vẫn còn ở Vĩnh Long không giống hình ảnh hiếu chiến mà tôi đã hình

dung về họ trong những năm trước. Họ khá mập và vô hại. Hầu hết họ là giáo viên trung học. Có một số người khác làm việc trong bộ phận hành chính, dịch vụ như điện. Tổng cộng, không quá vài chục người ở toàn thành phố.

Ở trường công nơi cha tôi cho tôi theo học, tất cả giáo viên đều là người Việt Nam và họ bắt đầu «Việt Nam hóa» chương trình giảng dạy, đặc biệt là môn lịch sử. Không còn câu hỏi về «tổ tiên của chúng ta là người Gaulois», những người có mái tóc vàng và đã xung đột với người La Mã. Nhưng chúng tôi vẫn tiếp tục dạy tiếng Pháp sáu giờ một tuần.

Học sinh thường được huy động tham gia các cuộc biểu tình chính trị ủng hộ Ngô Đình Diệm, và đặc biệt là chống lại Bảo Đại, người mà chúng tôi đã đốt chân dung. Đó là vấn đề chuẩn

bị dư luận cho quá trình chuyển đổi từ chế độ quân chủ sang chế độ Cộng hòa, và điều này không quá khó khăn. Người ta nói rằng Hoàng đế Bảo Đại sống xa hoa ở Pháp, tiêu tốn tiền bạc vào cờ bạc mà không quan tâm đến sự bất hạnh của thần dân. Hình ảnh này có lẽ quá đơn giản, nhưng Bảo Đại không hề chối bỏ.

Ngược lại, Diệm vẫn chưa bị coi là tay sai của người Mỹ như sau này. Ông là một nhân vật mới, năng động, có học thức, không bị ràng buộc bởi hệ thống phân cấp thực dân cũ, và nhiều người coi ông là một nhà cách mạng theo chủ nghĩa dân tộc. Trong mọi trường hợp, đó là một người yêu nước và có vẻ trung thực. Một lần nữa, mọi người lại không hề nhầm lẫn. Nhưng lúc đó ông không thể lường trước được vai trò tai hại mà đoàn tùy tùng của người đứng đầu họ

Ngô sẽ đảm nhiệm.

Vào thời điểm đó, em trai của ông, Ngô Đình Nhu, đã thành lập một đảng cực kỳ bí mật ở phía nam vĩ tuyến 17, Đảng Cần Lao, hoạt động nhằm tập hợp lại tất cả các lực lượng dân tộc chủ nghĩa phi cộng sản. Đảng Cần Lao chủ yếu tuyển dụng những nhà lãnh đạo — trí thức, bác sĩ, quản lý, giáo viên, quân nhân - một số người đã làm việc với Việt Minh vì họ là những người theo chủ nghĩa dân tộc, nhưng không có cùng quan điểm về học thuyết với những người cộng sản.

Trong số đó, tôi xin trích dẫn một ví dụ, đó là trường hợp của Trần Trung Dung, người đầu tiên là một «nhà hoạt động» Việt Minh trước khi trở thành bộ trưởng trong chính quyền Ngô Đình Diệm. Dung đã tự tử vài ngày sau khi Sài Gòn sụp đổ, trong hoàn cảnh phản ánh

bầu không khí lúc bấy giờ. Vào tháng 5 năm 1975, ông Dung nhìn thấy một chiếc xe ô-tô đến trước nhà mình, theo sau là một đội quân hộ tống vũ trang đông đảo. Nghĩ rằng mình sẽ bị bắt, ông đã ngay lập tức nuốt một liều thuốc độc được chuẩn bị cho mục đích đó. Trên thực tế, vị khách đó chính là... anh trai của ông, người đã trở thành một thành viên quan trọng của đảng cộng sản miền Bắc và do đó được canh gác rất nghiêm ngặt. Liệu người anh em này có thể cứu ông khỏi «trại cải tạo» nơi có rất nhiều người Việt Nam đang chết dần chết mòn không ? Không thể trả lời câu hỏi này. Bởi vì nhiều người Việt Nam, những người đã trở thành nhân vật đáng chú ý của chế độ mới, đã cho phép họ hàng thân thiết hoặc bạn bè lâu năm bị bỏ tù mà không can thiệp, vì sợ làm ảnh hưởng đến địa vị của chính họ.

Rất ít nhà quan sát phương Tây nghi ngờ tầm quan trọng thực sự của Cần Lao, vì các hoạt động của tổ chức này không được công khai. Tuy nhiên, những người cộng sản đã phát hiện ra điều đó quá muộn. Tổ chức này đã được xây dựng đầy đủ để có thể đối phó hiệu quả với những nỗ lực xâm nhập của họ. Sự vững chắc của «Hội Tam Điểm» do Nhu xây dựng cũng giải thích, ít nhất là sự ủng hộ của Hoa Kỳ, cho thời gian tồn tại của chế độ Ngô Đình Diệm, kéo dài cho đến năm 1963.

Ngày sau trận Điện Biên Phủ, khi còn là một cậu học sinh, tôi đã không tự hỏi mình những câu hỏi phức tạp như vậy. Tôi chỉ nghe được từ kỳ diệu «độc lập», có nghĩa là người Việt Nam không chỉ là tài xế xe buýt mà còn là giám đốc điện lực và trường trung học mà tôi sắp vào.

Một số ít viên chức người Pháp, được ân xá tạm thời, vẫn ở lại thành phố, đóng vai trò là bàn đạp cho các khẩu hiệu của chế độ mới, cũng giống như «hoàng đế» đã bán đứng và tiệt tủng bằng tiền của chúng tôi ở Monte Carlo. Vì vậy, chúng tôi đã biểu tình nhiệt tình đòi bãi bỏ chế độ quân chủ và ủng hộ chính quyền quốc gia của Ngô Đình Diệm, vốn đang thao túng chúng tôi mà chúng tôi không hề hay biết.

Vào thời điểm đó, chưa bao giờ có vấn đề đấu tranh chống chủ nghĩa cộng sản, mà chỉ có vấn đề độc lập khỏi người Pháp và công cuộc khôi phục quê hương Việt Nam. Ngô Đình Diệm được coi là một người theo chủ nghĩa dân tộc không khoan nhượng.

Ngày càng có nhiều cuộc biểu tình của người dân chống lại «chủ nghĩa thực

dân Pháp», là cái cớ cho nhiều cuộc trưng cầu dân ý chống lại chế độ quân chủ Bảo Đại và ủng hộ Cộng hòa Diệm.

Giống như nhiều cựu thành viên Việt Minh khác, cha tôi lúc đó đang trong trạng thái mong đợi. Ông không ủng hộ Diệm, người đàn ông này, xét cho cùng, vẫn được an toàn ở Hoa Kỳ trong khi ông và các đồng chí của mình đang phải liều mạng sống ở vùng du kích. Nhưng ông cũng không vận động chống lại Diệm, vì ông thể hiện mong muốn thanh trừng Bảo Đại và chủ nghĩa thực dân Pháp. Trên khắp miền Nam Việt Nam, những cựu chiến binh Việt Nam đang chờ đợi cuộc bầu cử năm 1956 sẽ quyết định tương lai của đất nước.

Những cuộc bầu cử này sẽ không bao giờ diễn ra.

Sự chia cắt Việt Nam vẫn tiếp diễn và đóng băng. Trong khi cáo buộc lẫn nhau vi phạm Hiệp định Genève, chính quyền Hà Nội và Sài Gòn đang tổ chức chế độ của mình theo cách khiến cho việc thực hiện Hiệp định ngày càng trở nên khó khăn hơn. Ở miền Bắc, Hồ Chí Minh đã tiến hành tập thể hóa đất đai theo đúng phương pháp của Stalin. Ở miền Nam, Ngô Đình Diệm tiếp tục bố trí hệ thống của mình, với lời khuyên và sự tín nhiệm từ người Mỹ, trong khi những chiếc thuyền cuối cùng của Pháp rời khỏi bờ biển.

Tại Vĩnh Long, ở đồng bằng, chúng tôi sống một cuộc sống bình lặng. Ít nhất thì không còn chiến tranh nữa, và thỉnh thoảng cha tôi và tôi được đi thăm bạn bè ở những ngôi làng nơi chúng tôi sống,

ở Cái Vồn hoặc Rạch Ranh.

Tuy nhiên, sức ép đang dần được siết chặt. Những cựu công chức Pháp được thay thế bởi những người trung thành với Cần Lao. Các cuộc biểu tình chống chủ nghĩa thực dân ngày càng mang màu sắc chống cộng sản và ngày càng trở nên bắt buộc. Cùng lúc đó, phe đối lập lại nổi lên.

Lại có báo cáo về các cuộc tấn công vào cầu và các trạm gác biệt lập xung quanh thành phố. Những tờ rơi bắt đầu được phát tán một cách bí mật.

Tôi đã trở thành đứa trẻ khá thông minh ở Vĩnh Long, bắt đầu gây ra sự náo động. Theo bản năng, tôi ghét những «ông chủ nhỏ» xuất hiện cùng với chế độ mới. Họ vừa thiếu hiểu biết, vừa độc đoán và kiêu ngạo cùng một lúc. Tệ hơn

cả bọn đầy tớ của chế độ thực dân. Ngày qua ngày, họ càng tỏ ra ngạo mạn, gọi to những người trên phố, hỏi những câu hỏi ngày càng cụ thể và thiếu tế nhị : «Sao các ông không đến biểu tình ? - Hôm qua các ông ra khỏi thị trấn, các ông đi đâu ? Ai đã ngủ ở nhà các ông đêm qua ?» Cuộc thăm vấn này khiến cha tôi căng thẳng và lo lắng. Tôi cảm thấy mất kiên nhẫn. Khi nào chúng ta mới có được sự tự do mà nền độc lập đã hứa hẹn ?

Một ngày nọ, tôi tìm thấy một tờ rơi viết tay trên băng ghế ở trường, trên đó tôi chỉ đọc được dòng chữ : Gửi đến nhân dân Việt Nam ! Ai đã truyền cảm hứng cho tôi hành động như một kẻ nổi loạn ? Nó hẳn đã được ghi trong gen của chúng ta. Tôi nhét tờ giấy vào một góc quần áo.

Sau đó, khi về nhà, tôi đọc đi đọc lại và nhớ từng chữ trong văn bản đó :

“Gửi đến người dân Việt Nam !

“Nhân dân ta đã phải trả giá rất đắt để đánh đuổi thực dân Pháp, đem lại hòa bình cho đất nước. Nhưng đó mới chỉ là một nửa chiến thắng !

“Ở một nửa đất nước, ở phía bắc, dân chủ và tự do hiện đang ngự trị. Nhưng nửa còn lại của đất nước vẫn nằm dưới sự thống trị của những con rối của chủ nghĩa thực dân.

“Chính quyền bù nhìn của Ngô Đình Diệm đàn áp nhân dân miền Nam, bỏ tù những người yêu nước và vi phạm Hiệp định Genève.

“Đả đảo Ngô Đình Diệm !”

“Đả đảo chính quyền bù nhìn ở Sài Gòn !

“Cách mạng sẽ thắng lợi !”

Văn bản này làm tôi cảm động một cách kỳ lạ. Tôi không thể không nói về điều đó với một người bạn cùng lớp tên là Minh, người hơn tôi ba tuổi và tôi đã nghe anh ấy nói về chính trị nhiều lần. Vài ngày sau, Minh kéo tôi sang một bên :

– Bạn có muốn đi phát tờ rơi cùng mình không ?

– Những tờ rơi ? Tờ rơi nào ?

– Cái mà bạn đã đọc cho tôi nghe hôm nọ. Tôi có cả một gói đây.

Tôi mở to mắt.

– Một gói hoàn chỉnh ? Nhưng...

bằng cách nào ? Và phân phát chúng cho ai ?

– Đừng lo lắng về điều đó. Bạn có muốn đi cùng không ?

Tôi đang háo hức muốn tham gia vào một hoạt động bí mật. Nhưng nỗi sợ vẫn kìm hãm tôi :

– Nếu chúng ta bị bắt thì sao ?

– Không có rủi ro, tôi đã làm điều đó nhiều lần rồi. Bạn không định nói với tôi là bạn sợ sao ? Thôi nào, người ta nói thế mà. Tối nay, mình sẽ đón bạn ở nhà bạn.

Bố mẹ tôi không phản đối «chuyến đi chơi ngắn bằng xe đạp» mà Minh đến nhà để mời sau bữa tối. Minh ngồi phía trước, vừa đạp xe vừa quan sát, tôi ngồi phía sau, trên giá để hành lý của xe,

chuyến đi bắt đầu trên những con phố bụi bặm của Vĩnh Long. Trên ngực tôi, dưới lớp áo sơ-mi, tôi cảm thấy bó tờ rơi nhỏ, và tim tôi đập thành thịch, đập thành thịch... Minh cười, nói đùa như những đứa trẻ mới lớn đang vui đùa, và tôi đáp lại theo cách tốt nhất có thể, cổ họng tôi vẫn hơi nghẹn lại. Thỉnh thoảng, khi không thấy ai, anh ấy lại nói nhỏ : «Đi đi !» hoặc « Bây giờ !» và tôi để hai hoặc ba tấm truyền đơn trượt xuống đùi. Dần dần, tôi trở nên táo bạo hơn, cảm thấy tràn ngập niềm vui điên cuồng, sự hân hoan của hành động bí mật, được tăng thêm gia vị bởi sự nguy hiểm.

Trong những tuần tiếp theo, tôi đã nhiều lần cùng Minh tham gia phân phát tài liệu mới.

Một ngày nọ, bố tôi vô tình phát hiện ra một số tờ rơi mà tôi giấu ở nhà. Ông

không trách móc tôi mà khuyên tôi nên đợi thêm vài năm nữa trước khi tham gia vào hoạt động chính trị.

Năm 1960, Đại tá Nguyễn Chánh Thi lần đầu tiên thực hiện đảo chính quân sự. Ông bao vây dinh tổng thống và buộc Diệm phải đọc bản tuyên bố đầu hàng trên đài phát thanh. Với sự ngây thơ của tuổi mười lăm, tôi đã dẫn đầu các bạn cùng lớp hoan nghênh sự sụp đổ của chế độ độc tài, giật đổ và ném xuống đất bức chân dung Ngô Đình Diệm ghim trên tường.

Nhưng Nguyễn Chánh Thi đã lên kế hoạch hành động kém, còn anh em nhà Ngô thì như cáo già. Hai ngày sau, với sự giúp đỡ của hai viên đại tá trẻ vô danh, Nguyễn Văn Thiệu và Trần Thiện Khiêm

đã giành lại thể thượng phong¹.

Lực lượng an ninh đã mở cuộc điều tra về vụ việc xảy ra tại trường trung học Vĩnh Long. Được coi là một trong những người lãnh đạo, tôi đã bị thẩm vấn suốt một ngày trong văn phòng hiệu trưởng.

Người điều tra là một trung úy già khoảng năm mươi tuổi, khá tốt bụng, người muốn biết trên hết là tôi đã hành động một mình và tự phát, hay có ai đó thúc đẩy tôi. Tất nhiên, tôi không nói một lời nào về Minh và việc phát tờ rơi, với lý do là tôi chỉ muốn gây náo loạn. Cuối cùng khi tin rằng tôi không bị «điều khiển từ xa», viên cảnh sát cho

1 Một thời gian ngắn sau đó, vào năm 1963, chúng ta thấy những diễn viên tương tự xuất hiện trong “kịch bản” dẫn đến sự sụp đổ và cái chết của anh em họ Ngô. Nguyễn Văn Thiệu sẽ sớm trở thành Tổng thống nước Cộng hòa, Trần Thiện Khiêm sẽ trở thành Thủ tướng. Nguyễn Chánh Thi, người ít có trình độ hơn, đã phải lưu vong ở Hoa Kỳ từ cuối tháng 7 năm 1966.

rằng nguyên nhân là do sự bất ổn trong độ tuổi của tôi. Ông ấy chỉ mắng tôi một trận, khuyên tôi nên tập trung vào việc học và đừng tham gia vào hoạt động chính trị, và thế là hết. Nhưng điều đó khiến tôi phải thận trọng hơn...

Trong những năm tiếp theo, nhiều lần, những người trẻ lớn tuổi đã yêu cầu tôi tham gia nhiều hơn vào hoạt động chống lại chế độ.

«Các bạn có lý tưởng, hãy đến với chúng tôi. Chúng tôi là những người cách mạng. Chúng tôi là những người trẻ. Chúng ta phải làm gì đó để tạo ra một xã hội mới, cho quê hương mà chúng ta yêu quý... »

Vào thời điểm đó, tôi không cảm thấy mình là nạn nhân của chế độ chính trị. Tôi thậm chí còn không biết mình

có những ý tưởng «đổi lập». Tôi chỉ biết rằng những người nông dân cũng không vui. Chúng tôi là những người nghèo, bị giai cấp tư sản giàu có sống ở Sài Gòn bóc lột.

Tôi nhớ có ba người đồng chí đã nói với tôi như vậy. Một trong số họ thực sự đã lên nắm quyền. Ngày nay ông là một trong những chủ tịch huyện của tỉnh Vĩnh Long. Hai người kia đã chết.

Khi Diệm và Nhu cuối cùng sụp đổ vào tháng 11 năm 1963, tôi đang học năm cuối trung học. Lần này cuộc đảo chính được tổ chức tốt, có một số tướng lĩnh tham gia vào và họ đã thực hiện các biện pháp phòng ngừa tại đại sứ quán Hoa Kỳ. Nhưng trên hết, sự kiện đã được chuẩn bị – gián tiếp – bằng sự hy sinh

của một số nhà sư đã tự thiêu tại các quảng trường công cộng ở Sài Gòn.

Trên toàn thế giới, cuộc thảm sát này đã khơi dậy cảm xúc phi thường, giáng một đòn chí mạng vào chế độ Diệm. Nếu các nhà sư ôn hòa hy sinh mạng sống của mình để phản đối chính quyền này thì đó là vì cuộc sống đã trở nên không thể chịu đựng được. Trong chương trình phát thanh của mình, Mặt trận Giải phóng miền Nam đã ca ngợi các vị lãnh đạo chùa Ấn Quang. Thích Trí Quang và Thích Thiện Minh đã trở thành những người anh hùng của cuộc đấu tranh cách mạng. Cần phải chấm dứt họ Ngô.

Việc đó đã được thực hiện. Anh em nhà Ngô đã bị «thanh trừng» ngay tại một nhà thờ ở ngoại ô Sài Gòn, nơi họ nghĩ rằng mình sẽ tìm được nơi ẩn náu.

Đến trường trung học Vĩnh Long, niềm vui vỡ òa, tôi không còn e dè nữa. Một cuộc bãi khóa của trường đã được phát động, và tôi đã phát biểu trước toàn thể học sinh trong sân trường : «Chế độ độc tài thối nát đã chết !» Người dân bị áp bức, sống trong cảnh khốn khổ. Ở ngôi trường này, chương trình giảng dạy vẫn còn chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa thực dân. Tất cả những điều này sẽ thay đổi... »

Lúc đó tôi có một số thuật ngữ chính trị. Tôi đang nghe Đài phát thanh Hà Nội. Hầu như mọi người đều làm vậy, vì tò mò hoặc vì thương cảm. Đài phát thanh cộng sản ca ngợi lòng yêu nước, độc lập, cách mạng, tự do, cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân và chiến công của nhân dân. Nó mang lại cảm giác khác biệt so với những bài hát buồn tẻ phát

trên Đài phát thanh Sài Gòn, ngay cả khi những người trẻ tuổi không vô cảm với một số giai điệu du nhập từ Mỹ.

Mặt khác, đài phát thanh Bắc Việt cung cấp thông tin về các phương pháp của chế độ Diệm và những gì đang diễn ra ở miền Nam mà chúng ta chỉ có thể xác minh rất rõ. Chúng ta cũng có xu hướng đánh giá hơi hợt những phép màu kinh tế được công bố ở phía bắc vĩ tuyến 17. Trong mọi trường hợp, ở trên đó, họ do người Việt Nam cai trị, trong khi ở đây, sau người Pháp, thì người Mỹ mới là người định hình bầu không khí.

Tôi cũng đọc tin tức trên một tờ báo đối lập, Thần Chung, tại nhà của một người hàng xóm già gần như mù, người thường gọi tôi đến đọc báo cho bà nghe. Tôi tận dụng cơ hội để đọc phần còn lại. Lúc đó tôi không biết rằng có một

tờ báo đối lập một sự xa xỉ không thể tưởng tượng được dưới chế độ cộng sản. Hay đúng hơn, sự nhất trí thống trị ở miền Bắc khiến tôi nghĩ rằng ở đó nhân dân và công lý đã chiến thắng, trong khi những lời chỉ trích của Thần Chung đối với chính quyền Sài Gòn đã bộc lộ những khiếm khuyết đáng xấu hổ mà miền Nam khốn khổ phải gánh chịu. Ở tuổi mười tám, chủ nghĩa toàn trị không hề đáng sợ khi nó đưa ra những ý tưởng hào phóng, mà ngược lại.

Trong những tháng đầu tiên sau khi chế độ Diệm sụp đổ, tôi giữ im lặng về mặt chính trị và chuẩn bị cho tấm bằng tú tài, một tham vọng mà tấm quan trọng đối với cha mình, một thanh niên người Pháp ngày nay, không thể đo đếm được, và càng quan trọng hơn đối với

một người Việt Nam. Chắc chắn không có quá hai hoặc ba nghìn người trong chúng tôi trên toàn quốc tham dự kỳ thi này, mặc dù (hoặc vì) bản chất thuộc địa không thể chối cãi của nó, nhưng kỳ thi vẫn giữ được uy tín to lớn.

Ở Vĩnh Long, tính trang nghiêm của sự kiện này càng được nhấn mạnh hơn nữa bởi thực tế là kỳ thi không diễn ra tại thành phố này mà tại Cần Thơ, thủ phủ chính của đồng bằng, cách đó khoảng năm mươi km về phía nam.

May mắn thay, gia đình tôi có một người bà con ở đó, tôi đã đến gặp người đó vào tháng 6 năm 1964, mang theo đầy đủ đồ dùng cần thiết. Cô ấy tiếp đón tôi rất lịch sự, không có gì hơn. Nhưng khi tôi vượt qua «phần đầu» của chương trình tú tài, tôi bỗng trở thành một thần đồng trong mắt cô. Trước phần thứ hai,

cô ấy đã chăm sóc tôi rất chu đáo, và khi tôi vượt qua được bài kiểm tra khó khăn này, cô ấy thực sự đã nỗ lực hết mình. Tôi là niềm tự hào của gia đình, không khác gì một đứa quý tộc nhỏ. Tôi sắp vào đại học. Xung quanh tôi, mọi người phát âm từ này với sự tôn trọng và ngạc nhiên. Tất nhiên, cha tôi đã trở thành giáo viên nên tôi có người để noi theo. Nhưng ai đã từng chứng kiến một cậu bé chân đất từ đồng bằng vào đại học ở Sài Gòn ?

1975 — Nhà tù Trần Hưng Đạo

Bây giờ là 11 giờ. Cuộc thẩm vấn đã diễn ra trong hai tiếng rưỡi. Người điều tra không biết mệt mỏi ghi lại chi tiết về thời niên thiếu và trung học của tôi, thỉnh thoảng đặt câu hỏi để làm rõ một chi tiết nào đó. ông ta đứng thẳng

dậy, duỗi cánh tay phải, chắc chắn là hơi cứng, và xem lại những tờ giấy đã chất đống. Có mười bốn tờ, được viết bằng chữ viết tay ngay ngắn. Ông đưa chúng cho tôi.

– Anh có thể đọc lại.

Tôi không muốn đọc lại. Một mặt, tôi muốn chứng tỏ rằng tôi tin tưởng vào độ trung thực của ghi chép của anh ấy. Mặt khác, tôi có thể khiếu nại với ai và bằng cách nào nếu tôi không đồng ý ? Tôi nhanh chóng dùng cây bút mà ông đưa cho, ký tắt vào các trang giấy và tuyên bố của mình. Thái độ này, điều mà ông không ngờ tới, dường như lại làm ông hài lòng. Tôi muốn nhân cơ hội này để nêu lại câu hỏi mà tôi quan tâm đầu tiên :

– Nhưng tại sao tôi lại ở đây, lỗi của tôi là gì, tại sao các anh lại bắt tôi ?

Ông ta đứng thẳng dậy, dang rộng hai tay, đặt trên bàn và gõ nhẹ vào tập tờ rơi trước mặt :

– Đây chính là những gì chúng tôi đang thực hiện hiện nay. ANh không bị bắt một cách vô cớ. Cách mạng không bắt giữ ai mà không có lý do. Đây là những lý do chúng ta cần làm rõ và sẽ mất thời gian. Cuộc cách mạng chỉ mới bắt đầu. Nó có rất nhiều vấn đề cần giải quyết, những vấn đề còn lớn hơn vấn đề của anh.

– Nhưng ít nhất hãy cho tôi biết chính xác tôi bị bắt vì tội gì, để tôi có thể suy nghĩ về điều đó, để tôi biết liệu tôi có thiếu thận trọng, thiếu suy nghĩ, vô trách nhiệm hay không... Tôi không

muốn bị nhảm lẫn với kẻ thù của cách mạng !

Có vẻ ngạc nhiên vì ngôn ngữ mình biết, ông ta dùng gõ vào tập hồ sơ của tôi, nhìn tôi, suy nghĩ rồi trả lời :

– Ví dụ, tại sao anh không tham gia Mặt trận Giải phóng Dân tộc ? Tại sao anh không tham gia du kích khi hàng triệu đồng bào của chúng ta đã làm như vậy ?

– Vậy, tôi nói, tất cả những ai không tham gia du kích đều là kẻ phản bội ? Hầu hết người miền Nam đều là phản động ? Và những người làm ăn với người Mỹ, hoặc buôn bán thuốc phiện, sẽ phải trải qua một tháng cải tạo trong khi những người như tôi, những người đấu tranh chống lại chế độ cũ, sẽ phải chịu án tù dài hạn vì họ không đi xa đến mức tham

gia vào ma túy ? Tôi đã ở đây bốn mươi sáu ngày rồi và tôi không biết tại sao ; và tôi không biết khi nào nó sẽ kết thúc, và ông nghĩ điều đó công bằng sao ?

Chuông reo khắp nhà tù, báo hiệu giờ ăn của lính canh và quản lý. Người điều tra đuổi tôi đi mà không trả lời câu hỏi của tôi :

– Trở về phòng giam. Nếu anh không phạm lỗi lầm gì thì không có gì phải sợ. Nhưng nếu trường hợp của anh không rõ ràng, anh cần phải làm rõ. Và vì thế, cuộc cách mạng sẽ mất nhiều thời gian tùy theo nhu cầu... Một năm, hai năm, ba năm nếu cần.

Ông ta ra hiệu cho tên lính đưa tôi trở về. Tôi đưa ra một yêu cầu cuối cùng:

– Xin hãy chuyển tôi sang phòng

giam chung ! Tôi đã ở một mình trong ngục tối suốt bốn mươi sáu ngày, thật quá khó khăn !

– Tôi sẽ nói chuyện với giám đốc về chuyện này, tay cán bộ nói.

Tôi chậm rãi quay lại phòng giam số 5, suy ngẫm về những gì mình vừa nghe được. Một chút lạc quan : “Nếu bạn không làm gì sai, bạn không có gì phải sợ cả. “Rất nhiều sự bi quan : “Một năm, hai năm, ba năm nếu cần thiết...” Cuối cùng, tôi sẽ được tự do, anh ấy nói. Vâng, cuối cùng thì... Trong ba năm ? Hoặc nhiều hơn ?

Chỉ ba tháng trước, tôi đã tự hỏi mình những câu hỏi mà giờ đây đã trở nên gần như nực cười. Tôi tự hỏi : “Tôi có nên toàn tâm toàn ý tham gia cách mạng không ? Tôi có nên tránh xa, chờ xem

không? Trong mọi trường hợp, đừng rời khỏi đất nước. “Tôi từ chối đi theo những người đang bỏ rơi Việt Nam. Nhưng tôi vẫn chưa cảm thấy sẵn sàng để hòa nhập với chế độ mới. Tôi thiên về thái độ chờ đợi và quan sát hơn, tôi đang nghĩ đến việc “trở về quê”. Tôi thậm chí còn mua một chiếc máy xới đất và cảnh báo vợ tôi: “Tổ tiên của tôi là nông dân, chúng ta sẽ trở về gần Vĩnh Long, cùng con cháu, chúng ta sẽ canh tác đất đai. “Tôi đã có thể thấy bố mẹ tôi trở về cùng chúng tôi đến vùng đồng bằng này nơi ngôi nhà của họ đã bị cháy, tìm lại cội nguồn, bạn bè, cha mẹ chúng tôi. Chúng tôi sẽ xây lại một ngôi nhà. Tôi tưởng tượng cảnh các con tôi lội bộ dọc bờ rạch giống như tôi để bắt cá.

Tôi đang mơ. Và bây giờ, ba tháng sau cuộc cách mạng, tôi đang đi ngang

qua một lính canh hai mươi tuổi mặc bộ đồ lính màu xanh lá cây, đang vội vã đi ăn trưa, anh ta nói với tôi :

– Thôi nào, thôi nào, số 5 ! Nhanh hơn !

Dù sao thì tôi cũng không ở trong phòng giam vào thời điểm xảy ra vụ cơm cát nên tôi không còn được hưởng quyền lợi đó nữa. Thay vì ăn, thiên thêm một chút cũng không sao.

4

CAM KẾT CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN

1975 – Nhà tù Trần Hưng Đạo

Hiền, người hàng xóm bên kia phòng của tôi, người đàn ông hôm nọ đã khiển trách anh chàng bảo vệ trẻ tuổi thiếu thận trọng kia một cách hiệu quả, đã bị chuyển đi nơi khác mà tôi không biết. Ở một nhà tù khác ? Trong một phòng giam chung ? Tôi rất tiếc vì sự ra đi của anh ấy. Ông tham gia rất ít vào các buổi «thăm thì dưới cửa», có lẽ vì cảm

giác tự trọng, nhưng tôi có thể đánh giá cao sức mạnh tính cách của ông và sự hiện diện của ông cũng là một bài học về lòng dũng cảm.

Vào giữa đêm, có một tiếng động lớn : sự xuất hiện của những tù nhân mới. Tôi nghe thấy tiếng phụ nữ van nài, tiếng khóc của trẻ sơ sinh. Tất cả tù nhân đều tỉnh táo.

– Xì ! Số 8 ! Xì ! Bạn là ai ?

Người mới đến ngục tối số 8 cuối cùng cũng hiểu ra. Và người ở trong phòng này là một người phụ nữ. Tôi có thể tưởng tượng ra cảnh những người hàng xóm của tôi, giống như tôi, nín thở khi cô ấy kể về cuộc phiêu lưu buồn của mình. Thỉnh thoảng, tiếng nấc làm gián đoạn giọng nói của cô. Chúng tôi thực hiện :

– Suyt ! Đừng gây quá nhiều tiếng ồn, nếu không họ sẽ đến và phạt mọi người.

Cô im lặng một lúc, cố nuốt nước mắt, giằng xé giữa nỗi sợ hãi và mong muốn được nói chuyện với ai đó trong thế giới thù địch này.

– Các anh có nghe thấy không ? Cô ấy thì thầm.

– Đúng rồi, hãy nói như thế.

– Chúng tôi đã cố gắng trốn thoát bằng thuyền. Chúng tôi có tám mươi người. Nhưng có người đã tố cáo chúng tôi và chúng tôi đã bị bắt... Con trai tôi... Bạn đã nghe rồi đấy... Nó là con trai mười tám tháng tuổi của tôi ! Họ không cho tôi có nó. Họ đưa cháu đến ở với bà nội, người đang bị nhốt ở đó cùng với

những người phụ nữ khác trong nhóm.

– Tại sao họ lại nhốt cô một mình ?

– Bởi vì tôi là một trong những người tổ chức cuộc trốn thoát. Người phụ nữ trẻ nói chuyện với giọng đặc biệt. Sau này tôi mới biết cô ấy là vợ của giám đốc một ngân hàng lớn ở Sài Gòn. Một người bạn của cô ấy nói rằng cô ấy biết một chủ thuyền đánh cá ở Rạch Giá muốn bán thuyền của mình. Tất nhiên là với giá cao. Họ đồng ý trả hai trăm lạng vàng [Một lạng = 37,5 g, hoặc (tháng 7 năm 1979) 1.650 F.]. Số tiền này được nhiều gia đình quyên góp, đến ngày đã định, họ đi theo nhiều tuyến đường khác nhau đến Rạch Giá, đến đêm, họ gặp nhau trên thuyền neo đậu ở một nơi vắng vẻ. Một giờ trước khi khởi hành, hai tàu tuần tra của cảnh sát đã lên tòa nhà của những kẻ chạy trốn. Ông chủ đã thông đồng

với chính quyền. Hoặc những kẻ chạy trốn bị phát hiện ở Rạch Giá, với quần áo thành thị và hành lý của họ. Chuyện này xảy ra hằng ngày...

Đến tận đêm khuya, tôi vẫn nghe thấy tiếng tù nhân mới ở phòng giam số 8 khóc khe khẽ. Cô ấy có thể được thả ra vì đứa bé. Nhưng tài sản và ngôi nhà của cô đã bị tịch thu, và chồng cô phải vào trại cải tạo trong một thời gian dài nữa.

Tôi cảm thấy bất hạnh cho người phụ nữ trẻ, nhưng đặc biệt là vì tiếng đứa bé khóc mà tôi nghe thấy. Ngoài ra, tôi cảm thấy không có điểm gì chung với những người dân được hưởng đặc quyền của chế độ cũ, những người đã tích lũy được khối tài sản khổng lồ nhờ chiến tranh.

Ở ngục tối số 3, bên cạnh ngục tối của tôi, tôi phát hiện ra sự hiện diện của

Năm Thọ, người cho đến vài tháng trước vẫn là vua của những thú vui ở Chợ Lớn. Ông ta kiểm soát nhiều rạp chiếu phim, nhưng cũng kiểm soát cả những cơ sở ít vô hại hơn : quán rượu, nhà thổ sang trọng, sòng bạc, tất cả các hoạt động đều được thực hiện hoàn toàn phù hợp với lực lượng cảnh sát của Thiệu, những người mà ông ta đã trả tiền cho sự tự mãn của họ.

Năm Thọ dữ dằn đã trở nên hiền lành như một con cừu,. Hắn run rẩy kính cẩn trước tên lính canh nhỏ nhất của trại tù Trần Hưng Đạo. Tôi không nói chuyện với hắn. Tôi không ngạc nhiên khi thấy hắn trong nhà tù này.

Nhưng tôi đang làm gì ở đó ?

Khi bạn bị mắc kẹt như tôi, trước tiên bạn sẽ trải qua giai đoạn phần nộ dữ dội. Họ khẳng định họ vô tội, chỉ yêu cầu được thả tự do kèm theo lời xin lỗi. Theo thời gian, chúng ta sẽ biết ơn và chào đón sự giải phóng bằng một cú đá vào mông. Khi một người đã trải qua sáu tuần bị biệt giam hoàn toàn trong một phòng giam riêng, chỉ có «gạo đỏ» và muối làm thức ăn, người đó sẽ coi việc ăn một miếng thịt hoặc đường, và chung sống với những tù nhân khác, bất kể họ là ai, là hạnh phúc tột cùng.

Nó làm tôi nhớ đến một câu chuyện cổ của Việt Nam. Một gia đình nghèo có mười hai người chỉ có một căn phòng nhỏ để ở và mọi người đều phàn nàn. Vì vậy, người cha mang một con ngựa vào nhà và tình hình trở nên không thể cứu vãn được. Sau vài ngày, người cha lấy

con ngựa đi, và mọi người đều cảm thấy như mình đã tìm lại được hạnh phúc...

Bạn càng mất đi nhiều tự do, mong muốn của bạn càng trở nên khiêm tốn hơn. Tôi, người bị xiềng xích và cô đơn, không còn dám mơ đến sự giải thoát nữa. Tôi sẽ rất vui nếu được rảnh tay và có thể nói chuyện với ai đó.

Niềm hạnh phúc này đến vào ngày 10 tháng 8 năm 1975. Thà, một trong những người lính canh, bước vào phòng giam của tôi và mở còng tay tôi :

– Hãy đứng dậy và chuẩn bị sẵn sàng. Anh đến một phòng giam chung.

Tôi duỗi thẳng chân tay cứng đờ của mình một cách thích thú, gom góp những vật dụng ít ỏi và ra ngoài. Thà là người bảo vệ tốt bụng và ít kiêu ngạo

nhất trong bốn người mà tôi từng gặp cho đến giờ. Anh ấy cười và nói chuyện một cách thoải mái. Anh ấy trạc tuổi tôi và tôi cảm thấy anh ấy có chút thông cảm với tôi. Tôi mạo hiểm hỏi anh ta :

– Thưa ông, tôi có thể ở tù ba hoặc bốn năm khi tôi không phạm tội gì không ?

Thà hơi quay đầu về phía tôi, nhìn tôi ngạc nhiên rồi trả lời không chút do dự :

– Làm sao ? Ba năm ? Không bao giờ! Nhiều nhất là một năm.

Cuộc cách mạng chỉ thương xót những ai phạm phải sai lầm.

Rẽ trái, rẽ phải, đi thẳng, có một cánh cửa bên phải. Đây là phòng sinh hoạt chung A. Khi tôi mở cửa, mùi hương xộc

vào mũi tôi. Phòng giam rất lớn, nhưng hàng chục tù nhân đứng nghiêm, cạnh nhau. Trong giây lát, tôi muốn quay lại phòng giam số 5, nơi ít nhất tôi cũng có vài mét vuông riêng tư. Đột nhiên tôi cảm thấy rất mệt mỏi.

– Yên ! Một giọng chế giễu vang lên, một vị khách mới trong khách sạn sang trọng của chúng tôi !

Và đột nhiên có một giọng nói khác vang lên :

– Nhưng tôi biết anh ấy ! Đó là Đoàn Văn Toại, một người ủng hộ Việt Cộng khi trước !

Tôi nhận ra người đàn ông vừa nói chuyện ngay : tên anh ta là Rạng, và anh ta thuộc lực lượng cảnh sát mật của Thiệu. Ông Thà, người trông coi, cắt

ngang mọi lời bình luận :

– Anh có thể ngồi xuống. Người tù mới này sẽ ngủ ở đây – và anh ta sẽ chỉ định nơi gần cửa nhất, nơi tốt nhất vì có nhiều không khí trong lành nhất. Anh ấy là trường hợp đặc biệt và anh ấy sẽ không làm việc nhà.

Mọi người, kể cả tôi, đều ngạc nhiên trước những đặc quyền đáng kinh ngạc này và nhìn ông Thà, ông nhấn mạnh, rồi lại chỉ vào nơi gần cửa nhất :

– Người tù ngủ ở đây sẽ được chuyển đi nơi khác. Đây là nơi của Đoàn Văn Toại.

Tôi không biết phải làm gì nữa. Khi tôi đặt bó đồ của mình xuống đất, tôi có thể nghe được suy nghĩ của những người bạn mới của mình :

– Một kẻ mách lẻo ! Kẻ mách lẻo ! Kẻ mách lẻo !

Hãy đi và chứng minh điều ngược lại, khi một người lính canh dẫn bạn vào một phòng giam sáu mươi tù nhân với lời chúc phúc như thế.

Một giọng nói quen thuộc kéo tôi ra khỏi vực thăm này.

– Tốt ! Số 5 ! Bạn cũng ở đây nhé !

Tôi nhìn người đàn ông này với lòng biết ơn, người đang gọi tôi với vẻ thân thiện, như một người bạn đồng hành cũ. Đó là Nguyễn Văn Hiến, đảng viên kỳ cựu, người đã xì mũi cho tên lính canh trẻ khi nó mang đến ông lá thư của vợ ông – người đàn ông ở phòng giam số 8. Tôi chưa từng gặp ông, nhưng tôi nhận ra giọng nói của ông rất rõ, cũng như

ông nhận ra giọng nói của tôi. Ông ấy là một người đàn ông rất nhỏ – có lẽ cao 1,55 m – và nụ cười của anh ấy không thể nào quên : tất cả răng của ông đều được mạ vàng. Sau đó, chúng ta chú ý đến đôi mắt của anh ấy, đôi mắt rất khó để nhìn thẳng : đôi mắt sâu thẳm, có thể giải mã bạn mà không hề có chút nhượng bộ nào.

– Kẻ mách lẻo nói chuyện với kẻ mách lẻo, một trong những tù nhân nói khi thấy chúng tôi nói chuyện.

Hiền quay sang hẳn. Quá khứ của ông ấy, sức mạnh đạo đức của ông ấy khiến mọi người đều im lặng trước ông ấy.

– Toại là một người yêu nước, Hiền nói một cách đơn giản.

Từ đó trở đi, mọi thứ đều tốt hơn.

Người đàn ông ngủ gần cửa nhất đã di chuyển đồ đạc của mình. Tôi mời anh ấy ở lại :

– Ông, ở lại đây, đây là chỗ của ông. Tôi là người mới, tôi sẽ ngủ trên sàn nhà...

Người đàn ông năm mươi tuổi phản đối :

– Chúng ta phải tuân theo lệnh của lính canh...

– Tôi chịu trách nhiệm về sự bất tuân này, tôi nói.

Tôi đặt đồ đạc của mình vào một góc trên sàn và ngồi xuống với vẻ mặt kiên quyết :

– Tôi sẽ ngủ ở đây cho đến khi có chỗ ngồi trống trên băng ghế.

Thái độ này không chỉ giúp tôi nhận được lòng biết ơn của người tù đã lấy lại được «chiếc giường» của mình mà còn nhận được sự cảm thông của người đứng đầu phòng giam, Nguyễn Thế Thảo. Người chỉ huy phòng giam là một tù nhân được chỉ định để duy trì trật tự trong phòng giam tập thể và đóng vai trò trung gian với lính canh. Thảo, năm nay sáu mươi hai tuổi, đã trải qua hai mươi bảy năm cuộc đời trong tù dưới mọi chế độ, và câu chuyện đáng kinh ngạc của ông sẽ được kể lại sau. Ông ta nói một cách tự nguyện, với một nụ cười mỏng : “Cha tôi là Chí Hòa, mẹ tôi là Côn Sơn”. Chí Hòa là Nhà tù Trung tâm Sài Gòn. Côn Sơn là hòn đảo buồn thảm nổi tiếng với những “chuồng cọp” nơi tù

nhân bị đày đọa, và người Pháp gọi là Poulo Condore.

Chiếc ghế xi măng mà tù nhân ngủ chiếm khoảng hai phần ba diện tích phòng giam. Nó dài khoảng hai mươi mét và rộng ba mét. Và sáu mươi người đàn ông chia sẻ nó. Điều này có nghĩa là không gian sống được đo đạc một cách tiết kiệm.

Giữa băng ghế và bức tường có một lối đi rộng hai mét, chạy dọc toàn bộ chiều dài của phòng giam. Đây là không gian duy nhất mà tù nhân có thể lần lượt bước đi. Không được phép ra ngoài trừ khi đi thăm vấn.

Ở một đầu phòng giam có một phòng vệ sinh nhỏ, có bốn cầu và một vòi nước.

Căn phòng khá cao : khoảng năm mét, và nửa trên của một trong hai bức tường được đóng bằng các thanh chắn, cho phép thông gió tương đối tốt, so với những gì tôi sẽ thấy sau.

Nhìn vào nơi ở mới, tôi chợt nhận ra rằng mình đã từng bị công an Thiệu giam giữ ở đây cách đây 5 năm. Tôi thậm chí còn nhớ mình đã khắc tên mình ở đâu đó trong đó. Tôi tìm thấy nơi này rồi. Dưới những dòng chữ graffiti liên tiếp, hai phần đầu tên tôi đã biến mất. Nhưng chúng ta vẫn có thể đọc được chữ «Toại».

Khám phá này dẫn tôi đến một suy nghĩ đặc biệt, mà tôi chia sẻ với Hiền, người đàn ông có hàm răng vàng :

– Khi tôi lần đầu bị giam giữ ở đây vào năm 1970 vì hoạt động trong tổ

chức sinh viên đối lập, tôi cảm thấy khá tự hào về bản thân mình. Hôm nay, tôi không biết nên tự hào hay nên xấu hổ... Tôi cảm thấy không thoải mái với chính mình, mà không biết tại sao.

Hiền gật đầu, không trả lời, nhưng ánh mắt sâu thẳm của anh cho thấy anh hiểu tôi.

– Nói cho tôi biết, cảm giác thật tuyệt, anh ấy tử tế nói.

Vì vậy, bằng giọng thì thầm, hai đầu chúng tôi kề vào nhau, tôi bắt đầu kể cho Hiền nghe về cuộc sống sinh viên bận rộn của mình.

1964 – Sài Gòn

Sau khi tốt nghiệp tú tài năm 1964,

tôi rời Vĩnh Long vào Sài Gòn để ở với anh trai, người đã làm việc ở đó nhiều năm và đã đồng ý cho tôi ăn học trong suốt thời gian học.

Tôi đang đăng ký vào Khoa Dược. Không phải là tôi thực sự cảm thấy mình có thiên hướng làm dược sĩ, nhưng thời gian học ngắn hơn so với ngành y, ngành mà tôi sẽ hứng thú hơn, và cơ hội cũng ít ngẫu nhiên hơn so với ngành văn học hoặc luật.

Rất nhanh chóng, tôi bắt đầu phản ứng dữ dội. Tinh thần, phương pháp và nội dung giảng dạy đều rất lỗi thời. Một bản sao hoàn chỉnh của chương trình của Pháp những năm 1930. Bên cạnh đó, hầu hết các khóa học cho đến năm 1965 vẫn được giảng dạy bằng tiếng Pháp. Tôi thấy điều này thật kinh tởm, không chỉ vì tôi kém hiểu biết tiếng Pháp hơn

những thanh niên tư sản ở thủ đô, mà trên hết là vì nó phản ánh tâm lý của những người dân thuộc địa không có khả năng tự quyết định vận mệnh của mình. Giống như những con vẹt thông thái, hầu hết các bậc thầy của chúng tôi vẫn tiếp tục lặp lại những mô hình cũ mà bậc thầy cũ để lại.

Các giáo sư là một đẳng cấp nhỏ, bảo thủ và hay ghen tị, họ đặt ra nhiều rào cản trên con đường của sinh viên nhằm hạn chế tối đa số lượng đối thủ cạnh tranh trong tương lai. Họ bán «nhiều bản sao» của mình với giá cao và giữ độc quyền về việc sao chép. Từ năm này sang năm khác, họ đã thay đổi một số yếu tố trong khóa học để tài liệu phát từ năm trước không thể được sử dụng lại... Một chế độ phạt những học sinh kém may mắn, trong đó có tôi.

Việc tổ chức kỳ thi thật vô lý. Vào cuối năm thứ nhất, chỉ có hai trong tám môn học là chung cho tất cả các ứng viên và được giải quyết bằng văn bản. Sáu môn còn lại được làm riêng và rút thăm riêng lẻ năm phút trước khi thi. Có thể nói đó là một cuộc xổ số. Nhưng đó là một cuộc xổ số gian lận. Nó ưu tiên những người mua tài liệu phát tay và những người có thể đọc thuộc lòng chúng tốt nhất. Bằng tiếng Pháp. Cùng với sự ưu ái đặc biệt của giám khảo dành cho những học sinh mà họ công nhận là thuộc về thế giới của họ.

Tôi bắt đầu lớn tiếng thách thức toàn bộ hệ thống này và ngạc nhiên thay, tôi nhận được nhiều sự ủng hộ hơn tôi mong đợi. Cho đến lúc đó, trong khoa buồn ngủ này, nơi mà phần lớn đội ngũ nhân viên đều là giai cấp tư sản từ Sài

Gòn và các tỉnh lỵ, không có chỗ cho sự phản đối. Hầu hết học sinh đều cố gắng «tuân thủ» hết mức có thể theo «hình mẫu» truyền thống, những người con xứng đáng của cha mình. Mọi người đều muốn có da lừa² và hành động theo cách họ cho là phù hợp để có được nó. Ngay cả khi ở riêng tư, ông ấy vẫn nói những điều tệ hại hơn về nghề dạy học và phương pháp dạy học theo kiểu quan liêu.

Tư duy này làm tôi tức giận.

Khi bạn nhìn thấy một cây đổ bên kia đường, có hai thái độ có thể xảy ra. Hoặc chúng ta sẽ nói quá, hoặc có lẽ chúng ta sẽ nói vòng vo : «Hãy để người khác làm như tôi làm.» «Hoặc chúng ta

² La Peau de chagrin của Honoré de Balzac. Balzac sử dụng hình ảnh tấm da lừa như một biểu tượng cho sự ham muốn vô độ của con người và cái giá phải trả cho những ước vọng đó

sẽ đảm nhiệm việc dọn đường. Nó dài hơn nhưng hữu ích hơn. Tôi là một trong những người cho rằng con đường cần phải được dọn sạch. Tôi nghĩ đây được gọi là tinh thần công dân. Một tinh thần không mấy phổ biến ở miền Nam Việt Nam trước đây, và khi đó tôi tin rằng nó sẽ chiến thắng ở phía bắc vĩ tuyến 17.

Trong số các sinh viên, tôi là người đầu tiên đưa ra ý tưởng tự mình đảm bảo sản xuất tài liệu phát tay. Bằng cách đóng góp, chúng tôi đã mua được một chiếc máy và phân phối bản tóm tắt khóa học với giá rẻ hơn gấp ba lần so với bản chính thức. Đó là một chiến thắng của học sinh và là nguyên nhân gây ra sự tức giận lớn trong giáo viên.

Từ đó, hiển nhiên, rất nhanh chóng, dự án về tờ báo sinh viên của khoa đã ra đời, mang tên Hoa Súng. Đây là một

cách chơi chữ không thể dịch được, có thể tạm dịch là «la Fleur au fusil». Tiêu đề này ám chỉ đến sở thích của chúng tôi là những dược sĩ yêu thích thực vật và sự ghê tởm của chúng tôi đối với một chế độ ngày càng bị quân đội chi phối.

Kể từ khi Ngô Đình Diệm sụp đổ, đời sống chính trị ở miền Nam Việt Nam đã trở thành một lễ hội quân sự.

Tướng Dương Văn Minh³, một trong những kiến trúc sư chính của cuộc đảo chính tháng 11 năm 1963, đã nhanh chóng bị cách chức : ông bị coi là «trung lập» và «thân Pháp», một khiếm khuyết ngghiêm trọng trong mắt đại sứ quán

3 Dương Văn Minh, còn được gọi là Minh Lớn để phân biệt với một vị tướng cùng tên, đã phải chịu số phận đáng buồn vào năm 1975 khi chủ trì những ngày cuối cùng của chế độ Nam Việt Nam mà ông là một trong những người sáng lập vào năm 1963.

Hoa Kỳ. Người kế nhiệm ông, Tướng Khánh, đã nhanh chóng trao tặng các ngôi sao cho những người lính trẻ mà ông hy vọng sẽ nhận được sự công nhận. Nhưng những con sói trẻ này đã sớm âm mưu chống lại ông. Trong số đó có những người như Nguyễn Chánh Thi, một người bốn chôn, Tôn Thất Đính, người không hiểu biết gì về bất cứ điều gì, và Nguyễn Cao Kỳ, một «tay chơi» có ít tiền.

Sau Khánh là Tướng Nguyễn Hữu Cồ, lúc đó là một tam đầu chế quân sự tồn tại trong thời gian ngắn, rồi đến những chính trị gia dân sự ít người biết đến, xen kẽ với quân nhân... Cứ hai tháng lại có một «chính quyền» mới cố gắng khiến người dân tin rằng nó là có thật.

Đó là cuộc đấu tranh liên tục giữa

các gia tộc. Mỗi vị tướng có bè phái riêng, mỗi chính trị gia đều có «nhóm vận động hành lang» riêng, và vấn đề là ai sẽ phát huy tối đa lợi thế của mình trước người Mỹ, những người hết lòng ủng hộ Việt Nam Cộng hòa. Nếu không có dòng tiền đô la đổ vào, cảnh tượng đáng thương này sẽ không kéo dài được lâu : chế độ này sẽ tự sụp đổ trước một FNL, tuy nhiên, lúc đó vẫn chưa thực sự mạnh mẽ.

Sau khi từ bỏ Diệm, người Mỹ vẫn chưa quyết định và đang tìm kiếm người đàn ông của họ. Từ nhóm tầm thường này, họ đã tìm thấy Nguyễn Văn Thiệu, một vị tướng dường như có thiên tài khi có thể nắm bắt tốt mọi «nước cờ» mà không cần phải ra mặt. Với sự ủng hộ của họ, Thiệu nắm quyền trong mười năm.

Tháng này qua tháng khác, Hoa Súng, tờ báo sinh viên ngành dược do tôi sáng lập, ngày càng chuyển hướng từ yêu cầu của doanh nghiệp sang chỉ trích chính trị. Điều đó là không thể tránh khỏi. Chúng tôi kêu gọi «Việt Nam hóa» giáo dục. Điều này hàm ý mong muốn giành độc lập dân tộc.

Bây giờ, những gì chúng ta thấy đang hình thành tại dinh «Độc Lập» («Độc Lập», nơi làm việc của tổng thống) là một cuộc thực dân hóa đất nước mới, lần này là do người Mỹ thực hiện, với lý do phương Tây đang bị đe dọa bởi sự bành trướng của cộng sản...

Hãy để người nước ngoài suy nghĩ một phút về tình thế tiến thoái lưỡng nan mà những người Việt Nam trẻ tuổi

phải đối mặt trong những năm 1960 : chủ nghĩa cộng sản Việt Nam hay chế độ thực dân kiểu Mỹ.

Chúng ta gặp khó khăn lớn nhất trong việc giải thoát khỏi người Pháp, phải chăng là nộp mình cho người Mỹ ? Nhiều người cảnh giác với hệ thống do Hồ Chí Minh thiết lập ở miền Bắc. Nhưng ít nhất Hồ Chí Minh cũng là người Việt Nam.

Thật kỳ lạ, lý luận này lại làm tăng thêm hình ảnh của Ngô Đình Diệm, người đã rơi xuống đáy vực thẳm. Người ta nói rằng Diệm chắc chắn là một người theo Công giáo, rằng ông đã phạm phải những lỗi lầm không thể tha thứ, bắt đầu từ việc đàn áp Phật tử. Nhưng người ta tìm ra những lời bào chữa cho ông, trước hết là ảnh hưởng có hại của vợ chồng ông Nhu. Trong mọi trường

hợp, cần phải nói thêm rằng, ông là một người theo chủ nghĩa dân tộc Việt Nam, và đó là lý do tại sao Hoa Kỳ đã ám sát ông !

Tôi, người không có Ngô Đình Diệm trong lòng, cũng không xa lạ gì với kiểu nói chuyện này, xét đến cảnh tượng đau lòng mà các ứng cử viên nắm quyền tạo ra.

Lúc đó tôi vẫn chưa biết rõ mình muốn gì, nhưng tôi ngày càng thấy rõ hơn những gì mình không muốn.

Ngày càng ít độc lập, ngày càng ít dân chủ, điều này không phù hợp với một chàng trai trẻ mới đôi mươi đến từ một ngôi làng ở đồng bằng, người xuất thân từ nhân dân và tự hào về điều đó. Ở Sài Gòn, tôi thấy người dân Việt Nam đang bị lừa dối, một số ít người có đặc

quyền đang tranh giành địa vị và chế giễu người dân thường, tôi thấy những lời họ nói ra không hề có sự chân thành.

Từ khi đến Sài Gòn, tôi đã đọc nhiều truyền đơn cộng sản, ít nhiều là bí mật, đáng chú ý nhất là tiểu sử của Hồ Chí Minh. Qua những bài viết này, tôi tin rằng các nhà lãnh đạo cộng sản Việt Nam hoàn toàn khác biệt với những kẻ theo chủ nghĩa cơ hội khốn khổ mà chúng ta có với tư cách là những nhà lãnh đạo ở Sài Gòn. Ở đây chúng ta thấy những người tự nhận là đại diện cho những người dân đang làm những điều đê tiện trước mặt đại sứ Hoa Kỳ. Có ai từng thấy Hồ Chí Minh, Phạm Văn Đồng cúi chào ai chưa? Ở đây chúng ta thấy vợ của những người cai trị đeo đầy đồ trang sức. Trong số những người cộng sản, không ai từng nhắc đến vợ của Hồ Chí Minh hay vợ

của Phạm Văn Đồng. Đây chẳng phải là bằng chứng cho thấy chế độ ở miền Bắc trong sạch, còn chế độ ở miền Nam thì thối nát hay sao ?

Không thể tránh khỏi, các bài viết của tôi trên Hoa Súng phản ánh một số tư tưởng chính trị này. Từ cải cách giáo dục đến cải cách nước cộng hòa, chỉ có một bước, và tôi thực hiện ngày càng thường xuyên hơn. Tình trạng hỗn loạn và hỗn loạn tương đối xảy ra trước khi Thiệu lên nắm quyền đã bảo vệ tôi và các đồng chí của tôi khỏi các lệnh trừng phạt.

Vào nhiều thời điểm dưới thời Khánh, chúng tôi đã biểu tình trên đường phố phản đối chế độ độc tài quân sự. Chúng tôi hô vang : “Đả đảo Khánh

!” «, tại phố Norodom, cảnh sát đã tấn công, chúng tôi giải tán, một số người di chuyển chậm đã bị bắt, tình hình không nguy hiểm hơn nhiều so với ở Paris năm 1968... Mọi thứ sẽ sớm thay đổi.

Những sáng kiến của tôi nhằm cải cách Khoa Dược và lập trường chính trị của tôi đã thu hút sự chú ý của các «người quan sát» của Mặt trận Giải phóng Dân tộc (FNL) trong trường đại học. Một trong số họ, Kiệt, đã liên lạc với tôi – chúng ta sẽ quay lại vấn đề này sau – thông qua một người bạn của tôi. Tôi chỉ có thể có thái độ tốt với những lời mời chào kiểu này.

Việc Hoa Kỳ tái chiếm miền Nam Việt Nam là điều hiển nhiên.

Các cơ quan viện trợ ít nhiều được CIA tài trợ đã tồn tại kể từ khi Diệm lên nắm quyền vào năm 1954, và việc thành lập một bộ chỉ huy quân sự Hoa Kỳ ở Sài Gòn có từ năm 1962. Tuy nhiên, trong nhiều năm, người Việt Nam không nhận ra rằng chế độ thực dân của Hoa Kỳ đã tiếp quản từ chế độ thực dân của Pháp.

Những «cố vấn quân sự» đầu tiên của Mỹ vẫn khá kín tiếng. Phân tán rộng rãi khắp cả nước, họ cũng được giáo dục tốt : họ biết ngôn ngữ, hoặc ít nhất là biết phong tục của đất nước đó.

Sau khi Thiệu lên nắm quyền, đã có một cuộc xâm lược. Ở đất nước của những «kẻ nhà quê» da vàng này, hàng chục, rồi hàng trăm ngàn lính Mỹ kiêu ngạo đến, chẳng quan tâm gì đến Việt Nam như thể đó là «bữa tiệc bất ngờ» đầu tiên của họ, họ đi tiểu từ nóc xe

GMC và khinh thường ném những lon Coca Cola. Họ không hề quan tâm đến sự nhạy cảm của những người mà họ được cho là có mặt ở đây để bảo vệ chống lại «chủ nghĩa man rợ cộng sản».

Tuy nhiên, trong mắt những người này, sự man rợ còn là sự khinh thường những chiến binh da trắng, sự thờ ơ, sự ngu ngốc.

Và rồi, sự thối rữa. Các quán bar mọc lên như nấm. Mại dâm trở thành một ngành công nghiệp quốc gia. «PX» [Viết tắt của Post Exchange (nghĩa là “trạm bán hàng cho quân đội”)], tức là các cửa hàng quân sự, chứa đầy những hàng hóa kích thích lòng tham.

Vụ trộm được tổ chức trên quy mô lớn, cung cấp cho cái mà sau này ngay giữa Sài Gòn được gọi là «chợ trộm cắp».

Bạn có thể tìm thấy mọi thứ từ kính râm đến tủ lạnh, đồ dùng chiến đấu và những chiếc máy ảnh tiên tiến nhất. Mọi người đều ăn cắp.

Đồng đô la, có giá trị chính thức là 118 đồng theo tỷ giá chính thức năm 1967, có giá 400 đồng trên thị trường chợ đen. Với 100 đô la, lính Mỹ có thể kiếm được 40.000 đồng, một nửa trong số đó đủ để chi trả cho một đêm tiệc tùng ở Sài Gòn, bao gồm cả các cô gái. Và với 12.000 đồng, theo tỷ giá chính thức, họ có thể lấy lại được một trăm đô la khi họ trở về Hoa Kỳ...

Để ngăn chặn vụ bê bối, chính quyền Mỹ quyết định trả lương cho binh lính của họ ở Việt Nam bằng đô la đỏ, loại tiền chỉ có thể sử dụng được ở Việt Nam. Nhưng điều này chỉ làm tăng giá «đen» của đồng đô la «xanh», mà quân lính Mỹ

không gặp khó khăn gì khi lấy được từ Hoa Kỳ.

Hầu hết người dân Việt Nam đều bàng hoàng chứng kiến cảnh xã hội của họ mục nát và suy tàn nhưng không phản ứng gì. Họ cảm thấy khó chịu với người Mỹ vì sự giàu có, sự kiêu ngạo và sự phô trương quyền lực của họ. Người Pháp, bất chấp mọi lỗi lầm của họ, và thậm chí chính vì những lỗi lầm của họ, đã không khiến người dân tức giận đến mức này. Sự thống trị của họ không phá vỡ hoàn toàn các cấu trúc truyền thống. Và xét cho cùng, họ là những người mang trong mình nền văn hóa ngàn năm mà người Việt Nam rất nhạy cảm. Người Mỹ là sự xâm nhập của một lực lượng vật chất áp đảo. Không có văn hóa. Mặt khác, một lý tưởng dân chủ được cho là có thật mà chế độ Sài Gòn lại xuất hiện

như một bức biếm họa kỳ cục.

Ngược lại, những người Việt khác đã chọn cách tận dụng tình hình. Đứng đầu là các vị tướng (và vợ của họ), các quan chức cấp cao và các thương gia đã vô liêm sỉ lợi dụng chức vụ, mối quan hệ và sự bảo vệ của mình để tham gia vào hoạt động buôn bán vô liêm sỉ. Ở dưới cùng, có những tên trộm vặt chuyên lấy trộm hàng hóa từ các nhà kho, mua bán đồ la một cách lén lút. Và giữa hai thái cực này, có rất nhiều trung gian da nâu tham gia vào vụ cướp bóc.

Tất cả những người này, với sự hoạt bát và tài tháo vát đặc trưng của người Việt Nam trong cả điều tốt lẫn điều xấu, đã vui vẻ tận dụng sự «thắng thắn» của người Mỹ. Các vị tướng thổi phồng sức mạnh của đơn vị mình bằng hàng ngàn lính ma được trả lương mà họ bỏ túi.

Toàn bộ xe tải chở thiết bị biến mất không dấu vết.

Ở cấp độ cá nhân, những phụ nữ dễ dãi có thể được những người lính Mỹ ngây thơ chu cấp toàn bộ gia đình. Một buổi tối, người Mỹ dũng cảm thấy người tình của mình đang khóc : «Mẹ tôi bị bệnh, tôi không biết phải làm gì...» Và người mẹ được đưa về nhà, sau đó là những đứa con của một người chị được cho là đã chết trong một vụ đánh bom, khi mà không phải là chị họ của hoàn cảnh mà là người yêu của trái tim người đẹp...

Tôi nhớ một câu chuyện có thật khiến tất cả người Việt Nam bật cười, vì nó rất điển hình cho sự khác biệt trong hành vi giữa hai dân tộc. Trong một nhà kho thường xuyên bị cướp bóc, người Mỹ nghĩ rằng họ đã tìm ra cách chống

lại những kẻ đột kích bằng cách lắp đặt camera giám sát tự động. Ngày đầu tiên, bọn trộm đã... lấy cắp camera.

Ngoài số đông đảo, hoang vắng nhưng bất động, ngoài thiếu số những kẻ kiếm lời từ chiến tranh, dù lớn hay nhỏ, còn có một nhóm người Việt Nam thứ ba. Những người phần nộ trước cảnh tượng suy đồi và nhục nhã này đã tìm cách làm điều gì đó để cứu đất nước ngoài lời nói.

Một số người thậm chí còn tham gia Mặt trận Giải phóng Dân tộc (le Front national de libération, FNL), chiến đấu bằng vũ trang chống lại sự thống trị mới của nước ngoài. Những người khác đang cố gắng, giữa hai thái cực, tìm ra con đường thứ ba, đó là phản đối bằng

pháp lý. Phải mất một thời gian dài tôi mới nhận ra đây là ngô cụt.

Sinh viên Sài Gòn ngày càng tham gia nhiều vào chính trị. Chỉ có một phần tư trong số khoảng 20.000 người là thành viên của Hội Sinh viên. Nhưng trong số 5.000 thành viên này, ít nhất bốn phần năm ít nhiều công khai ủng hộ Mặt trận. Có khoảng vài trăm nhà hoạt động chống cộng sản. Nhưng trong số họ, không có một người nào ủng hộ Thiệu...

Vào năm 1967, tất cả các thành viên của Hội đồng điều hành Liên đoàn sinh viên đều là những người ủng hộ FNL. Chủ tịch Hội Hồ Hữu Nhật thậm chí còn trở thành (bí mật) phó bộ trưởng bộ Thanh niên cộng sản Việt Nam, chính

phủ lâm thời Việt Cộng vào năm 1969. Lần đầu tiên, Công đoàn dám tổ chức biểu tình đòi đàm phán với FNL.

Chính sách của chính quyền Thiệu lúc đó là chính sách “Bốn không”.

- Không đàm phán với “cái gọi là Mặt trận Giải phóng Dân tộc” ;
- Không phân chia lãnh thổ ;
- Không liên minh chính phủ với Mặt trận ;
- Không hợp pháp hóa đảng cộng sản.

Cuộc biểu tình bị đàn áp dữ dội và cảnh sát đã tấn công không thương tiếc. Tất cả những thủ lĩnh sinh viên mà họ bắt được đều bị bỏ tù. Những người khác chạy trốn vào khu du kích. Liên minh

tạm thời bị phá vỡ. Nhưng sự đàn áp đã làm gia tăng sự phản đối của những người kiên quyết nhất và khơi dậy sự đồng cảm của những sinh viên ít nhiệt thành hơn.

Đối với tôi, người lúc đó chưa phải là thành viên của ban lãnh đạo phong trào sinh viên, tôi không hề lo lắng. Nhưng có điều gì đó mách bảo tôi rằng tôi sẽ sớm thấy mình ở tuyến đầu...

1975 – Nhà tù Trần Hưng Đạo

Hiền chăm chú lắng nghe, đầu ng-
hiêng về phía tôi khi tôi lặng lẽ kể lại
những ngày đầu tiên của mình với tư
cách là một nhà hoạt động sinh viên.

– Hôm nay, Hiền hỏi, – anh có nhớ
Mặt trận đã nói gì vào thời điểm đó ?

– Nếu tôi nhớ không nhầm thì ! FNL muốn theo đuổi chính sách hòa giải dân tộc, ngay cả với những người đã phải hợp tác với “chế độ bù nhìn”. Nó nhắc lại điều đó một cách kiên quyết, vì đó là vấn đề trấn an người dân miền Nam, ba tuần trước khi quân đội Bắc Việt tiến vào Sài Gòn. Ngày nay tôi thấy rằng “hòa giải dân tộc” bắt đầu bằng việc giam giữ hàng trăm ngàn người bất hạnh đã phải nhập ngũ trái ý muốn, những công chức cấp thấp không phải là những kẻ kiếm lời từ chiến tranh. Và tôi thấy rằng những người như tôi cũng đang bị giam giữ, những người từng phản đối Thiệu, nhưng lại không may mắn khi không hoàn toàn đồng tình với lập trường của Đảng...

Khi nói chuyện với người đàn ông này, không hiểu tại sao, tôi lại có được

sự tự tin hoàn toàn, tôi có cảm giác rằng những ý tưởng của mình đang trở nên rõ ràng, thoát khỏi ma trận. Những quan sát được thực hiện trong nhiều tháng, mà tôi đã cố gắng kìm nén ít nhiều một cách có ý thức, và sự thiền định được thực hiện trong nhiều tuần trong nhà tù này, đột nhiên dẫn đến những kết luận mù quáng. Tôi tiếp tục :

– Và sau đó, GRP và Bắc Việt Nam đã nói và lặp lại rằng chúng tôi sẽ không làm đảo lộn các cơ cấu kinh tế phía Nam. Ngay cả sau chiến thắng, bà Nguyễn Thị Bình, ngôi sao của GRP tại các cuộc đàm phán Paris, đã tuyên bố trong chuyến thăm Hungary : “Việc thống nhất Việt Nam là cần thiết, nhưng nó sẽ chỉ đến sau một thời gian dài thích nghi. Tình hình xã hội, kinh tế và chính trị của miền Nam và miền Bắc là khác nhau.

“Bây giờ, rõ ràng là sự hội nhập hoàn toàn của miền Nam vào chế độ miền Bắc đang được chuẩn bị ở dạng cưỡng bức.

– À ! Hiền nói, tôi thấy anh bắt đầu hiểu được khá nhiều điều rồi. Nhưng anh vẫn chưa đi hết chặng đường đâu...

– Vâng, bây giờ tôi có thể đi hết chặng đường rồi. Nhưng những gì tôi thấy làm tôi sợ. Tôi thấy Bác Hồ đã mơ ước khi Người nói trước khi mất rằng “sau hòa bình, chúng ta sẽ xây dựng lại đất nước tươi đẹp gấp mười lần”. Tôi thấy Phạm Văn Đồng và Lê Duẩn [Người đứng đầu Chính phủ và Tổng bí thư Đảng Cộng sản Bắc Việt.] đã làm chúng ta hiểu lầm khi trong mọi bài phát biểu của họ đều nói về “truyền thống khoan dung, nhân đạo, khoan dung” mà sau chiến thắng sẽ được tôn trọng. Tôi thấy rằng các nhà lãnh đạo miền Nam của Mặt trận Giải phóng miền Nam và

Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam, như Nguyễn Hữu Thọ và bà Bình, đã ảo tưởng về vai trò lãnh đạo mà họ sẽ đảm nhiệm sau khi giải phóng. Chưa kể đến những người đã tưởng tượng ngây thơ hơn rằng một «lực lượng thứ ba», một lực lượng dân chủ, «sẽ có tiếng nói của mình trong nước Việt Nam mới. Ví dụ như bà Ngô Bá Thành, người đã nói trên tất cả các kênh truyền hình phương Tây như một nhà hoạt động dũng cảm chống lại chế độ độc tài quân sự ở Sài Gòn, hay Tướng Dương Văn Minh, người chỉ nắm quyền đủ lâu để hiểu rằng ông phải chấp nhận đầu hàng vô điều kiện.

Tôi đã đọc cuốn sách của Harrison E. Salisbury, tổng biên tập tờ New York Times, nhà báo người Mỹ đầu tiên có thể đưa tin từ Bắc Việt Nam trong cuộc

chiến tranh với Hoa Kỳ vào năm 1967⁴.

Nguyễn Văn Tiến, đại diện Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam tại Hà Nội, phát biểu tại Salisbury : “Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam độc lập với miền Bắc; miền Bắc không thể nói thay cho miền Nam.” Thủ tướng Phạm Văn Đồng cũng đã nói với ông như vậy. Và chính Hồ Chí Minh đã tuyên bố : “Mặt trận được người dân miền Nam Việt Nam lập ra. Không có quân đội miền Bắc ở miền Nam.”

Tôi đã tiếp xúc đủ nhiều với các quan chức Mặt trận để biết rằng họ đã có xung đột với các nhà lãnh đạo cộng sản, và rằng những người trước sẽ sớm phải liên kết với những người sau.

— Đấy, đấy, Hiền nói, mắt anh gần

4 Harrison E. Salisbury, *Behind the lines* - Hà Nội, Harper & Row Ed., 1967.

như nhắm nghiền, hầu như không để ánh mắt lợt qua. Và bạn suy ra được điều gì từ tất cả những điều này ?

Tôi kết luận được điều gì từ điều này ? Cho đến lúc đó, tôi nghĩ là tôi chưa bao giờ dám nói rõ điều đó với chính mình. Nhưng người đàn ông này, người cộng sản sáng suốt này, có sức ảnh hưởng lớn đến mức lần này tôi cảm thấy buộc phải đi đến tận cùng suy nghĩ của mình :

– Tốt ! Tôi cảm thấy như tất cả chúng ta đều bị đảng cộng sản Bắc Việt lừa đảo. Tất cả. Trước hết là phần lớn người dân miền Nam muốn tin rằng, xét cho cùng, việc thay đổi chế độ sẽ là điều tốt. Thay thế những nhà lãnh đạo tham nhũng bằng những người đàn ông nghiêm khắc, không thể chê trách. Chúng ta sẽ quen với chính sách khắc khổ ngay khi nó được áp dụng cho tất cả mọi người.

Ít nhất thì phẩm giá quốc gia cũng được khôi phục. Nhưng những người ủng hộ “lực lượng thứ ba”, những người hy vọng vào một miền Nam dân chủ, đã nhanh chóng thất vọng vì họ không còn hữu ích cho những ông chủ mới. Tuy nhiên, những người thất vọng nhất là những thành viên không phải là cộng sản của Mặt trận, và thậm chí còn thất vọng hơn nữa là những người cộng sản ở miền Nam, những người đã tin rằng họ sẽ đóng vai trò lãnh đạo. Họ nhanh chóng bị đẩy ra phía sau, rồi lại trở thành cấp dưới của những kẻ cầm quyền ở Hà Nội. Đối với đảng cộng sản Bắc Việt, bất kỳ nhà hoạt động nào từ miền Nam đều là những người đáng ngờ, ít nhiều bị ảnh hưởng bởi tà linh. Không thể hoàn toàn tin tưởng anh ta được. Hãy nhìn vào nhà tù này, ngay đây : tất cả các sĩ quan đều là người miền Bắc, và bốn trong số năm

lính canh là người miền Bắc.

Nụ cười nhẹ nở trên môi Hiền, để lộ hàm răng vàng lấp lánh.

– Tôi thấy là anh đã nghĩ về chuyện đó khá nhiều rồi, anh nói. Nhưng vẫn còn nhiều điều anh cần khám phá. Đừng nói điều gì quá to. Có thể một ngày nào đó bạn sẽ có cơ hội nói ra điều đó mà không sợ hãi, nhưng không phải bây giờ.

Và Hiền, như thế chúng tôi vừa kết thúc một cuộc trò chuyện tầm thường, quay sang người hàng xóm gần đó để kể một câu chuyện cười.

Trong hai tuần nay, tôi sống trong phòng giam tập thể này tại Trại giam Trần Hưng Đạo, tiếp tục ngủ trên sàn nhà, ăn như trước đây hai bát cơm cát mỗi ngày, thứ mà các tù nhân chìm vào nước để loại bỏ cát.

Mỗi sáng thứ sáu, cả phòng giam đều sống trong sự lo lắng buồn tẻ. Vào ngày đó, một lính canh xuất hiện với một danh sách tên :

– Người này... người này..., chuẩn bị rời khỏi phòng giam, bỏ lại mọi thứ không thuộc về mình.

Không ai biết chuyện gì sẽ xảy ra với những tù nhân rời đi. Những người lạc quan tin rằng họ sẽ được giải thoát. Những người khác nghĩ rằng họ chỉ bị chuyển đến trại tị nạn, mà trại tị nạn còn có tiếng xấu hơn cả nhà tù. Hầu hết mọi người đều muốn tin rằng chúng ta đang có được một thỏa thuận tốt hơn : Không thể tệ hơn ở đây được ! Có lẽ chúng ta có thể di chuyển một chút. Việc bị nhốt như thế này khiến chúng tôi phát điên !

Những người ở lại tự hỏi liệu họ nên

ghen tị hay thương hại những người ra đi.

Nhưng Hiền, người đàn ông có hàm răng vàng, thì thầm với tôi :

– Nếu họ bị đưa đến trại cải tạo thì tức là chết. Tôi biết, tôi đã điều hành một trại như vậy ở Bắc Việt Nam vào năm 1957. Có lẽ các phương pháp vẫn không thay đổi nhiều kể từ đó. Và trong những điều kiện như thế này, tôi thích ở lại đây cho đến hết đời. Ở đây chúng tôi có đèn điện, nhà vệ sinh, không có gì để làm và chúng tôi ăn uống tốt nhất có thể. Các trại tị nạn nằm sâu trong rừng, cách xa thị trấn, không có sự trợ giúp y tế nào, nhưng chắc chắn người ta sẽ mắc phải những căn bệnh tồi tệ nhất ở đó : kiết lỵ, sốt rét, bệnh tê phù... Đó là cái chết, cái chết chắc chắn !

Nguyễn Văn Thắng là một trong những người đàn ông được triệu tập vào thứ Sáu để rời khỏi phòng giam.

Thắng là một ông già ít nói, một đảng viên cộng sản già tóc bạc, ít nói. Tại sao anh ấy lại ở đây ? Chúng ta không dám hỏi ông ấy, và ông ấy cũng không nói. Tuy nhiên, người ta biết rằng ông là một trong những đảng viên kỳ cựu. Ông ấy tám mươi hai tuổi. Vào cuối những năm 1920, Nguyễn Văn Thắng là một trong những “lãnh đạo lịch sử” của chủ nghĩa cộng sản Việt Nam. Ông là lãnh đạo của một trong ba nhóm hợp nhất vào năm 1930, trong một hội nghị được tổ chức tại Hồng Kông với Hồ Chí Minh, để thành lập «Đảng Cộng sản Đông Dương» (Đông Dương Công Sản Đảng).

Ngay khi biết anh ấy là ai, tôi đã cố gắng bắt chuyện với Thắng. Việc này không hề dễ dàng. Ông có thể không nói một lời trong nhiều ngày. Tuy nhiên, trong hai tuần tôi ở chung phòng giam A của Trần Hưng Đạo với ông, có hai hoặc ba lần ông đồng ý nói chuyện đôi chút.

Có lần ông kể cho tôi nghe về Hồ Chí Minh :

– Ông là một nhà lãnh đạo đáng chú ý, một chiến sĩ có công lao to lớn, nhưng lịch sử của đảng đã được sắp xếp đáng kể để ghi nhận mọi công lao cho ông. Trước hết và trên hết, và trong nhiều thập kỷ, ông là một người của Quốc tế Cộng sản sống ở nước ngoài tại Pháp, Liên Xô và Trung Quốc. Ông chỉ trở về Việt Nam vào năm 1945, để tuyên bố sự ra đời của nước Cộng hòa Dân chủ và

nắm quyền lãnh đạo đất nước. Chúng tôi đã chiến đấu ở đất nước này trong hơn hai mươi năm, với tất cả những rủi ro mà điều này mang lại. “Bác Hồ” chỉ trải qua nhà tù một lần trong đời, trong khoảng mười tháng ở Trung Quốc. Và thậm chí khi đó, không phải vì các hoạt động chính trị của ông, mà là sau một lời tố cáo vu khống. Tuy nhiên, chính ông đã trở thành người số một khi chúng tôi nắm quyền, bởi vì ông là người đáng tin cậy của chủ nghĩa cộng sản quốc tế, tức là của Stalin.

Tôi bị cuốn hút bởi người cựu chiến binh đã đấu tranh lâu dài giành độc lập này và vận mệnh của ông. Đây là người đã hy sinh cả cuộc đời mình cho thắng lợi của cuộc cách mạng, và kết thúc những ngày tháng của mình trong nhà tù của cuộc cách mạng thắng lợi ! Để làm gì ?

Bí quyết của ông ấy là gì ? Ông đã phạm tội gì ?

Chỉ một lần, trong giây lát, ông đã cho tôi thoáng thấy câu trả lời cho những câu hỏi này, mở ra cánh cửa vào hậu trường của đảng :

– Tôi sẽ chết trong tù vì những người ở Hà Nội muốn viết lại lịch sử của đảng, và tôi là một trong những nhân chứng đầu tiên của lịch sử này. Vì vậy, nhân chứng phải bị tiêu hủy. Tôi biết quá nhiều. Đặc biệt là về cách hy sinh của các đồng chí Lê Hồng Phong và Trần Phú⁵...

5 Lê Hồng Phong và Trần Phú là những nhà lãnh đạo đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam, bị thực dân Pháp tra tấn và ám sát vào những năm 1930. Những lời tâm sự nửa vờ của Nguyễn Văn Thắng dường như xác nhận tin đồn rằng chính Hồ Chí Minh đã ra lệnh bắt giữ những đối thủ này để tiếp tục là người lãnh đạo duy nhất của đảng. Kể cả khi điều đó có nghĩa là tưởng nhớ những người đã hy sinh. Một trong những đại lộ lớn nhất ở thành phố Hồ Chí Minh hiện được đặt tên là Trần Phú, và trường Cao đẳng Pétrus Ký nổi tiếng đã được đổi tên thành Lê Hồng Phong.

Nguyễn Văn Thắng không muốn nói thêm với tôi. Bất chấp số phận bi thảm mà ông phải chịu đựng, nửa thế kỷ đấu tranh đã giúp ông có được lòng trung thành và sự đoàn kết theo bản năng với đảng. Đúng hay sai, đất nước tôi, người Anh nói. Công thức này có thể được chuyển vị và áp dụng cho những chiến binh cộng sản kỳ cựu mà chúng ta thấy trên khắp thế giới chấp nhận bị đồng chí của họ lôi xuống bùn, nhân danh lợi ích cao cả hơn của cuộc cách mạng. “Dù anh ta đúng hay sai, anh ta vẫn đứng về phía tôi”, đôi mắt mệt mỏi của Thắng dường như muốn nói với tôi, “còn anh, chàng trai trẻ, không phải là một trong số chúng tôi”.

Đảng có quá chắc chắn về sự thận trọng của ông Thắng đến mức ném ông vào giữa sáu mươi tù nhân có đủ mọi

nguồn gốc không ? Hay đó là lỗi hành chính do quá vội vã lấp đầy các nhà tù ? Dù sao đi nữa, Nguyễn Văn Thắng cũng không ở lại lâu với chúng tôi trong căn phòng tập thể của Trần Hưng Đạo.

Khi được gọi đến thu dọn đồ đạc và rời khỏi phòng giam, ông ấy đứng im một lúc, tôi thấy tay ông run rẩy. Vài ngày trước, anh ấy đã nói với tôi rằng nỗi sợ duy nhất của ông là «bị chuyển đến miền Bắc».

Nhìn thấy ngay từ đầu, người cộng sản già này đã vâng lời một cậu bé mà ông có thể là ông nội, và rời khỏi phòng giam mà không nói một lời, không ngoảnh lại nhìn, quả là một cảnh tượng đau lòng.

Chuyện gì đã xảy ra với ông ấy ? Có phải ông ấy đã «di chuyển ra bắc»

không? Ông ấy vẫn còn sống chứ ? Kể từ đó không ai nghe tin tức gì về ông ấy nữa.

Không hiểu sao khi nghĩ về ông, một chi tiết từng khiến tôi xúc động lại ùa về. Như các tù nhân thường làm, chúng tôi nói về những món ngon mà chúng tôi đã từng ăn trong quá khứ. Ông nói : “Tôi chưa bao giờ có cơ hội ăn sô-cô-la. Tôi nghĩ mình sẽ không bao giờ biết được hương vị của nó.”

5

TẾT NÀY KHÁC VỚI NHỮNG TẾT TRƯỚC

Nhà tù Trần Hưng Đạo

– Đoàn Văn Toại ! Hãy theo tôi !

Tôi đứng dậy và đi theo người lính canh Thà, cho rằng anh ta đang dẫn tôi đến cán bộ để thẩm vấn thêm. Điều khiến tôi vô cùng ngạc nhiên là Thà yêu cầu tôi ngồi vào bàn để giúp ghi danh sách tù nhân vào sổ tay.

Dấu hiệu tự tin này khiến tôi bối rối. Chắc chắn, anh chàng bảo vệ trẻ tuổi đã thể hiện – một số dấu hiệu thông cảm với tôi, theo như một người lính canh có thể làm, nhưng trải nghiệm này khiến tôi cảnh giác. Khi trở về phòng giam tập thể A, tôi tìm lời khuyên từ Hiền, người đàn ông có hàm răng vàng, người ngày càng trở thành người bạn và người bạn tâm giao của tôi.

– Hiền cho biết điều này có nghĩa là Thà thấy thuận tiện khi nhờ một tù nhân làm thay mình một công việc viết lách mà anh ta thấy nhàm chán, bởi vì chắc chắn anh ta biết cách sử dụng súng tốt hơn bút. Nhưng hẳn không thể tự mình quyết định điều này : phải có một cán bộ cho phép. Vậy thì, một trong hai điều. Hoặc họ muốn thử thách anh, xem liệu họ có thể tin tưởng và có thể sử dụng anh

làm gián điệp hay không. Hoặc trường hợp của anh được coi là nhỏ và đây có thể là dấu hiệu báo trước cho việc bạn sắp được thả...

Nghĩ đến sự giải thoát khiến tim tôi đập nhanh.

Sáng hôm sau và những ngày tiếp theo, Thà quay lại đón tôi để tiếp tục “công việc”. Cho đến giờ ăn trưa, tôi vẫn tận tâm ghi lại tên, ngày sinh và ngày bị giam giữ của hàng trăm tù nhân. Tất nhiên, Thà khuyên tôi nên giữ thái độ kín đáo tuyệt đối với các bạn tù của mình. Dần dần, một mối quan hệ gần gũi như tình bạn được thiết lập giữa chúng tôi. Một ý tưởng cứ chạy qua đầu tôi, một ngày nọ tôi nảy ra ý tưởng đó :

– Anh Thà ơi, anh đã lập gia đình chưa ?

– Không, anh ấy cười và trả lời, tôi chưa bao giờ có thời gian. Còn anh ?

– Tôi, tôi đã. Và tôi luôn nghĩ đến ba đứa con của mình, chắc hẳn chúng đang thắc mắc tại sao cha chúng lại biến mất. Tại sao ở đây việc báo tin cho gia đình lại bị cấm ?

Có lẽ đây không phải là lần đầu tiên một tù nhân hỏi câu hỏi này và câu trả lời sẽ có trong Khóa học cơ bản dành cho cai ngục, phiên bản năm 1975 của Việt Nam giải phóng :

– Bởi vì những người ở Trần Hưng Đạo đang bị tạm giam. Cho đến khi vụ án của họ được làm sáng tỏ, họ cần phải tiếp tục bị cô lập. Sau khi thẩm vấn và điều tra, họ có thể viết thư cho gia đình.

Tôi kêu lên :

– Nhưng tôi đã bị thẩm vấn và bị nhốt hơn hai tháng rồi ! Và gia đình tôi không biết tôi ở đâu hoặc chuyện gì đã xảy ra với tôi. Nếu tôi có thể cho gia đình biết rằng tôi còn sống, chỉ vậy thôi, thì điều đó có gây hại gì cho cuộc điều tra ? Và điều đó sẽ tốt hơn cho cuộc cách mạng. Nếu không, người ngoài sẽ nghĩ rằng người dân đang bị thanh trừng một cách bí mật, điều đó không tốt cho uy tín của cách mạng và lòng tin vào chế độ của nhân dân.

Tôi cố tình sử dụng ngôn ngữ quen thuộc với một nhà hoạt động và tôi vui mừng khi thấy lập luận này đã thành công. Thà nghĩ. Để cứu anh ta khỏi rắc rối, tôi trả lại cho anh ta lợi thế :

– Tôi muốn nói với anh điều nữa nhưng không dám...

Thà, vui mừng khi được thể hiện lòng tốt của mình, mỉm cười :

– Thế nào ? Bạn phải dám ! Tôi nghĩ anh là một nhà hoạt động cách mạng. Bạn đã mất hết can đảm rồi sao ?

– Đây là trường hợp cá nhân của tôi.

– Tốt ! Hãy nói thẳng ra, anh muốn nói gì với tôi ? Nếu tôi có thể giúp, tôi sẽ giúp. Nếu không thì tôi sẽ từ chối.

– Tôi muốn gửi vài lời tới mẹ tôi.

Tôi đã viết những lời này vào một phân tử tờ giấy trong cuốn sổ tay lấy trộm được trong một buổi “làm việc” của mình. Tôi đưa tờ giấy cho Thà :

– Hãy đọc và xem liệu anh có thể chấp nhận điều này không, vì nhân đạo. Tôi chỉ có thể trông cậy vào sự giúp đỡ

của anh và tôi tin tưởng anh.

Trong giây lát, tôi đọc được sự do dự trong mắt Thà. Đây là một canh bạc. Hành động của tôi nguy hiểm cho tôi cũng như cho anh ấy. Anh ta có thể ngay lập tức tố cáo tôi với một quan tòa về tội cố ý tham nhũng (mặc dù tôi đã hứa với anh ta điều gì ngoài lòng biết ơn), và điều đó có thể trả giá đắt. Về phần anh ta, chỉ cần chấp nhận bức thư, anh ta đã trở thành «đồng phạm» của tôi và tôi có thể gây rắc rối cho anh ta.

Rõ ràng, chỉ trong vài giây, Thà đã cân nhắc những rủi ro. Không có ai ở gần đây cả – Tôi đã chọn thời điểm rất cẩn thận. Tôi dồn vào ánh mắt mình tất cả sức mạnh của sự đồng cảm và tự tin mà tôi có thể có. Thà lấy lá thư của tôi.

« Mẹ yêu ơi,

Con ở Trần Hưng Đạo. Con khỏe mạnh. Con cần tiền và quần áo. Mẹ có thể gửi chúng cho con thông qua người cầm lá thư này. Đừng lo lắng. Con hy vọng sẽ sớm được thả.

Toại »

Sau khi đọc xong, Thà gấp tờ giấy lại và nhét vào túi sau khi chắc chắn rằng không ai để ý đến nó. Dù vậy, anh vẫn hạ giọng nói :

– Tôi sẽ không hứa với anh điều gì cả, nhưng tôi sẽ cố gắng hết sức.

Thẳng rồi. Tôi đưa cho anh ấy tên và địa chỉ, anh ấy nhắc lại và ghi nhớ.

Những ngày sau đó, Thà vẫn tiếp tục đón tôi mỗi sáng để đi làm. Anh ta biết

rằng tôi là cựu sinh viên ngành dược, biết cách tiêm thuốc nên đã nhờ tôi tiêm cho anh ta.

Vài ngày sau khi nhận được lá thư của mẹ tôi, Thà nhét một cuộn giấy nhỏ vào túi tôi, trong khi tôi đang sao chép một trong những danh sách dài vô tận của Trần Hưng Đạo. “Và đừng gọi tôi là ‘em’ nữa,” anh thì thầm vào tai tôi. Thà đã rời đi...

Chỉ đến buổi tối, trong nhà vệ sinh, khi tiếng ngáy vang lên trong phòng giam tập thể A, tôi mới có thể nhanh chóng đọc được thông điệp quý giá đó. Một tờ giấy của mẹ tôi, một lá thư của vợ tôi, các con tôi đều khỏe mạnh, và một ít tiền : 30.000 đồng. Ngay cả với tỷ giá hối đoái mới là 500 đồng đổi được một đồng

thì đây vẫn là một khoản tiền nhỏ đối với một tù nhân : gấp đôi mức lương hàng tháng của một nhân viên văn phòng.

Sáng hôm sau, tôi đã nhét được 10.000 đồng vào túi Thà, và bỏ qua lời cảnh báo của anh ta, tôi nói chuyện với anh ta một cách không chính thức, thì thầm :

– Đừng từ chối, anh đã giúp tôi rất nhiều. Tôi sẽ giúp anh một chút để anh có thể kết hôn vào một ngày nào đó. Tôi có thể làm gì với số tiền này trong tù ?

– Nhưng điều đó là không thể, không thể ! Thà lắp bắp. Đây là tham nhũng, đây là tội ác chống lại cách mạng !

Tôi trấn an anh ấy :

– Cái gì, nhầm lẫn à ? Anh không hỏi tôi điều gì cả. Anh đã chuyển tiếp

lá thư này cho mẹ tôi vì lòng nhân đạo giản dị, và đã mang thư trả lời của bà đến cho tôi. Tôi quyết định chia sẻ số tiền tôi nhận được với anh, chỉ vì lòng cảm thông. Và nếu đó là lỗi thì đó là lỗi của tôi, không phải của anh !

Nhờ vậy mà nổi bản khoản của ông Thà, một cai ngục ở Nhà tù Trần Hưng Đạo, một trong những người cản trở nhất mà tôi từng gặp trong chế độ mới, đã được xoa dịu. Những người lớn hơn anh ta vài tuổi thì việc mua dễ dàng hơn rất nhiều. Chúng thậm chí còn được đem bán. Nhưng bạn phải có phương tiện. Trong chính quyền mới, người ta không còn dùng đồng bạc để giành được sự ưu ái của quan chức nữa mà phải dùng lượng vàng.

Tối hôm đó, nghĩ đến mẹ, vợ, các con vừa nhận được tin từ tôi, tưởng

tượng đến những cuộc trò chuyện của họ, tôi khó mà ngủ được. Đối với người Việt Nam, mối quan hệ gia đình rất bền chặt và vượt xa phạm vi gia đình trực hệ. Trên chỗ của mình, trên băng ghế trong phòng giam A, tôi đang nghĩ về Tết, năm mới của chúng tôi, đang đến gần. Và tôi nhớ đến sự kiện năm 1968, Tết Mậu Thân kinh hoàng năm 1968, Tết Mậu Thân.

Tháng 1 năm 1968 – Vĩnh Long

Tôi rời Sài Gòn trên chiếc xe máy Suzuki của mình vào khoảng 4 giờ chiều ngày 28 tháng 1 năm 1968, một ngày trước Tết. Tôi sẽ gặp bố mẹ ở Vĩnh Long, vùng đồng bằng, cách thủ đô 140 km. Đằng sau tôi là đứa cháu gái năm tuổi của tôi, Ngân Khánh, con gái anh trai tôi.

Khi chúng tôi rời Sài Gòn, bầu không khí hồi hả và nhộn nhịp thật khó tả. Những chiếc xe buýt quá tải, xe ba bánh Lambretta chở tám hoặc mười người (không tính tài xế), xe quân sự chở nhiều phụ nữ và trẻ em như lính, xe máy, xe xích lô, xe hơi riêng : một đội quân ồn ào, bóp còi từ mọi phía đổ về lối vào con đường quốc lộ hẹp dẫn về phía nam. Tương tự như vậy với lối ra dẫn về hướng đông bắc hoặc tây bắc.

Khi Tết đến gần, ở Việt Nam, mọi người đều bận rộn : đây là thời điểm đặc biệt khi gia đình sum họp, khi mọi người tụ họp trước bàn thờ tổ tiên, khi họ mặc quần áo mới, khi họ trao đổi quà tặng và thăm hỏi, thậm chí họ còn vay nợ để giữ cho bàn tiệc luôn mở và đầy những món ăn hiếm có. Ngày đó, ai cũng giàu có.

Trong số những người nông dân,

thời kỳ hân hoan này thường kéo dài hơn một tuần và được tăng thêm gia vị bằng các trận chơi gà hoặc chơi trâu, giữa các làng với nhau. Một bài hát dân gian chế giễu thậm chí còn cho rằng, với một số người, Tết kéo dài ba tháng chứ không phải ba ngày :

Tháng giêng là tháng ăn chơi.

Tháng hai cờ bạc.

Tháng ba rượu chè

Tháng tư tháng của tình yêu

Tháng năm ta mới ra đồng.

Bất chấp chiến tranh đã làm hàng trăm ngôi làng mất đi dân số và làm cho các thị trấn tràn ngập dân số bị nhổ tận gốc, các gia đình bị phân tán, hơn một

triệu người đàn ông được huy động trên khắp đất nước, nhưng truyền thống vẫn tồn tại, bền bỉ. Khi Tết đến, người tị nạn cố gắng trở về làng, viên chức biến mất khỏi văn phòng, người lính làm mọi cách để xin phép và nếu cần thiết, không cần xin phép.

Mọi người đều nhắm mắt làm ngơ trước sự vô kỷ luật của cấp dưới. Sau này người ta mới biết rằng vào ngày đầu tiên của Tết Mậu Thân năm 1968, một phần ba sĩ quan và binh lính của quân đội Nam Việt Nam đã đi nghỉ phép, xa đơn vị của họ.

Một ngày trước đó, vào buổi tối Giao Thừa – có thể ví như đêm giao thừa – Tổng thống Thiệu đã trình bày lời chúc của mình trên đài phát thanh và truyền hình, với một ẩn dụ văn chương tinh tế về Tú Xương, một nhà thơ xác xược và

nổi tiếng, người mong muốn «vua, quan và dân chúng sống như những người đàn ông thực thụ trong năm mới».

Trên đài phát thanh Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng gửi lời chúc Tết. Và ông cũng đã dùng đến thơ ca – nhưng theo một phong cách hoàn toàn khác :

Xuân nay khắc hẳn các xuân qua

Tiến lên toàn thắng ắt về ta

Ở miền Nam, không ai chú ý đến nghĩa đen của những câu thơ tình huống này, được viết theo phong cách đấu tranh và chiến thắng thường thấy ở VNDCCH.

Không ai, trong cơn sốt Tết, coi những câu thơ này thực chất là một tín hiệu được mã hóa, giống như «tiếng nước nở dài của những cây vĩ cầm» báo hiệu

cho lực lượng kháng chiến Pháp năm 1944 về cuộc đổ bộ của quân Đồng minh vào Normandy.

Vào buổi tối ngày 28 tháng 1 năm 1968, hàng triệu người Việt Nam lái xe về nhà gia đình, quên đi chiến tranh, vui mừng khôn xiết khi gặp lại cha mẹ già, anh chị em họ và cháu trai, hàng xóm và bạn bè, chiêm ngưỡng những món ăn ngon sắp tới, sự ngọt ngào của một người mẹ chu đáo, của một phong cảnh quen thuộc.

Sự thức tỉnh sẽ rất tàn khốc.

Với chiếc xe máy nhỏ của mình, tôi đã không gặp quá nhiều khó khăn để thoát khỏi tình trạng kẹt xe ở lối ra Sài Gòn, lòn lách ngoằn ngoèo giữa hàng

trăm phương tiện đang làm tê liệt lẫn nhau, trên một con đường quá hẹp, một phần bị ngập và đầy ổ gà. Đi thêm vài km nữa thì giao thông trở nên thừa thớt hơn. Đường quốc lộ chạy thẳng về phía Mỹ Tho, thành phố tỉnh lỵ gần nhất. Bên dưới, những cánh đồng lúa với hình ảnh phản chiếu u ám lướt qua, và xa hơn một chút về phía bên trái và bên phải là những cụm cây dừa. Cứ mỗi ba hoặc bốn km, bóng dáng của các tháp canh lại hiện lên, trên đỉnh tháp là hình bóng của những người lính gác, súng M-16 kẹp dưới khuỷu tay. Thỉnh thoảng, các trạm kiểm soát có máy thu thanh kêu lách tách cho phép dòng người đi qua mà không bị gián đoạn. Một chút cảnh giác, một chút bất cẩn. Mọi thứ đều ổn, mọi thứ đều bình thường.

Tôi đến Vĩnh Long vào khoảng 8 giờ

tối, trong không khí lễ hội. Mẹ tôi chơi đùa vui vẻ với cháu gái. Cha tôi thấy tôi trưởng thành và hỏi tôi chuyện gì đang xảy ra ở Sài Gòn. Đến nửa đêm, cả gia đình vui vẻ dùng bữa cỗ cúng “tổ tiên”. Cha tôi cho tôi xem bộ quần áo đã chuẩn bị để đón người bạn mà ông mong đợi sẽ đến vào ngày hôm sau, một giáo viên. Lần đầu tiên đến thăm nhà vào ngày đầu tiên của Tết có ý nghĩa vô cùng quan trọng : nếu người đến thăm là một người đàn ông có phẩm chất, toàn bộ cuộc sống của người được viếng trong năm tiếp theo sẽ bị ảnh hưởng. Ngược lại, nếu vị khách đầu tiên là người xấu thì mọi chuyện sẽ trở nên tồi tệ...

Những vị khách đến Vĩnh Long đêm đó chắc chắn là điều mà cha tôi không ngờ tới.

Những phát súng đầu tiên vang lên vào khoảng 2 giờ sáng, khiến tôi giật mình tỉnh giấc. Tôi vội vã chạy đến cửa sổ. Những bóng đen của những người đàn ông có vũ trang rón rén đi dọc theo những ngôi nhà. Có lúc tôi nghĩ họ là những người lính thuộc các đơn vị địa phương của Nam Việt Nam, mặc đồ đen giống như Việt Cộng. Tôi nghĩ đây lại là một cuộc đảo chính nữa, lần này là chống lại Thiệu. Vào thời điểm đó, thật khó để tưởng tượng một cuộc tấn công của Việt Cộng vào một thủ phủ tỉnh như Vĩnh Long.

Những viên đạn xuyên qua các bức tường, thỉnh thoảng làm vỡ cửa sổ. Chúng tôi đang bò trên mặt đất. Cha tôi và tôi đẩy một số đồ đạc vào cửa, rồi tập hợp mọi người vào những khu vực an toàn nhất trong nhà. Cuộc chiến đã kết

thúc. Nhưng chúng tôi vẫn ở lại nơi trú ẩn là các chiến lũy của chúng tôi, thỉnh thoảng bọn trẻ mở to mắt để hỏi chuyện gì đang xảy ra và tại sao chúng tôi không ngủ.

Vào lúc rạng sáng, khi đang khám phá xung quanh, tôi bất ngờ thấy mình đang đối mặt với hai họng súng AK-47 chĩa thẳng vào bụng mình. Những vũ khí này được giữ bởi hai đứa trẻ khoảng mười lăm, mười sáu tuổi. Họ tiêu tụy và lo lắng. Chỉ có vũ khí mới mang lại cho họ chút tự tin, còn sự lo lắng của họ thì đáng lo ngại. Họ bị ướt đến tận vai, điều đó có nghĩa là họ đã phải ngủ ướt suốt đêm trong con rạch phía sau nhà.

– Có ai ở trước nhà không ? Một người hỏi.

– Không có ai cả, tôi trả lời. (Tôi cố

gắng mỉm cười và nói thêm :) Em có đói không ? Em có muốn ăn gì không ?

Họ nhìn nhau và chăm chú theo dõi tôi. Họ trông thực sự lo lắng. Làm sao họ có thể tin tưởng một cư dân thành phố trẻ tuổi đã mời họ đi ăn ? Nhưng họ đói. Họ ăn hết cơm nếp, món ăn truyền thống của ngày Tết, rồi biến mất để tìm đồng đội, không nói một lời.

Tôi hơi sửng sốt, cả về ngoại hình lẫn diện mạo của hai chiến sĩ kháng chiến Việt Cộng này. Tôi chưa bao giờ tưởng tượng những chiến binh đáng gờm của Mặt trận lại là hai thiếu niên sợ hãi.

Huyện ngoại thành Vĩnh Long này vốn yên tĩnh trong vài giờ khi cuộc chiến diễn ra ác liệt ở trung tâm thành phố, lại trở nên nóng nực vào giữa trưa. Khi tôi đang cố gắng đánh giá tình hình,

một quả đạn cối phát nổ cách đó 20 mét, khiến tôi ngã xuống đất. Sau đó, lực lượng không quân của chính phủ đã đến, thả bom một cách khá ngẫu nhiên, ở bất cứ nơi nào có sự việc xảy ra.

Tôi vội vã quay trở lại nhà, bên trong cái «boongke» bấp bênh mà chúng tôi đã dựng lên bằng đồ đạc. Cả ngày và cả đêm hôm sau, chúng tôi ở trong phòng kín như vậy, ăn những gì còn lại trong các món ăn được chuẩn bị cho bữa cỗ, trong khi bom và mảnh đạn pháo đang xé nát mọi thứ xung quanh. Cha tôi đã tận dụng lúc giao tranh tạm lắng để chôn những đồ vật có giá trị trong vườn.

Sáng hôm sau, tôi nhận ra rằng tất cả những người hàng xóm của chúng tôi đã bỏ chạy, và đã đến lúc chúng tôi cũng phải làm như vậy. Chính phủ dường như đã đẩy lùi những chiến binh kháng

chiến từ trung tâm thành phố, và trận chiến đang trở nên nguy hiểm. Những quả đạn pháo rơi xuống ngay một gần hơn.

Chiếc xe máy nhỏ của tôi đã chở cả gia đình – bốn người lớn và hai trẻ em ! – và có lẽ đã cứu mạng chúng tôi. Chúng tôi vừa đi được vài trăm mét thì một quả đạn pháo rơi trúng nhà chúng tôi. Chúng tôi dừng lại một lát. Mẹ tôi khóc nức nở khi chúng kiến đám cháy. Đây là lần thứ ba trong đời ngôi nhà của bà bị phá hủy.

– Và lần này chúng ta đã quá già để làm điều đó một lần nữa, bà nói với cha tôi.

Có lẽ vì là con của chiến tranh nên tôi nhìn nhận tình hình một cách bình tĩnh hơn. Trước khi ra khỏi nhà, tôi đã

chồng ba chiếc áo lên nhau. Tôi biết rằng trong những khoảnh khắc đó, mình chỉ giữ được những gì còn trên người mình.

Chúng tôi tiếp tục chạy dọc theo con rạch cho đến khi tới một cây cầu vòm. Một bên cầu đang bị bắn. Một viên đạn đã bắn thủng bánh sau xe máy của tôi. Những kẻ bỏ trốn đã bị thương và đang la hét. Chúng ta có thể giúp họ bằng cách nào ? Một người phụ nữ mang thai đang hấp hối. Đây đó có những xác chết nằm bất động, sự đau khổ của họ đã kết thúc. Chúng tôi bò sang phía bên kia của cây cầu. Chúng tôi bế những đứa trẻ sợ hãi, co ro bên mình như những chú mèo.

Chúng tôi băng qua cây cầu thứ hai và đến một khu phố yên tĩnh, nơi cha mẹ chúng tôi chào đón chúng tôi. Trận chiến kéo dài năm ngày. Dần dần, nhờ pháo binh và đặc biệt là không quân,

chính phủ đã giành được ưu thế. Quân Việt Cộng, bị đẩy lùi ra ngoại ô thành phố, đã đi qua khu phố nơi chúng tôi trú ẩn mà không chiến đấu. Nhưng không thấy quân lính từ Sài Gòn đâu ; chúng tôi đang ở trong một vùng đất không có người ở.

Khoảng mười ngày trôi qua trong sự bình yên tương đối. Đài phát thanh thông báo rằng Việt Cộng đã bị đánh đuổi khỏi Sài Gòn, nhưng giao tranh ác liệt vẫn tiếp diễn trên khắp cả nước, đặc biệt là ở Huế.

Quân Mặt trận đã cố gắng mở một cuộc tấn công mới vào Vĩnh Long, nhưng cũng thất bại sau bốn hoặc năm ngày.

Vào một thời điểm nào đó, người dân trong khu phố đã trú ẩn trong một

nhà thờ Công giáo mà tôi không biết vì lý do gì có vẻ như mang lại sự bảo vệ. Đột nhiên, ba chiến sĩ Mặt trận mặc đồ đen xuất hiện ở cửa. Họ nhìn vào đám đông tụ tập, nhưng không bước vào, không nói lời nào. Ba người đàn ông có vẻ đau khổ giống như hai chiến sĩ du kích trẻ họ gặp vào sáng Tết, mặc dù họ lớn tuổi hơn một chút. Không có gì trong số đó gợi lên được sự quyết tâm mãnh liệt và nồng nhiệt mà Đài Phát thanh Hà Nội ca ngợi.

Những cuộc gặp gỡ trực tiếp với những người lính Mặt trận đã để lại cho tôi một ấn tượng kỳ lạ. Tôi luôn tin rằng những người lính du kích kiên quyết và có sức thuyết phục hơn quân đội của chính quyền bù nhìn ở Sài Gòn, được trả công bằng đô la Mỹ. Có điều gì đó mách bảo tôi rằng, ở cả hai bên, những người

Việt Nam chiến đấu với nhau (một số dùng súng trường Mỹ, một số dùng súng trường Nga...) đều bị cuốn vào một vòng xoáy khủng khiếp mà lý tưởng cá nhân của họ không được coi trọng.

Sau khi chiến sự ở Vĩnh Long kết thúc, tôi trở về khu phố cũ. Ngôi nhà của cha mẹ tôi không còn gì sót lại. Ở ngôi nhà bên cạnh, một bà lão đã chết một ngày trước cuộc Tổng tấn công Tết Mậu Thân và sắp được chôn cất đã bị thiêu trong quan tài.

Khắp nơi là những xác chết bụng trương phình, mùi hôi thối kinh khủng. Tàn tích khắp nơi. Ba phần tư số nhà trong thị trấn đã bị thiệt hại vì giao tranh. Hầu hết cư dân đã chạy trốn đến khu vực xung quanh.

Chúng tôi chẳng còn gì ở Vĩnh Long nữa. Cả gia đình quyết định lên đường vào Sài Gòn, đến nhà anh trai tôi.

Khi chúng tôi đến thủ đô, giao tranh vẫn đang diễn ra ở một số khu vực. Trận chiến Tết thậm chí còn khốc liệt hơn trận Vĩnh Long : số người chết lên tới hàng ngàn.

Tôi phát hiện ra rằng khá nhiều bạn đại học của tôi, có lẽ khoảng năm mươi người, đã gia nhập Mặt trận. Họ nghĩ rằng đây là trận chiến cuối cùng, trận chiến sẽ mang lại chiến thắng cho FNL. Đây chính là điều mà các nhà lãnh đạo của họ đã nói với các chiến sĩ Việt Cộng. «Hãy mạnh dạn tiến vào thành phố, dân chúng đang chờ đợi các bạn...» Họ đã tin vào điều đó. Điều này giải thích sự khốc liệt của cuộc chiến. Nhưng ngày qua ngày, «cuộc nổi dậy của nhân dân»

được rêu rao ngày càng kém thành công. Người dân vẫn giữ thái độ trung lập, ở lì trong nhà, chờ đợi xem mọi chuyện sẽ diễn biến thế nào...

Tình hình đã chuyển biến theo hướng có lợi cho bên có hỏa lực mạnh nhất. Trong cuộc tấn công này, Mặt trận Giải phóng miền Nam Việt Nam đã phải chịu tổn thất nặng nề : mất khoảng 35.000 chiến binh, những lực lượng tinh nhuệ nhất⁶. Và không bao giờ phục hồi. Sau cuộc phiêu lưu thảm khốc này, họ gần như hoàn toàn bị các cán bộ điều hành từ miền Bắc tiếp quản. Và quân đội Bắc Việt đã lãnh đạo cuộc tấn công quyết định năm 1975. Các đơn vị Mặt

6 Trong tù, Nguyễn Văn Hiến, «người đàn ông có hàm răng vàng», người chỉ huy một sư đoàn tấn công chống lại Sài Gòn năm 1968, đã kể với tôi về việc ông thấy mình đang chạy trốn cùng mười sáu người đàn ông sau ba tuần chiến đấu. Họ là những người sống sót duy nhất của đơn vị tinh nhuệ này của Mặt trận. Gần 5.000 người còn lại đều đã chết, bị thương hoặc bị bắt.

trận chỉ đóng vai trò hỗ trợ. Và sức nặng chính trị của GRP đã giảm theo cùng tỷ lệ như chúng ta đã khám phá sau chiến thắng của phe cộng sản.

Vào năm 1968, tôi vẫn chưa biết đến diễn tiến này. Tôi vô cùng ngưỡng mộ những người Việt Nam đã hy sinh mạng sống để lật đổ chế độ thực dân mới do Hoa Kỳ bảo trợ. Tôi không tin vào sự thật về những ngôi mộ tập thể được phát hiện ở Huế theo Đài phát thanh Sài Gòn. Tuyên truyền chính thức tuyên bố rằng hàng ngàn người đã bị Mặt trận thảm sát trong thời gian ngắn ngủi họ nắm quyền kiểm soát thủ đô cũ của đế quốc.

Mặt khác, tôi phải lưu ý rằng ở Vĩnh Long, ở Sài Gòn – tôi đã tận mắt chứng kiến – quần chúng nhân dân không hề ủng hộ cuộc tấn công của Mặt trận. Nếu không có sự thay đổi này về bản chất

thái độ của tôi, từ lúc đó tôi cảm thấy cái mà người Pháp gọi là bóng tối của sự nghi ngờ.

1975 – Nhà tù Trần Hưng Đạo

Khoảng ba tuần một lần, các tù nhân sẽ được chuyển từ phòng giam này sang phòng giam khác để «đổi chỗ» và ngăn chặn việc hình thành nhóm. Vào những dịp này, chúng ta cũng thấy những người mới đến giúp chúng ta biết được những gì đang diễn ra bên ngoài.

Vào cuối tháng 8 năm 1975, khoảng bốn mươi tù nhân đã rời khỏi phòng giam của chúng tôi và ngay lập tức được thay thế bằng những khuôn mặt mới. Trong số những người mới đến có khoảng mười người đàn ông vừa bị bắt,

bao gồm cả những thương gia giàu có người Hoa. Chỉ có họ là gây ra nhiều tiếng ồn như tất cả những người khác cộng lại, than vãn về số phận của họ suốt ngày.

Những người mới đến này không phải là «chính trị gia» thực sự. Họ nằm trong số «giai cấp tư sản lớn kiếm lời từ chiến tranh» mà chế độ mới đã quyết định xóa bỏ.

Trong số họ có một số triệu phú (tính theo đô la) mà tôi không cảm thấy vinh dự khi được chia sẻ số phận của họ. Ví dụ, Trần Thành, «vua dẹt may», cựu cố vấn tài chính của Thiệu, người đã lấy tiền thập phân từ quân phục. Và Hoàng Kim Quy, cựu thượng nghị sĩ, “vua hàng rào thép gai”. Và một lần nữa Và một lần nữa Lý Sen, người đứng đầu khoảng năm mươi công ty, tất cả đều ít nhiều

sống cộng sinh với quân đội, tức là nhờ «viện trợ» của Mỹ.

Vài ngày sau, chúng tôi thấy một người đàn ông Việt Nam cao lớn, béo tốt bước vào phòng giam, được hai lính canh dẫn đường và hỗ trợ. Anh ấy bị bịt mắt và một chân bó bột. Anh ấy là ông chủ lớn của một nhà máy nhựa. Khi sắp bị bắt, anh ta đã cố gắng tự tử bằng cách nhảy từ tầng bốn xuống. Anh ta chỉ bị gãy một chân. Suốt ngày, ông ta cũng phàn nàn về việc mất mát tài sản :

– Họ lấy của tôi 2.000 lượng vàng và 300.000 đô la, nhà máy, nhà cửa, xe hơi của tôi... Ôi ! Tại sao tôi không rời đi sớm hơn nhỉ !

Tất nhiên, tôi, cựu sinh viên ngành dược, phải chăm sóc chân gãy của anh ấy và đồng thời giúp anh ấy đi vệ sinh.

Tôi thực hiện những nhiệm vụ này một cách khó chịu.

Trong số những «người chính trị», những người vẫn chiếm đa số trong phòng giam, và cũng là những tù nhân lớn tuổi nhất, việc chung sống cưỡng bức với nhóm tù nhân mới này gây ra những lời phàn nàn, sau đó là phản đối. Trong phạm vi chúng ta tranh cãi về tính hợp lệ của vụ bắt giữ, chúng ta không thể chấp nhận việc dính líu đến những «kẻ thù của nhân dân» thực sự mà chúng ta khinh thường.

Vẫn ổn đối với những người bị bắt khi đang cố gắng rời khỏi đất nước vì họ không muốn sống trong chế độ cộng sản. Điều này cũng áp dụng đối với các cựu sĩ quan hoặc công chức không tham gia khóa học «cải tạo». Nhưng bị đối xử theo cùng một cách, cùng số phận với

những người đàn ông trong nhiều năm đã làm giàu một cách đáng xấu hổ trên lưng những người Việt Nam bất hạnh mà họ đẩy ra chiến trường, trong khi bản thân họ và con cái họ vẫn được che chở chu đáo, thì quả là quá đáng !

Tình hình càng trở nên đáng ghê tởm hơn khi trong số chúng ta cũng có những «kẻ thế tội» đáng thương. Mặc dù tôi không biết chính xác lý do tại sao mình bị bắt, nhưng ít nhất tôi cũng có được sự giáo dục và đào tạo chính trị để có thể tự bảo vệ mình tốt nhất có thể. Nhưng một số bạn tù của tôi đã bị bắt trong điều kiện khiến họ hoàn toàn bất lực. Ví dụ, có những dân làng dưới hai mươi tuổi rõ ràng là nạn nhân của những lời vu khống : ngày nay rất dễ để loại bỏ một đối thủ...

Tôi đặc biệt nhớ trường hợp điển

hình của Du, một thiếu niên mười sáu tuổi, người đã kể cho bất kỳ ai chịu lắng nghe về tai nạn của mình.

Nhập ngũ vào đầu năm 1975 trong «Lực lượng phòng vệ địa phương» của Thiệu, chàng trai trẻ Du đã được điều động vào «lực lượng dân quân» của chế độ mới. Một đêm nọ, sau khi uống một chút, anh ta bắn vài phát lên không trung. Anh bị bắt ngay lập tức, bị buộc tội «hoạt động phản cách mạng» và bị buộc phải thừa nhận rằng là một điệp viên CIA. Anh ta thậm chí còn không biết CIA là gì. Người ta nói với tôi :

– Giữa chuồng cọp Côn Sơn và án tử hình, anh chọn cái nào ?

Du hoảng hốt, vẫn chưa hiểu chuyện gì đã xảy ra với mình. Anh ấy vẫn tự hỏi mình đã phạm phải tội ác tày đình nào

khi say rượu. Số phận mù quáng xảy đến với anh ta dường như là một thảm họa khó hiểu, nhưng không phải là sự bất công. Anh lặp lại :

– Chuồng cọp hay án tử hình, với tôi đều như nhau. Thà chết ngay bây giờ còn hơn.

Sự ngây thơ tuyệt vọng của anh khiến những người già mỉm cười. Nhưng đồng thời nó cũng khiến trái tim họ tan nát. Làm sao chúng ta có thể, làm sao chúng ta có thể, nhét thằng bé Du và «vua dây thép gai» vào cùng một cái túi được ?

Trong một cuộc họp, gồm hơn một nửa tù nhân trong phòng giam, các chính trị gia quyết định yêu cầu chuyển «kẻ thù của nhân dân, những kẻ kiếm lời từ chiến tranh» đến một phòng riêng. Yêu cầu được người đứng đầu nhóm chuyển

đến người điều hành có trách nhiệm, người này trả lời ngắn gọn :

– Tất cả các người đều là tù nhân. Các người đã mất quyền công dân. Không được đòi hỏi bất cứ thứ gì.

Tuy nhiên, vài ngày sau, người quản lý nhà máy nhựa béo bị gãy chân đã được chuyển đi nơi khác, có lẽ là bệnh xá, điều này khiến tôi nhẹ nhõm rất nhiều. Và sau ngày Quốc khánh 2 tháng 9, “giai cấp tư sản lớn” cũng bị lay động.

Đối với tôi, «Ngày Quốc khánh» 2 tháng 9, được tổ chức lần đầu tiên vào năm đó tại miền Nam Việt Nam, ngay cả trong nhà tù, là một kỷ niệm sâu sắc. Thứ nhất, vì đây là lần đầu tiên người ta nhìn thấy thịt ở nhà tù Trần Hưng Đạo. Sau

đó, thậm chí còn hiếm hơn, các tù nhân được thưởng thức một tiết mục hài do một viên chức đảng biểu diễn như một món khai vị.

Ngày 2 tháng 9 năm 1945, Bác Hồ đã tuyên bố độc lập dân tộc tại Hà Nội. Đây là một sự kiện đáng chú ý, cần được chào mừng ở khắp mọi nơi.

Hai ngày trước đó, chúng tôi được đại úy Hai Phấn của quân đội Bắc Việt đến thăm, ông đã có bài phát biểu mà ông đã tập dượt ở nhiều phòng giam, và tôi nhớ rất rõ những nội dung chính :

– Người miền Nam các anh tự nhận mình là người văn minh sao ? Nhưng tại sao tất cả các cây cầu của bạn đều được làm bằng xi măng ? Ở phía bắc, cầu được làm bằng sắt. Đây là bằng chứng cho thấy miền Bắc văn minh hơn miền Nam.

Nụ cười bắt đầu nở trên môi mọi người và họ vỗ tay. Vị đại úy tiếp tục :

– Bác Hồ đã rất sáng suốt khi chọn miền Bắc vào năm 1954 thay vì miền Nam, vì Hạm đội 7 của Hoa Kỳ có thể đi thuyền ngược dòng sông Cửu Long đến tận Phnom Penh.

Lần này, một số tù nhân nhìn nhau bằng khoe mắt thích thú và bắt đầu vỗ tay nồng nhiệt hơn. Hạm đội số 7 đi thuyền ngược dòng sông Mekong tới Phnom Penh ! Một ý tưởng vĩ đại và siêu thực !

Hài lòng với hiệu quả của mình, đại úy Hai Phấn tiếp tục, giọng cao hơn :

– Những người theo chủ nghĩa thực dân mới muốn đưa Việt Nam trở lại thời kỳ đồ đá. Nhưng họ đã thất bại. Dưới

sự lãnh đạo của Đảng ta, đất nước ta đã bước vào thời đại cao su, vì chính chúng ta sản xuất lốp xe xe tải !

Cả phòng giam bật cười và vỗ tay cùng một lúc. Hai Phần không hề nói đùa, im lặng một lúc rồi kết luận :

– Các anh bị giam giữ tạm thời và do đó, không có các quyền như công dân. Nhưng vào dịp Quốc khánh, Cách mạng đặc biệt đãi bạn một bữa ăn có thịt. Mặt khác, bạn sẽ có thể mua một số sản phẩm nhất định, bao gồm đồ ngọt và đường.

Lần này tiếng reo hò và vỗ tay là thật. Thịt ! Thịt !

Thật không dễ để chia đôi vài kg thịt cho bảy mươi một tù nhân mà không cần dùng dao, sao cho mỗi người đều có

phần của mình mà không cảm thấy bị lừa. Phải huy động toàn bộ thẩm quyền của các cựu tù nhân để đảm bảo chiến dịch được hoàn thành mà không có sự kháng cự. Chỉ cần nghĩ thấy mùi thịt là mọi người đã thèm thuồng và trợn mắt.

Mỗi người nhận được hai miếng thịt lợn nhỏ, dài khoảng bằng một ngón tay. Chưa bao giờ, trong những nhà hàng tốt nhất, tôi được thưởng thức món gì ngon hơn hai miếng này, chúng tôi nợ Bác Hồ lòng tốt đặc biệt của ông.

6

ĐẠI BIỂU CỦA KHOA DƯỢC

Tháng 9 năm 1975 – Nhà tù Lê Văn Duyệt

Lão Thảo, «trưởng phòng giam» của chúng tôi, đã bị chuyển đi nơi khác vào ngày sau Quốc khánh, cùng với nhóm tư sản giàu có. Người tù trưởng mới là một thanh niên ngoài ba mươi tuổi, tên là Khanh, một nhạc sĩ. Chúng tôi đã không thỏa thuận được trong cuộc trao đổi.

Là một cựu đảng viên cộng sản,

Khanh đã gia nhập chế độ Thiệu vào năm 1972. Do đó, trong mắt những người cộng sản, ông là một kẻ phản bội đất nước và cần phải chuộc lại nhiều lỗi lầm. Anh ta cố gắng thực hiện điều này bằng cách báo cáo mọi hành vi vi phạm kỷ luật với lính canh và thực thi nghiêm ngặt các quy định.

Cho đến lúc đó, chúng tôi có thể chơi cờ tướng, tụ tập lại để trò chuyện. Với Khanh thì điều đó là không thể. Trong phòng giam, bạn có thể nghe thấy tiếng rơi của một chiếc ghim. Nhiều nhất, chúng tôi cũng chỉ dám thỉnh thoảng thì thầm vài lời với hàng xóm. Vào thời điểm cơm cát, mọi người phải ăn tại chỗ của mình trong im lặng. Với Hiền, người đàn ông có hàm răng vàng, những cuộc trao đổi dài về kỷ niệm và tâm sự đã kết thúc.

May mắn thay, chúng tôi sẽ không phải chịu đựng chế độ độc tài này quá lâu.

Sáng ngày 6 tháng 9 năm 1975, một lính canh xuất hiện ở cửa phòng giam, tay cầm một tờ giấy. Mọi người đều biết điều đó có nghĩa là gì : họ sẽ «đảo tù». Và lần này, tôi nằm trong danh sách mười hai tù nhân sẽ bị chuyển đi «nơi khác». Tôi rất vui mừng khi thấy Hiền cũng có mặt trong số đó.

Các nhóm tù nhân khác từ các phòng giam khác cũng tham gia cùng chúng tôi. Tôi và Hiền đi cạnh nhau để tăng cơ hội được ở bên nhau đến cuối chặng đường. Tính toán kỹ trước khi ra khỏi tù, họ trói từng tù nhân bằng cùng một cặp còng tay. Ít nhất thì tôi cũng chia sẻ với một người bạn về chuỗi sự việc khiến tôi cảm thấy nhục nhã này. Lần

đầu tiên sau mười một tuần, tôi lại nhìn thấy bầu trời. Không khí trong lành làm tôi choáng váng. Một số tù nhân, chân họ run rẩy, lão đảo.

Bốn mươi người chúng tôi bị nhồi nhét trong một chiếc xe tù nhỏ được thừa hưởng từ chế độ trước, nơi chúng tôi bị nhồi nhét như những con cá mòi. Lần này, chính sự thiếu không khí mới gây ra cảm giác khó chịu.

Trong khoảng một giờ, chiếc xe tải chạy mà không thể nhìn thấy bất cứ thứ gì bên ngoài : các lỗ thông gió quá nhỏ và quá cao. Nhưng vừa mở cửa xe, Hiền đã thì thầm vào tai tôi : “Văn Duyệt”.

Chúng tôi đang ở trong một sân trong, ba mặt được bao quanh bởi những tòa nhà có tường dày, mặt thứ tư là bức tường cao bốn mét.

Họ bắt chúng tôi ngồi trên sàn. Một người đàn ông mặc thường phục, tay xách cặp, đi ngang qua và nhìn chằm chằm vào chúng tôi, đột nhiên dừng lại và tiến về phía tôi :

– Toại ! Bạn không nhận ra tôi sao ?

Không, khuôn mặt anh ta chẳng gợi cho tôi nhớ đến điều gì cả. Một cảm giác mơ hồ như đã từng thấy, nhưng ở đâu ?

– Tôi đã viết bài thơ «Máu» trên báo Tin Sáng.

Vâng, vâng ! Vì vậy, «nhà thơ» rõ ràng đã trở thành một cảnh sát. Một con đường kỳ lạ. Nhưng tôi không có tư cách để chế giễu anh ấy. Tôi đang trình bày nó theo đúng mẫu.

– Tôi nhớ rồi. Anh thấy đấy, hôm nay anh là viên chức, còn tôi là tù nhân.

Chàng thanh niên có vẻ đầy thiện chí :

– Nhưng chuyện gì đã xảy ra ? Tôi nghe nói anh đang làm việc cho ủy ban tài chính của chính phủ mới. Anh có bị bắt khi lái xe sau giờ giới nghiêm không ?

(Vâng, hơn bốn tháng sau khi chiến tranh kết thúc, lệnh giới nghiêm vẫn còn hiệu lực...)

– Tôi không biết tại sao tôi bị bắt. Đúng là họ yêu cầu tôi làm việc trong ủy ban tài chính, nhưng tôi đã từ chối. Nhưng đó không phải là tội ác... Tôi không hiểu.

Tôi nhận thấy sự thay đổi trong thái độ của người đối thoại. Nếu đây không phải là vấn đề cảnh sát đơn giản, nếu tôi

giả vờ không biết tại sao tôi ở đây, thì vấn đề này rất đáng ngờ, có lẽ là nghiêm trọng. Toại tù chối làm việc ở ủy ban tài chính, ôi !Ồ ! Đảng hủn đã can dự vào vấn đề này. Tốt nhất là không nên đến quá gần những nạn nhân của bệnh dịch hạch...

Tôi thể là người đàn ông đó hối hận vì nhận ra tôi, anh ta nhìn quanh một cách lén lút. Sau lời hứa mơ hồ là sẽ thông báo cho gia đình tôi về việc tôi đến Lê Văn Duyệt, anh ta đã chuồn mất.

Cho đến giữa buổi chiều, dưới cái nắng như thiêu đốt, không ăn không uống, chúng tôi vẫn ngồi như thế trong sân nhà tù.

Cuối cùng, họ tiến hành tìm kiếm

trước khi đến nơi ở mới. Hoàn toàn khỏa thân, với số đồ đạc ít ỏi kẹp dưới nách, chúng tôi diễu hành trước một trung úy khoảng bốn mươi tuổi, hai bên là hai chàng trai trẻ khoảng hai mươi tuổi. Cả ba đều là người miền Bắc. Quần áo được kiểm tra cẩn thận. Tôi còn 10.000 đồng, tôi đã vo thành một cuộn nhỏ và nhét vào hậu môn. Phương pháp này được Henri Charrière truyền đạt cho tôi thông qua tác phẩm *Butterfly*, tác phẩm đã được dịch sang tiếng Việt và thành công rực rỡ ở Sài Gòn.

Nhờ chiếc còng tay trói chúng tôi lại cho đến lúc khám xét, tôi và Hiền bám sát nhau, và cũng bám sát nhau bước qua cánh cửa ngôi nhà mới, phòng giam tập thể số 2, khu A, trại giam Lê Văn Duyệt, Gia Định - Thành phố Hồ Chí Minh.

Phòng giam có kích thước gần giống

như phòng giam chúng tôi rời đi vào buổi sáng ở Trần Hưng Đạo : dài khoảng hai mươi mét, rộng năm mét và cao sáu mét.

Phía nhỏ nơi cửa ra vào được đóng lại, chiếm hơn hai phần ba chiều cao, bằng các thanh chắn chéo cho phép thông gió. Ở đầu bên kia có một nhà vệ sinh, một vòi nước và một bể chứa nước. Phần không gian còn lại được chiếm bởi một chiếc ghế dài xây bằng gạch, mỗi chiều dài khoảng mười lăm mét, rộng ba mét, hai bên có một “lối đi dạo” rộng hai mét.

Sau khi vào phòng giam, «tù nhân chính» mới của chúng tôi, Nguyễn Dịch Nhã, dùng phấn viết số tù nhân lên một tấm bảng nhỏ : chúng tôi có sáu mươi hai người. Điều này có nghĩa là trên băng ghế ngủ, mỗi tù nhân có khoảng bảy mươi lăm cm vuông. Nói cách khác,

bạn không thể ngủ ngựa ở đó được. Tất nhiên, vì là những người đến sau cùng nên tôi và Hiền cũng phải ngồi ở chỗ tệ nhất, chỗ cạnh nhà vệ sinh.

Những người bạn tù của chúng tôi không vội vàng tìm hiểu nhau. Rõ ràng, ở đây cũng như tại Trần Hưng Đạo, các tù nhân thuộc nhiều nhóm khác nhau và quan sát lẫn nhau rất kỹ lưỡng trước khi lựa chọn mối quan hệ. Những người cộng sản rất vui khi được giao du với những người ủng hộ Mặt trận như tôi, nhưng không giao du với những cựu cộng sản hay các thành viên FNL đã tập hợp lại với chế độ cũ. Những người sau tự coi mình là «chính trị gia» và không muốn bị nhầm lẫn với «những kẻ kiếm lời từ chiến tranh». Điều này nuôi dưỡng sự ác cảm sâu sắc đối với tất cả các chính trị gia, những người mà họ cho là phải

chịu trách nhiệm cho sự hủy hoại của họ. Để tăng thêm sự thú vị, trong mỗi nhóm còn có hai hoặc ba tên tội phạm thực sự... và tất nhiên là cả những kẻ cung cấp thông tin, những kẻ này có thể thuộc bất kỳ nhóm nào.

Nói tóm lại, họ quan sát những người mới đến, chờ xem họ có phù hợp để giao lưu hay không. Và cũng vì lý do đó, Hiền và tôi, vào buổi tối đầu tiên ở Lê Văn Duyệt, vẫn còn khá e dè.

Họ cho chúng tôi một chiếc bát và một chiếc thìa mới. Phần cơm ở đây không nhiều hơn và chất lượng cũng không tốt hơn ở Trần Hưng Đạo. Với nụ cười nhẹ để lộ ánh vàng lấp lánh, Hiền nhận xét :

– Chúng ta đã đổi khách sạn, nhưng đầu bếp vẫn vậy và giường vẫn cứng

như vậy... Lần cuối chúng ta nói chuyện, ở Trần Hưng Đạo, anh đã kể cho tôi nghe về cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân năm 1968 đối với anh. Và những nghi ngờ đầu tiên của anh về cuộc cách mạng...

– Những nghi ngờ này không đủ sâu sắc để khiến tôi thay đổi phe. Và trong mọi trường hợp, sự thối nát và ngu xuẩn của chế độ Thiệu đến mức bạn phải thối nát hoặc ngu xuẩn mới có thể tham gia vào chế độ đó...

1968 – Sài Gòn

Sau thất bại của FNL trong cuộc Tổng tấn công Tết Mậu Thân vào tháng 1- tháng 2 năm 1968, chính quyền Thiệu dường như đang có lợi thế. Lần đầu tiên,

Mặt trận đã tung toàn bộ lực lượng vào trận chiến và phải chịu thất bại. Dân chúng vẫn giữ thái độ trung lập. Người Mỹ đang xoa tay : Chiến tranh Việt Nam đang khiến họ phải trả giá đắt, nhưng cuối cùng cũng có một thành công lớn... Vấn đề là phải tận dụng lợi thế đạt được để nhổ tận gốc rễ cuối cùng của chủ nghĩa cộng sản ở phía nam vĩ tuyến 17.

Tại Sài Gòn, Tướng Nguyễn Cao Kỳ, Tổng tư lệnh Không quân và Phó Tổng thống Cộng hòa, được giao nhiệm vụ đưa thế giới nhỏ bé và thiếu suy nghĩ của trường đại học vào nề nếp.

«Kỳ là ai ?» «Tướng de Gaulle một ngày nọ hỏi một cách khinh thường. Sự thật là sự hiện diện của tay chơi này trong một trong những chức vụ cao nhất của Nhà nước là điều khá bất ngờ. Vào thời điểm đó, ông ta mới chỉ ba mươi

tuổi, và đi lại khệnh khạng, xung quanh là một đội cận vệ gồm những thanh niên mặc áo đen, quần bó, khăn quàng đỏ quanh cổ, kính màu... Nếu không phải vì khẩu súng lục nửa mở nửa đóng mà họ thản nhiên đeo trên thắt lưng, trong bao súng, giống như những kẻ khoác lác trong phim viễn Tây, thì họ có thể bị nhầm là người hâm mộ một ngôi sao nhạc kịch, là một ban nhạc rock. Theo cả nghĩa bóng và nghĩa đen, họ đang «khoe khoang», chơi trò mạnh mẽ và lái máy bay phản lực và xe jeep.

Nguyễn Cao Kỳ là một thủ lĩnh băng đảng. Anh ta «tự phụ», không thiếu can đảm, thích phụ nữ, trò chơi và thích thể hiện. Ông là người thẳng thắn, đủ trẻ để không khiến các vị tướng già phải lo lắng quá nhiều, những người đã đẩy ông ngang hàng với Thiệu, người dễ điều

động và bí mật hơn. Nó có thể là đồng minh tại chỗ. Về phần mình, người Mỹ không có gì chống lại vị tướng trẻ được họ huấn luyện này, người có động lực, có vẻ ngoài cao bồi thần nhiên và thoải mái.

Và như vậy, trước sự ngạc nhiên của mọi người, và có lẽ là của chính ông, Nguyễn Cao Kỳ đã trở thành Phó Tổng thống nước Cộng hòa. Vì thế ông ấy bắt đầu nghiêm túc với bản thân mình. Ông ly dị vợ là một phụ nữ Pháp, người có với ông năm đứa con, để cưới một nữ tiếp viên hàng không người Việt Nam xinh đẹp, và đưa ra những tuyên bố hùng hồn chống lại chủ nghĩa thực dân Pháp. Quá say mê vinh quang chính trị, một ngày nọ, ông thậm chí còn ca ngợi Hitler. Đại sứ quán Hoa Kỳ tỏ ra thất vọng và thông báo với ông rằng tốt hơn hết là không

nên nhấn mạnh vào vấn đề này.

Vào đầu năm 1968, sinh viên ở thủ đô được mời tham gia các đơn vị bán quân sự, những người phải tuần tra các quận khác nhau của thủ đô vào mỗi đêm để đảm bảo an ninh.

Tất nhiên, quyết định này không được sinh viên đón nhận nồng nhiệt. Nó cũng gây ra phản ứng từ FNL, tổ chức đã huy động các thành viên của mình vào phong trào sinh viên. Một trong số họ, Kiệt, người mà tôi đã liên lạc một thời gian, đang giúp tôi tổ chức phong trào phản đối trong khoa dược.

Phong trào này gần như tự phát triển. Các sinh viên rất tức giận khi bị quản lý và buộc phải tuần tra vào ban đêm tại một thành phố đã không còn yên bình như vậy trong nhiều năm. Các bậc phụ

huynh cũng đồng tình với quan điểm này vì cho rằng điều này ảnh hưởng đến việc học.

Chúng tôi chơi dựa trên sự ganh đua nhất định giữa các vị tướng. Một số người – bắt đầu từ Thiệu – bắt đầu lo sợ rằng Nguyễn Cao Kỳ⁷ sẽ biến lực lượng dân quân sinh viên thành lực lượng mới phục vụ cho mình.

Chương trình quân sự hóa của trường đại học nhanh chóng tan rã và cuối cùng bị hủy bỏ hoàn toàn.

Thành công này khiến tôi rất được sinh viên yêu mến và như tiếp thêm cho tôi sức mạnh. Cuộc sống hoạt động xã hội ngày càng chiếm nhiều thời gian của tôi. Tôi đã thiết lập mối quan hệ với một số nhân vật trong phe đối lập về mặt

⁷ Ngày nay, năm 1979, Nguyễn Cao Kỳ đang bán Coca Cola ở California.

pháp lý, chẳng hạn như luật sư Trần Văn Tuyền⁸, đồng nghiệp của ông là Nguyễn Long và bà Tôn Thất Dương Kỳ, chủ một nhà in.

Từ những cuộc tiếp xúc này đã nảy sinh ý tưởng về một tờ báo mang tên Tự Quyết, như tên gọi của nó cho thấy, tờ báo này sẽ bảo vệ quyền của người Việt Nam được tự quyết định vận mệnh của mình, mà không có bất kỳ sự can thiệp nào từ bên ngoài – kể cả Bắc Việt Nam, nhưng tất nhiên là trên hết là không có sự can thiệp của Mỹ.

Tờ Tự Quyết xuất bản hàng tháng, tốt nhất có thể, từ năm 1968 đến năm 1973. Nhưng hầu hết các số báo của tờ

8 Ông Trần Văn Tuyền, một người ủng hộ Mặt trận Dân tộc Giải phóng, đã chết trong khi bị giam giữ vào năm 1976. Trong chuyến thăm Paris năm 1977, người đứng đầu chính phủ Việt Nam, ông Phạm Văn Đồng, đã tuyên bố rằng ông còn sống...

báo này đều bị sở kiểm duyệt ở Sài Gòn tịch thu.

Tạp chí này đăng tải các bài viết của những trí thức miền Nam Việt Nam gần gũi với Mặt trận Giải phóng, như bà Ngô Bá Thành, Giáo sư Cao Huy Thuần, Thượng tọa Thích Thiện Châu và những người nước ngoài như Noam Chomsky. Tất cả đều ủng hộ lập trường của GRP và ngưỡng mộ chính quyền Hà Nội. Tôi đau khổ khi đọc lại những bài viết của chính mình đăng trên báo Tự Quyết, một tuyển tập đầy đủ mà tôi tìm thấy vào năm 1979 (bao gồm cả những số báo bị cảnh sát Thiệu tịch thu) tại Đại học Cornell ở Hoa Kỳ. Tôi nghĩ rằng một số cộng tác viên khác của tạp chí sẽ không còn hứng thú đọc lại chính mình nữa. Trong đó có bà Ngô Bá Thành, một đại biểu quốc hội của chế độ mới, người đã được

báo chí quốc tế phỏng vấn hàng trăm lần trước năm 1975, và hiện đã bị bịt miệng. Điều đáng chú ý là trong suốt bốn năm, bà Thành chưa bao giờ được phép gặp gỡ các nhà báo hoặc đi nước ngoài để bảo vệ chế độ mà bà, giống như tôi, đã kêu gọi. Có khả năng bà ấy sẽ không trở về nước nếu được phép rời đi.

Tất cả những điều này chắc chắn đã thu hút sự chú ý của FNL và ngay sau đó là sự chú ý của cảnh sát...

Tôi đã được các sứ giả từ Mặt trận «tiếp cận» từ rất lâu rồi. Ngay từ năm 1965, một người bạn đại học đã từng kéo tôi ra một góc để nói rằng :

– Bây giờ, những người trẻ thực sự yêu nước phải tìm ra những cách hiệu

quả hơn để thay đổi tình hình.

– Bạn nghĩ đến phương tiện nào ?

Có phần né tránh, chàng trai trẻ đã ám chỉ đến «những người đang tổ chức bên ngoài thành phố». Anh ấy quan tâm đến việc khiến tôi nói chuyện hơn là thuyết phục tôi. Ông muốn biết cảm nghĩ của tôi về Mặt trận, liệu tôi có hứng thú với cuộc đấu tranh của mặt trận không, liệu tôi có muốn tham gia không và tham gia như thế nào.

Tôi thấy hứng thú. Nhưng trước tiên tôi muốn biết thêm một chút và để làm được điều đó, tôi muốn gặp người phụ trách.

Sau đó tôi kết bạn với một sinh viên lớn hơn tôi hai hoặc ba tuổi, tên là Nguyễn Tuấn Kiệt, người rất tích cực

tham gia các cuộc biểu tình của chúng tôi. Chúng tôi rất thân thiết và anh ấy thường ăn ở nhà tôi. Một trong những người anh em của ông sống ở miền Bắc Việt Nam. Có nhiều lần ông công khai đề nghị tôi tham gia Mặt trận. Nhưng tôi vẫn kiên trì muốn gặp người lãnh đạo trước khi đưa ra bất kỳ quyết định nào.

Cuối cùng, vào khoảng tháng 4 hoặc tháng 5 năm 1967, Kiệt đã bí mật thông báo với tôi rằng một cán bộ điều hành bí mật đã đồng ý gặp tôi, rằng đó là điều khá đặc biệt, rằng ông ta phải khẳng khẳng và bảo đảm sự kín miệng của tôi.

Tôi ngồi ở phía sau chiếc Lambretta của Kiệt, người rất bí ẩn, đã đi vòng qua thành phố nhiều lần để đảm bảo chúng tôi không bị theo dõi. Cuối cùng anh ấy dừng lại... ngay trên con phố nơi tôi

sống⁹.

Kiệt đồ xe trước một quán phở. Phở là món ăn đặc trưng của Việt Nam và rất phổ biến. Từ sáng đến tối bạn có thể ăn phở giá rẻ ở đó. Cũng giống như từ «café» dùng để chỉ những nơi công cộng phục vụ cà phê, phở là tên của món phở và của tiệm chế biến món đó. Đây là một loại nước dùng thanh với bún gạo và những lát thịt bò mỏng, được nêm bằng nước mắm, loại nước muối cá mà người Việt Nam thường dùng để làm tăng hương vị cho tất cả các món ăn của họ.

Quán phở cũng giống như quán cà phê kiểu Pháp, là một nơi rất đông đúc. Đây là nơi lý tưởng để ẩn mình mà không bị chú ý. Đặc biệt là khi bạn trông giống như một người đàn ông bình thường,

9 Phố Chasseloup-Laubat / Hồng Thập Tự / Nguyễn Thị Minh Khai.

giống như người lãnh đạo Mặt trận đã tham gia cùng chúng tôi vài phút sau khi chúng tôi đến.

Anh ta là một người đàn ông khoảng ba mươi tuổi, gầy, mặc áo sơ mi trắng cổ mở và tay ngắn, giống chín trong số mười người Sài Gòn... Khuôn mặt giản dị, không biểu cảm lắm, nhưng rất chu đáo. Tất nhiên là ông ấy không cho tôi biết tên. Sau này tôi mới biết tên ông là Trần Khiêm. Hiện nay ông là chủ tịch Đoàn Thanh niên Hồ Chí Minh các tỉnh đồng bằng.

Ông ấy nói với tôi rằng FNL đã chú ý đến các hoạt động của tôi với tư cách là một nhà hoạt động sinh viên và đang theo dõi chặt chẽ.

– Nhưng, ông tiếp tục, ông không cảm thấy rằng những hành động này

phải là một phần của một kế hoạch tổng thể có mục tiêu cuối cùng là giành độc lập thực sự cho Việt Nam ? Chính Mặt trận Giải phóng Dân tộc đảm bảo sự phối hợp của mọi nỗ lực hướng tới mục tiêu này, chính Mặt trận thực hiện những nỗ lực có hiệu quả. Mặt trận tập hợp những người có mọi quan điểm. Bên ngoài Mặt trận, bạn đang chiến đấu một trận chiến đơn độc mà không dẫn đến bất kỳ kết quả quyết định nào. Với Mặt trận, bạn sẽ có thể hiện thực hóa lý tưởng của mình, đảm bảo tương lai của đất nước cũng như của chính bạn.

Tôi muốn gặp một nhà lãnh đạo của những người đàn ông có lời lẽ mạnh mẽ, tôi tình cờ gặp một cán bộ cấp thấp trong tổ chức ngầm, người đang đọc tờ rơi của tổ chức mình.

Tôi trả lời rằng tôi đồng ý với các

mục tiêu chung của Mặt trận, nhưng tôi muốn suy nghĩ trước khi cam kết thêm. Tuy nhiên, tôi đã nói với ông ấy rằng tôi dự định đóng một vai trò rất tích cực trong phong trào sinh viên và tôi sẵn sàng hợp tác chặt chẽ với FNL trong lĩnh vực này mà không cần phải là thành viên.

Chúng tôi dừng lại ở đó. Tôi đã giữ lời hứa : khi trở thành một trong những lãnh đạo của Tổng hội Sinh viên Sài Gòn, tôi vẫn thường xuyên liên lạc với Mặt trận Giải phóng miền Nam thông qua người bạn Kiệt. Và những người ở Mặt trận có vẻ hài lòng với sự hợp tác này. Họ thường đưa cho tôi tài liệu và ấn phẩm từ Mặt trận. «Năm điểm» của chương trình MTDTGPMN được nhắc đi nhắc lại không biết mệt mỏi : Hòa Bình, Tự Do, Độc Lập, Trung Lập, Hạnh

Phúc (Hòa bình, Tự do, Độc lập, Trung lập, Phúc lợi xã hội). Chủ nghĩa cộng sản chưa bao giờ là vấn đề.

Tuy nhiên, tôi tự hỏi liệu những nghi ngại của tôi trong lần tiếp xúc «chính thức» đầu tiên này với một cán bộ FNL có được ghi chú bằng màu đỏ ở đâu đó trong một hồ sơ mà sau này xuất hiện lại hay không...

Vào đầu năm học đại học năm 1969, tôi tự nhiên được thúc đẩy tham gia vào việc tái lập Hội sinh viên. Không có cuộc bầu cử nào diễn ra trong hai năm và hầu hết các nhà lãnh đạo trước đây đã biến mất, hoặc vào tù hoặc vào khu.

Mỗi một trong mười bảy khoa của Sài Gòn bầu ra một đại biểu, và những

đại biểu này lần lượt bổ nhiệm ban chấp hành của Hội. Tôi được bầu làm đại biểu Khoa Dược, sau đó là Phó chủ tịch thứ hai của Văn phòng, phụ trách quan hệ với nước ngoài.

Chủ tịch là đại biểu của Khoa Nông học, Nguyễn Văn Quý, một chàng trai trầm tính và dễ gần, được chọn vì lý do đó.

Phó chủ tịch thứ nhất, Huỳnh Tấn Mẫm, có tính cách quyết đoán hơn nhiều và ông sẽ được nhắc đến nhiều lần trong cuốn sách này.

Tôi đã hỗ trợ thành công cho sự nghiệp của người bạn Nguyễn Tuấn Kiệt, «người liên lạc» của tôi với FNL, để chỉ đạo tạp chí Sinh viên.

Tổng thư ký của Hội cũng là một

người bạn khác của tôi, một thành viên của phong trào Tự Quyết, cơ quan mà chúng tôi biên tập là tạp chí Tự Quyết. Tên ông là Nguyễn Văn Thắng.

Thắng thuộc về một... loài ít được nhắc đến ở phương Tây : ông là một chiến sĩ đấu tranh giành độc lập cho miền Nam. Ông vừa chống lại chính quyền của các tướng lĩnh Sài Gòn, vì họ là tay sai của người Mỹ, vừa chống lại tất cả người miền Bắc, dù là cộng sản hay chống cộng.

Sự ngờ vực, thậm chí là thái độ thù địch, đối với người dân miền Bắc rất phổ biến trong dân chúng miền Nam Việt Nam.

Người dân miền Bắc Việt Nam sống

trong một đất nước khắc nghiệt, nghèo đói, điều này đã hình thành nên tính khí của họ : họ chăm chỉ, khá khắc khổ và độc đoán. Họ không vui vẻ, không hòa giải, cũng không khoan dung. Họ có một sự tôn sùng về thứ bậc và trật tự. Những nhà lãnh đạo quá tự phụ và coi thường cấp dưới.

Người dân miền Nam lười biếng hơn, ít kiên trì hơn. Đúng hơn là «sống hòa đồng» và một chút «tôi không quan tâm», như người Pháp nói. Cuộc sống ở miền Nam dễ dàng hơn, đất đai màu mỡ hơn, khí hậu ôn hòa hơn. Người miền Nam nói một cách chế giễu rằng người miền Bắc ném một con cá gỗ vào nồi để tạo ảo giác đang ăn tiệc...

Mặt khác, người dân Hà Nội luôn tự nhận mình có trình độ trí tuệ cao hơn người dân Sài Gòn. Và đúng là họ

diễn đạt bằng giọng ít thô tục hơn, bằng những từ ngữ hoa mỹ hơn người Sài Gòn. Họ có xu hướng thiên về sự trừu tượng, thiên về chính trị «thuần túy». Ngược lại, người miền Nam không quan tâm đến chính trị. Họ không muốn bận tâm đến các lý thuyết và các hệ tư tưởng. Về cơ bản, họ có phần hơi vô chính phủ. Họ muốn tận hưởng cuộc sống với sự tự do tối đa. Hoàn toàn trái ngược với chương trình cộng sản, vốn quản lý và phân bổ mọi thứ, thú vui của cuộc sống và tự do, nhân danh một thiên đường xã hội chủ nghĩa giả định mà con cháu chúng ta sẽ được hưởng.

Văn phòng mới của Hội sinh viên không tồn tại được lâu. Chính phủ đang theo dõi chúng tôi. Vừa trúng cử, Chủ tịch hội Nguyễn Văn Quý buộc phải lên

đường nhập ngũ. Phó Chủ tịch thứ nhất Huỳnh Tấn Mẫm lên nắm quyền.

Mẫm không được trời phú cho nhiều may mắn. Anh ấy hơi gầy và bị lác mắt. Nhưng anh ấy có can đảm. Tư tưởng chính trị của anh khá mơ hồ, nhưng là một người theo chủ nghĩa dân tộc nhiệt thành, và không thể chịu đựng được việc sống ở một Việt Nam do Hoa Kỳ cai trị.

Để phản đối việc đưa cựu chủ tịch Quý vào quân đội, Hội đã tổ chức một cuộc mít tinh vào tháng 10 năm 1969 tại Khoa Nông học, quy tụ hơn 2.000 sinh viên.

Cuộc mít tinh bị cấm. Cảnh sát đã can thiệp bằng vũ lực, bắt giữ Mẫm và hàng chục lãnh đạo khác của Hiệp hội, bao gồm cả tôi. Chúng tôi bị nhốt trong một phòng giam chung ở đồn cảnh sát

quận 1. Chúng tôi sẽ ở đó năm tuần để chờ xét xử. Năm tuần vinh quang.

Vụ việc đã gây ra một vụ bê bối. Không chỉ báo chí Sài Gòn mà báo chí quốc tế¹⁰ cũng đưa tin về việc bắt giữ các lãnh đạo Hội Sinh viên khi họ đang tổ chức một cuộc họp ôn hòa bên trong trường đại học. Tại Quốc hội, các đại biểu đã lên bục để yêu cầu trả tự do cho chúng tôi.

Một số đại biểu như Ngô Công Đức hay Lý Quý Chung, luật sư, họ hàng đến thăm chúng tôi, mang theo những món ăn hàng ngày do mẹ và chị em chúng tôi nấu, bánh ngọt, trái cây. Chúng tôi sống trong nông trường. Chúng tôi khinh thường thức ăn trong tù, mặc dù nó vẫn có thịt với cơm trong mọi bữa ăn.

10 Vào thời điểm đó, có hơn hai trăm nhà báo nước ngoài được cấp phép hoạt động tại Sài Gòn.

Tất nhiên, «phẩm chất» của chúng tôi với tư cách là sinh viên và sự ồn ào xung quanh vụ bắt giữ khiến chúng tôi trở nên đặc quyền. Vì vậy, chỉ có mười hai người trong một phòng giam có kích thước tám mét x bốn mét, trong khi ở phòng giam bên cạnh có cùng kích thước đó có bốn mươi tù nhân. Nhưng những tù nhân này cũng có thể nhận được nhu yếu phẩm từ gia đình họ hàng ngày mà không bị giới hạn. Và không ai bị ngược đãi.

Điều này không có nghĩa là dưới chế độ Thiệu, nhà tù là nơi nghỉ dưỡng. Có một số trại giam hình sự ghê tởm, đặc biệt là ở đảo Côn Sơn. Nhưng cuối cùng, chúng ta vẫn biết được những gì đang xảy ra ở đó, và chính quyền phải lưu ý đến dư luận trong nước và quốc tế. Các luật sư, ủy ban điều tra, nghị sĩ, Tổ chức

Ân xá Quốc tế, các nhà báo và nhà văn đã lên án những vụ bê bối và tìm hiểu thêm. Ngày nay, vào năm 1979, chính quyền cộng sản Việt Nam có thể hành động mà không bị kiểm soát và nói bất cứ điều gì họ muốn. Không còn luật sư, không còn phe đối lập, không còn nhà báo độc lập, và Tổ chức Ân xá đang kêu gào vô vọng ở cửa để được phép vào.

Các luật sư cho biết phiên tòa của chúng tôi sẽ là chiến thắng cho phe đối lập. Chúng tôi đang chuẩn bị cho điều đó một cách hân hoan, trau chuốt những câu trả lời thuyết phục để đưa ra trước tòa. Các thẩm phán sẽ là người đứng ở vị trí của bị cáo ! Và nếu chúng ta bị lên án, chúng ta sẽ là anh hùng, trường đại học sẽ trỗi dậy, nhân dân sẽ làm theo ! Chúng ta đang sống trong một sự phấn

khích lạ thường.

Trước khi chúng tôi ra tòa, đích thân cảnh sát trưởng quận 1 đã đến gặp chúng tôi như để xin lỗi :

– Lần sau hãy đi biểu tình ở nơi khác, ở quận khác ! Bởi vì anh chỉ gây rắc rối cho tôi thôi. Nếu tôi bắt anh, tôi sẽ bị buộc tội là đao phủ. Nếu tôi không bắt được anh, tôi sẽ bị bộ trưởng mắng.

Chúng tôi bị đưa lên một chiếc xe chở tù – không còng tay, giống như chiếc xe sau này chở tôi từ nhà tù Trần Hưng Đạo đến nhà tù Lê Văn Duyệt. Điểm đến : tòa án công cộng, một thể chế dường như đã biến mất ở Việt Nam mới.

Trên đường đi, chúng tôi hát :

Nhà tù là nơi để thanh lọc bản thân !

Trong trận chiến này chúng ta không cần vũ khí

Trái tim tôi làm bằng thép, nó chảy máu đỏ

Thân thể ta là vàng, tử hình những kẻ phản bội

Máu tôi chảy hôm nay để làm đẹp cho lá cờ chúng ta ngày mai

Chúng ta là những anh hùng...

Vị chánh án của tòa án đã già, tính tình tốt bụng và mệt mỏi. Mặc là người thay mặt mọi người trả lời câu hỏi của ông. Chúng tôi đang ở vị thế mạnh mẽ, tự hào về bản thân mình. Hàng trăm sinh viên tụ tập quanh sân. Trong phòng có hàng chục luật sư, nghị sĩ và nhà báo.

– Các anh đã tổ chức một cuộc họp bất chấp lệnh cấm của chính phủ. Các anh có biết về lệnh cấm này không ?

– Đầu tiên, quyền tự do lập hội được Hiến pháp bảo đảm. Sau đó cuộc họp này diễn ra bên trong trường đại học.

– Nhưng đây là một cuộc họp chính trị chứ không phải là một cuộc họp học thuật !

– Mục đích là trình bày chương trình của văn phòng Hội sinh viên. Không phải lỗi của chúng tôi khi chủ tịch hội bị bắt đi lính ngay sau khi đắc cử, và vụ bê bối này khiến sinh viên phẫn nộ ! Nếu cuộc họp mang tính chính trị thì đó là lỗi của chính phủ.

Một vài câu hỏi và câu trả lời khác cũng theo hướng tương tự. Rõ ràng, vị

thẩm phán (người đã chết trong «trại cải tạo» của chế độ mới) chỉ đang thẩm vấn các bị cáo cho có lệ. Nhiệm vụ của ông ấy đã hoàn tất. Ông không có ý định lên án chúng tôi. Mãi không tìm được cơ hội để đưa ra câu văn lịch sử mà mình đã chuẩn bị :

– Trước khi bị bắt, chính quyền sợ vì chính quyền nghi ngờ. Sau đó, họ không còn sợ bất cứ điều gì nữa, vì họ biết rằng mục đích của chúng ta là chính đáng !

Chủ tòa lại ngồi xuống :

– Tốt, sau khi cân nhắc, tòa án quyết định ân xá cho các anh. Các anh là sinh viên, nhiệm vụ của các anh đối với đất nước là tiếp tục học tập để trở thành người có ích. Các anh có biết điều này không ?

– Vâng, Mắm nói, huých tôi bằng khuỷu tay : «Nói vâng đi, nói vâng đi.»
Và chúng tôi lần lượt trả lời vị thẩm phán già, người nhướn mày nghiêm nghị :
«Vâng, vâng, thưa ngài chủ tòa.»

Chúng tôi rời khỏi tòa án một cách thoải mái, với nụ cười trên môi, được bạn bè vây quanh. Mắm thì thăm vào tai tôi :

– Chúng ta vẫn phải lên tiếng phản đối sự đàn áp của cảnh sát.

– Nhưng tôi phải nói rằng chúng tôi đã thoát khỏi chuyện này một cách bình an và chúng tôi không hề bị đối xử tệ bạc.

– Nếu chúng ta không phản đối, Mắm nói, họ sẽ nghĩ rằng họ có thể thoát tội.

Mắm đã đúng. Cần phải phản đối.

Nhưng anh đã làm điều đó theo cách mà anh sẽ phải hối hận. Sau lần bị bắt thứ hai, anh đã bị cảnh sát Thiệu tra tấn, và một cảnh sát đã nhắc nhở ông về những lời buộc tội của mình :

– Tôi biết không ai làm gì anh khi anh bị bắt lần đầu. Vậy mà anh lại nói rằng bạn bị đánh. Được thôi, lần này chúng tôi sẽ đánh cho anh một trận. Ít nhất thì theo cách đó bạn sẽ không nói dối nữa.

Bị cầm tù, xét xử và được tuyên trắng án, các nhà lãnh đạo của Hội Sinh viên đã trở thành những ngôi sao chính trị ở miền Nam Việt Nam. Chúng tôi đang tích cực tham gia vào mọi cuộc chiến chống đối.

Đầu năm 1970, Bộ trưởng Bộ Kinh tế ra thông báo tăng giá giấy đáng kể, các tờ báo (lúc đó có hơn bốn mươi tờ nhật báo ở Sài Gòn) đồng thanh phản đối : «Chính phủ đang tìm cách bóp nghẹt báo chí¹¹!» «Chúng tôi tham gia phong trào này vì quyết định của chính phủ cũng sẽ dẫn đến việc tăng giá sách. Tôi soạn thảo một tuyên bố gay gắt, được Mẫn ký với tư cách là chủ tịch, và chúng tôi sẽ trình bày tại một cuộc họp báo.

Văn bản này cáo buộc chính phủ đã đàn áp những bộ phận dân cư nghèo nhất và thực hiện chính sách do Hoa Kỳ áp đặt.

Một tuần sau, Huỳnh Tấn Mẫn bị bắt. Ông bị cáo buộc là thành viên của

11 Chủ tịch ủy ban đấu tranh báo chí Huỳnh Thanh Vĩ bị bắt vào năm sau. Được thả vào ngày 30 tháng 4 năm 1975, sau khi chế độ sụp đổ, ông lại bị giam cầm vào năm 1977.

đảng cộng sản, một đảng bị Hiến pháp cấm.

Vào thời điểm đó, chúng tôi tin rằng đây là biện pháp đe dọa mới đối với phong trào sinh viên nói chung, và Mắm chỉ đơn giản là ngã vì anh ấy ngồi ở hàng ghế đầu. Không ai trong chúng tôi, kể cả bạn tôi là Kiệt, một thành viên của FNL, biết về mối quan hệ chặt chẽ giữa Mắm với đảng cộng sản bí mật, mà anh đã cẩn thận che giấu. Cảnh sát đã phát hiện ra họ, nhưng chúng tôi nghĩ rằng họ đang nói dối, và những lời buộc tội «chủ nghĩa cộng sản» chỉ là cái cớ để chặt đầu Liên đoàn Sinh viên.

Cuộc đảo chính gần như đã thành công. Ở văn phòng Công đoàn, tôi thấy mình gần như đơn độc. Ông Thắng, Tổng thư ký, trở thành giáo sư ở Tây

Ninh. Người thay thế ông là Trúc và thủ quỹ là Yên đột nhiên biến mất. Theo như chúng tôi biết, họ vẫn chưa bị bắt. Sau này tôi mới biết rằng họ thuộc cùng một mạng lưới ngầm với Mẫn, và đã quyết định tốt hơn là không nên chờ cảnh sát.

Bất chấp sự thất bại này, tôi đã phát động một chiến dịch đòi trả tự do cho Mẫn. Tôi gửi một bức thư ngỏ tới Tổng thống Thiệu và Thủ tướng Khiêm. Vụ bắt giữ Mẫn được mô tả là một vụ «bắt cóc». Chúng tôi yêu cầu trả tự do ngay lập tức cho tổng thống của chúng tôi, hoặc chính phủ phải chứng minh các hoạt động cộng sản của Mẫn trong một phiên tòa công khai trong vòng một tháng. «Các sinh viên đang ở thế cùng đường», bức thư kết luận, được đăng trên hầu hết các tờ báo Sài Gòn.

Đáp lại, tôi được mời – không phải triệu tập, mà là được mời, trên một tấm thiệp chính thức – đến văn phòng của Tổng cục trưởng Tổng cục Cảnh sát, Tướng Trần Văn Hai. Tôi thận trọng thông báo cho các luật sư của phong trào «Tự quyết», các nghị sĩ, v.v... về cuộc họp này. Và tôi đã trình diện với vị tướng này cùng với một người bạn là nhà báo Thiên Hương, từ báo Công Luận¹². Nếu tướng Hai có ý định nhốt tôi lại một cách lạng lẽ thì ông ta đã nhầm. Nhưng ông ấy không ngu ngốc đến thế và nghi ngờ rằng tôi đã thực hiện các biện pháp phòng ngừa.

Chúng tôi được tiếp đón rất lịch sự. Vị tướng tươi cười xuất hiện sau khi

12 Giám đốc Công Luận là ông Lê Hiến. Bị cảnh sát Thiệu bắt giữ năm 1974, được thả vào ngày Sài Gòn sụp đổ, ông lại bị chế độ mới bắt giữ vào tháng 4 năm 1976. Ông là một trong những người ký vào “Di chúc của những người tù yêu nước” (xem cuối tập).

chúng tôi đến chỉ một phút. Chúng tôi được phục vụ trà.

Ngay từ đầu, tướng Hai khẳng định chúng tôi sai khi bức xúc về vụ bắt giữ Huỳnh Tấn Mẫm :

– Chính phủ không gây chiến với sinh viên, những người đại diện cho tương lai của đất nước. Nhưng ông không thể dung thứ cho các hoạt động của những người cộng sản ngầm muốn phá hủy chế độ Nam Việt Nam. Bây giờ, Mẫm là một người cộng sản, sử dụng hoạt động của công đoàn làm vỏ bọc và Liên đoàn sinh viên làm công cụ để làm suy yếu chính quyền.

Tôi trả lời rằng nếu Mẫm là đảng viên đảng cộng sản (và vào thời điểm đó tôi không tin như vậy), bằng chứng về điều này phải được cung cấp một cách

công khai. Mặt khác, chúng ta phải được phép gặp anh ta để chắc chắn rằng các quyền của anh ta được tôn trọng.

Tướng Hai bực mình trả lời rằng bằng chứng thì có, nhưng chưa thể tiết lộ được. Còn việc gặp Mẫn thì không thể : yêu cầu của cuộc điều tra đòi hỏi phải giữ bí mật. Tôi phẫn nộ :

– Vì thế ! Nhu cầu của cuộc điều tra ! Cần phải giữ bí mật ! Điều này có nghĩa là cảnh sát có thể làm bất cứ điều gì họ muốn mà không cần kiểm soát ! Ông không cai trị một đất nước bằng cảnh sát mà bằng lòng tin. Và phương pháp của ông đã phá hủy lòng tin của người dân !

Vị tướng cười, đưa ra lá bài thân thiện, nhưng ẩn chứa lời đe dọa :

– Thôi nào, anh Toại, anh không phải là trẻ con. Và anh biết rằng kẻ thù của chúng ta không chiến đấu bằng hoa, cũng không chiến đấu bằng phương pháp dân chủ. Để đối đầu với cộng sản, cần có lực lượng cảnh sát mạnh mẽ. Bạn đang bảo vệ quyền lợi của sinh viên, điều đó là tốt. Đừng nhầm lẫn chúng với tình trạng bất ổn chính trị. Nó sẽ còn tốt hơn nữa.

Vị tướng đứng dậy. Cuộc phỏng vấn đã kết thúc. Khi ông lái xe đưa chúng tôi trở lại, ông ta quan sát, chế giễu :

– Anh đi cùng một nhà báo... Vậy anh sợ bị phục kích à ?

Tức giận vì không đạt được điều gì, tôi càu nhàu :

– Tại sao không ? Ông có thể bắt giữ

một đại biểu Quốc hội !

Cả «nhân chứng» và tôi đều không động đến tách trà của viên cảnh sát trưởng.

Tuy nhiên, nhân tiện tôi muốn bày tỏ lòng kính trọng tới Tướng Trần Văn Hai. Tôi nghĩ ông không thích công việc mình đang làm, nhưng ông tin rằng không còn cách nào khác. Trong mọi trường hợp, ông không phải là kẻ hèn nhát : thay vì chạy trốn như nhiều người khác, và điều ông có thể dễ dàng làm, ông đã tuân tiết sau chiến thắng của những người cộng sản.

Mặt khác, đúng là Huỳnh Tấn Mẫm là một đảng viên bí mật. Tôi chỉ phát hiện ra điều này sau vài năm. Khi Mẫm trở thành ngôi sao của chế độ mới. Anh cố quên việc tôi đã phải vất vả thế nào để

đưa anh ra khỏi nhà tù của Thiệu.

Tôi tập hợp những người còn lại của văn phòng Hội để thông báo cho họ về sự thất bại trong chuyến thăm của tôi tới Tướng Hai :

– Chính phủ đang chế giễu chúng ta. Chúng ta bị coi là những cậu bé dễ bị dọa nạt khi lớn tiếng. Chúng ta cần huy động đông đảo sinh viên. Và để làm được điều này, đừng ngại áp dụng các biện pháp quyết liệt. Nếu chúng ta phản đối một cách rụt rè, sẽ không có ai theo chúng ta.

Hội ngay lập tức đưa ra tối hậu thư yêu cầu phải mở phiên tòa xét xử Mậu trước ngày 20 tháng 3, nếu không tất cả các khoa sẽ bãi khóa.

Vụ thách đố này khá mạo hiểm, nhưng tính toán lại đúng. Ngôn ngữ mạnh mẽ này làm hài lòng các sinh viên : những lời hứa hỗ trợ liên tục được đưa ra và các ủy ban được thành lập để tổ chức cuộc bãi khóa.

Đồng thời, chúng tôi cũng chuẩn bị một «đường dây hỗ trợ chiến lược» bằng cách liên hệ với các chính trị gia, luật sư và giám đốc báo chí.

Đúng như dự đoán, vào ngày 20 tháng 3, không có phản hồi nào được đưa ra cho tối hậu thư của chúng tôi. Sự leo thang bắt đầu.

Đầu tiên, khoa Y (nơi Mẫn làm việc) đã bãi khóa trong ba ngày. Đây là phát súng cảnh cáo. Chúng tôi không muốn dùng hết tất cả lực cùng một lúc. Về phía chính phủ, không có phản hồi

gì. Sau một tuần nghỉ ngơi, mười khoa sẽ vào trạng thái ngủ đông, cũng trong ba ngày. Các vị tướng vẫn điếc.

Vậy nên, chúng tôi phải giáng một đòn mạnh. Vào đầu tháng 4, sinh viên từ mười bảy khoa của thủ đô đã bãi khóa trong suốt một tháng.

Cùng lúc đó, các tờ báo đang kêu gọi chính phủ, các luật sư đang thông báo cho các phóng viên nước ngoài, Ủy ban Nội vụ của Quốc hội triệu tập Bộ trưởng Nội vụ để giải thích về vụ bắt giữ Mẫn.

Ở mỗi giai đoạn của phong trào, Liên đoàn Sinh viên đều nâng cao mức độ quan tâm. Bây giờ chúng tôi không chỉ yêu cầu trả tự do cho chủ tịch hội của chúng tôi mà còn cho tất cả sinh viên bị bắt giữ trong những năm gần đây (một số từ năm 1966) vì tội «cộng sản».

Tôi đã lần lượt đến thăm các trường đại học ở Cần Thơ, ở đồng bằng sông Cửu Long, ở Đà Lạt, ở Huế để kích động và mở rộng phong trào bãi khóa. Chúng tôi bị theo dõi. Nhưng chính phủ đang có phản ứng. Ông đe dọa sẽ bắt những người không đi học phải nhập ngũ. Nhiều sinh viên do dự rồi bỏ cuộc. Tôi thấy sắp đến lúc ngôi nhà xây bằng cát của tôi sụp đổ. Suy cho cùng, hầu hết sinh viên đều là con trai, con gái của những người danh giá, những người có quan hệ với quyền lực, *volens nolens*¹³... Làm suy yếu chính phủ chính là giúp đỡ những người cộng sản, và chặt đứt cành cây mà thế giới nhỏ bé của những người đặc quyền này đang ngồi.

13 “Volens nolens” là một cụm từ tiếng Latinh có nghĩa là “có ý muốn hay không có ý muốn”, thường được dùng để chỉ một tình huống mà một người phải chấp nhận một điều gì đó, bất kể họ có muốn hay không. Nó thường mang tính chất khẳng định rằng một điều nào đó sẽ xảy ra, cho dù ai đó có chống đối hay không.

Chúng ta cần phải thay đổi chiến thuật ngay lập tức mà không mất mặt. Norodom Sihanouk, vị vua nhỏ của Campuchia, sẽ giúp chúng ta mà không hề nhận ra điều đó.

7

CUỘC CHIẾN CỦA SINH VIÊN

Người Campuchia luôn sợ người Việt Nam, và người Việt Nam luôn sợ người Trung Quốc. Những mối hận thù kéo dài hàng thế kỷ này giải thích tại sao Việt Nam cộng sản lại chọn liên minh với Mátxcơva thay vì Bắc Kinh, và tại sao vào năm 1979, quân đội Việt Nam lại một lần nữa xâm lược Campuchia. Điều này đã xảy ra nhiều lần trong lịch sử, gần đây nhất là vào năm 1970.

Vào ngày 18 tháng 3 năm 1970,

Hoàng thân Norodom Sihanouk, người vừa đến Pháp, đã bị Quốc hội Khmer cách chức nguyên thủ quốc gia và Thống chế Lon Nol lên nắm quyền, với sự chấp thuận của Hoa Kỳ. Chế độ mới, ít nhất là trong giai đoạn đầu, được ủng hộ vô cùng lớn hơn nhiều so với những gì mà giới tiến bộ phương Tây tin tưởng vào thời điểm đó. Trên thực tế, trong nhiều năm, dưới sự trung lập rõ ràng, Norodom Sihanouk đã thực tế trao cho Bắc Việt Nam toàn quyền hành động dọc theo biên giới giữa Campuchia và Nam Việt Nam. Quân cộng sản có đường liên lạc và «nơi ẩn náu» trên lãnh thổ Khmer, nơi họ cung cấp người và vũ khí cho lực lượng kháng chiến FNL. Toàn bộ khu vực ở đông bắc Campuchia về cơ bản nằm dưới sự kiểm soát của Việt Nam.

Tất cả những điều này đã gây ra sự

phần nộ sâu sắc trong cộng đồng người Khmer, đặc biệt là quân đội, công chức và trí thức. Đối với người Campuchia, việc lật đổ Norodom Sihanouk đánh dấu sự mở đầu cho cuộc truy lùng người Việt Nam. Đội quân nhỏ bé, trang bị kém của họ không thể tấn công lực lượng cộng sản hùng mạnh được bố trí ở khu vực biên giới, nhưng chính cộng đồng dân sự người Việt đã phải trả giá thay họ ở những nơi còn lại của đất nước.

Trong nhiều ngày, các cuộc tàn sát thực sự đã diễn ra ở Campuchia. Người dân Việt Nam đang bị quấy rối, doanh nghiệp của họ bị cướp phá, nhà cửa của họ bị đốt cháy. Hàng trăm người trong số họ đã bị giết. Hàng chục ngàn người trong số họ đã tìm nơi tị nạn ở miền Nam Việt Nam, nơi mà câu chuyện của họ đột nhiên khơi dậy mối hận thù cũ.

Ngay từ ngày 20 tháng 3, khi đã chắc chắn về sự trung lập của chế độ mới ở Phnom Penh, quân đội Nam Việt Nam đã vượt biên giới Khmer để tấn công các «nơi ẩn náu» của Việt Cộng. Nhưng dư luận đòi hỏi trả thù chống lại người Khmer.

Tình hình này sẽ cứu cuộc tổng bãi công của sinh viên Sài Gòn vốn đang trên đà thất bại.

Ngày 17 tháng 4, trong một cuộc họp tại khoa Khoa học, tôi đã đưa ra ý tưởng về một hành động bảo vệ đồng bào của chúng ta ở Campuchia. Đề xuất này đã khơi dậy sự nhiệt tình không thể diễn tả được. Một giờ sau, tôi thấy mình đang dẫn đầu một đám rước ồn ào tiến về phía đại sứ quán Campuchia.

Bị bất ngờ trước hành động đột

ngọt của phong trào, cả các nhà ngoại giao Khmer lẫn cảnh sát Việt Nam đều không thể có hành động gì. Vài thư ký người Campuchia có mặt vào giờ phút muộn này đang chen chúc nhau, và ba trăm sinh viên chiến thắng chiếm giữ bốn tầng của đại sứ quán.

Chúng tôi dự định sẽ ở lại nơi này hơn hai tháng. Giống như tất cả các tòa nhà chính thức vào thời điểm đó, khu đại sứ quán Khmer được bao phủ bằng dây thép gai, giúp chúng tôi phòng thủ dễ dàng hơn. Hơn nữa, cảnh sát, những người nhanh chóng bao vây tòa nhà, cũng bị hàng ngàn đồng chí của chúng tôi bao vây và liên tục quấy rối họ. Lợi dụng lúc hỗn loạn, một số nhóm đã lén lút tiếp cận chúng tôi và mang theo đồ tiếp tế.

Chính phủ vô cùng bối rối. Một

mặt, họ ngần ngại sử dụng các biện pháp quyết liệt, vì dư luận quần chúng, vốn rất chống lại người Khmer, hoàn toàn ủng hộ chúng tôi. Mặt khác, chính phủ không thể chịu đựng được việc thách thức quyền lực của mình ngay giữa thủ đô trong thời gian dài như vậy.

Theo thời gian, tình hình trở nên nực cười hơn đối với những người nắm quyền. Tất nhiên, điện thoại, điện và nước của chúng tôi đã bị cắt. Nhưng đại sứ quán có một công viên rất lớn, và những người đưa tin của chúng tôi có thể dễ dàng vượt qua hàng rào cảnh sát kéo dài. Về nước, người ta tìm thấy nước tại chỗ bằng cách đào một cái giếng sâu mười mét.

Mỗi đêm, vào những thời điểm khác nhau, cảnh sát lại tấn công bằng lựu đạn hơi cay. Nhưng chúng tôi vẫn quan sát

cẩn thận và đáp trả bằng đá và bom xăng.

Chúng tôi cũng đã tiến hành một cuộc chiến tâm lý thực sự với cảnh sát. Được trang bị một chiếc loa chạy bằng pin, tôi đã thuyết phục họ :

– Các anh được trả lương thấp. Các nhà lãnh đạo của các anh ăn cắp của các người và làm giàu cho chính họ. Các anh đang bị lợi dụng như những con chó canh gác của một thế lực tham nhũng. Các anh được giao phó công việc bẩn thỉu. Và các anh là người cuối cùng phải trả giá. Nếu các anh giết sinh viên như họ đã làm dưới thời Diệm, các anh sẽ phải vào... tù sau khi chế độ thay đổi. Tại sao các anh lại chống lại chúng tôi ?

Điều này có tác động nhất định đến tinh thần của họ. Trong mọi trường hợp, họ không hề tỏ ra quá hăng hái trong các

cuộc tấn công. Dần dần, một loại thỏa thuận chung sống đã được thiết lập giữa bên bao vây và bên bị bao vây. Chúng tôi thậm chí còn có thể tiếp đón, với lý do làm trung gian, các đại biểu thân thiện đến thăm, những chiếc xe có gắn phù hiệu, chất đầy hàng tiếp tế của họ được phép đi qua cảnh sát.

Chính phủ nhận ra rằng họ đang mất mặt. Một ngày nọ, vào cuối tháng 6, các đơn vị bao quanh chúng tôi đã rút lui và thay thế bằng những cảnh sát khác mà chúng tôi không quen biết. Những kẻ này tấn công ngay lập tức.

Đó là một trận chiến lớn kéo dài hai giờ. Nhưng lần này chúng tôi đã phải chịu thất bại. Trước khi xông vào, cảnh sát đã xịt hơi cay vào chúng tôi. Chúng tôi như những người mù, loạng choạng và ngạt thở. Họ đeo mặt nạ và sử dụng dùi cui

một cách không thương tiếc. Họ phải được hứa thưởng... Họ vẫn còn khoảng năm mươi người bị thương. Chúng tôi thì ít nhất là gấp ba lần. Khoảng một nửa số sinh viên đã trốn thoát được. Những người khác phải ngồi ở sân trong, đặt tay lên đầu, dưới họng súng máy nhọn. Mọi người đều bị còng tay.

Tôi là một trong những người cuối cùng bị bắt, cùng với người bạn Nguyễn Văn Thắng, cựu tổng thư ký Hội sinh viên, trong «PC» của chúng tôi ở tầng một, nơi chúng tôi đã cố thủ một cách an toàn. Chúng tôi bị đẩy ra ngoài bằng báng súng trường. Khi chúng tôi đến, tất cả học sinh đều reo hò. Những người lính canh hoảng loạn bắt đầu bắn lên không trung. Tôi trao đổi với viên chỉ huy “đội quân xung kích” : Thắng và tôi chấp nhận bị phán xét là phải chịu trách

nhiệm về mọi việc. Với điều kiện là anh phải thả tất cả những người khác chỉ đi theo chúng tôi. Nếu không thì chúng tôi sẽ tự sát.

Tuyên bố này đã gây ra một sự chấn động lớn trong lực lượng cảnh sát tưởng nhớ các nhà sư. Có tiếng lạo xạo trên radio và điện thoại, có lẽ là từ những cuộc thảo luận với bộ trưởng. Tất cả các khoa đều đang bãi khóa. Dư luận đang đứng về phía chúng tôi. Một vụ tự tử kép chắc chắn sẽ gây ra những vấn đề nghiêm trọng...

Chúng tôi giải thoát cho các bạn của mình. Trong tiếng vỗ tay của mọi người, Thắng và tôi được đưa đi. Không có còng tay. Cảnh sát đã thắng. Nhưng chúng ta đã có vinh dự của chiến tranh.

Chúng tôi bị nhốt riêng ở nhà tù

Trần Hưng Đạo. Tôi ở một mình trong một phòng giam lớn, chính là phòng giam mà tôi phải chia sẻ với sáu mươi tù nhân của chế độ mới vào năm 1975. Khoảng nửa đêm, tôi bị gọi vào để thẩm vấn. Rõ ràng là viên cảnh sát được lệnh phải tra hỏi tôi một cách nghiêm túc. Giọng điệu này gay gắt hơn nhiều so với lần đầu tôi bị bắt.

Sau nhiều câu hỏi về sơ yếu lý lịch của tôi, chúng ta đi vào trọng tâm vấn đề :

– Ai đã thúc đẩy anh tấn công và chiếm đóng đại sứ quán Campuchia ?

– Không ai thúc đẩy tôi cả. Tôi là người Việt Nam. Giống như ông. Tuy nhiên, đồng bào của chúng ta đang bị thảm sát ở Campuchia. Tôi tin rằng chính quyền Sài Gòn phải phản ứng

mạnh mẽ để bảo vệ họ. Nhưng họ vẫn im lặng, điều này khiến mọi người đều cảm thấy khó chịu, như ông đã biết.

– Tại sao bạn sử dụng thuật ngữ «chính quyền Sài Gòn» chứ không phải «chính quyền Việt Nam» ?

Tôi thấy người đàn ông của tôi đang tới. Bằng cách gợi ý rằng tôi không công nhận tính hợp pháp của Việt Nam Cộng hòa, ông ta ám chỉ rằng tôi có liên hệ với những người cộng sản. Tất nhiên, Huỳnh Tấn Mẫm sẽ sớm được nhắc đến.

– Anh gặp Mẫm như thế nào ? Ai là người giới thiệu hai người với nhau ?

Sự ám ảnh của các cảnh sát chính trị tìm kiếm động cơ sai trái trong những sự kiện bình thường nhất.

– Ô, nhưng... Mẫm là đại diện được

bầu của Khoa Y trong Hội sinh viên, còn tôi là đại diện của Khoa Dược. Chúng tôi gặp nhau tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Khoa. Và cả hai chúng tôi đều được bầu làm phó chủ tịch hội đồng điều hành. Chúng tôi không cần ai giới thiệu.

– Anh có biết Mắm tôi là một người cộng sản không ?

– Chính vị lãnh đạo của anh, tướng Trần Văn Hai, đã nói với tôi điều này sau khi Mắm bị bắt. Nhưng tôi không tin điều đó.

Viên sĩ quan tức giận đập mạnh xuống bàn :

– Mắm là một người cộng sản, và anh cũng vậy, vì hai người cùng nhau chống lại chính quyền ! Anh liên tục liên lạc với hắn !

– Với lý lẽ của ông, tất cả sinh viên y khoa đều là cộng sản, cũng như tất cả bạn bè và gia đình của Mắm !

Trời vừa rạng sáng thì một người lính canh đưa tôi trở lại phòng giam. Suốt đêm, viên canh sát liên tục hỏi tôi những câu hỏi, và tất cả những câu hỏi đó, vào lúc này hay lúc khác, đều khiến tôi phải thừa nhận rằng mình có liên quan đến đảng cộng sản.

Trò chơi lại bắt đầu vào mỗi buổi tối. Viên canh sát chỉ thẩm vấn tôi vào ban đêm. Ban ngày, tôi bị bỏ lại một mình. Tôi không biết Thắng ở đâu. Nhưng tôi biết rằng ở bên ngoài, chúng ta được chăm sóc. Viên canh sát hứa với tôi rằng tôi sẽ sớm được gặp luật sư.

Trong bốn đêm liên tiếp, đôi khi tỏ ra vui vẻ, đôi khi tỏ ra tức giận, viên

thăm vấn đã cố gắng bắt tôi thú nhận mối liên hệ bí mật của tôi với đảng cộng sản, hoặc ít nhất là với FNL. Thật là thử thách vì thiếu ngủ, nhưng tôi cảm thấy hài lòng về bản thân và tự tin. Họ không thể chứng minh được điều gì, và cả Sài Gòn đều biết về vụ bắt giữ tôi. Họ sẽ không dám tra tấn tôi đâu.

Tôi dự đoán mình sẽ bị giam giữ lâu. Vì vậy, một ngạc nhiên đã xảy ra với tôi khi biết rằng, vào ngày thứ năm, phiên tòa xét xử chúng tôi sẽ diễn ra ngay vào ngày hôm sau...

Điều này có nghĩa là chính phủ đã từ bỏ việc biến Thắng và tôi thành những người trung thành với đảng cộng sản. Thành tích của chính phủ quá tệ. Không chỉ trường đại học rơi vào tình trạng hỗn loạn mà báo chí, chính trị gia, luật sư và dư luận cũng đều yêu cầu

thả chúng tôi. «Làm sao chúng ta có thể ngăn chặn những người yêu cầu chúng ta bảo vệ những người đồng bào bị đàn áp ở Campuchia ? »

Khi phiên tòa mở ra, tôi phát hiện có khoảng năm mươi luật sư đã tình nguyện bào chữa cho chúng tôi ! Trong số đó có những luật sư giỏi nhất của Đoàn Luật sư Sài Gòn như ông Trần Văn Tuyến, Chủ tịch Liên đoàn Nhân quyền, ông Vũ Văn Mẫu, ông Nguyễn Long, v.v...

Phán quyết của chúng tôi có nguy cơ trở thành phiên tòa xét xử chế độ. Do đó, mọi việc đã được tiến hành suôn sẻ, bởi một vị thẩm phán rõ ràng đang vội vã muốn thoát khỏi tình trạng hỗn loạn này càng nhanh càng tốt.

Vào ngày diễn ra phiên tòa, hàng ngàn sinh viên phấn khích tụ tập bên

ngoài tòa án, nơi Thắng và tôi được đưa vào qua cửa sau. Chúng tôi đã nghe khẩu hiệu của họ từ tận cửa phòng, và thái độ ân cần của các cảnh sát đã được nói đến trước khi chúng tôi được tha bổng. Những người hầu của quyền lực có những linh cảm này.

Bản cáo trạng được đọc với tốc độ cao : xâm phạm trái phép, gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của cơ quan đại diện nước ngoài, nổi loạn và bạo lực chống lại cảnh sát, coi thường nhiều nguyên tắc quan trọng, bao gồm cả nguyên tắc về đặc quyền ngoại giao.

Cuộc thẩm vấn của Chủ tòa không kéo dài lâu hơn một chút. Bản cáo trạng đã đề xuất việc thừa nhận động cơ yêu nước đã truyền cảm hứng cho những hành động xấu xa của chúng tôi. Luật sư của chúng tôi có rất ít thời gian để thể

hiện ; Chủ tòa thúc giục họ noi gương Công tố viên, người đã trả lời ngắn gọn.

Tòa án, «sau khi cân nhắc», đã đưa ra cảnh cáo và cho chúng tôi tại ngoại. Một phán quyết được đưa ra trước bởi chính phủ, với mỗi quan tâm chính là chấm dứt cuộc bãi khóa của sinh viên đã kéo dài ba tháng.

Khi chúng tôi rời tòa án qua cổng chính, các sinh viên đã chào đón chúng tôi một cách hân hoan.

Trong một thời gian, chúng tôi đã nắm quyền kiểm soát. Chúng tôi phải tận dụng điều này để đạt được các yêu cầu của mình : trả tự do cho sinh viên bị giam giữ, công nhận nguyên tắc tự chủ của trường đại học và phân bổ cơ sở cho Liên đoàn sinh viên.

Một số giáo sư, chẳng hạn như Lý Chánh Trung, hiện là đại biểu Quốc hội của chế độ mới, và Bùi Xuân Bảo, vừa mới được thả khỏi «trại cải tạo» của cùng chế độ mới, đã đóng vai trò trung gian giữa sinh viên và chính quyền.

Và chính phủ đã nhượng bộ.

Tháng 7 năm 1970, đích thân Thủ tướng, Tướng Trần Thiện Khiêm, cùng bốn bộ trưởng, trong đó có Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, cùng Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn [Trần Quang Đệ, hiện đang bị nạn tại Pháp.] đã chính thức tiếp đoàn đại biểu gồm mười hai thành viên Hội đồng Liên hiệp Sinh viên.

Về mặt chiến thuật, tôi vẫn đứng ngoài cuộc : chúng tôi không được làm nhục đối thủ. Người nhắc lại yêu cầu của

chúng tôi là thủ quỹ của Liên đoàn, cô Yến. Trong ba yêu cầu ban đầu, chúng tôi đã thêm một điều khoản yêu cầu chính phủ can thiệp để chấm dứt cuộc thảm sát người Việt Nam tại Campuchia. Và còn một điều nữa khiến các quý ông trong chính phủ phải rùng mình, đó là vấn đề về quyền tự quyết của người dân Việt Nam, và về trở ngại mà ảnh hưởng của Hoa Kỳ tạo ra đối với việc thực hiện quyền này...

Sau khi liếc nhìn đồng tình với Khiêm, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Trần Văn Lắm, một người đàn ông nhỏ nhắn, tròn trịa, hoạt bát, trông hơi giống Edgar Faure, lên tiếng :

– Các bạn thân mến, đối với Campuchia, các bạn phải biết rằng quân đội của chúng ta không hề tử tế với người Khmer và đã trả lại đầy đủ cho họ trong

ba tháng những gì họ đã làm với đồng bào của chúng ta. Nhưng chúng ta không thể nói điều này một cách công khai vì hiện nay, chính quyền Phnom Penh là đối tác và đồng minh của chúng ta một cách khách quan. Cuộc thăm sát người dân Việt Nam đã chấm dứt. Về ảnh hưởng của Hoa Kỳ đối với đất nước chúng ta, các bạn thân mến, tôi yêu cầu các bạn suy nghĩ nghiêm túc về những gì sẽ xảy ra ở đây nếu chúng ta mất đi sự ủng hộ của họ. Những người cộng sản Hà Nội được Liên Xô và toàn thể Quốc tế Cộng sản hỗ trợ. Chúng ta chỉ nên kêu gọi sự giúp đỡ từ Hoa Kỳ. Chúng ta là một quốc gia nhỏ, chúng ta không thể tự bảo vệ mình... Trong mọi trường hợp, vấn đề này không phải là trách nhiệm của sinh viên.

Tiến sĩ Nguyễn Lưu Viên, Phó Thủ

tướng, người sau này dẫn đầu đoàn đại biểu Nam Việt Nam tới hội nghị Paris, đã thay thế Lắm bằng một bài giảng ngắn gọn, đầy tình cha con :

– Các em là sinh viên phải không ? Các em phải học tập, chuẩn bị bản thân để xây dựng đất nước. Khi hoàn thành việc học, các em sẽ tham gia vào chính trị. Ngày nay, cá em có thể không nhận ra rằng lòng nhiệt tình và sự hào phóng của mình có thể bị kẻ thù trong xã hội lợi dụng.

Chúng ta được chiêu chuộng, được nuông chiều. Chúng tôi thực sự không biết phải bắt đầu từ đâu. Thủ tướng Khiêm, người chưa nói lời nào cho đến lúc đó, nhận ra rằng những lời tốt đẹp của ông Lắm và ông Viên đã khiến chúng tôi lạnh nhạt, nên giữ kín những lá bài của mình : ba yêu cầu của chúng tôi từ

tháng 2 sẽ được đáp ứng. Các lãnh đạo sinh viên bị bắt, bao gồm cả Mẫn, sẽ được thả. Quyền tự chủ của các trường đại học sẽ được công nhận. Hội sinh viên sẽ có cơ sở.

Thủ tướng Khiêm giữ lời hứa. Một tuần sau, các luật sư được phép gặp Mẫn và các lãnh đạo sinh viên khác đã bị giam giữ, một số người đã bị giam giữ nhiều năm. Các thành viên của văn phòng Liên đoàn Sinh viên cũng có thể đến thăm họ tại nhà tù trước khi họ được thả.

Huỳnh Tấn Mẫn cùng khoảng ba mươi tù nhân sinh viên khác bị đưa về Sài Gòn, đến Nhà tù Trung tâm Chí Hòa. Một số đến tù trại giam Côn Sơn. Đây là nơi có những «chuồng cọp» nổi tiếng, những cái hố bắn thủ mà ở dưới

đó tù nhân phải chịu đựng như những con thú dữ. Các ủy ban điều tra đã tiết lộ vụ bê bối và báo chí quốc tế vào thời điểm đó có rất nhiều bài viết phản nộ về những gì đang xảy ra trong các nhà tù của chế độ.

Trại trưởng Chí Hòa đích thân tiếp chúng tôi. Ông không chỉ cho phép chúng tôi gặp chủ tịch Huỳnh Tấn Mẫm và tất cả những người mà chúng tôi yêu cầu trả tự do, mà còn đích thân cho chúng tôi cơ hội gặp hai tù nhân mà tôi nghĩ mình không biết : Trần Khiêm và Dương Văn Đây.

Tên riêng không có ý nghĩa gì với tôi. Khi Trần Khiêm có mặt, tôi nhận ra ông

chính là vị lãnh đạo Mặt trận mà tôi đã gặp trong một bữa ăn tối bí ẩn ba năm trước. Tôi không bao giờ gặp lại anh ấy kể từ đó và không biết anh ấy đã bị bắt.

Còn về Đây, tôi đôi khi nghe nhắc đến ông như một viên chức Mặt trận quan trọng ở trường đại học. Khi nhìn thấy anh ấy, tôi ngạc nhiên nhận ra rằng tôi đã biết anh ấy từ lâu, dưới một cái tên khác. Tôi vẫn luôn nghĩ anh ấy là một sinh viên bình thường, một người ủng hộ Mặt trận nhận chỉ thị từ Mãm... nhưng thực tế anh ấy là cấp trên của Mãm.

Tôi bắt đầu hiểu tại sao họ muốn chúng tôi gặp hai người đàn ông này, và tại sao họ lại để chúng tôi nói chuyện thoải mái với Mãm và những tù nhân khác trong suốt cả một buổi chiều.

Tất cả bọn họ đều bị tra tấn. Họ bị kim đâm vào dưới móng tay. Họ được cho uống nước xà phòng. Một số người bị nhốt trong thùng và bị đập mạnh, gây tổn thương thính giác nghiêm trọng.

Tất cả bọn họ đều thừa nhận mình là đảng viên đảng cộng sản, kể cả Mẫn.

Buộc phải thả con mới để khôi phục lại sự bình yên cho trường đại học, tướng Trần Văn Hai trước đó muốn chứng minh với chúng tôi rằng họ thực sự là những nhà hoạt động bí mật của đảng, chứ không phải là những chiến binh sinh viên trung thành. Có lẽ ông hy vọng có thể giải tán cuộc biểu tình của chúng ta theo cách này. Ông ấy đã sai nặng nề.

Ngay sau khi Mẫn và những tù nhân khác được thả ra vài ngày sau đó, Hội sinh viên đã nhanh chóng đưa họ đến

họp báo tại Khoa Nông học – cách dinh tổng thống hai trăm mét.

Chỉ riêng sự xuất hiện của những cựu tù nhân đã nói lên điều đó. Mặc dù những ngày trước đó đã được chữa trị tại Chí Hòa để «trông đẹp» hơn, nhưng hầu hết đều trong tình trạng đáng thương. Một số người thậm chí không thể đứng được.

Mắm và nhiều người khác kể lại những cực hình mà họ phải chịu đựng. Những câu chuyện này không chỉ xuất hiện trên báo chí nước ngoài mà còn xuất hiện trên nhiều tờ báo Sài Gòn, bắt chấp sự kiểm duyệt và tịch thu.

Trong buổi họp báo, tôi đã kêu gọi mở cuộc điều tra và kết án những kẻ hành hình. Một phát ngôn viên chính thức cho biết nếu có «sai sót» xảy ra thì

đó là do một số cá nhân nhất định gây ra, chứ không phải do chính sách lên án tra tấn của chính phủ. Ông hứa rằng những kẻ phạm tội sẽ bị tìm ra và trừng phạt. Tôi không hề ảo tưởng. Nhưng tôi hy vọng rằng tiếng ồn do vụ việc này gây ra sẽ bảo vệ các tù nhân khỏi một số hành vi quá đáng, bằng cách khuyến khích cảnh sát thận trọng hơn.

Uy tín của Hội sinh viên lúc đó đang ở đỉnh cao. Chúng tôi đã thành lập «Ủy ban chống đàn áp» để lên án các vụ bắt giữ tùy tiện và hành vi lạm quyền của cảnh sát. Chúng tôi đang thành lập «Ủy ban Quyền Sống» để vận động chống lại các cuộc tấn công vào quyền tự do của người dân nói chung. Trong cả hai ủy ban này, tôi đều chịu trách nhiệm về quan hệ đối ngoại. Tôi có cùng nhiệm vụ

ở văn phòng Hội Sinh viên Sài Gòn.

Tôi duy trì liên lạc với một số hiệp hội sinh viên lớn ở nước ngoài, chẳng hạn như UNEF ở Pháp và Nastud ở Hoa Kỳ. Vào tháng 9 năm 1970, tôi tham dự một hội nghị của Hiệp hội Sinh viên Châu Á tại Hồng Kông. Tôi đề xuất mời đại diện sinh viên từ miền Bắc Việt Nam và Trung Quốc và đã được chấp thuận. Nhưng lời mời sẽ không được thực hiện.

Tôi được lệnh phải đi dự hội nghị này cùng với trợ lý của tôi, cô Tô Thị Thủy. Vào phút cuối, cô ấy đã rút lui và ngượng ngùng nói rằng cô ấy không thể rời đi «vì lý do cá nhân». Tôi rất thân với cô Thủy. Cuối cùng cô ấy thừa nhận với tôi rằng FNL, nơi cô ấy là thành viên, đã cấm cô ấy đi cùng tôi và cô ấy lo sợ cho cuộc sống nếu cô ấy không vâng lời. Chúng ta sẽ quay lại vấn đề này sau, vấn

đề đã được nêu ra trong quá trình thẩm vấn tôi.

Khi trở về từ Hồng Kông, tôi thấy Hội sinh viên đang trong tình trạng hỗn loạn. Việc học đã được tiếp tục, nhưng trường đại học vẫn nhộn nhịp. Có những yêu cầu công khai về việc rút quân đội Mỹ và một thỏa thuận với FNL.

Có người gọi lớn :

– Nếu chúng ta chiếm đóng Quốc hội thì sao ?

Ý tưởng này đã được chấp nhận ngay lập tức. Vào thời điểm đó, chúng tôi không hề nghi ngờ gì cả.

Đại hội họp tại một tòa nhà theo

kiến trúc tân Hy Lạp, vốn là nhà hát thời Pháp thuộc, trên phố Rue Catinat nổi tiếng, nay là phố Tự Do. Đối diện với Quốc hội, chế độ mới đã dựng lên một tượng đài khổng lồ và ghê rợn, mô tả một người lính Việt Nam đội mũ sắt của Mỹ và giơ súng trường chĩa thẳng vào lối vào Quốc hội. Thật là một biểu tượng...

Trên bề mặt, quốc hội này hoạt động theo mọi quy tắc của nền dân chủ. Thượng viện có 40 thành viên và Hạ viện có 120 đại biểu, tất cả đều được bầu theo hình thức phổ thông đầu phiếu. Bất kỳ ai cũng có thể ứng cử, và không thiếu ứng cử viên ở Sài Gòn, mỗi viện có khoảng mười người.

Nếu ở Sài Gòn, những trò gian lận này được biết đến và thậm chí bị báo chí lên án rất chi tiết thì ở các thị trấn nhỏ

và nông thôn, đại diện của chính phủ, thực chất là quân đội, lại nhận được kết quả mà họ mong muốn từ các thùng phiếu. Không có báo chí, không có luật sư, công lý nằm trong tay tỉnh trưởng. Vào thời ông Diệm, người ta thậm chí có thể thanh trừng một ứng cử viên gây rắc rối.

Bất chấp tất cả những thủ đoạn này, những người ủng hộ «cứng rắn» của chính phủ chỉ chiếm khoảng 60 phần trăm. 100 đại biểu. Hàng chục đại biểu, do ông Trần Văn Tuyên đứng đầu, được tuyên bố là những người phản đối chế độ. Những người còn lại sẽ bỏ phiếu, tùy theo trường hợp, cho chính phủ hoặc cho phe đối lập.

Các thành viên của Quốc hội nhận được khoản trợ cấp của quốc hội là 140.000 đồng mỗi tháng, và các thượng

ngiht sĩ là 200.000 đồng, tương ứng với mức lương của một giám đốc của một công ty lớn, nhưng nhiều người đã đàm phán rất gay gắt về phiếu bầu của họ trong một số trường hợp nhất định... Do đó, luật bầu cử được cho là có lợi cho việc tái đắc cử của Thiệu vào năm 1972 (bằng cách tăng thêm nhiều trở ngại cho những người đối đầu với ông), và đã gặp phải sự phản đối ngay cả trong số những người ủng hộ chính phủ, đã được mua tới một triệu đồng cho mỗi phiếu bầu, tùy theo ảnh hưởng của phó tổng thống và mức độ độc lập của ông ta đối với quyền lực...

Dù tốt hay xấu, bức biếm họa về một quốc hội mà Hoa Kỳ rất coi trọng này vẫn có thể kiểm soát chính phủ và ít nhất cũng áp đặt một mức hạn chế tối thiểu đối với chính phủ trong việc thực

thi quyền lực.

Tuy nhiên, vào thời điểm đó, chúng ta chỉ thấy tình trạng lạm dụng quyền lực và hạn chế quyền của phe đối lập. Chúng tôi không biết điều gì sẽ xảy ra với chúng tôi năm năm sau... Thật khó để tưởng tượng, ngày nay, tại Quốc hội Việt Nam, một đại biểu lên tiếng tố cáo tình trạng tham nhũng của các nhà lãnh đạo, hay những vụ bê bối đàn áp, như chúng ta thấy hàng ngày dưới thời tổng thống Thiệu. Thậm chí còn khó hơn khi tưởng tượng sinh viên Hà Nội sẽ chiếm giữ ghế của Quốc hội này.

Chúng tôi đã chuẩn bị công việc của mình rất cẩn thận. Tôi và bạn Thắng đang ngồi ở quán Café Givral, cách Tòa nhà Quốc hội một trăm mét, vô tư uống một

lon soda. “Người phản hồi” đến báo cáo với chúng tôi về tiến độ của “đội quân” chúng tôi. Bốn nhóm gồm một trăm đến một trăm năm mươi sinh viên, hòa mình vào đám đông đông đúc của khu vực sôi động này, tụ tập thành những người đi bộ về phía Hạ Viện.

Vào giờ H, Tháng¹⁴, dưới chân tượng đài «Chiến sĩ Việt Nam», giơ cánh tay lên, bốn luồng khí vô hình đột nhiên hợp nhất thành một cỗ máy phá thành không thể cưỡng lại, đẩy nhanh bước chân của đội quân, đẩy lùi một số lính canh đang choáng váng và xâm chiếm tòa nhà.

14 Tháng bị bắt vào tháng 4 năm 1977 và bị tra tấn. Vợ ông đã đồng ý kết hôn với một đại tá trong lực lượng cảnh sát miền bắc để đảm bảo chồng mình được thả tự do. Sự hy sinh này là vô ích. Năm 1979, tôi biết bà Tháng có một đứa con với vị đại tá này, nhưng chồng bà vẫn còn ở trong tù. Cho rằng mình bị xúc phạm danh dự, bà đã cố gắng tự tử. Cô ấy đã được cứu kịp thời.

Vài phút sau tôi đã có mặt ở văn phòng của Chủ tịch Hạ Viện – Nguyễn Bá Lương đã phản đối một cách phần nộ:

– Anh có quyền gì khi vào khuôn viên Quốc hội ? Nếu sinh viên cho phép mình sa vào những hành vi quá đáng như vậy, tại sao ngày mai lại không đi xe xích lô, đi đánh cá... Hay thậm chí tệ hơn là đi cảnh sát.

Tôi trả lời, bằng thứ tiếng lóng của phe cánh tả (hoặc năm 1789 !) mà tôi quen thuộc vào thời điểm đó, rằng Quốc hội không thể hiện được ý chí của người dân, rằng ông ta, ông Lương, chỉ bày tỏ bằng vài từ sự khinh thường của mình đối với người dân, những người mà chúng tôi muốn tiếng nói của họ được lắng nghe. Sau đó, ông đã cố gắng chạy trốn. Chúng tôi đã bắt giữ và nhốt ông ta

trong văn phòng, dưới sự giám sát.

Các nhà báo, những người có điểm gặp gỡ – đáng chú ý là Khách sạn Continental – chỉ cách đó một quãng ngắn, đã nhanh chóng xuất hiện, trong khi cảnh sát tập trung xung quanh Hạ Viện. Tôi đã đọc một tuyên bố kêu gọi hòa bình vô điều kiện, rút quân đội Mỹ và quyền tự quyết cho miền Nam Việt Nam.

Hàng rào cảnh sát vẫn chưa đủ để cô lập tòa nhà. Tôi lại ra ngoài để kích hoạt một nhóm đang lưu trữ các vật dụng giúp chúng tôi chống chọi với cuộc bao vây ở một con phố gần đó, nhưng chúng đến rất chậm. Quá muộn rồi. Khi tôi đang quay lại, một chiếc DS màu đỏ dừng lại bên cạnh tôi. Đó là giọng của Bạch Hữu Bông, một nhà báo người Việt làm việc cho đài CBS, người đã gọi tôi qua cửa xe hạ xuống :

– Dừng đi, chúng đang tấn công, anh sẽ bị bắt đấy. Lên xe đi.

Tôi không cần phải được nhắc lại lần thứ hai. Tiếng còi báo động inh ỏi, hàng chục xe cảnh sát đến từ mọi hướng, và từ xa tôi có thể thấy các đồng chí của mình đang di tản khỏi hạ Viện, tay ôm đầu. Trận đấu đã thua.

Chiếc DS của nhà báo đã kịp thoát khỏi lưới, nhưng không đủ nhanh để thoát khỏi hai cảnh sát mặc thường phục đã phát hiện ra tôi và đang bám theo chúng tôi trên chiếc Honda. Tôi bảo Bông :

– Để tôi ở lại cửa nhà bà Kiều Mộng Thu.

Mặc dù đã cố gắng hết sức nhưng Bông vẫn không thể chạy thoát khỏi những kẻ truy đuổi.

Tôi chạy vào biệt thự vài giây trước khi cảnh sát đến. Họ không dám đi theo tôi. Bà Thu là dân biểu. Bà là một trong số những người phụ nữ như thế, những người mà Việt Nam sản sinh ra rất nhiều, kết hợp nét quyến rũ của giới tính với tính kiên định. Bà khoảng bốn mươi tuổi và đại diện cho phong trào đổi lập Phật giáo tại Hạ viện. Hiện nay, bà làm tổ trưởng (vài chục hộ) ở Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 1970, bà là chính trị gia đổi lập nổi tiếng nhất sau bà Ngô Bá Thành.

Trong trại tị nạn này, được bảo vệ tạm thời bởi quyền miễn trừ của quốc hội, tôi đã ngủ được vài tiếng. Tôi nghĩ mình có thể lợi dụng việc nói lỏng giám sát vào lúc rạng sáng để trốn thoát.

Khoảng 5 giờ sáng, đường phố có vẻ vắng vẻ. Tôi lên ra khỏi nhà, trượt dọc

theo các bức tường. Cách đó khoảng một trăm mét, đột nhiên, có hai người đàn ông đè lên người tôi, khống chế tôi bằng đòn khóa tay. Tôi bị bắt. Và không có gì ngạc nhiên cả. Sau cuộc xâm chiếm Hạ viện, thật khó để mơ về một nền tự do lâu dài.

Vài phút sau, một chiếc xe đến theo thông báo qua vô tuyến. Tôi được đưa đến trụ sở cảnh sát trung tâm. Khi tôi bước xuống hành lang, giữa hai dãy phòng giam, có tiếng khoảng hai mươi người đồng chí của tôi, những người đã bị bắt ngày hôm trước, gọi tôi lại, chào đón tôi.

Phần lớn trong số bốn hoặc năm trăm sinh viên bị bắt tại Hạ viện đã được thả. Chính phủ không muốn làm trì hoãn hoạt động của trường đại học

thêm nữa. Họ chỉ giữ lại những kẻ xách động.

Chúng tôi được đối xử tôn trọng mà các tù nhân bình thường không nhận được. Là sinh viên, chúng tôi được coi là những đứa con lệch lạc của giai cấp tư sản Sài Gòn. Đây không phải là trường hợp của tôi, nhưng tôi được hưởng lợi từ nó.

Hai hoặc ba ngày sau vụ bắt giữ, đích thân tướng Trần Văn Hai, giám đốc cảnh sát đã đến thăm chúng tôi. Ông trở lại đây nhiều ngày liên tiếp, ăn tối cùng chúng tôi, hỏi chúng tôi với vẻ vừa ngạc nhiên vừa tò mò. Rõ ràng là ông ấy hiểu sai lý do chúng tôi phản đối chế độ này và đang cố gắng tìm hiểu.

Trong hai hoặc ba lần viếng thăm, Tướng Hai đã mở cổng, dẫn chúng

tôi vào sân trại để đi bộ và trò chuyện. Những người lính canh có chút giật mình. Trong số những vị khách tại các «cuộc hội thảo» này có, ví dụ, Nguyễn Trọng Quang Nghi, một sinh viên cộng sản hơn tôi hai tuổi, người đã đấu tranh chống lại Trần Văn Hai. Anh ấy phản bác và cãi lại khi chúng tôi đang đi. Những cuộc thảo luận trong sân nhà tù với cảnh sát trưởng rất kỳ lạ.

Tướng Hai rõ ràng hy vọng có thể thuyết phục được giới lãnh đạo sinh viên từ bỏ các cuộc biểu tình đang ngày càng khiến chính phủ bối rối. Đối mặt với những người cộng sản trung thành như Nghi, ông đã rao giảng giữa sa mạc. Nhưng với những người như tôi, anh ấy cũng chẳng may mắn hơn. Đối với chúng tôi, chính quyền Sài Gòn chính là hiện thân của tội phản quốc. Chúng tôi khô-

ng biết chính xác mình muốn gì, nhưng chúng tôi không muốn tham gia vào xã hội đang được chào mời : một Việt Nam do người Mỹ điều hành.

Sau hai tháng bị giam giữ, những sinh viên liên quan đến vụ Hạ viện bắt ngờ được thả tự do. Toàn thế giới đang đổ dồn sự chú ý vào Nam Việt Nam, nơi mà những hành động quá đáng đã được Hội Chữ thập đỏ, Tổ chức Ân xá Quốc tế, các phái đoàn thượng nghị sĩ Hoa Kỳ và các nhà báo tiết lộ, đang bị toàn bộ báo chí phương Tây lên án. Khi đó không ai hỏi liệu nhân quyền có được tôn trọng ở Bắc Việt Nam hay không. Đây không phải là đất nước mà người ta yêu cầu thành lập ủy ban điều tra.

Lần này, họ thậm chí còn không thèm sắp xếp phiên tòa cho chúng tôi. Vì họ không biết phải làm gì với chúng

tôi, một ngày nọ, chúng tôi được đưa trở lại cuộc sống dân sự, sau một vài lời đe dọa về những gì đang chờ đợi chúng tôi nếu tiếp tục các hoạt động phá hoại.

Hội sinh viên đã khá bàng hoàng trong những tháng gần đây. Huỳnh Tấn Mẫm bị phát hiện là đảng viên bí mật của đảng cộng sản. Cựu Tổng thư ký Liên đoàn, Thắng, «người miền Nam», người đang bị cảnh sát truy đuổi, đã bị bắt và đưa đi nghĩa vụ quân sự. Bản thân tôi sắp phải bỏ học đại học vì các hoạt động của tôi khiến tôi trượt quá nhiều kỳ thi.

Một ngày nọ, trong giờ kiểm tra, một giáo sư nổi tiếng chống cộng sản và vừa cho tôi điểm đã nói với tôi rằng :

– Em nên học hành chăm chỉ hơn là làm chính trị. Có rất nhiều người có thể chiến đấu vì em. Nhưng không ai có thể học thay em được.

Tôi tức giận trả lời :

– Đấu tranh để thay đổi xã hội này quan trọng hơn là lấy bằng cấp và sống không có phẩm giá.

Trong quá trình đổi mới trụ sở Hội Sinh viên Sài Gòn, có hai ứng cử viên đối đầu nhau. Một người là Huỳnh Tấn Mẫm, người đã tiếp tục việc học y khoa, người kia là một trong ba mươi người được hành động của chúng tôi giải thoát, nhưng không phải là đảng viên cộng sản, một sinh viên khoa học, Phạm Hào Quang. Quang là một người theo chủ nghĩa dân tộc xã hội chủ nghĩa, người mà Mặt trận Giải phóng đã liên lạc giống

như tôi và rất nhiều người khác. Quang đã từ chối tham gia Mặt trận. Người này (sau này tôi mới biết) đã tố cáo ông... với cảnh sát Thiệu, họ đã vội vã đến bắt anh. Tính toán của Mặt trận rất đơn giản : một khi vào tù, một người như Quang buộc phải lựa chọn. Hoặc là anh trở thành một người của chính phủ, hoặc là anh ta trở thành người ủng hộ Việt Cộng.

Phong trào sinh viên đối lập đang tan rã. Nhiều nhà hoạt động dân tộc chủ nghĩa, phi cộng sản đã nản lòng vì không thể duy trì được lập trường độc lập giữa hai phe. Nếu chúng ta chống lại chính quyền Thiệu – thì làm sao chúng ta không thể chống lại được ? – cảnh sát của chế độ đối xử với bạn như một người cộng sản. Nếu bạn không chịu sự chỉ đạo của FNL, họ sẽ coi bạn là nghi phạm. Không bên nào chấp nhận «lực

lượng thứ ba» này, lực lượng đang tìm kiếm chính mình nhưng không thể tự xác định và không có ảnh hưởng gì đến các sự kiện. Chỉ có hai thế lực thực sự : quân đội được Mỹ hỗ trợ và Mặt trận có liên hệ với cộng sản tại Hà Nội. Giữa hai cực này, những người không theo chủ nghĩa cộng sản vẫn thích cực thứ hai hơn, ít nhất là cực này thuộc về người Việt Nam.

Hầu hết các tù nhân chính trị bị chính quyền Sài Gòn bắt giữ với cáo buộc «chủ nghĩa cộng sản» thực chất đều trở thành những người cộng sản trong tù. Số khác sẽ chuyển sang hợp tác với chế độ Thiệu. Một số ít vẫn giữ được tinh thần độc lập. Đây chính là trường hợp của Phạm Hào Quang. Nhưng tư thế này thực sự không thoải mái chút nào. Ở một đất nước mà phe đối lập ngày càng trở nên gay gắt,

bất kỳ ai không cùng phe với bạn đều nghiêm nhiên bị buộc tội là giao dịch với phe đối lập.

Cuộc đấu tay đôi giữa Mắm – Quang và chức chủ tịch Hội sinh viên là một thảm họa đối với phe đối lập. Mắm chiếm đa số, nhưng không đủ để áp đặt mình lên mười bảy khoa, nhiều đại diện trong số đó cho rằng anh ta quá cực đoan. Anh ta đã cố gắng giành sự ủng hộ của tôi để cải thiện vị trí của mình. Nhưng mối quan hệ của chúng tôi đã trở nên mơ hồ. Vì bây giờ tôi đã biết ông là đảng viên cộng sản, và ông cũng biết rằng tôi biết, nên việc tôi ủng hộ ông ứng cử cũng giống như việc tôi gia nhập đảng... điều mà tôi không muốn bằng bất cứ giá nào.

Ở vòng bỏ phiếu đầu tiên, Mắm được mười phiếu, Quang được bảy phiếu. Một cuộc tranh cãi nổ ra khi Mắm cáo buộc

Quang bị chính quyền Sài Gòn thao túng. Quang đáp lại bằng cách gọi Mắm là người phát ngôn của chính quyền Hà Nội. Mọi chuyện trở nên căng thẳng đến mức những người ủng hộ cả hai bên phải gặp nhau riêng rẽ.

Tôi đã cố gắng vô ích để bảo vệ sự thống nhất của phong trào sinh viên bằng cách lên án chủ nghĩa cực đoan. Niềm đam mê quá cao.

Mắm được bầu lại làm chủ tịch Hội Sinh viên Sài Gòn. Nhưng bảy khoa đã ly khai và bầu Quang, từ chối sự lựa chọn của đa số. Quang, xấu hổ vì những cáo buộc thông đồng với chính quyền do nhóm của Mắm đưa ra, đã dần rút lui, tạo cơ hội cho một phong trào do chính quyền Thiệu kiểm soát hiệu quả, kết quả là nhanh chóng mất hết uy tín với sinh viên.

Tôi nhớ lúc đó tôi đã nói với Mẫn :

– Đây không phải là lúc sử dụng bạo lực và đòi hỏi mức tối đa. Chúng ta phải thỏa hiệp, ẩn sau thế lực thứ ba, nếu không phong trào sinh viên sẽ bị phá hủy hoàn toàn.

Hai tháng sau, Huỳnh Tấn Mẫn lại bị bắt cùng với ba mươi sinh viên khác mà chúng tôi đã giải thoát được và khoảng bốn mươi người khác. Và lần này, Hội sinh viên bị chia rẽ không thể phản ứng được.

Về phần tôi, tôi vừa bị đuổi khỏi trường đại học, sau một lá thư của Bộ trưởng Bộ Giáo dục Quốc gia Ngô Khắc Tĩnh, cậu của Thiệu, gửi cho trường khoa.

tiếp tục xuất bản tờ Tự Quyết, tờ báo đã bị tịch thu một trong ba lần. Tôi không tuyệt vọng khi phải làm điều gì đó với FNL. Nhưng tôi đã kết hôn, tôi phải kiếm sống. Tôi gia nhập Ngân hàng Nam Đô, nơi sau đó đã đưa tôi đến thủ phủ Phan Rang, nơi tôi khám phá một khía cạnh khác của Việt Nam.

8

TRONG NHÀ TÙ CỦA THIỆU

1971 – Phan Rang

Phan Rang là một thành phố có khoảng một trăm ngàn dân, nằm trên bờ biển, cách Sài Gòn khoảng ba trăm km về phía bắc. Chi nhánh mà Ngân hàng Nam Đô cử tôi đến quản lý vào mùa thu năm 1971 là một cơ sở rất khiêm tốn. Một thủ quỹ, một kế toán và một vài nhân viên văn phòng. Doanh thu hàng năm chỉ vượt quá hai mươi triệu đồng, trong khi bản thân tôi kiếm được mức

lương thoải mái là 80.000 piastre mỗi tháng.

Ở một đất nước mà ít nhất một phần ba dân số phụ thuộc trực tiếp hoặc gián tiếp vào các hoạt động quân sự, được Hoa Kỳ tài trợ, và nơi mà phần lớn nền kinh tế dựa trên nền nông nghiệp tư nhân nhỏ, thì vai trò của một chủ ngân hàng ở thủ phủ tỉnh không được coi trọng lắm... Tôi đảm bảo việc thực hiện các hợp đồng giữa các thương gia ở Phan Rang và Sài Gòn. Phan Rang xuất khẩu gỗ, rau (đặc biệt là cà chua và hành tây cỡ lớn) và nhập khẩu một số sản phẩm từ thế giới công nghiệp, chủ yếu từ Mỹ và Nhật Bản. Tại quây, bạn trả tiền cho được sĩ người Việt hoặc nhà hàng Trung Hoa. Thỉnh thoảng, chúng tôi cấp khoản vay, chúng tôi tài trợ cho việc mở cửa hàng.

Dù những hoạt động này có hạn chế đến đâu, chúng cũng nhanh chóng cho tôi thấy một thực tế mà người ta khó có thể nhận thức được ở Sài Gòn : quyền lực bí ẩn nhưng có thật mà FNL thực thi ở “vùng sâu vùng xa”.

Gỗ không thể rời khỏi tỉnh Phan Rang nếu không có sự đồng ý của quân đội Việt Cộng, những người kiểm soát các khu rừng và thu thuế thập phân của họ. Những chiếc xe tải chở đầy cà chua và hành tây không thể vào Sài Gòn nếu không trả thuế tại các “trạm thu phí” do quân đội Mặt trận thiết lập trên đường. Đằng sau vỏ bọc của những cơ quan chính thức trực thuộc chính quyền Sài Gòn, còn có những cơ quan khác mà người dân phải giao dịch để tồn tại. Nhờ một khoản rút tiền bất ngờ, một khoản tiền gửi bất ngờ, một nửa sự tin tưởng từ

khách hàng, chúng ta có thể đoán được những sự sắp xếp, những sự kết hợp, những người trung gian của cuộc chiến bí mật này.

Tôi không phải là một trưởng chi nhánh ngân hàng thận trọng... Tôi thường bày tỏ sự ghê tởm của mình trước sự tham nhũng của các vị tướng và sự hoài nghi của những kẻ kiếm lời từ chiến tranh. Và tôi không thể không so sánh sự giàu có của họ với sự khắc khổ của những người đã nhiều năm sống cuộc sống khó khăn ở khu.

Anh nhân viên ngân hàng, Nguyễn Minh Huy, im lặng nổi giận khi nghe tôi nói.

Cuối cùng anh ta đã báo cảnh sát về

tôi. Nhưng lần này nó không tấn công trực tiếp vào tôi. Tôi được ban quản lý ngân hàng triệu tập đến Sài Gòn. Một lá thư từ người đứng đầu tỉnh Phan Rang được đưa vào tay tôi, yêu cầu thay thế tôi ngay lập tức khỏi vị trí giám đốc chi nhánh. Trong thư, nói rằng tôi là người ủng hộ cộng sản, điều này «không thể chấp nhận được ở quê hương của Tổng thống Thiệu» (sic). Ban quản lý Ngân hàng Nam Đô không muốn nhượng bộ, cả về nguyên tắc lẫn lý do tôi đang làm tốt công việc của mình. Nhưng tôi được khuyên nên kiểm chế hơn.

Tôi không để ý tới lời khuyên đó. Tôi đang sôi máu vì tức giận. Trở lại Phan Rang, tôi đến gặp trưởng tỉnh trưởng, Đại tá Trần Văn Tú, và xin được gặp ông. Vị đại tá là con trai của một nhà hoạt động cách mạng nổi tiếng, Trần Văn Thạch,

người đã chết trong tù dưới thời Pháp thuộc. Tôi gọi anh ta một cách thẳng thừng.

– Làm sao anh, con trai của một người Việt Nam yêu nước, lại có thể gây áp lực lên một công dân đang bày tỏ quan điểm của mình ! Tôi không phải là nhân viên chính phủ, tôi làm việc cho một công ty tư nhân, và anh đang yêu cầu sa thải tôi !

Đại tá Tú lấy ra từ trong tập hồ sơ một bản sao chụp : Bài báo trích dẫn : một bài viết của tôi đăng trên báo Tự Quyết, đại ý là cần phải đấu tranh chống Mỹ hơn là chống FNL.

– Đây là bằng chứng cho thấy anh đang làm việc cho những người cộng sản. Ông nói.

– Cái gì ! Muốn người Việt Nam tự quyết định tương lai của mình và muốn người nước ngoài ngừng can thiệp, liệu điều đó có lợi cho những người cộng sản không ?

Sau một vài lời to tiếng, viên đại tá “sa thải” tôi, và tôi bỏ đi, đóng sầm cửa lại. Ngày hôm sau, tôi bị triệu tập đến trụ sở cảnh sát Phan Rang. Tôi đến đó mà không hề nghi ngờ gì, tin chắc rằng họ chỉ đang cố gắng đe dọa tôi. Tôi đã sai. Viên cảnh sát ra hiệu : hai cảnh sát nắm lấy cánh tay tôi.

– Tôi được lệnh bắt giữ anh.

Ông ta đưa cho tôi lệnh bắt giữ chính thức. Lý do bị bắt : “Hoạt động chính trị chống chính quyền bất hợp pháp. Gây ảnh hưởng có hại đến dân chúng.” Đây là cách tôi có được đặc ân, sau khi đã

ném trái các nhà tù ở Sài Gòn, để đánh giá cao sự thoải mái của một nhà tù tỉnh dưới chế độ cũ.

Lúc đầu, mọi việc không quá tệ. Tôi được đưa vào một phòng giam riêng khá lớn và được cho ăn đầy đủ. Tôi được đối xử như một người có nhân cách. Sau khoảng mười ngày, mọi thứ đã thay đổi. Tôi bị ném vào một phòng giam tập thể, một loại lồng có kích thước bốn mét x năm mét, nơi hai mươi lăm người chúng tôi bị nhồi nhét vào nhau. Đối với nhu cầu tự nhiên, chúng ta có mũ bảo hiểm để sử dụng. Đồ ăn thì kinh tởm. Cơm với một ít thịt, đựng trong hộp. Vì chúng ta không có bát riêng nên không thể chia đều được, điều này gây ra tranh cãi. Chúng tôi ăn bằng tay, thay phiên nhau, và lấy nước từ xô.

Những người cai ngục cố tình làm như vậy để làm những người yếu đuối nhất thấy ghê tởm, để buộc họ phải mua “đồ ăn thêm” từ căng tin với một khoản phí. Tất cả những ai có khả năng đều làm như vậy, đổi lại họ luôn có phần thức ăn thừa của món hầm khét tiếng mà họ phục vụ cho chúng tôi. Họ cho lũ lợn họ nuôi trong tù ăn. Khi có kiểm tra, họ sẽ trình bày những hình ảnh mẫu này như bằng chứng rằng các tù nhân được ăn uống đầy đủ đến mức họ không thể ăn hết mọi thứ.

Bốn năm sau, tại các nhà tù ở Thành phố Hồ Chí Minh, mỗi người sẽ có bát và thìa riêng (cắm dùng đũa). Nhưng sẽ chẳng có gì để ăn nên tôi sẽ nhớ lại với sự tiếc nuối món rata¹⁵ kinh khủng ở Phan

15 Thuật ngữ của quân đội Pháp, “rata” từ “ratatouille” dùng để gọi bất kỳ món hầm nào, ví dụ như đậu đũa, khoai tây hoặc rau và thịt, thậm chí cả thức ăn thừa được hâm nóng

Rang, nơi ít nhất cũng có một ít thịt.

Tôi chưa bao giờ bị ngược đãi trong suốt bảy tuần ở nhà tù Phan Rang. Nhưng nhiều bạn tù của tôi thì lại như vậy.

Những người bạn tù của tôi chủ yếu là nông dân từ vùng Phan Rang, bị cáo buộc đã ít nhiều hợp tác với Mặt trận. Tại những ngôi làng bất hạnh, ban ngày phải chịu luật pháp của Sài Gòn, và ban đêm phải chịu luật pháp của FNL ? Một số tù nhân ủng hộ cộng sản. Nhưng không ai trong số họ là du kích. Và những người không có quan điểm chính trị rõ ràng trước khi bị bắt giờ đây đều cực kỳ thù địch với chính quyền Sài Gòn. Họ công khai hô vang : “Hồ Chí Minh muôn năm !”, tinh thần của họ cao một cách đáng ngạc nhiên, và họ dũng cảm đối mặt với

sự tra tấn. Bởi vì tra tấn được thực hiện ở Phan Rang, giống như ở tất cả các nhà tù khác.

Chúng ta hy vọng học được điều gì từ những con người bất hạnh này ? Tôi không biết. Sự thật là mỗi buổi tối, một tù nhân bị lính canh đưa đi và vài giờ sau lại bị đưa trở lại trong tình trạng bê bết máu. Những người khác sau đó chạy đến chăm sóc anh ta, dành riêng những món đồ tốt nhất để giúp anh ta lấy lại sức.

Bản thân tôi là đối tượng được bạn tù đối xử đặc biệt. Chúng tôi thường tranh cãi về việc ai sẽ làm việc nhà cho tôi. Những người dân bình thường này không thể hiểu nổi tại sao một người trí thức như tôi, một “giám đốc ngân hàng”, lại phải chịu chung số phận với họ thay vì làm giàu cho bản thân như tất cả những

quý ông lịch lãm khác trong thành phố. Hai hoặc ba người trong số họ đã nghe về các hoạt động của tôi trong tổ chức sinh viên đối lập và nghĩ rằng tôi là một cán bộ đảng hoạt động bí mật, mặc dù tôi đã phủ nhận.

Một số người đã ở đó một năm hoặc hơn, bị giam giữ mà không được xét xử, và thậm chí không có lệnh bắt giữ. Điều 4 của Hiến pháp tuyên bố đảng cộng sản là bất hợp pháp, cho phép một người bị giam giữ trong nhiều năm mà không cần qua bất kỳ thủ tục pháp lý thông thường nào. Khi có “bằng chứng” cho thấy người bị bắt là đảng viên đảng cộng sản, vụ án của người đó sẽ thoát khỏi sự xét xử thông thường. Người tù không có quyền được luật sư hỗ trợ, và bản án của anh ta được tuyên sau cánh cửa đóng kín bởi “Ủy ban An ninh” của tỉnh hoặc

thành phố, một loại tòa án đặc biệt nơi cảnh sát trưởng và công tố viên là người đưa ra quyết định.

Ở những tỉnh xa xôi đó, khi bạn còn là một người nông dân bình thường, chỉ cần một nghi ngờ nhỏ nhất cũng có thể khiến bạn phải ngồi tù nhiều năm mà không có khả năng biện minh hoặc được bào chữa. Hầu hết những người bạn tù của tôi ở nhà tù Phan Rang đều ở trong tình trạng này.

Trong số đó, tôi muốn nhấn mạnh đến hình ảnh Nguyễn Thái Thảo, biểu tượng thực sự cho nỗi bất hạnh của người Việt Nam vào nửa sau thế kỷ 20.

Khi tôi gặp Thảo ở nhà tù Phan Rang năm 1971, dưới chế độ Thiệu, ông đã

ngoài sáu mươi tuổi. Ông là đảng viên cộng sản từ năm 1930.

Vào thời Pháp thuộc, ông đã bị giam cầm chín năm tại trại giam Poulo Condore, một hòn đảo nằm cách bán đảo Cà Mau khoảng một trăm km, ở cực Nam Việt Nam. Ông ở đó cùng với Lê Duẩn, lúc đó là Bí thư thứ nhất của đảng cộng sản Việt Nam.

Sau khi được thả, ông đã gia nhập Việt Minh, nơi mà ông ngạc nhiên khi nhận được sự nghi ngờ. Những người cộng sản nghi ngờ chính người dân của mình khi họ rời khỏi nhà tù của kẻ thù. Người ta nghi ngờ họ đã bị “biến đổi”. Vì vậy, họ phải trải qua một khóa “tái giáo dục”, chịu vô số cuộc thẩm vấn, bị yêu cầu báo cáo chi tiết về mọi hành động của họ và phải trải qua các buổi tẩy não kéo dài, cho đến khi họ chắc chắn rằng

họ không nói dối, rằng họ không bị thao túng và rằng họ đã trở lại đúng hướng.

Thảo chịu đựng sự dối xử này mà không phàn nàn.

Ông ấy nói rằng sau tất cả những gì đã trải qua, ông cảm thấy hơi xấu hổ. Nhưng hiểu rằng Đảng phải cẩn thận. Đúng là có những kẻ phản bội.

Sau hai năm, xóa bỏ mọi nghi ngờ và được tái hòa nhập, Thảo được phép tiếp tục vai trò là một nhà hoạt động bí mật. Ông trở thành thợ làm bánh ở Tây Ninh, gần biên giới Campuchia, và là cầu nối giữa thị trấn và khu.

Năm 1956, khi cuộc truy lùng cộng sản lại bắt đầu, ông lại bị bắt, lần này là bởi cảnh sát của Diệm. Và bây giờ ông lại ở trên đảo Poulo Condore, đổi tên

thành Côn Sơn, để chịu thêm bốn năm lao động khổ sai.

Được giải thoát, người lính trung thành Thảo đương nhiên gia nhập vào khu. Sau khóa phục hồi chức năng mới, anh nhận được nhiệm vụ mới. Năm 1968, ông lại bị công an Thiệu bắt giữ trong một thời gian ngắn. Sau khi ông được thả, đảng lại tiếp tục nhìn nhận ông với sự nghi ngờ. Một lần nữa, phục hồi chức năng. Ông nói rằng đó thực sự là một cơn cuồng loạn. Bất kỳ ai không còn nằm trong tầm ngắm của đảng dù chỉ một khoảnh khắc đều trở thành nghi phạm. Thậm chí và đặc biệt là nếu ông ta bị bỏ tù vì hoạt động cộng sản của mình. Phải làm gì, phải làm gì nữa để chứng minh lòng trung thành của mình ?

Trong nhà tù khốn khổ Phan Rang này, câu hỏi mà nhà hoạt động đảng già

tóc đã bạc này đặt ra cho tôi có phần đáng thương. Tôi mới chỉ hai mươi lăm tuổi, nhưng tôi là một trí thức, và ông ấy tin chắc rằng tôi là một cán bộ bí mật của đảng cộng sản Việt Nam : ông ấy đã nghe nói về tôi, ông ấy biết rất rõ rằng tôi không thể tiết lộ bí mật này, ông ấy sẽ không hỏi thêm... Nhưng ít nhất, tôi có thể nói cho ông ấy biết tại sao đảng lại đánh giá cao một chiến sĩ già như ông ấy không ? Dù tôi có giải thích thế nào đi nữa thì ông cũng không tin. Và tôi có thể trả lời ông ấy thế nào ?

Một năm trước, ông lại bị bắt và bị đưa vào nhà tù Phan Rang. Ông đã dành một phần tư cuộc đời mình trong tù, ông đã quen với điều đó. Đó là cuộc đấu tranh chống lại kẻ thù giai cấp, chống lại chủ nghĩa thực dân. Điều ông lo sợ là sự ngờ vực khi ông trở lại đảng mà ông là

một trong những người sáng lập. Điều khiến anh ấy lo lắng là lỗi ra !

– Tôi mệt rồi, Thảo nói.

Và tôi thấy tay ông đang run. Có vẻ như ông đang cầu xin tôi tha thứ cho sự yếu đuối này. Tôi nhìn đi chỗ khác.

Thảo tiếp tục :

– Trong thời gian ở giữa hai nhà tù, tôi đã cố gắng tạo dựng một gia đình. Nhưng tôi hầu như không biết con mình, và chúng không nhận ra tôi hết lần này đến lần khác... Tôi đã dành cả cuộc đời mình cho đảng, đấu tranh cho độc lập. Bây giờ mục tiêu đã ở trong tầm mắt, người Mỹ đang bắt đầu rút quân, hòa bình sẽ trở lại. Và tôi đã già rồi. Tôi muốn có thể dành trọn những năm tháng còn lại của mình cho con cái, để sống cùng chúng.

Thảo sẽ ở lại nhà tù Phan Rang hơn hai năm. Khi tin tức về Hiệp định Paris được truyền đến, ông ngây thơ nghĩ rằng đảng đã chấp nhận rằng sẽ có một miền Nam Việt Nam độc lập và dân chủ, điều mà ông đã đấu tranh suốt cuộc đời. Ông đã nhìn thấy mình giữa những đứa con của mình. Ông đồng ý hòa nhập vào xã hội mới đang hình thành. Ông được thả ra. Lần này, ít nhất là không có khóa phục hồi chức năng nào...

Hai năm sau, quân cộng sản tiến vào Sài Gòn, vũ khí trong tay, và đảng cộng sản lên nắm quyền. Và ông Thảo già nhìn thấy mọi nghi ngờ tích tụ đổ dồn về phía mình. Lòng trung thành của ông với đảng, khi việc trở thành một đảng viên là rất nguy hiểm, đã trở thành bằng chứng của sự gian dối sâu sắc. Chẳng phải ông ấy đã được thả ra bốn lần sao ?

Việc ông trở lại cuộc sống “dân sự” vào năm 1973, khi ông nghĩ rằng cuộc đấu tranh đã kết thúc, không phải là một sự phản bội rõ ràng sao ?

Tôi gặp lại Thảo vào năm 1975 tại phòng giam B của nhà tù Trần Hưng Đạo. Một cựu chiến binh cộng sản được canh gác bởi những cai ngục cộng sản trẻ tuổi, những người cha chưa ra đời khi ông đã chiến đấu, ông đã chọn thái độ cam chịu và hài hước đen tối.

– Quê hương tôi là nhà tù. Mỗi lần tôi rời đi, đều có người nhận ra tôi và đưa tôi trở về. Và tất cả cảnh sát đều nhận ra tôi ngay lập tức. Đầu tiên là của người Pháp, sau đó là của Diệm, của Thiệu, và bây giờ là của Phạm Văn Đồng. Điều này là bình thường, phải không ? Tôi là một người đàn ông Việt Nam muốn sống tự do ở nhà. Khi người nước ngoài cai trị,

họ bỏ tôi vào tù vì họ không thể chịu đựng được người Việt Nam muốn sống tự do. Bây giờ người Việt Nam đang cai trị. Họ cũng bắt tôi vào tù vì họ không thể chịu đựng được những người muốn sống tự do...

Thảo đành phải cam chịu, ông không còn gì để mất nữa, vì mọi thứ đã mất hết rồi. Cuộc sống, sự tự do và gia đình ông. Trước Tết Nguyên đán năm 1976, chúng tôi «có quyền» nhận được một lá thư gửi cho gia đình. Thảo viết cho gia đình : “Hãy quên tôi đi. Hãy coi như tôi đã chết trong chiến tranh.”

Các viên chức dân cử ở Phan Rang, giáo viên và luật sư biết tôi đều lo lắng về việc tôi bị bắt. Một số người đã có thể đến thăm tôi. Họ muốn vận động thay

mặt tôi và cảnh báo phe đối lập ở Sài Gòn. Tôi phản đối chỉ vì một lý do duy nhất : vợ tôi lúc đó vẫn ở Sài Gòn, đang mang thai và tôi không muốn làm cô ấy lo lắng. Tôi đã cố gắng giấu cô ấy chuyện mình bị bắt và gửi tin tức cho cô ấy như thường lệ. Và tôi biết rằng ban quản lý Ngân hàng Nam Đô đang âm thầm làm việc để tôi được thả.

Trước khi thả tôi, công an Phan Rang đã thực hiện một nỗ lực cuối cùng để buộc tôi phải thú tội :

– Thừa nhận rằng bạn đang làm việc cho những người cộng sản, nếu không thì...

Tôi không thấy ấn tượng. Vài ngày sau, Đại tá Tú thả tôi ra. Nhưng để không mất mặt, vụ việc được trình bày dưới dạng “trục xuất” khỏi tỉnh.

Không bao giờ đặt chân đến Phan Rang nữa. Tôi không thể mong đợi điều gì tốt hơn.

Sau một thời gian ngắn ở Sài Gòn, ngân hàng đã giao cho tôi quản lý chi nhánh Quy Nhơn, cách thủ đô năm trăm km về phía bắc. Đây là một cảng khá lớn, dân số của cảng này, tính cả vùng ngoại ô, tăng lên do dòng người di cư từ nông thôn, lên tới gần một triệu người. Tôi định ở đó trong hai năm cuối của chế độ Thiệu.

Lần ở tù gần đây nhất đã củng cố sự phản đối của tôi đối với chính phủ, nhưng nó khiến tôi thận trọng hơn vì lúc này tôi đã có gia đình. Mỗi quan hệ của tôi với FNL trở nên gần gũi hơn nhưng cũng bí mật hơn.

Không lâu sau đó, tôi phát hiện ra một số khách hàng rõ ràng đang đóng vai trò trung gian với Mặt trận, và tôi không gặp khó khăn gì khi bày tỏ cảm xúc của mình với họ. Chúng tôi hiểu nhau một cách hời hợt ở đất nước này, nơi mà mọi người đều phải qua mặt chính quyền trong nhiều năm.

Chẳng bao lâu sau, tôi đã có mối quan hệ tốt đẹp với ông Thành, chủ một hiệu thuốc ở ngoại ô Quy Nhơn, người có công việc chính là cung cấp thuốc men cho quân kháng chiến. Ông cũng là người làm ngân hàng mật cho họ, và tôi đã trở thành một cộng sự có giá trị đối với anh ấy. Tôi cũng đã liên lạc với một thanh niên khoảng ba mươi tuổi, người làm nước mắm, loại nước muối từ cá mà người Việt Nam tiêu thụ với số lượng lớn. [Tôi gặp lại hai người đàn ông

này ở Sài Gòn vào năm 1975, ngay sau chiến thắng của cộng sản. Người được sĩ đã bị tịch thu hiệu thuốc và đang tìm một chiếc thuyền để rời khỏi đất nước. Nhà sản xuất nước mắt đã mất quyền quản lý công ty. Những dịch vụ họ cung cấp cho Mặt trận Giải phóng miền Nam không hề có tác dụng gì đối với họ trước mặt người dân Bắc Việt: đối với họ, trước hết và quan trọng nhất, họ là những nhà tư bản.]

Khi đã tạo được lòng tin, các liên lạc của Mặt trận đã tiếp cận tôi để thực hiện các giao dịch trao đổi kín đáo. Người được sĩ, người làm nước mắt hoặc những người khác sẽ đưa cho tôi những gói đô la xanh mà tôi sẽ trả cho họ bằng đồng bạc Sài Gòn. Những đô la này đến từ đâu ? Bản thân họ cũng không biết điều đó. Tôi luôn nghĩ rằng có

lợi nhuận từ hoạt động buôn bán ma túy giữa «tam giác vàng» nổi tiếng (phía bắc Thái Lan) và Hồng Kông. Có vẻ như các chuyến hàng thuốc phiện đã được vận chuyển qua Lào và Nam Việt Nam, với sự tiếp tay - và trả tiền - của lực lượng kháng chiến Việt Cộng. Có thể cũng có sự đóng góp từ các tổ chức hỗ trợ FNL ở các nước phương Tây. Sự thật là Mặt trận vẫn có đô la để tài trợ cho các hoạt động của mình.

Tôi cũng thỉnh thoảng xử lý giao dịch chuyển tiền mà không tính phí hoa hồng ngân hàng thông thường. Cuối cùng, nhờ vào vị trí của mình, đôi khi tôi có thể cung cấp thông tin thú vị cho các phái viên của Mặt trận.

Nhiệm vụ của tôi cũng cho phép tôi di chuyển khắp tỉnh khá dễ dàng, đến những khu vực mà ngay cả quân đội

cũng hiếm khi đặt chân đến. Đây là cách tôi có thể thấy được sự suy yếu nhanh chóng của chính quyền sau khi Hiệp định Paris được ký kết vào tháng 1 năm 1973.

Theo các thỏa thuận, lệnh ngừng bắn được cho là sẽ đóng băng các vị trí mà quân đội Sài Gòn và FNL chiếm được, duy trì quyền kiểm soát các địa phương mà họ quản lý và kiểm chế mọi hành động tấn công.

Vào đúng ngày lệnh ngừng bắn có hiệu lực, Thiệu đã có bài phát biểu đe dọa và vung vẩy. Sau khi vạch trần những điểm yếu của thỏa thuận, ông tuyên bố rằng nếu phe cộng sản cố gắng thay đổi tình hình bằng vũ lực, ông sẽ sử dụng vũ lực lớn hơn để đưa họ trở lại vị trí cũ.

Hà Nội và Mặt trận Dân tộc Giải phóng đã khéo léo hơn nhiều khi ca ngợi Hiệp định Paris, rao giảng về sự tôn trọng nghiêm ngặt của các hiệp định này, hoan nghênh triển vọng hòa bình, v.v... Nhưng đồng thời, trên thực địa, họ cũng ngày này qua ngày khác phá hoại vị thế của miền Nam.

Ở tỉnh Quy Nhơn, ngay trước Hiệp định Paris và những ngày sau đó, một số địa phương trước đó ít nhiều do chính quyền kiểm soát đã đổi phe. Lực lượng Việt Cộng, trước đây giữ khoảng cách với thủ phủ của tỉnh, giờ đã tiến rất gần đến cổng thành. Mỗi ngày, những người lính ở Sài Gòn phải trát lại đường dây liên lạc. Họ có những lá cờ vàng có ba sọc đỏ được sơn trên những ngôi nhà ở «làng» của họ, những lá cờ mà những

người lính Mặt trận đã xóa đi vào đêm hôm sau.

Trò chơi nhỏ này được chơi trên khắp miền Nam Việt Nam. Mỗi ngày, chính quyền Thiệu lên án hàng chục vụ vi phạm lệnh ngừng bắn của phe đối lập. Và mỗi ngày ông lại mất đi vị thế của mình.

Ủy ban Kiểm soát Quốc tế (ICC), bao gồm người Indonesia, người Canada và người Hungary, được cho là có nhiệm vụ giám sát việc tuân thủ các thỏa thuận, nhưng lại hoạt động không hiệu quả như một cảnh sát giao thông trên mây.

Vào thời điểm những quý ông này, những người giám sát lệnh ngừng bắn, vừa mới đến đất nước này, đồng ý đến và xác minh tại chỗ tính hợp lệ của một

khiếu nại duy nhất, thì hàng trăm trận chiến cục bộ đã diễn ra trong nước, dần dần thay đổi cán cân quyền lực có lợi cho Mặt trận - hay chính xác hơn là cho Bắc Việt Nam, lực lượng hiện đang can thiệp gần như công khai.

Tôi nhớ một lần chạm trán với một đại tá kiểm lâm, người lính của ông ta trấn giữ nửa tá ngọn đồi bảo vệ các tuyến đường tiến vào Quy Nhơn. Xung quanh những ngọn đồi này cho đến lúc đó, ông vẫn có những tiền đồn mà ông thường xuyên tiến hành tuần tra, mở rộng phạm vi phòng thủ và đóng vai trò như «chuông báo động». Sau Hiệp định Paris, áp lực từ quân đội Việt Cộng lớn đến mức ông phải từ bỏ tiền đồn của mình. Và một ngày nọ, anh nhìn thấy, cách văn phòng của anh vài trăm mét, đoàn xe bọc thép của Bắc Việt đang

chạy qua. «Nếu tôi bắn, họ sẽ quay sang chống lại tôi. Và những người đàn ông không muốn chiến đấu nữa, vì đây là lệnh ngừng bắn», ông nói với tôi trong sự cam chịu.

Tất cả đều có ở đó. Đối với những người lính ở Sài Gòn, Hiệp định Paris đánh dấu sự kết thúc của chiến tranh. Tại sao lại là kẻ ngốc cuối cùng bị giết ?

Ngược lại, đối với những người cộng sản – và họ đã nói điều đó với những người lính của họ... nhưng không phải trên báo chí ! – Hiệp định Paris chỉ là bước cuối cùng trước khi giành được thắng lợi cuối cùng. « Bạn đã chiến đấu, chịu đựng, đã hy sinh nhiều thứ. Bạn sẽ không dừng lại khi mục tiêu đã trong tầm tay. Hoa Kỳ rút khỏi cuộc chiến. Chúng tôi đã đánh bại họ. Trước mặt các bạn, chỉ còn lại một số ít lính đánh

thuê không có lý tưởng, một chính phủ bù nhìn đang lung lay. Một nỗ lực cuối cùng, và Việt Nam sẽ là của chúng ta ! »

Đây là những gì được nói ra không chỉ trong chiến hào của Mặt trận mà còn trong quân đội Bắc Việt, những người đang chuẩn bị cho cuộc tấn công quyết định năm 1975.

Đối với tôi, vào thời điểm đó, tôi vẫn tin rằng Hiệp định Paris sẽ cho phép một miền Nam Việt Nam thoát khỏi sự bảo hộ của Mỹ, độc lập với miền Bắc và nơi mà phe đối lập cuối cùng cũng có tiếng nói. Ngược lại, việc «chính quyền bù nhìn» suy yếu theo hướng có lợi cho FNL không làm tôi lo lắng. Tôi không nhận ra rằng trong chiến lược của Hà Nội, phe đối lập phi cộng sản chẳng có giá trị gì, và Mặt trận Giải phóng cũng chẳng có giá trị gì.

Chiến thắng chớp nhoáng của lực lượng cộng sản vào mùa xuân năm 1975 đã đặt ra nhiều câu hỏi lịch sử mà tôi không muốn trả lời ở đây. Nhưng, nếu chỉ để đánh dấu ngày này, tôi muốn nêu ra ít nhất một số câu hỏi sau.

Trong cuốn Đại thắng mùa xuân, Tướng Văn Tiến Dũng, Tổng tư lệnh cuộc tiến công, kể lại rằng trong một cuộc họp của Bộ tổng tham mưu tại Hà Nội vào đầu năm 1975, các nhà lãnh đạo quân sự đã quyết định tấn công Pleiku và Kontum, hai thị trấn lân cận, trên Cao nguyên miền Trung Việt Nam. Và họ đã tự đặt ra thời hạn là hai năm để giành chiến thắng trong cuộc chiến.

Bộ Chính trị đảng đề xuất cuộc tấn công đầu tiên sẽ diễn ra xa hơn về phía

nam, tại Ban Mê Thuột. Các tướng lĩnh Bắc Việt ban đầu bày tỏ sự không đồng tình. Nhưng, ông Dũng nói thêm, «sau khi nghe đồng chí Lê Đức Thọ giải thích, tất cả các tướng lĩnh đều đồng ý tấn công Ban Mê Thuột».

Tướng Dũng không nói gì về những «giải thích» thuyết phục của đồng chí Thọ dẫn đến sự thay đổi chiến lược này. Nhưng có lẽ nên nhớ rằng Lê Đức Thọ, một thành viên của bộ chính trị Đảng, không phải là một quân nhân. Ông chịu trách nhiệm cụ thể cho các cuộc đàm phán với Hoa Kỳ. Ông đã có hàng chục cuộc họp bí mật với Ngoại trưởng Henry Kissinger.

Cá nhân tôi tin rằng đã có một thỏa thuận bí mật được ký kết giữa người Mỹ và Bắc Việt nhằm lật đổ chế độ Thiệu, để đổi lấy một số lời hứa từ Hà Nội về

việc duy trì một miền Nam Việt Nam độc lập. Những lời hứa chắc chắn không được thực hiện.

Sự bất nhất trong các mệnh lệnh mà Tổng thống Thiệu đưa ra sau khi phát động cuộc tấn công lớn của cộng sản cũng kỳ lạ không kém, gần như vô lý.

Ba ngày sau cuộc tấn công Ban Mê Thuột, Tướng Thiệu đến Pleiku, trung tâm đầu não của quân khu 2, để nâng cao tinh thần cho quân lính. Ông ra lệnh cho tướng chỉ huy vùng này là Phạm Văn Phú phải kháng cự bằng mọi giá. Sự kiện này diễn ra vào thứ sáu.

Vào sáng Chủ Nhật, trong khi tình hình trên Cao nguyên vẫn chưa đến mức vô vọng, Tướng Phú đột nhiên nhận được lệnh từ Thiệu rút lui về phía bờ biển. Về mặt logic, cuộc rút quân này,

vì đã được quyết định ở cấp cao nhất, phải được thực hiện qua quốc lộ 19, là tuyến đường ngắn nhất đến cảng lớn Qui Nhơn, nơi hải quân có thể đưa quân của Vùng II lên tàu nếu cần thiết. Tốt ! Không đòi nào. Tướng Phú được lệnh tiến đến Nha Trang, cách Qui Nhơn một trăm năm mươi cây số về phía nam, bằng đường số 9, một con đường phụ hẹp, một số khu vực trong đó đã bị quân kháng chiến kiểm soát từ lâu.

Quyết định vô lý này chỉ có ý nghĩa nếu một số tin đồn lan truyền vào thời điểm đó là sự thật. Tôi được đảm bảo rằng thỏa thuận bí mật được ký kết với Hà Nội sẽ cung cấp cho việc sửa chữa mới đường phân định mới giữa hai miền Việt Nam là vĩ tuyến 13 (thay vì vĩ tuyến 17), chạy qua phía bắc Nha Trang. Do đó, Nam Việt Nam sẽ mất gần một nửa

lãnh thổ, nhưng vẫn có thể tồn tại nhờ các tỉnh giàu có ở đồng bằng. Bắc Việt Nam sẽ đạt được thành tựu chính trị và lãnh thổ ngoạn mục. Người Việt Nam không theo chủ nghĩa cộng sản sẽ giữ được đất nước. Và người Mỹ sẽ không hy sinh 50.000 lính Mỹ và hàng chục tỷ đô la một cách vô ích.

Có lẽ một ngày nào đó ông Kissinger sẽ nói liệu một thỏa thuận như vậy có thực sự đạt được hay không – và liệu ông có bị ông Lê Đức Thọ lừa dối hay không. Hiện tại, rõ ràng là không ai có hứng thú thú nhận cả. Trong mọi trường hợp, phiên bản này sẽ giải thích rõ ràng diễn biến các hoạt động trong những ngày đầu của cuộc tấn công năm 1975.

Điều này cũng giải thích tại sao ngay sau khi Ban Mê Thuột, một thủ phủ cấp tỉnh có tầm quan trọng thứ yếu, thất

thủ, Tổng thống Ford đã tuyên bố với Đài Tiếng nói Hoa Kỳ rằng ông đã bổ nhiệm một người chịu trách nhiệm tái định cư 100.000 người tị nạn Việt Nam tại Hoa Kỳ...

Tuyên bố này đã được biết đến trong một thời gian rất ngắn trên khắp Việt Nam, và góp phần không nhỏ vào việc giải ngũ những người chịu trách nhiệm : «Người Mỹ đang bỏ rơi chúng ta, mỗi người tự lo cho mình...»

Lệnh của Tổng thống Thiệu đã thực hiện phần còn lại.

Việc rút quân từ Quân khu 2 về Nha Trang đã để lộ sườn phía tây của Quân khu 1, bao gồm các tỉnh Đà Nẵng, Huế và Quảng Trị cho đến tận biên giới với

Bắc Việt Nam. Dân thường ở những khu vực này cảm thấy bị bỏ rơi nên bắt đầu di chuyển về phía nam qua con đường ven biển duy nhất. Quân đội của Vùng 1, bị đe dọa cắt đứt khỏi hậu phương bởi một cuộc tấn công của cộng sản xa tới tận bờ biển, đã phải nhượng bộ và rút lui về phía nam.

Tất cả những điều này tạo nên một làn sóng ngày càng lan rộng từ thành phố này sang thành phố khác. Các nhà báo phương Tây mô tả dòng lũ không thể cưỡng lại này liên tiếp tràn qua Huế, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Quy Nhơn, Nha Trang, Phan Rang, Phan Thiết.

Xe hơi cá nhân, xe máy, xe đạp, xe bọc thép, xe kéo tay, xe tải quân sự, mọi thứ đều lẫn lộn với nhau thành một mớ hỗn độn khủng khiếp. Dân thường làm tê liệt quân đội, các đơn vị của họ tan rã

và hòa lẫn vào nhau qua từng cây số, dần dần chuyển thành các nhóm vũ trang sử dụng súng trường để dọn đường. Không còn lệnh nào có hiệu lực nữa. Nhiều nhà lãnh đạo quân sự, thậm chí không ít người, đã từ bỏ đơn vị của mình. Đội quân cố gắng ngăn chặn cuộc tháo chạy đã bị trận tuyết lở cuốn trôi. Mọi thứ còn được tổ chức đều đang sụp đổ. Chỉ còn lại một con sóng lớn, trong ba tuần nữa, sẽ bắt đầu tràn vào vùng ngoại ô Sài Gòn.

Những người cộng sản thậm chí không cần phải can thiệp để làm tăng thêm sự hoảng loạn : nó tự phát triển.

Trong vòng ba tuần, cơn sóng thần bắt đầu từ vĩ tuyến 17 đã tràn vào vùng ngoại ô Sài Gòn, nơi vẫn chưa hiểu ra điều gì.

9

CÁI BÓNG CỦA THẤT BẠI

Vào đầu tháng 4 năm 1975, trong khi các tỉnh phía nam vĩ tuyến 17 lần lượt sụp đổ như những quân cờ domino dưới sức ép của lực lượng cộng sản, Sài Gòn vẫn tiếp tục có cuộc sống bình thường đến ngạc nhiên. Phụ nữ đi mua sắm, trẻ em đi học, rạp chiếu phim đông nghẹt.

Không ai nghĩ rằng ngày tận thế đã gần kề. Nhiều người tin rằng, giống như

năm 1968, Việt Cộng sẽ bị đánh bại. Những người lo lắng nhất đều tin rằng họ còn ít nhất vài tháng nữa. Phần lớn dân số vẫn tiếp tục công việc như thường lệ. Mọi người đã quá quen với tin đồn về chiến tranh nên họ không còn hoảng sợ nữa, ít nhất là cho đến khi tiếng đạn rít qua tai họ. Và nếu Việt Cộng chiến thắng lần này, họ sẽ phải mạo hiểm điều gì ? Tệ nhất thì những nhà lãnh đạo mới sẽ rất cứng rắn nhưng trung thực. Và chiến tranh cuối cùng sẽ kết thúc.

Công tác tuyên truyền của Mặt trận có tác dụng gây mê. Mọi người – kể cả binh lính của chính quyền Thiệu đều nghe Đài Phát thanh Giải Phóng, phát thanh lặp đi lặp lại rằng chỉ có những nhà lãnh đạo «bù nhìn» và những kẻ trục lợi chiến tranh mới bị trừng phạt. Đối với toàn thể nhân dân, đây sẽ là sự

hòa giải vĩ đại. Những người bị lôi kéo vào cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn trái với ý muốn của họ sẽ được đối xử một cách khoan dung và thông cảm.

Vào nửa cuối tháng 4, đột nhiên người dân Sài Gòn có cảm giác như bầu trời sụp đổ trên đầu họ. Những làn sóng người tị nạn đầu tiên, hàng chục ngàn người đổ về thủ đô mỗi ngày, kể lại thảm họa này.

Sài Gòn, nơi có 600.000 dân vào thời người Pháp, đã thu hút một lượng lớn người dân phải di cư sau những cuộc di cư liên tiếp khi vùng ném bom và chiến sự mở rộng. Còn bao nhiêu người nữa ? Hai triệu, ba triệu ? Không ai biết chắc chắn. Họ cố gắng sống sót hết sức có thể trong những khu ổ chuột rộng lớn xung quanh thủ đô. Một làn sóng người khốn khổ mới đang tràn đến làm dâng cao

thêm biến khổ này.

Cuộc rút lui của quân lính cuối cùng lại gây ra sự hoảng loạn. Quân đội Nam Việt Nam đang tan rã. Các vị tướng lần lượt biến mất bằng trực thăng, bỏ lại quân lính của mình trên đường. Mỗi người tự lo cho mình.

Người Mỹ đã thực hiện kế hoạch sơ tán cuối cùng của họ, bao gồm việc đưa các viên chức và điệp viên của họ, cũng như những «người được họ bảo trợ» Việt Nam dễ bị tổn thương nhất lên các tàu của Hạm đội 7. Một sự pha trộn không mấy hấp dẫn giữa các chính trị gia và cảnh sát, tướng lĩnh và gái mại dâm cao cấp.

Giới tư sản giàu có ở Sài Gòn đổ xô đến bờ biển, nơi tàu đổ bộ của Hạm đội 7 đang chờ đợi họ. Trong va li của họ

có vàng và đô la. Trong lòng họ có sự sợ hãi. Họ chưa bao giờ có lòng yêu nước, ngoại trừ bằng lời nói¹⁶.

Các ngân hàng đang bị tấn công dữ dội bởi khách hàng muốn rút hết tiền trong tài khoản hiện tại của họ. Tại trụ sở Ngân hàng Nam Đô ở Sài Gòn, nơi tôi đã trở về cách đây ba tháng, tôi đã chứng kiến cảnh tượng hoảng loạn thực

16 Những người tị nạn đi qua trại trung chuyển của Mỹ trên đảo Guam vào năm 1975 kể với tôi rằng có một số nhân vật từ chế độ Nam Việt Nam cũ đã phô trương sự giàu có phi pháp ở đó. Trong số đó, Phạm Văn Đồng, người từng tên với thủ tướng miền Bắc và cựu Bộ trưởng Cựu chiến binh Hàn Quốc, đã mang theo nửa triệu đô la tiền mặt trong vali của mình. Cựu Bộ trưởng Kinh tế trong chính quyền Thiệu, Phạm Kim Ngọc và cựu Tổng tham mưu trưởng Cao Văn Viên có một kho tiền cá nhân trị giá 2 triệu đô la. Nhiều ngôi sao khác của chế độ cũ, như Thủ tướng Trần Thiện Khiêm, Đại tướng Đặng Văn Quang, Thị trưởng Sài Gòn Đỗ Kiến Nhiêu và nhiều người khác, đã rời khỏi đất nước với khối tài sản kếp xù tích lũy được nhờ tham nhũng. Đối với cựu Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, người ta nói rằng ông đã xoay xở để di tản, với sự giúp đỡ của CIA, một số tấn vàng từ Ngân hàng Quốc gia, riêng tiền lãi từ số vàng này đã quá đủ để đảm bảo an ninh khi về hưu của ông.

sự khi có lúc phải hoãn trả nợ do thiếu tiền mặt. Ngân hàng Quốc gia không thể in đủ tiền giấy mới để đáp ứng nhu cầu... Ba ngân hàng Mỹ trong khu vực đã khiến tình hình trở nên tồi tệ hơn khi quyết định đóng cửa quầy giao dịch của họ vào ngày 24 tháng 4.

Nguyễn Văn Thiệu, người đã cai trị đất nước trong mười năm, không phải là người cuối cùng chạy trốn. Ngày 21 tháng 4, ông đã có bài phát biểu dài trên truyền hình, giơ cao bức thư của Nixon hứa sẽ can thiệp nếu Bắc Việt Nam vi phạm Hiệp định Paris. Hà Nội vi phạm thỏa thuận, Nixon không giữ lời hứa, toàn thế giới thờ ơ, tình hình thật thảm khốc. “Tôi đã quyết định từ chức”.

Và Thiệu biến mất, để lại chức tổng

thống cho Trần Văn Hương, một người kiên quyết nhưng già yếu và bất lực. Hương tạm thời cho Thiệu ba ngày – thời gian cần thiết để đến Đài Loan, trước khi Tướng Dương Văn Minh, phương án cuối cùng mà mọi người đang nghĩ đến, được triệu tập vào chức tổng thống để đối phó với những người cộng sản.

Sài Gòn ngày nay là nơi sản sinh ra, khuếch đại và lan truyền những tin đồn trái ngược nhau nhất. Vào một thời điểm nào đó, tin đồn lan truyền về một cuộc đổ bộ sắp xảy ra của quân đội Mỹ để giải cứu Sài Gòn và đồng bằng sông Cửu Long, thành trì cuối cùng của chế độ Nam Việt Nam. Khi rõ ràng là Hoa Kỳ sẽ không can thiệp, người ta đã bàn đến lệnh ngừng bắn tiếp theo là các cuộc đàm phán giữa Dương Văn Minh và Mặt

trận Giải phóng miền Nam Việt Nam dưới sự bảo trợ của Pháp...

Một quần thể trôi dạt đang tìm kiếm một phao để bám vào. Hiện nay, sự lo lắng đã bao trùm ngay cả những người tin rằng họ không có gì để mất hoặc không có gì phải sợ. Những người tị nạn mới nhất đến cho biết rằng «ở đó», tại Đà Nẵng, Pleiku, Kontum, Huế, nơi những người cộng sản chiếm đóng các thị trấn cách đây một hoặc hai tháng, hoàn toàn không có chuyện «hòa giải». Những người nổi tiếng đã bị bắn. Tất cả những người làm việc ít nhiều với chế độ cũ bị bắt giữ, binh lính bị giam giữ và doanh nghiệp bị tịch thu.

Tôi gặp những người tôi quen ở Quy Nhơn và Phan Rang, và họ kể với tôi rằng :

– Chuyện này thật kinh khủng, chúng ta phải rời đi thôi.

Điều làm tôi lo lắng nhất là trong số hàng trăm ngàn người chạy trốn trước những người cộng sản, có một khối lượng lớn nông dân bình thường, những người «vô sản», về nguyên tắc, nên vui mừng trước chiến thắng của «lực lượng nhân dân». Nhưng tôi còn ngạc nhiên hơn khi phát hiện ra trong số những kẻ gây hoang mang đó có những người mà tôi từng biết đến vì có cảm tình với FNL. Ví dụ, người được sĩ ở Quy Nhơn làm trung gian giữa ma túy và ngân hàng Nam Đô đã nói với tôi rằng :

– Người cai trị là người Bắc Việt, chứ không phải là người dân ở Mặt trận. Và họ không quan tâm đến những lời hứa của FNL. Họ đã lấy hiệu thuốc của tôi. Tôi đang tìm một chiếc thuyền để rời

khỏi đất nước. Anh cũng nên làm như vậy.

Tôi sẽ có nhiều cơ hội để suy ngẫm về phân tích và khuyến nghị này. Vào thời điểm đó, tôi muốn tin rằng người đối thoại với tôi chỉ đơn giản là đang cay đắng về việc cửa hàng của anh ta bị tịch thu, có thể là một sai sót do những người quản lý thiếu thông tin. Tôi cũng muốn tự thuyết phục mình rằng những người dân bình thường chạy trốn khỏi các tỉnh bị cộng sản «chiếm đóng» thực chất là do hoảng loạn như bấy cừu. «Mình phải giữ bình tĩnh», tôi tự nhủ.

Những người bạn đã lâu không gặp, trở về với chiến thắng, trấn an tôi :

– Rõ ràng là mọi việc diễn ra quá nhanh, có sai sót, vụng về. Sự hoảng loạn của mọi người làm trầm trọng thêm

tình trạng hỗn loạn và khuếch đại tin tức giả mạo. Nhưng không nên đánh giá cuộc cách mạng dựa trên tin đồn. Tình hình phải được phân tích và giải thích để người dân lấy lại được sự bình tĩnh và tự tin¹⁷.

Đây là điều tôi nhắc lại với anh trai tôi, một kỹ sư thiết kế, người đã quyết định ra đi cùng gia đình và một người bạn của anh, người sở hữu một chiếc thuyền. Anh ấy cố gắng thuyết phục tôi :

– Toại, đi với chúng tôi. Với tính cách độc lập của mình, em sẽ chỉ gặp rắc rối mà thôi. Không có tương lai cho chúng

17 Ngay sau khi những người cộng sản lên nắm quyền ở toàn Việt Nam, Solzhenitsyn đã tiên tri rằng «sẽ có ‘hơn một triệu tù nhân’ ở Việt Nam, hàng trăm ngàn người trong các trại tập trung». Tôi không tin điều đó. Hôm nay tôi cảm thấy xấu hổ và hối hận về điều đó. Khi đó tôi tin rằng những người cộng sản Việt Nam khác với những người nắm quyền ở Nga hay Tiệp Khắc. Cái cố duy nhất của tôi là nhiều người trong chúng ta, cả ở Việt Nam và nước ngoài, đều đã sai.

ta và con cháu chúng ta ở đây.

Tôi từ chối. Tôi có gì phải sợ ? Tôi không phải là công chức hay quân nhân. Tôi đã chiến đấu chống lại chính quyền bù nhìn. Tôi đã giúp FNL. Và đây có phải là lúc để chạy trốn khi đất nước cuối cùng cũng sắp giành được độc lập ?

Đối với các đồng nghiệp của tôi tại tạp chí Tự Quyết, một số người trong số họ cũng đang cân nhắc việc rời đi, tôi xin khẩn cầu một cách đầy tin tưởng :

– Tại sao phải rời đi ? Chúng tôi vận động cho hòa bình và quyền tự quyết. Chúng ta sẽ có hòa bình. Về quyền tự quyết, đây chính là lúc cần phải đòi hỏi, cần phải áp đặt nó. Những người cộng sản không thể tự mình cai trị, họ không thể áp dụng những phương pháp tương tự ở miền Nam như ở miền Bắc.

Tôi nhắc lại với các bạn lời phát biểu của một ủy viên Bộ Chính trị đảng cộng sản Việt Nam, Nguyễn Duy Trinh, người đã nói rõ rằng những gì đã làm ở miền Bắc không thể chuyển vào miền Nam. Ông cho biết miền Nam có những truyền thống, thói quen và tư duy khác biệt và cần phải tôn trọng.

Để ủng hộ cho lập luận của mình, tôi xin trích dẫn lời Tướng Dương Văn Minh tự nói với tôi, cụ thể là ông đã nhận được một lá thư từ ông Giscard d'Estaing khuyến khích ông nắm quyền, vì Hà Nội đã đảm bảo với Tổng thống Pháp rằng họ ủng hộ một «chính phủ hòa giải». Đại sứ Pháp, ông Mérillon, đã nỗ lực tìm kiếm giải pháp này trong một thời gian dài. Một phái viên của Tổng thống Pháp, Thượng nghị sĩ Paul d'Ornano, vừa đến Sài Gòn để khuyến

cáo đồng bào của mình không nên rời khỏi Việt Nam. «Đây là bằng chứng», tôi nói, «cho thấy Paris đã nhận được sự đảm bảo rằng miền Nam sẽ không chỉ đơn giản là liên kết với miền Bắc».

Cuối cùng, tôi xin gửi lời đến những trái tim :

– Tôi đã có cơ hội đi du lịch đến Hoa Kỳ và Pháp. Ở đó, cuộc đấu tranh không khoan nhượng giữa kẻ mạnh và kẻ yếu, giữa người giàu và người nghèo. Ở đây, ngay cả những người nghèo nhất cũng có thể tự nuôi sống mình và tận hưởng cuộc sống mà không phải kiệt sức vì làm việc. Và thậm chí nếu những người cộng sản buộc chúng ta phải làm việc chăm chỉ, cải thiện mức sống và đạt được nền độc lập thực sự, tại sao không ? Ít nhất chúng ta cũng có thể tự hào vì không còn nhận được sự hỗ trợ từ thế lực nước

ngoài nữa. Việc chữa trị bằng kỷ luật và nghiêm khắc về mặt đạo đức sẽ không gây tổn hại đến Nam Việt Nam, nơi chiến tranh và đồng đô la đã hủy hoại mọi thứ.

Tôi nhớ đã nói thêm rằng cuối cùng chúng tôi cũng có thể đến thăm Hà Nội... và gặp gỡ những cô gái nơi đây, những người có sức quyến rũ nổi tiếng khắp Việt Nam. Tôi kết thúc lời kêu gọi của mình bằng công thức đầy cảm hứng này :

– Không nơi nào trên thế giới có người Việt Nam giỏi hơn ở Việt Nam.

Hôm nay tôi lại nói điều này một lần nữa. Nhưng câu này không còn giữ nguyên ý nghĩa nữa.

Những người bạn ở Tự Quyết của

tôi đều quyết định ở lại. Ngược lại, anh trai tôi vẫn kiên quyết quyết định ra đi. Một ngày trước khi khởi hành, anh ấy đã cố thuyết phục tôi đi theo anh ấy :

– Hãy đi cùng chúng tôi. Nếu Việt Nam mới đúng như em nghĩ, bạn luôn có thể quay lại. Nếu đi62u đó đúng như anh lo sợ, em sẽ không thể rời bỏ được.

Anh trai tôi, vợ anh ấy và bảy đứa con rời Việt Nam một ngày trước khi quân đội Bắc Việt tiến vào Sài Gòn.

Những ngày cuối cùng của Việt Nam Cộng hòa làm tôi nhớ đến một bộ phim tua nhanh thời gian có tên là Political Follies.

Vài tuần trước, những nhân vật có ảnh hưởng đã xếp hàng đáng thương, tay cầm va li, trước Đại sứ quán Hoa Kỳ,

nơi những chiếc trực thăng cuối cùng cất cánh.

Những người tham vọng vào phút chót, được chính phủ ma của Tướng Minh tuyển dụng, giả vờ làm bộ trưởng, giao tranh với những người tham vọng vào phút tiếp theo vốn đã quanh quẩn bên cạnh tổng thống.

Ba ngày trước khi Sài Gòn sụp đổ, tôi thấy Huỳnh Tấn Mẫm, cựu chủ tịch Hội sinh viên, vừa mới được thả, xuất hiện ở nhà tôi.

Mẫm sốt ruột muốn “làm gì đó”. Tôi đã cùng anh ta đến gặp Lý Quý Chung, do tướng chỉ định làm Bộ trưởng Bộ Thông tin. Chung lao vào Mẫm và kéo anh ta đến chiếc truyền hình nơi anh ấy ngay lập tức được phát biểu trực tiếp.

Ý tưởng lớn của chính quyền Minh là tham gia đàm phán với «phía bên kia». Với Mam, anh tin rằng mình đã có một người trung gian hợp lệ.

Về phần mình, Mắm rất háo hức được đóng vai này. Anh ngay lập tức đưa ra một lời tuyên bố tuyệt vời :

– Đó là chiến thắng của nền độc lập ! Bọn đế quốc Mỹ đang bỏ chạy ! Chúng ta đang sống trong thời đại hòa giải giữa toàn thể người Việt Nam !

Sau đó, Chung, vị bộ trưởng, đã nói một bài nói ngắn với những người ở phía đối diện, tiếng súng của họ có thể được nghe rất rõ vào lúc đó :

– Chính phủ của Tổng thống Dương Văn Minh muốn mở hội nghị với đại diện Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền

Nam để chuẩn bị thành lập chính phủ hòa giải tại miền Nam Việt Nam.

Nói tóm lại, đây chính là những gì FNL đã đề xuất trong hai hoặc ba năm. Nhưng tướng Minh đến hơi muộn. «Chính phủ hòa giải» vẫn ổn miễn là lực lượng cộng sản còn ở xa Sài Gòn. Ngày nay, họ chỉ cần thêm vài phát đại bác nữa là có thể chiếm được thành phố mà không cần phải bắn một phát súng nào. Họ không còn cần phải thương lượng bất cứ điều gì nữa. Hơn hai mươi sư đoàn Bắc Việt đã có mặt ở cổng thủ đô, về phía bắc, phía đông và phía tây. Bây giờ họ chỉ phải đối mặt với một vài đơn vị quân liều lĩnh.

Nếu tình cờ các vị tướng và chính ủy từ Hà Nội đến xem truyền hình Sài Gòn vào buổi tối hôm đó, chắc hẳn họ đã được một trận cười sảng khoái.

Đối với những ai giữ được bình tĩnh, Sài Gòn là nơi quan sát đặc biệt vào những ngày cuối tháng 4 năm 1975.

Tôi đã gặp nghị sĩ Nguyễn Hữu Chung¹⁸, thư ký của tướng Minh. Ông vừa tuyên bố với các nhà báo phương Tây

18 Nguyễn Hữu Chung hiện đang sống tại Canada và từ chối trả lời báo chí. Tuy nhiên, vào tháng 12 năm 1978, ông đã nói với tôi rằng ông đã cân nhắc ba hành động táo bạo để cứu những gì có thể cứu được ở miền Nam Việt Nam trong những ngày cuối tháng 4 năm 1975 : mở cuộc tấn công vào miền Bắc Việt Nam, nơi lúc đó đã hoàn toàn cạn kiệt năng lực tấn công vào miền Nam; – tập hợp lại lực lượng miền Nam ở đồng bằng, phía nam Sài Gòn. Để hình thành một «con nhím» ở đó, trong khi các điều kiện hòa bình đang được đàm phán; – bắt giữ những người Mỹ cuối cùng có mặt ở Sài Gòn, bao gồm Đại sứ Martin, để ngăn chặn Hoa Kỳ rút khỏi trò chơi.

Đây là ba giải pháp tuyệt vọng, nhưng chắc chắn sẽ cho phép chúng ta thảo luận về việc đầu hàng của Nam Việt Nam từ một vị thế tốt hơn. Vẫn còn những lá bài để chơi. Nhưng bạn vẫn phải muốn nó. Tổng thống Dương Văn Minh, với sự do dự thường thấy, đã quyết định không chọn gì cả. Và thấy mình tay không trước mặt những người chiến thắng, những người không hề tặng ông bất kỳ món quà nào.

trong một cuộc họp báo : «Ông Dương Văn Minh là Tổng thống Cộng hòa, nhưng ông cũng là một vị tướng. Ông không thể đầu hàng». Chung thúc giục tôi động viên bạn bè ở lại đất nước, để «lực lượng thứ ba» có thể đàm phán với những người cộng sản. Nhưng bản thân ông đã chạy trốn vào đêm 29-30 tháng 4, vài giờ trước khi tổng thống đầu hàng vô điều kiện...

Trong nỗ lực duy trì «lực lượng thứ ba» ảo tưởng này xung quanh mình, Minh đã ra lệnh bắt giữ những người cố gắng xuất cảnh trái phép. Cảnh sát không còn nghĩ đến việc tuân thủ nữa, nhưng một số kẻ chạy trốn vẫn bị bắt giữ. Trong số đó có Thượng nghị sĩ La Thành Nghệ, một trong những người giàu nhất Việt Nam. Bị bắt một ngày trước khi chế độ sụp đổ, ông không có thời gian để sử

dụng các mối quan hệ và tiền bạc của mình. Những người cộng sản tìm thấy ông trong tù... và tất nhiên đã giam giữ ông ở đó. Ông ấy vẫn ở đó.

Tôi gặp luật sư Trần Văn Tuyển, lãnh đạo đảng đối lập Việt Nam Quốc Dân Đảng, và là cha của bạn tôi Huyền, cũng là một luật sư, thành viên ban biên tập tạp chí Tự Quyết.

Ông Tuyển khuyên con trai và tôi ở lại Việt Nam :

– Tôi hy vọng những người cộng sản đã thay đổi. Tôi hy vọng có thể đạt được thỏa thuận với họ. Trong mọi trường hợp, tôi quyết định ở lại đây, sống ở đây, và chết ở đây, bất kể chuyện gì xảy ra.

Ông Trần Văn Tuyến là bạn học của Phạm Văn Đồng và Giáp tại Hà Nội vào những năm 1930. Ông từng là Thứ trưởng Bộ Ngoại giao trong chính phủ Hồ Chí Minh vào năm 1946. Ông đã đoạn tuyệt với những người cộng sản, giống như nhiều người theo chủ nghĩa dân tộc khác, vì ông phản đối các phương pháp độc tài của đảng cộng sản. Ông là một người theo chủ nghĩa dân chủ. Được thành lập tại Sài Gòn, ông đã trở thành, nhân danh những nguyên tắc tương tự, một đối thủ kiên quyết của chính quyền Diệm và Thiệu.

Một tháng sau khi chế độ Nam Việt Nam sụp đổ, ông Tuyến bị bắt, bị đưa đến trại «cải tạo», bị tra tấn và bị buộc phải «tự phê bình». Ông chỉ nói :

– Tôi có thể sai trong mắt đảng cộng

sản. Tôi không có lỗi gì với nhân dân Việt Nam.

Bị chuyển ra miền Bắc, lại bị tra tấn, ông qua đời vào tháng 4 năm 1976.

Tuy nhiên, vào tháng 4 năm 1977, trong chuyến thăm chính thức Paris, «người bạn cũ» của ông, Thủ tướng Phạm Văn Đồng, đã khẳng định với báo chí rằng ông Tuyến vẫn còn sống và khỏe mạnh. Phải đến khi các tờ báo phương Tây liên tục đặt câu hỏi thì chính quyền Hà Nội mới thừa nhận không chính thức, một thời gian sau đó, rằng ông Tuyến thực sự đã chết «do xuất huyết não».

Vài tháng sau khi ông Tuyến bị bắt, con trai cả của ông, bạn tôi là Huyền, đã bị đưa đến những trại trục xuất mà chế độ mới khiêm tốn đặt tên là «khu kinh

tế mới». Vợ và hai đứa con nhỏ nhất của ông Tuyền, một đứa tám tuổi và một đứa mười tuổi, đã bị đuổi khỏi nhà của họ trên phố Hồng Thập Tự. Hiện nay không ai biết họ ở đâu. Ngôi nhà trở thành nơi ở của một viên chức cấp cao từ miền Bắc. Sự trả thù của đảng đã hoàn tất.

Tại nhà ông Tuyền, vào ngày cuối tháng 4 năm 1975, tôi thấy ngài đại sứ Hàn Quốc đang chuẩn bị rời Sài Gòn và giục vị luật sư đi cùng ông, dưới sự bảo vệ của ông. Ông Tuyền từ chối. Ngày nay, tôi có ấn tượng rằng ông ấy không ảo tưởng nhiều về số phận của mình, nhưng ông ấy không muốn chạy trốn khỏi đất nước trên một chiếc trực thăng của Mỹ, có thể cùng với các chính trị gia hoặc cảnh sát mà ông khinh thường. Tuy nhiên, vẫn có một số ít người đàn

ông danh dự trong thảm họa đáng xấu hổ này.

Cùng ngày hôm đó, tôi đã gặp ông Nguyễn Văn Huyền, cựu chủ tịch Thượng viện, người mà Dương Văn Minh đã chọn làm Phó Tổng thống nước Cộng hòa, đại diện cho cộng đồng Công giáo có ảnh hưởng. Ông cũng là một người đàn ông mẫu mực. Ông sống thanh bình, lịch sự, nghèo khổ như một nhà sư. Ông đã già, rất gầy và chỉ có thể đứng dậy khi có người giúp đỡ. Nhưng giọng nói của ông vẫn kiên định và tâm trí vẫn sáng suốt. Sự bi quan của ông là hoàn toàn, ông nói với tôi :

– Toại, nếu có thể, hãy rời khỏi đất nước. Những người cộng sản sẽ nắm quyền, toàn bộ quyền lực, và họ sẽ đối xử với những người không hoàn toàn theo họ như người chống lại họ. Tôi già

rồi. Tôi không còn sợ gì nữa.

Trong số những người tôi gặp vào cuối tháng 4, tôi muốn nhắc đến Thượng tọa Thích Trí Quang và Thích Thiện Minh, hai trong số những nhà lãnh đạo chính của Giáo hội Phật giáo. Người đầu tiên là trụ trì ngôi chùa chính của Sài Gòn, Ấn Quang, một trong những trung tâm đầu não của phe đối lập. Trong những năm gần đây, Thượng tọa Thích Trí Quang liên tục đấu tranh chống lại quyền lực của các tướng lĩnh. Về phần Thích Thiện Minh, ông thậm chí đã bị kết án mười năm tù vì «hoạt động ủng hộ cộng sản», nhưng đã được thả sau các cuộc biểu tình ở nước ngoài - và có lẽ cũng vì sợ vũ khí tối thượng của các giáo sĩ : tự sát công khai. Chẳng phải những nhà sư tự thiêu năm 1963 đã phá hủy chính quyền Ngô Đình Diệm sao ?

Thích Trí Quang tin rằng Phật tử đại diện cho một lực lượng chính trị lớn ở miền Nam Việt Nam mà Hà Nội sẽ phải đối phó. Ông không tin rằng những người cộng sản sẽ nắm được quyền lực mà không gặp phải sự phản đối nào. Ông thậm chí còn không nhận ra rằng Hoa Kỳ đã «bỏ rơi» Nam Việt Nam, và tưởng rằng sự ủng hộ của họ vẫn là một tài sản. Còn về Thích Thiện Minh¹⁹, ông nói với tôi: “Phật giáo đã ăn sâu vào lòng dân. Một chế độ đàn áp tôn giáo không thể tồn tại lâu dài. Những người cộng sản biết điều này và sẽ không mạo hiểm. Chúng ta không có gì phải sợ họ. Hơn

19 Thích Thiện Minh bị bắt vào tháng 4 năm 1977 và bị tra tấn. Ông mất vào tháng 10 năm 1978. Theo tuyên bố chính thức, cái chết của ông là do «xuất huyết não». Dưới chế độ mới, có một đại dịch thực sự là «xuất huyết não» trong số các tù nhân. Một sự tò mò trong y khoa. Theo ông Nguyễn Công Hoan, nguyên đại biểu Quốc hội chế độ cộng sản đã tị nạn tại Hoa Kỳ vào năm 1977, những người cộng sản cũng đã xử tử đại biểu Diệu Bốn, phó đại biểu của Giáo hội Phật giáo Phú Yên, bắt giữ 92 nhà sư và tịch thu 12 ngôi chùa.

nữa, tôi có mối quan hệ tốt với FNL»

Các nhà lãnh đạo của Giáo hội Phật giáo đang sống trong mơ. Giống như nhiều người Việt Nam. Giống như tôi vậy.

Tướng Dương Văn Minh vẫn đang cố gắng tập hợp xung quanh mình về bề ngoài của một thế lực có tổ chức, trong khi bản thân ông chẳng đại diện cho điều gì cả. Quân đội và chính quyền đang dần tan rã. Ông ta không còn quân bài nào để chơi nữa.

Những người cộng sản không tặng ông bất cứ món quà nào.

Kể từ khi lệnh ngừng bắn chính thức được tuyên bố vào tháng 2 năm 1973, đã có một phái đoàn từ Bắc Việt Nam và Mặt trận Giải phóng miền Nam Việt Nam có

mặt tại Sân bay Tân Sơn Nhất ở Sài Gòn. Sau khi nhậm chức Chủ tịch nước vào ngày 26 tháng 4, Minh đã tìm cách thiết lập đối thoại với người đứng đầu phái đoàn này, Đại tá Võ Đông Giang (Giám đốc cơ quan tình báo Hà Nội).

Giang yêu cầu Minh ra lệnh trục xuất toàn bộ người Mỹ khỏi Việt Nam. Một tuyên bố hoàn toàn mang tính hình thức, những chiếc trực thăng Mỹ cuối cùng được đưa khỏi mái tòa đại sứ và Khách sạn Caravelle, trong khi những tài liệu cuối cùng không thể di tản được đang bị đốt cháy... Nhưng đây là một cử chỉ chính trị có ý nghĩa to lớn, một sự phủ nhận chính thức, của chính người Nam Việt Nam, đối với các chính phủ bù nhìn mà họ là người thừa kế. Thủ tướng của Minh, Vũ Văn Mẫu, đã tuân thủ và đọc tuyên bố trên đài phát thanh

và truyền hình vào ngày 27 tháng 4, ra lệnh cho người Mỹ phải rời khỏi Việt Nam trong vòng hai mươi bốn giờ. Trò hề kỳ cục. Không còn người Mỹ nào ở Việt Nam nữa.

Những ngày sau đó, Vũ Văn Mẫu, rồi là Phó tổng thống Nguyễn Văn Huyền, đã đưa đoàn đại biểu cộng sản từ Tân Sơn Nhất trở lại. Đại tá Giang trả lời rằng ông không có chỉ thị và không có thẩm quyền đàm phán với chính quyền Sài Gòn.

Trên thực tế, những người cộng sản không còn muốn đàm phán bất cứ điều gì nữa. Họ chơi trò mèo vờn chuột với Minh trong lúc chờ quân lính sẵn sàng tiến vào thành phố. Chúng đang tổ chức cuộc diễu hành cuối cùng.

Tướng Minh, người nhìn thấy mọi

thứ xung quanh mình đang sụp đổ, muốn ít nhất cũng giữ được thể diện. Ông sẵn sàng nhượng lại quyền lực cho GRP, nhưng ít nhất điều này phải được thực hiện trong các điều kiện bình thường, sau một số cuộc đàm phán. Ông đã thông báo cho đại diện của Mặt trận và Hà Nội, nhưng họ thậm chí không thèm trả lời. Họ biết rõ tình hình hỗn loạn đang diễn ra ở Dinh Độc Lập. Và vì lý do chính đáng.

Trong số những cố vấn thân cận nhất của tổng thống có tướng Nguyễn Hữu Có và tướng Nguyễn Văn Hạnh.

Nguyễn Hữu Có, một vị tướng ba sao, là cánh tay phải của Minh trong cuộc đảo chính lật đổ Diệm năm 1963. Vài tháng sau cuộc đảo chính, sự ô nhục của Minh, sau khi bị Khánh lật đổ, cũng dẫn đến sự ô nhục của chính ông. Giống

như Trần Văn Đôn và Tôn Thất Đính, Minh và Có, được đào tạo tại các trường quân sự Pháp ở Đông Dương, được coi là «những người Pháp», những người có tiềm năng trung lập và không phù hợp với Hoa Kỳ vào thời điểm đó. Tướng Có phải lưu vong ở Hồng Kông. Và ở đó, ông đã được các sứ giả từ Bắc Việt Nam liên lạc và đưa ra triển vọng trả thù. Anh ta để mặc mình bị quyến rũ.

Ngay khi Minh được triệu tập vào chức tổng thống - lần này với sự chấp thuận của đại sứ quán Hoa Kỳ - một trong những người đầu tiên mà ông triệu tập để hỗ trợ mình tất nhiên là Tướng Có, người mà ông bổ nhiệm làm Tổng tham mưu trưởng. Ông ta có biết rằng người sau đã đồng ý làm việc với những người cộng sản không ? Tôi không biết. Theo thông tin tôi biết, từ một nguồn đáng

tin cậy, thì vào những ngày cuối tháng 4 năm 1975, Tướng Có đã liên lạc trực tiếp và thường xuyên với bộ tổng tham mưu đối phương. Và điều này được thực hiện thông qua một đài phát thanh hoạt động tại nhà riêng của ông, ở góc đường Phan Thanh Giản và Lê Văn Duyệt... Đây là cách những người lãnh đạo «chiến dịch Hồ Chí Minh²⁰» được thông báo từng giờ diễn ra những gì đang xảy ra tại văn phòng của Tướng Dương Văn Minh...

20 Chỉ khi chắc chắn về sự thành công không ngờ đến nhanh như vậy, Bắc Việt Nam mới quyết định đặt tên cuộc tấn công theo tên Hồ Chí Minh. Trên thực địa, lãnh đạo chính trị là Phạm Hùng, ủy viên Bộ Chính trị Đảng, và lãnh đạo quân sự là Tướng Văn Tiến Dũng. Việc điều phối hoạt động được giao tại Hà Nội cho Lê Đức Thọ, Ủy viên Bộ Chính trị Đảng. Chính ông là người đã đàm phán và ký Hiệp định Paris với Kissinger và chia sẻ giải Nobel Hòa bình với ông vì thành tựu này. Về phần các nhà lãnh đạo của FNL là Nguyễn Hữu Thọ và Huỳnh Tấn Phát, họ hoàn toàn không được tham gia vào quá trình ra quyết định.

Đối với tướng Nguyễn Hữu Hạnh, tư lệnh Quân khu 4, vùng đồng bằng sông Cửu Long, sự sụp đổ của chế độ Thiệu đã giúp ông được thăng chức cực nhanh. Minh, người biết ông vì đã từng chỉ huy ông, và trong mọi trường hợp không còn nhiều lựa chọn nữa, vì hầu hết các tướng lĩnh cấp cao đã biến mất, đã đưa ông lên làm chỉ huy của «Đặc khu Sài Gòn». Điều mà tổng thống không biết, và sau này tôi mới biết, là Hạnh²¹ là một đảng viên bí mật của đảng cộng sản, đã chui vào Quân đội miền Nam từ lâu và

21 Tướng Nguyễn Hữu Hạnh và tướng Nguyễn Hữu Cồ không thu được lợi ích như mong đợi từ hành động hai mặt của mình. Chế độ mới đã biến họ thành những con rối thực sự. Hạnh là «vị tướng» của quân đội bù nhìn cũ, người chưa bao giờ được tiết lộ là thành viên của đảng. Không phạm tội gì, ông đã có thể trở thành thành viên của Mặt trận Yêu nước Quốc gia, một tổ chức ma được cho là tập hợp những người không theo chủ nghĩa cộng sản. Ông là bằng chứng sống của chính sách «hòa giải dân tộc» được thực hiện đối với các cựu lãnh đạo quân đội... Còn Nguyễn Hữu Cồ, ông là «vị tướng» đôi khi bị đưa đi cải tạo mô hình để nói chuyện với các nhà báo nước ngoài...

được giao nhiệm vụ xây dựng sự nghiệp ở đó để đảm nhiệm vai trò của mình khi đến lúc.

Những nhân vật khác xung quanh Dương Văn Minh lúc đó cũng có quan hệ ít nhiều thân thiết với “phe kia”. Như vậy, Tiến sĩ Trần Văn Du, người bị kết án và bỏ tù nhiều lần dưới chế độ Thiệu, một trong những người anh em của ông, là một viên chức cấp cao ở Bắc Việt Nam. Vì vậy, Nguyễn Văn Diệp, giám đốc Ngân hàng Việt Nam, Bộ trưởng Tài chính trong thời gian ngắn, thực chất là thành viên bí mật của Mặt trận Giải phóng miền Nam...

Về mặt chính trị và ngoại giao, Dương Văn Minh tin rằng ông có thể trông cậy vào hai tài sản quan trọng : các nhà lãnh đạo Phật giáo và đại sứ quán Pháp.

Ông gọi Thích Trí Quang²², vị hòa thượng của chùa Ấn Quang, là người rất chắc chắn về ảnh hưởng của ông cho đến lúc đó. Một nhân chứng đã kể lại với tôi về sự suy tư vỡ mộng của Minh, khi nói chuyện với nhà sư : «Cho đến bây giờ, tôi luôn tin tưởng vào ông, nhưng tôi thấy rằng ông không đạt được kết quả nào». Người đáng kính, rất tin tưởng vào việc được Mặt trận lắng nghe, người đã từng mỉm cười với ông khi ông tố cáo chế độ độc tài của Thiệu, không còn hiểu gì nữa. Mặt trận không còn phản hồi nữa, không còn hứng thú với ông ta nữa...

Cuộc đối thoại giữa tướng Minh với

22 Thượng tọa Thích Trí Quang bị quản thúc tại gia từ tháng 6 năm 1975. Ngày 6 tháng 4 năm 1977, chính quyền mới bắt giữ các vị lãnh đạo khác của Giáo hội Phật giáo Thống nhất tại chùa Ấn Quang. Một vị Tăng sĩ Thích Minh Châu, lúc đó được một chương trình truyền hình Pháp giới thiệu là một nhà sư đáng kính khẳng định rằng quyền tự do tín ngưỡng được tôn trọng, đã bị Hội đồng Điều hành Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam xóa tên vào đầu năm...

đại sứ Pháp, ông Mérillon, cũng không mấy khả quan hơn. «Bạn ở đâu?» «Tổng thống hỏi. «Họ đã hứa với chúng tôi, nhưng bây giờ họ có vẻ không muốn tiến xa hơn nữa», đại sứ trả lời.

Dương Văn Minh, một người thận trọng và thậm chí là cẩn trọng, sẽ không bắt tay vào nỗ lực phút chót này để cứu vãn một miền Nam Việt Nam độc lập nếu ông không nhận được những lời đảm bảo quan trọng. Ở mặt trận trong nước, có những người theo đạo Phật. Ở cấp độ quốc tế, với việc Hoa Kỳ chuyển giao quyền lực, Pháp vẫn duy trì mối quan hệ tốt đẹp với cả Bắc Việt Nam và GRP. Bây giờ, sau Thượng tọa Thích Trí Quang, Đại sứ Mérillon²³ dường như

23 Một tháng sau khi quân cộng sản tiến vào Sài Gòn, đại sứ Pháp, ông Mérillon, đã rời khỏi VN. Vài tháng sau, các công ty lớn cuối cùng của Pháp (Indochine Breweries and Icehouses, các đồn điền, v.v.) đã được quốc hữu hóa. Tuy nhiên, trong nhiều năm, các đồn điền vẫn nghiêm túc nộp

cũng không còn tìm được người đối thoại ở “phía bên kia” nữa.

Lần này thì Minh đã hiểu. Không giữ được thể diện, tất cả những gì còn lại là tránh cho thủ đô khỏi nỗi kinh hoàng của một cuộc ném bom và giao tranh đường phố.

Vào thứ Ba, ngày 29 tháng 4, khi những chiếc trực thăng cuối cùng của Mỹ cất cánh từ các mái nhà ở trung tâm thủ đô dưới ánh đèn sân khấu, và tên lửa của cộng sản rơi xuống sân bay Tân Sơn Nhất, khiến bầu trời sáng rực, chính quyền cuối cùng của Nam Việt Nam đã đầu hàng.

thuế cho FNL. để đảm bảo sự sống còn và tương lai của họ... Chẳng phải Lenin đã nói rằng chủ nghĩa tư bản tham lam lợi nhuận đến mức sẵn sàng bán sợi dây thừng để siết cổ nó sao ?

Vào lúc 8 giờ tối, trên đài phát thanh và truyền hình, Bộ trưởng Thông tin Chung đã đọc tuyên bố ra lệnh cho quân đội nước Cộng hòa ngừng chiến đấu. Giờ đã điểm. Theo một nhà báo người Pháp [Paul Dreyfus, *Và Sài Gòn sụp đổ* (Arthaud, 1975).], các đơn vị cộng sản tập trung khắp Sài Gòn : 23 sư đoàn ! đã chuẩn bị kế hoạch bắn của họ. Khu vực rộng lớn của Sài Gòn đã bị chia thành ba mươi ô vuông và sẽ bị tấn công một cách có hệ thống từ nửa đêm ngày 30 tháng 4 cho đến khi đầu hàng vô điều kiện.

Những chiếc xe quá tải vẫn tiếp tục rời khỏi thành phố, hướng về phía nam, con đường tự do cuối cùng, có lẽ còn kéo dài thêm vài giờ nữa, chở theo những kẻ chạy trốn vào phút cuối. Hàng triệu người dân Sài Gòn cố gắng chìm vào

giấc ngủ nhưng vô ích, các giác quan của họ quá kích thích, chú ý đến mọi tiếng động gần hay xa. Tiếng bước chân, tiếng súng, tiếng nổ. Chúng ta luôn tin rằng vỏ đạn hoặc tên lửa là dành cho ngôi nhà bên cạnh. Chúng tôi không ngủ. Và bây giờ chúng ta biết rằng ngày mai, «họ» sẽ ở đó.

“Họ” sẽ như thế nào ? Họ sẽ làm gì ? Sài Gòn giằng xé giữa sự tò mò và nỗi sợ hãi. Nhiều người vẫn còn nhớ cơn ác mộng của cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân năm 1968. Lần này thì ít nhất là đã kết thúc. Người Mỹ bỏ đi, Thiệu và đồng bọn bỏ đi, Minh ra lệnh ngừng bắn. Trò chơi đã kết thúc. Trong thâm tâm, mọi người đều đang chuẩn bị thay đổi cuộc sống của mình. Trẻ em không biết rằng số phận của chúng đang thay đổi.

Ngày 30 tháng 4, lúc 8 giờ sáng, đích thân Dương Văn Minh đã đọc bản tuyên bố trên đài phát thanh. Điện thoại hẳn đã hoạt động suốt đêm, và thậm chí còn hơn thế nữa là vô tuyến giữa sở chỉ huy cộng sản đóng cách đó năm mươi cây số và nhà của tướng Nguyễn Hữu Cồ : «Minh phải đi xa hơn nữa».

Minh, người muốn trao lại quyền lực một cách đúng đắn, tuyên bố sẵn sàng từ chức và ra lệnh cho tất cả các viên chức chuẩn bị bàn giao cho chính quyền mới.

Những người cộng sản không hài lòng với những thủ đoạn cuối cùng và đáng thương này. Họ muốn chế độ cũ phải đầu hàng vô điều kiện, phải chịu sự sỉ nhục hoàn toàn.

Vào thời điểm đó, các tướng Nguyễn Hữu Hạnh và Nguyễn Hữu Cồ không

cho Minh đi, đem người vào trong, tháo mặt nạ ra.

Minh đột nhiên nhận ra rằng mình đang bị giam cầm, với một khẩu súng lục chĩa vào sau đầu, bởi chính hai người đàn ông mà ông đã chỉ định làm người chỉ huy phần còn lại của quân đội Nam Việt Nam. Và dưới sự đe dọa của cái chết, ông đã phải từ chức để tuyên bố trước micro, bằng giọng nói run rẩy khác thường mà chỉ những người nghe chăm chú mới nhận ra, câu nói mà những người chiến thắng sẽ phải hài lòng :

– Tôi, tướng Dương Văn Minh, đầu hàng vô điều kiện.

Chúng ta đã không thể khiến ông ta nói : «Tôi, Tổng thống Dương Văn Minh. «Một vị tổng tư lệnh có thể đầu hàng, mà không mất danh dự, để bảo toàn hàng

ngàn sinh mạng khi tình hình trở nên tuyệt vọng. Một nguyên thủ quốc gia không thể chấp nhận việc chuyển giao tính hợp pháp của quyền lực đang bị đe dọa, ngay cả khi nó bị mất giá trị như quyền lực của Nguyễn Văn Thiệu.

Ngay sau đó, người đứng đầu chính phủ Vũ Văn Mẫu sẽ đọc tuyên bố thoái vị chính quyền dân sự.

Minh, người đã mất đi ảo tưởng cuối cùng, đã xin phép rời khỏi đất nước bằng máy bay cùng bốn mươi người trong đoàn tùy tùng của mình, những người đã vội vã tập hợp vợ con họ tại dinh tổng thống. Nhưng anh không nhận được phản hồi nào. Từ khi ông «đầu hàng», tất nhiên là tin này đã được phát sóng ngay trên đài phát thanh và cơ quan báo

chí của Mặt trận và Bắc Việt Nam, ông chẳng làm được gì cả.

Hơn 11 giờ sáng một chút, đoàn xe bọc thép đầu tiên của cộng sản – mười lăm xe tăng hạng nặng T-54 do Liên Xô sản xuất, tất nhiên mang theo cờ của Mặt trận Giải phóng miền Nam Việt Nam (hai dải ngang màu xanh và đỏ có ngôi sao vàng) – tiến vào thủ đô qua phố Thông Nhất, con đường dẫn đến dinh tổng thống.

Vào khoảng trưa, xe tăng đã phá vỡ cổng dinh và lính canh đã bỏ chạy. Bọn bộ đội xông vào tòa nhà và còng tay những người bên trong, kể cả Dương Văn Minh. Phải mất ba giờ sau, các nhà lãnh đạo chính trị mới đến và thả những tù nhân «có địa vị cao».

Nỗ lực cuối cùng và gần như cảm

động của Dương Văn Minh để giữ thể diện là ra lệnh cho Khách sạn Caravelle, dinh thự bên cạnh, để dâng yến tiệc mười ba món cho dinh Độc Lập, để tiếp đón trọng thể các vị lãnh đạo mới : Phạm Hùng, Văn Tiến Dũng, đã nói ở trên, tướng Trần Văn Trà, người sẽ trở thành chủ tịch quân quản của Sài Gòn, v.v...

Sự sỉ nhục cuối cùng đến từ những ông chủ mới, những người lần lượt đến, được hộ tống nghiêm ngặt, trong một thành phố im lặng, khép kín, họ từ chối chia sẻ bữa ăn này. «Chúng tôi đã quen với những món ăn đơn giản hơn», họ trả lời sứ giả của Minh khi họ mời những người mới đến ngồi vào bàn...

Minh và nhóm của ông cố tình tránh xa. Chúng tôi không tranh luận với họ. Minh sẽ được hộ tống trở về biệt thự của

mình, nơi ông sẽ tìm thấy những bông hoa lan yêu quý của mình. Có thể ông ấy vẫn còn ở đó. Không ai thềm hỏi ý kiến của ông về tương lai của Nam Việt Nam. Còn về đoàn tùy tùng của ông...

Nhân vật duy nhất trong nhóm của Minh có vẻ thu hút được sự quan tâm của những người chiến thắng sẽ là Giáo sư Nguyễn Văn Hảo, Bộ trưởng Bộ Kinh tế - Tài chính. Hảo háo hức, nhất quyết yêu cầu báo cáo về tình hình đất nước : dự trữ ngoại hối, vàng, xăng dầu, gạo. Hảo tuyên bố đã ngăn chặn Thiệu lấy cấp số vàng dự trữ của Ngân hàng Quốc gia.

Với lòng nhiệt thành của mình, Giáo sư Hảo hoàn toàn tin tưởng rằng mình sẽ được chế độ mới thuê lại. Trên thực tế, sau đó người ta thấy anh ta lái chiếc DS cũ chở đầy vệ sĩ. Ông trở thành cố vấn tài chính cho các nhà lãnh đạo cộng

sản, những người đang rất cần những chuyên gia trong lĩnh vực này mà không có chức danh chính thức.

Những chi tiết được báo cáo ở trên²⁴ về những giờ cuối cùng tại Dinh Độc Lập, hành động của Minh và đoàn tùy tùng, cùng hoàn cảnh họ bị lực lượng cộng sản bắt giữ không nhất thiết tương ứng với những lời kể «có thật» của các nhà báo phương Tây, những người không phải lúc nào cũng có mặt tại hiện trường, nhưng đã cố gắng hết sức để kể lại «như thể bạn đang ở đó». Những câu chuyện của họ cũng xa rời thực tế như phiên bản chính thức được Hà Nội công bố sau đó một thời gian.

Trong những ngày đầu sau khi chế

24 Những sự việc này được báo cáo với tôi «ngay khi báo chí đưa tin» bởi những nhân chứng trực tiếp : Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Chung, Giáo sư Nguyễn Văn Hảo và Bà Trần Ngọc Liếng.

độ cũ sụp đổ, phát thanh và truyền hình đã mô tả Dương Văn Minh bằng những lời lẽ khắc nghiệt như đối với «kẻ phản bội bù nhìn» Nguyễn Văn Thiệu. Ông đang bị hạ thấp đến mức có thể, nhấn mạnh rằng ông đã bị buộc phải đầu hàng hoàn toàn và đáng xấu hổ.

Sau đó, giọng điệu thay đổi rất nhanh. Những người cộng sản nhận ra rằng dân chúng không mấy nhiệt tình với chế độ mới. Con người vừa tò mò vừa thờ ơ, vừa cởi mở vừa thụ động, vừa dễ tiếp thu vừa trì trệ. Trước hết, họ không tin tưởng. Vì vậy, chúng ta phải trấn an họ, quyến rũ họ và thuyết phục họ nếu có thể.

Vì vậy, họ đang bắt đầu trình bày một phiên bản mới về chuyển giao quyền lực.

Có vẻ như những đại diện đầu tiên

của Mặt trận và GRP đã được tổng thống Minh tươi cười và thoải mái đón tiếp tại Dinh Độc Lập, người được cho là đã tuyên bố :

– Tôi già rồi. Tôi chỉ chấp nhận vị trí này một cách tạm thời. Tôi rất vui khi một lần nữa được trở thành công dân bình thường ở một đất nước độc lập. Tôi sẵn sàng tuân thủ luật pháp của chế độ mới. Mặc dù là một vị tướng cấp cao, tôi luôn cảm thấy xấu hổ về chức vụ đó.

Họ đã bắt đầu viết lại lịch sử.

10

SỰ RA ĐỜI CỦA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Từ giữa trưa ngày 30 tháng 4 năm 1975, đường phố Sài Gòn tràn ngập những đoàn người mặc quân phục màu xanh, diễu hành thành hàng dài, súng PAK 47 đeo bên hông. Những người thuộc Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam đội mũ rộng vành. Những người trong quân đội Bắc Việt Nam đội loại mũ bân kiểu «thuộc địa». Và mọi người đều có thể nhanh

chóng nhận thấy rằng có nhiều nón cối hơn nón thường...

Ngay cả khi, đối với các nhiếp ảnh gia, những chiếc xe tăng đầu tiên tiến vào Sài Gòn có treo cờ Mặt trận Giải phóng, ngay cả khi đó là lá cờ²⁵ của Mặt trận được kéo lên trên dinh tổng thống, những nhân chứng người Việt Nam vẫn nhanh chóng nhận ra giọng miền Bắc, đặc biệt là ở một số sĩ quan. Những cán bộ đầu tiên vào Dinh Độc Lập bảo vệ Dương Văn Minh là hai chính ủy miền Bắc, đồng chí Phạm Xuân Thế, Trung

25 Theo giai thoại, chính một thường dân, một kiến trúc sư người Sài Gòn ngoài ba mươi tuổi, Nguyễn Hữu Thái, một cựu lãnh đạo sinh viên thời Diệm, là người đã kéo lá cờ này lên Dinh Độc Lập. Ngay sáng hôm đó, ông đã đến cầu Phan Thanh Giản để chờ quân chiến thắng đến, leo lên chiếc xe tăng đầu tiên của Lữ đoàn 203 Quân Giải phóng miền Nam dẫn đường và lái xe đến dinh. Sau đó, anh ta chạy nhanh lên mái nhà với một lá cờ. Nhưng sau đó, những người cộng sản đã tạo ra một bức ảnh chính thức về cử chỉ lịch sử này, lần này với dòng chữ «bộ đội» khiến Thái vô cùng tức giận...

đoàn 66, và Bùi Văn Tùng, Lữ đoàn Thiết giáp 203.

Trong số những đơn vị lớn đầu tiên tiến vào Thủ đô của miền Nam Việt Nam thậm chí còn có một sư đoàn tinh nhuệ chịu trách nhiệm bảo vệ Hà Nội trong quá khứ. Nói cách khác, toàn bộ quân đội Bắc Việt đã tràn vào miền Nam.

Chính quyền của tướng Minh đã ra lệnh hạ vũ khí, việc chiếm đóng thành phố diễn ra hầu như không có sự kháng cự nào. Các đơn vị lính dù tiếp tục chiến đấu thêm vài giờ nữa tại sân bay Tân Sơn Nhất. Thỉnh thoảng, lính bắn tỉa nổ súng vào những bộ đội đầu tiên tiến lên.

Phần lớn người dân Sài Gòn đều ở nhà, quan sát mọi việc diễn ra trên phố qua cửa sổ. Họ nhìn thấy những người lính miền Nam cuối cùng bỏ lại vũ khí,

rồi đến quân phục. Họ nhìn thấy những kẻ cướp bóc đi qua, mang theo những gì chúng lấy được từ các tòa nhà bỏ hoang của Mỹ, biệt thự của những người nổi tiếng đang chạy trốn và các nhà kho công cộng.

Sau đó, những người đàn ông mặc đồ xanh xuất hiện. Họ bước đi một cách máy móc, rõ ràng là kiệt sức vì phải đi bộ trên những chặng đường dài trong vài tuần qua.

Sự sụp đổ của Sài Gòn đã được nhiều nhà báo nước ngoài có mặt tại đó mô tả hàng trăm lần. Trong khi hầu hết các phóng viên người Mỹ cho rằng rời đi là sáng suốt hơn, vẫn còn khoảng năm mươi phóng viên người Pháp, ba mươi người Nhật, mười lăm người Anh và

một số ít người Đức, Ý, v.v... Tổng cộng, không dưới một trăm hai mươi lăm nhà báo, những người không còn có thể liên lạc với tòa soạn của họ, sẽ ở lại «Thành phố Hồ Chí Minh» trong hơn ba tuần, vì chính quyền mới không thể tổ chức sơ tán họ.

Sự hiện diện của những nhân chứng này chắc chắn không hoàn toàn không liên quan đến sự «nhẹ nhàng» tương đối trong việc tiếp quản Sài Gòn của chính quyền mới. Ở các tỉnh, quá trình chuyển đổi diễn ra tàn khốc hơn nhiều.

Hơn nữa, trong những tuần đầu tiên, phe cộng sản rõ ràng đã bị choáng ngợp bởi một chiến thắng mà họ không ngờ đến sớm như vậy. Họ không có đủ bộ máy hành chính để đảm bảo thay thế chế độ cũ chỉ sau một đêm.

Điều này dẫn đến một giai đoạn kỳ lạ trong đó những người lính cộng sản và người dân nhìn nhau với vẻ ngạc nhiên.

Người Sài Gòn rất ngạc nhiên. Trong nhiều năm, hai phe tuyên truyền đối lập đã tạo ra một huyền thoại xung quanh các chiến binh của «phe bên kia». Đối với một số người, họ được coi là anh hùng. Với những người khác, họ là quái vật. Trong cả hai trường hợp, họ đều được coi là những chiến binh đáng gờm. Bây giờ, họ xuất hiện như những người rất trẻ, có chút ngượng ngùng và ngạc nhiên.

Bởi vì cả bộ đội cũng đều sửng sốt. Hầu hết bọn họ đều bị nhồi sọ từ nhỏ và chỉ được nuôi dưỡng bằng tuyên truyền, họ mong đợi một cuộc chiến thắng vẻ vang, trước sự reo hò của dân chúng khốn khổ. Bây giờ, họ đang cảm

trại trên những con phố gần như vắng tanh, bị người dân thị trấn dè dặt theo dõi, chắc chắn là tò mò, nhưng cũng có chút khinh thường.

Các nhà báo phương Tây đã mô tả sự hoang mang của những người đàn ông này, một số người đã sống nhiều năm như những con sói trong rừng, và không ai trong số họ từng biết điều gì tốt hơn cuộc sống khắc khổ của Bắc Việt Nam, khi phải đối mặt với hàng động của Aladdin là Sài Gòn. Ở Hà Nội, đồng hồ hay radio là đồ vật có giá trị, xe đạp là đồ xa xỉ, tủ lạnh, tivi là giấc mơ không thể đạt được. Chưa kể đến xe máy và ô-tô. Và những người đàn ông này đột nhiên phát hiện ra, trong cửa sổ cửa hàng, trong chợ, những đồng bóng bán dẫn, dàn âm thanh, máy ảnh, tủ lạnh, tivi. Họ không thể tin vào mắt mình và mua bất

cứ thứ gì với giá cao hơn nhiều từ những thương gia thích thú trước sự ngây thơ của họ, hoặc thậm chí từ những đứa trẻ nhanh chóng lợi dụng sự thật thà của họ.

Một người bạn đã kể với tôi về cảnh tượng anh ấy chứng kiến cùng cha mình lúc đó, và anh ấy không biết nên cười hay nên khóc. Cha ông đã tham gia chiến đấu ở miền Bắc Việt Nam hai mươi năm trước, khi người Pháp rời đi, và kể từ đó đã sống cuộc đời của một nhà hoạt động, hoàn toàn cống hiến cho sự nghiệp. Một ngày nào đó, Việt Nam sẽ thống nhất, và cuối cùng ông cũng được đoàn tụ với gia đình, với con trai mình... Trong những ngày đầu sau khi chế độ Nam Việt Nam sụp đổ, ông được cử vào Sài Gòn với tư cách là phó quận trưởng quận 1, và ngay lập tức lên đường tìm con trai mình và

phát hiện ra địa chỉ của cậu bé. Lần đầu tiên ông ấy đến thăm là vì anh ấy. Ông ta mang theo một chiếc đồng hồ và một máy bán dẫn ông đã mua từ Liên Xô trong thời gian học tập tại Moscow và hứa sẽ tặng cho đứa trẻ này.

Chàng thanh niên này tuy không giàu có nhưng vẫn có thể theo học ngành công nghệ. Anh có một cuộc sống khá giả với công việc trong một nhà máy sản xuất pin. Anh ấy đã kết hôn và mua một căn nhà nhỏ. Người cha đã đi vòng quanh nhà nhiều lần, không thể tin rằng con trai mình vẫn còn ở đó. Cuối cùng ông bấm chuông và gặp một người phụ nữ đảm bảo rằng ông thực sự đang ở nhà X. Những chi tiết ông hỏi đã xua tan mọi nghi ngờ cuối cùng của ông. Con trai ông đang trên đường về nhà. Ông đợi, từ chối mọi thứ được mời. Qua cửa sổ, ông

nhìn thấy một thanh niên đang đến trên chiếc «Dalat», phiên bản Việt Nam của xe Citroën 2CV. Khi được thông báo về chuyến viếng thăm bất thường này, bạn tôi vội vã chạy đến chỗ cha mình, nhưng ông đã đẩy anh ra. Anh ấy ném những món quà của mình, bóng bán dẫn và đồng hồ :

– Ta đã giữ lại những thứ này cho con, mà không dùng cho riêng mình, vì ta nghĩ rằng con vẫn xứng đáng là con trai ta. Nhưng ta thấy anh đã trở thành kẻ phản bội đất nước, một điệp viên CIA.

Người con trai sừng sốt lắp bắp :

– Nhưng bằng cách nào ? Tôi chưa bao giờ làm việc cho CIA hay chế độ bù nhìn...

– Cái gì ! Người cha nổi nóng. Anh

có nhà, có xe. Tôi thấy có một chiếc TV ở đó, vợ anh thậm chí còn mời tôi một ít rượu whisky. Làm sao anh có thể sống xa hoa như thế nếu anh sống lương thiện ?

Người bạn của tôi phải mất nhiều ngày mới thuyết phục được cha mình rằng một kỹ thuật viên khiêm tốn ở Sài Gòn có thể mua được những món đồ tuyệt vời này bằng thu nhập từ công việc của mình. Đối với người đàn ông này, người đã sống trong hai mươi năm với niềm tin tuyệt đối vào những gì tờ báo đảng nói, cuộc gặp gỡ với con trai ông và với Sài Gòn – mà ông dần khám phá ra trong những ngày sau đó – là một cú sốc không thể cứu vãn. Tại nhà con trai, ông tìm thấy những tờ báo và sách của chế độ cũ và đọc chúng một cách say mê. Tôi đã từng nghe ông ấy nói :

– Tôi đã bị lừa dối trong nhiều năm.

Ông ấy là một người đàn ông tan vỡ.
Cuộc sống của anh đã bị đánh cắp.

Ngay khi quân Mặt trận tiến vào Sài Gòn, tôi đã lên đường tìm kiếm những đồng chí sinh viên cũ đã vào chiến trường. Vài giờ sau, tôi gặp ba người trong sổ họ, mặc đồng phục màu xanh lá cây. Tôi không thể nói tên họ, chúng ta hãy cùng xem tại sao.

Người đầu tiên nhận ra tôi với vẻ ngạc nhiên. Anh ấy rời xa đồng đội của mình trước khi hỏi tôi :

– Bằng cách nào ? Bạn không rời đi sao ?

Lúc đầu tôi không hiểu ý nghĩa của câu hỏi. Nhưng anh ấy biết rằng tôi không ủng hộ chế độ cũ. Có lẽ anh ấy

muốn thăm dò tôi ? Nhưng sau vài phút trò chuyện, tôi nhận ra ý của anh ấy là : «Nếu tôi ở vị trí của anh, anh không cam kết như tôi, tôi sẽ bỏ đi.»

Đến lượt tôi ngạc nhiên. Ahh không muốn giải thích thêm nữa. Tôi nghĩ anh ấy thất vọng khi chỉ giữ một cấp bậc thấp (tương đương trung sĩ) ở Mặt trận. Nhưng vấn đề còn nghiêm trọng hơn thế nhiều.

Hai người bạn đại học cũ khác mà tôi gặp sau đó cũng có phản ứng giống hệt :

– Cậu nên rời đi...

Một trong số họ, sau khi chắc chắn rằng không ai có thể nghe thấy, thậm chí còn nói khá rõ ràng :

– Tin tôi đi, mọi chuyện sẽ còn tệ

hơn trước nữa. Họ là những người theo chủ nghĩa giáo điều hẹp hòi. Bạn thậm chí không thể tranh luận với họ. Họ cực kỳ kiêu ngạo và thiếu hiểu biết...

Ba người trẻ này, kể từ ngày chiến thắng, ngày chiến thắng của họ, đã ở tại thời điểm mà tôi sẽ đến vài tháng sau đó, sau khi đã nếm mùi tù đày. Có thể nói là họ có lợi thế hơn tôi vì đã cảm nhận được bầu không khí của chế độ mới. Nhưng họ không có lựa chọn nào khác. Khi bạn không có đức tin, tốt hơn là đứng về phía búa hơn là đứng về phía đe.

Trong những ngày tiếp theo, tôi nhận thấy sự cay đắng này ở nhiều thành viên của Mặt trận đã trở về từ khu, với nhiều mức độ khác nhau. Một số người vẫn tin rằng Mặt trận Giải phóng miền Nam Việt Nam sẽ thành công trong việc bảo vệ một miền Nam Việt Nam độc lập.

Nhưng những người khác đã mất hết ảo tưởng. Một người trong số họ nói với tôi:

– Mặt trận hiện không còn có tác dụng gì với họ nữa. «Họ» sẽ cai trị miền Nam bằng những phương pháp tương tự như ở miền Bắc. «Họ» không tin tưởng chúng ta...

«Họ» : những người cộng sản miền Bắc.

Những lời nhận xét thất vọng này làm tôi rất lo lắng. Nhưng tôi không thể tự mình rời khỏi đất nước, mặc dù điều đó vẫn còn khá dễ dàng vào thời điểm đó. Một ý tưởng khác đang lớn vồn trong đầu tôi : đưa gia đình tôi về quê, ở đồng bằng, bình thản cày cấy một ít đất, câu cá ở rạch, dành thời gian để nhìn rõ hơn...

Có lẽ là bản năng nông dân xưa kia đã cảnh báo tôi về rắc rối sắp xảy ra.

Trong suốt một tuần, người dân Sài Gòn sống trong trạng thái hồi hộp, sống chậm lại, trong khi chính quyền mới được thành lập, chậm rãi, rất chậm. Thành phố hiện được quản lý bởi «Ủy ban Quản lý Quân sự Sài Gòn – Gia Định» do Tướng Trần Văn Trà²⁶ làm chủ tịch. Những biểu ngữ màu đỏ mang khẩu hiệu mới xuất hiện trên các tòa nhà công cộng :

“Không có gì quý hơn độc lập và tự do !”

“Chủ tịch Hồ vĩ đại vẫn sống mãi trong lòng chúng ta !”

26 Các nhà báo phương Tây cho rằng Trần Văn Trà chỉ là một lãnh đạo quân sự của Mặt trận. Trên thực tế, mặc dù không được công khai vào thời điểm đó, ông cũng là một ủy viên của Ủy ban Trung ương Đảng cộng sản Bắc Việt Nam.

“Quân dân và quân đội muôn năm, đoàn kết xây dựng chủ nghĩa xã hội !”

Không nơi nào xuất hiện từ «chủ nghĩa cộng sản». Đây chỉ là vấn đề dân chủ, hòa giải và hòa hợp dân tộc.

Vào thứ Hai, ngày 5 tháng 5, nhân viên ngân hàng được mời đến văn phòng làm việc. Tại trụ sở Ngân hàng Nam Đô, tôi thấy một số giám đốc điều hành miền Bắc có vẻ không biết phải làm gì. Họ lập danh sách nhân sự và kiểm kê thiết bị, thay vì kiểm tra hồ sơ... Các tài khoản vẫn bị chặn, các kết sắt vẫn bị niêm phong.

Trong một cuộc họp, chúng ta được thông báo rằng những người ở vị trí cao nhất trong hệ thống phân cấp giờ sẽ ở vị trí thấp nhất, và ngược lại... Lúc đầu, các nhân viên cấp dưới rất vui mừng. Họ sẽ

bớt buồn hơn vào cuối tháng khi nhận ra rằng tất cả tiền lương, không có ngoại lệ, đều bị giảm mạnh. Mức lương cao nhất giảm chín phần mười, mức lương thấp nhất «chỉ» giảm một phần ba. Bây giờ mọi người kiếm được từ 10.000 đến 23.000 đồng mỗi tháng, thay vì 15.000 đến 200.000 như trước đây. Trong khi đó, chi phí sinh hoạt đang tăng với tốc độ chóng mặt. Từ tháng 6, một kg gạo, trước đó có giá 80 đồng, đã tăng lên 500 đồng, và một lít xăng đã tăng từ 200 lên 1.600 đồng.

Các giám đốc mới của ngân hàng vội vã phân phối xe hơi và biệt thự, bao gồm cả biệt thự của cựu giám đốc, một bất động sản tuyệt đẹp được bao quanh bởi khu vườn rộng 10.000 mét vuông ở trung tâm Sài Gòn, đối diện với dinh tổng giám mục. Nhưng chẳng bao lâu

sau, các quan chức cấp cao hơn đến từ Hà Nội và trực xuất cấp dưới của họ, những người này lại chiếm giữ nơi ở mà cấp dưới của họ yêu cầu...

Các giám đốc điều hành cấp cao mới được bổ nhiệm dường như không có năng lực hơn trong các vấn đề ngân hàng so với những người tiền nhiệm. Và họ nhanh chóng quên đi những lời hứa lật đổ hệ thống cấp bậc được đưa ra vội vã trong những ngày đầu. Đối mặt với sự phức tạp của một hệ thống mà họ không biết gì về ABC, họ đang đưa ra lời đề nghị với các cựu quan chức, như tôi, về việc khôi phục mức lương đặc biệt để đưa cỗ máy hoạt động trở lại...

Kiểm soát đời sống văn hóa sẽ là một trong những mối quan tâm hàng

đầu của chế độ mới.

Chỉ sau một đêm, mười tờ báo hàng ngày xuất hiện ở thủ đô phía Nam đã biến mất. Người Sài Gòn giờ đây phải dùng báo Giải Phóng, một bản sao chính xác của báo Nhân Dân Hà Nội. Một thời gian ngắn sau, tờ báo thứ hai, Tin Sáng, xuất hiện dưới sự bảo trợ của «Mặt trận Tổ quốc», một tổ chức được cho là tập hợp tất cả các luồng ý kiến của người Việt Nam.

Tất cả các hiệu sách đều đóng cửa và hàng hóa bị tịch thu. Tất cả các cuốn sách được xuất bản dưới chế độ cũ đều bị coi là suy đồi, cũng như tất cả các cuốn sách nước ngoài hoặc bản dịch của tác giả nước ngoài. Biện pháp này áp dụng cho Sartre cũng như Solzhenitsyn, cho Jean Lacouture cũng như Jean Lartéguy... Những nhà văn xuất sắc nhất của miền

Nam, một số người trong số họ, với cái giá phải trả là hàng ngàn mảnh khốe, đã xoay xở để xuất bản các tác phẩm chỉ trích chế độ tướng lĩnh, đều bị đưa vào danh sách đen.

Họ sẽ sớm tiến xa hơn. Đội thanh niên yêu nước do cán bộ miền Bắc chỉ huy tổ chức đột kích vào nhà dân. Các thư viện tư nhân bị tịch thu, đôi khi bị đốt cháy trên đường phố. Trong đồng sách quý giá, cổ xưa, không thể tìm thấy. Sau này, họ sẽ dành... những cuốn từ điển.

Tất nhiên, tất cả các bộ phim phương Tây đang bị loại khỏi rạp chiếu phim và thay thế bằng các tác phẩm mang tính giáo dục và nhằm chán từ miền Bắc, Liên Xô và đôi khi là Trung Quốc. Không được phép rời khỏi phòng trước khi phim kết thúc : đó là hành động coi

thường nền văn hóa mới.

Tất cả các đĩa hát của nền âm nhạc Saigon đều bị loại bỏ. Đối với một loạt các bài hát tình cảm sến súa có nguồn cảm hứng tầm thường thì điều đó không tệ. Nhưng nếu so với giọng hát tuyệt vời và những bài hát tuyệt vời của Joan Baez, người đã dành phần lớn thời gian ở Mỹ để bảo vệ sự nghiệp cách mạng Việt Nam, thì thật đáng tiếc... Sau này, chúng ta sẽ để lại một vài bản thu âm «trước đó» - chỉ là những bản thu âm nhạc. Mọi lời bài hát không do đảng kiểm soát đều mang tính lật đổ, ngay cả những bài hát của Sylvie Vartan.

Nền văn hóa mới tấn công mọi biểu tượng mục nát của chủ nghĩa tư bản, bao gồm quần dài, tóc dài và cổ áo mở. Tại mỗi ngã tư đường đều có các đội thanh niên yêu nước, dưới sự chỉ huy của một

cán bộ, chuyên thách thức những thanh niên ăn mặc không phù hợp. Người ta dùng kéo cắt bỏ quần ống rộng của đàn ông, cắt ngắn tóc dài của các bé trai và buộc chặt cổ áo sơ mi.

Nghịch lý là cùng lúc đó, nhiều cán bộ, chiến sĩ lại cố bắt chước thời trang Sài Gòn... Trong khi người miền Nam vì không muốn rắc rối nên phải cắt quần ngắn hơn thì người miền Bắc lại trả tiền cho thợ may để có «chân voi». Họ cũng thực hiện một cuộc tấn công thực sự vào các mặt hàng tiêu dùng không thể mua được ở miền Bắc. Ô-tô, xe máy, tivi, tủ lạnh, radio bán dẫn, máy ảnh, đồng hồ đang biến mất khỏi các cửa hàng và khu chợ trộm cắp nổi tiếng. Sau đó, các bộ đội và cán bộ sẽ lấy đồ tiếp tế từ người dân địa phương, những người này sẽ phải bán để có thức ăn. Những người có

quyền lực nhất định bắt đầu sử dụng nó để có được sự giàu có mà không phải trả giá. Một người bạn nói với tôi :

– Họ đến để thanh lọc chúng ta, và chúng ta đang làm thối rửa họ...

Trên thực tế, theo một cách nào đó, miền Nam đang cải tạo miền Bắc. Những người đàn ông này đến từ một đất nước mà đồng hồ là một mặt hàng xa xỉ và một cây kim đơn giản, một mặt hàng hiếm, mở to mắt nhìn đồng hàng hóa họ phát hiện ở Sài Gòn và thậm chí ở những thị trấn nhỏ ở Nam Việt Nam. Và mặc dù chúng ta nói với họ rằng đây là những «món quà» mà chủ nghĩa tư bản đế quốc đã tặng cho miền Nam để giành được sự ủng hộ của đồng bào mình, họ vẫn bắt đầu đặt câu hỏi. Làm sao một công nhân bình thường ở đây không chỉ sở hữu một chiếc đồng hồ (một đặc quyền của

các nhà quản lý ở miền Bắc Việt Nam), mà còn sở hữu những tài sản khó tiếp cận như xe máy, tủ lạnh hay tivi ? Tại sao người nông dân lại sở hữu máy kéo, còn người đánh cá lại sở hữu thuyền máy ?

Đúng là Nam Việt Nam đã sống vượt quá khả năng của mình. Hàng tỷ đô la được đổ ra trong nhiều năm, một phần bị những kẻ đầu cơ chiến tranh biển thủ, cuối cùng cũng đã đến được với đông đảo quần chúng nhân dân, đến mức mang lại cho họ một lối sống và mức sống hoàn toàn khác biệt so với người dân miền Bắc, bất chấp chiến tranh.

Sự “thịnh vượng” của miền Nam là giả tạo và không lành mạnh. Nhưng cũng đúng là ở nước Cộng hòa Dân chủ Bắc Việt Nam, người dân đã sống trong ba mươi năm trong sự ngu dốt đáng kinh ngạc, trong một khu ổ chuột thực sự.

Người dân không chỉ sống trong cảnh túng thiếu, thiếu thốn thường xuyên mà còn sống trong sự dối trá liên miên. Sự tấn công liên tục của các chương trình tuyên truyền chính thức đã khiến họ tin rằng những người đồng bào bất hạnh ở miền Nam đang chết đói, làm việc như nô lệ dưới sự chỉ huy của bọn lính đánh thuê do Hoa Kỳ trả tiền. Đây là cách mà miền Nam Việt Nam được mô tả trong nhiều năm với các chiến sĩ được huy động để «giải phóng» đồng bào của họ ở phía nam vĩ tuyến 17. Chúng tôi hiểu sự sốc của họ khi phát hiện ra sự thật. Chúng ta cũng hiểu tốc độ mà họ lợi dụng tình hình, sau nhiều năm thất lũng buộc bụng, chưa nói đến đói nghèo.

Vào cuối tháng 5 năm 1975, các trường học đã mở cửa trở lại. Những

đứa trẻ bận rộn dọn dẹp đường phố Sài Gòn đang rất cần sự giúp đỡ, và được học bài học đầu tiên về «săn gián điệp cho bù nhìn của đế quốc Mỹ». Việc đào tạo bắt đầu từ sớm. Trong năm đầu tiên, chúng ta không còn đưa ra bài toán : «Người bán hàng đã bán hai con gà cho một khách hàng, sau đó cho ba con gà cho một khách hàng khác. Tổng cộng anh ta đã bán được bao nhiêu con gà ? «Bây giờ chúng ta nói : ‘Một người lính của Cách mạng đã giết hai tên đế quốc Mỹ, rồi ba tên khác. Tổng cộng anh ta đã giết bao nhiêu tên ? «Dù sao thì, tốt hơn là không nên nói về gà nữa, vì chúng đã trở nên không thể tìm thấy được. Trong một chế độ cách mạng, tìm kẻ thù còn dễ hơn tìm gà. Ở Việt Nam ngày nay, ý tưởng mua ba con gà là vô lý đến mức tốt nhất là nên tránh ngay từ khi còn nhỏ.

Khi đọc các ấn phẩm chính thức của VNDCCH (Bắc Việt Nam), tôi rất ngưỡng mộ sự chăm sóc chu đáo dành cho trẻ em ở đó, sự gia tăng của các trường mẫu giáo, tôi coi đó là một trong những thành tựu to lớn của chế độ cộng sản. Ngày nay tôi thấy rằng đó là một phương tiện được sử dụng để tách trẻ em khỏi ảnh hưởng của cha mẹ càng sớm càng tốt. Hồ Chí Minh đã nói, theo quan điểm ngược lại với câu cách ngôn phổ biến : «Trồng cây mười năm, trồng người trăm năm». Do đó, không bao giờ là quá sớm để tạo ấn tượng.

Từ trường mẫu giáo trở đi, giáo viên được yêu cầu tham gia vào cuộc chiến chống lại ảnh hưởng tôn giáo. Cô giáo yêu cầu những đứa trẻ bốn và năm tuổi nhắm mắt lại và cầu xin Đức Phật hoặc Chúa Jesus một viên kẹo. Khi trẻ mở mắt,

tự nhiên sẽ không có kẹo. Sau đó, giáo viên lại bắt đầu thí nghiệm bằng cách yêu cầu trẻ em cầu nguyện với Hồ Chí Minh. Và lần này sẽ có kẹo khi chúng mở mắt. Và mọi người đồng thanh cảm ơn Bác Hồ.

Các nhà truyền giáo đã từng sử dụng những công thức tương tự để chứng minh sự vượt trội của vị thần của họ so với những người nguyên thủy như chúng ta trong mắt họ. Thật kinh hoàng khi thấy những người cộng sản Việt Nam dám sử dụng những thủ đoạn cũ rích để «giáo dục» con em cách mạng.

Vào đầu tháng 6, quyền lực đột nhiên được siết chặt. Các cựu công chức, quân nhân và thành viên các đảng phái chính trị được mời đến trình diện với chính

quyền để được cải tạo tư tưởng trong một thời gian ngắn. Đối với những người lính bình thường, khoảng thời gian này chỉ kéo dài ba ngày và họ có thể trở về nhà vào mỗi buổi tối. Đối với sĩ quan không cấp bậc và cán bộ cấp thấp, thời gian này sẽ kéo dài một tuần. Đối với cán bộ, công chức, viên chức từ cấp xã trở lên, đảng viên các đảng phái chính trị được gia hạn thêm 01 tháng.

Sau một tháng, sẽ không có ai quay trở lại. Nhưng tôi sẽ không còn sống để tự mình nhận ra điều đó.

Vào khoảng giữa tháng 6, Huỳnh Tấn Mẫm, cựu chủ tịch Hội sinh viên, và Dương Văn Đầy, người mà tôi đã gặp năm năm trước tại Nhà tù Chí Hòa khi chúng tôi đấu tranh đòi trả tự do cho các

sinh viên bị giam cầm, đã đề nghị tôi gặp nhà lãnh đạo trí thức cấp cao của Nam Việt Nam. Tôi càng không có lý do gì để từ chối vì nhân vật quan trọng này, tên là Trần Ngọc Hiến, muốn đến nhà tôi thăm, điều này có thể coi là niềm vinh dự.

Anh ấy đến nhà tôi vào khoảng 8 giờ tối, đi cùng với Mắm và Đầy, và một số vệ sĩ theo sau chiếc xe Toyota Nhật Bản của anh ấy.

Trần Ngọc Hiến²⁷ là một người đàn ông ngoài năm mươi, gầy, xanh xao, lạnh lùng. Ông bị tổn thương về mặt thể xác do bị giam giữ khắc nghiệt ở nhà

27 Anh trai của Trần Ngọc Hiến, Trần Ngọc Châu, là đại biểu Quốc hội Nam Việt Nam. Ông bị công an Thiệu bắt giữ, gây nên một vụ bê bối. Mặc dù vậy, và mặc dù anh trai ông hiện giữ chức vụ quan trọng, Châu vẫn bị giam giữ trong trại cải tạo cho đến tháng 3 năm 1979. Sau đó, ông đã trốn thoát và cùng với những người thuyền nhân khác đến Indonesia vào tháng 6 năm 1979.

tù Thiệu, nơi ông bị tra tấn. Ông là một nhà cách mạng kiên định, nhưng không phải là một kẻ cuồng tín. Ông thừa nhận một số sắc thái tư tưởng nhất định... Đây chắc chắn là lý do tại sao ông được giao nhiệm vụ thành lập Hội Trí thức Yêu nước Nam Việt Nam mới. Có vẻ như đồng chí Hiến đang gặp khó khăn trong việc tuyển người để cùng đi một đoàn lớn như vậy đến ngôi nhà khiêm tốn của tôi.

– Chúng tôi đã theo dõi hành động của anh trong vài năm qua. Các đồng chí Mẫn và Đầy đã có thể làm chứng về điều này. Chúng tôi tin rằng anh cần phải tích cực tham gia vào cuộc cách mạng.

Hiến nói một cách nghiêm túc. Anh ấy cứng nhắc, mọi thứ thấm nhuần trách nhiệm cao cả của mình. Anh ta không chạm vào đồ uống đã được phục vụ.

Mầm và Đây, ngồi cạnh anh, không nói một lời và trông giống như những cậu bé. Họ cũng không uống tách trà của họ. Tôi cảm thấy như đang làm bài kiểm tra. Nhưng tôi đang bắt đầu hiểu trò chơi này rồi.

– Tôi cho rằng có lẽ cuộc cách mạng đã đánh giá quá cao phẩm chất của tôi. Tôi không có khả năng như anh nói đâu. Nhưng tôi sẵn sàng làm việc nếu tôi có thể giúp ích cho mình. Theo anh, tôi có thể làm gì ?

Hiển thăm dò tôi :

– Anh có nhiều mối quan hệ với các chính trị gia. Ví dụ, bạn có thể chỉ ra cho chúng tôi những người ủng hộ chế độ độc tài bù nhìn của Thiệu chống lại nhân dân.

(Người trong cuộc cách mạng ! Hoạt động thú vị ! Như thế tôi cần phải biết về những sinh vật của chế độ cũ.)

Với sự nghiêm túc như Hiến, cần nhắc lời nói của mình, tôi trả lời :

– Quân Mỹ và quân bù nhìn vội vã bỏ đi. Kho lưu trữ đầy những tài liệu còn nguyên vẹn. Tôi nghĩ nó rõ ràng và chính xác hơn tôi. Cách mạng hoàn toàn có khả năng tìm ra tất cả những kẻ chịu trách nhiệm.

Hiến thay đổi thái độ.

– Anh đã làm việc cho Ngân hàng Nam Đô trong một thời gian dài... Vâng, vâng, tôi biết (bằng cử chỉ tay, anh ấy chỉ ra rằng anh ấy cũng biết rằng tôi không kém phần đối lập, mặc dù tôi là “chủ ngân hàng”), anh đã bị bắt ở Phan Rang,

và anh đã giúp Mặt trận ở Quy Nhơn. Nhưng điều chúng tôi quan tâm là anh biết về cơ chế ngân hàng. Tuy nhiên, cuộc cách mạng phải đảm bảo một giai đoạn chuyển tiếp khó khăn trong lĩnh vực này. Lời khuyên của anh sẽ hữu ích. Có lẽ anh có thể thiết lập mối quan hệ.

– Báo cáo về cái gì ?

Hiển bình tĩnh lại một lúc rồi liệt kê một cách có phương pháp :

– Trước tiên, anh biết gì về mục tiêu của Hoa Kỳ liên quan đến Nam Việt Nam từ góc độ kinh tế và tài chính ?

– Thứ hai, bạn biết gì về những cái bẫy mà người Mỹ để lại miền Nam Việt Nam để ngăn chặn cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ?

– Thứ ba : anh sẽ đề xuất những giải

pháp nào để giải quyết các vấn đề kinh tế và tài chính của nước Cộng hòa Dân chủ ?

Cuộc cách mạng hân phải rất xấu hổ khi phải nhờ đến sự khai sáng của một cựu sinh viên ngành dược, cựu giám đốc một chi nhánh tỉnh nhỏ của một ngân hàng hạng ba. Tôi cố gắng diễn đạt điều này một cách khéo léo :

– Tại sao không hỏi những câu hỏi này với các chuyên gia thực thụ về tài chính và kinh tế ? Ví dụ, các chuyên gia từ Ngân hàng Quốc gia, các quan chức cấp cao từ Bộ Kinh tế. Không phải tất cả bọn họ đều rời đi. Và họ biết rất nhiều về vấn đề này vì được đào tạo tại Hoa Kỳ. Tôi không biết nhiều về tài chính cao cấp, nền kinh tế quốc gia hay thương mại quốc tế...

Hiền bỗng nhiên sống lại :

– Cái gì, bạn không biết nhiều về nó sao ! Nhưng bạn đã viết điều này... và điều này...

Ông trích dẫn những đoạn trong bài viết của tôi đăng trên báo Tự Quyết, những tuyên bố sắc sảo về tài chính, kinh tế, thương mại của đất nước... Thực ra, tôi đã nhiều lần bày tỏ quan điểm về những vấn đề này, càng sắc sảo hơn vì năng lực của tôi trong những lĩnh vực này còn hạn chế. Nhưng rõ ràng, điều này đã đủ để mang lại cho tôi uy tín của một chuyên gia trong mắt chế độ mới.

– Tôi mong đợi báo cáo của anh trong bốn ngày nữa.

Hiền nói, đứng dậy, lần đầu tiên kể từ khi đến đây, anh nở một nụ cười nhẹ,

vừa là lời hứa vừa là lời đe dọa.

Tất cả những gì tôi phải làm là viết bài tập về nhà.

Trong bốn ngày, tôi đã viết được khoảng ba mươi trang, đặc biệt chú ý sử dụng ngôn ngữ quen thuộc với những người cộng sản.

Câu hỏi đầu tiên về mục tiêu kinh tế mà Hoa Kỳ theo đuổi ở Việt Nam không phải là vấn đề phức tạp đối với tôi. Tôi đã viết rằng, đối với người Mỹ, Việt Nam chỉ là phương tiện để bán phá giá sản phẩm của họ sang một quốc gia chỉ tập trung vào tiêu dùng.

Tình trạng điên cuồng nhất hiện nay, đó là chiến tranh. Hàng tỷ đô la “viện trợ của Mỹ” chỉ được dùng để mua hàng

hóa của Mỹ chứ không phải để đặt nền móng cho sự phát triển kinh tế ở Việt Nam. Do đó, chiến tranh đã trở thành động lực kích thích nhân tạo cho nền kinh tế Hoa Kỳ.

Câu trả lời cho câu hỏi thứ hai, về “bẫy kinh tế” mà người Mỹ được cho là đã bỏ lại, đòi hỏi sự khéo léo hơn. Những người cộng sản tin rằng Hoa Kỳ đã vạch ra những âm mưu xảo quyệt trước khi rời đi, nhằm mục đích khiến cuộc cách mạng thất bại... Vấn đề không phải là chế giễu những nỗi sợ hãi này.

Tôi đã viết rằng cái bẫy chính là thói quen tiêu dùng của người dân miền Nam Việt Nam, đặc biệt là sự phụ thuộc của họ vào các sản phẩm dầu mỏ. Ở lĩnh vực này và nhiều lĩnh vực khác (việc làm do chiến tranh mang lại, thực phẩm nhập khẩu và đồ gia dụng, v.v.), người

Việt Nam sống vượt quá khả năng của mình, trong sự thịnh vượng giả tạo do dòng tiền đô la chảy vào. Sự trở lại với sự thật kinh tế có nguy cơ gây ra sự bất mãn trong dân chúng. Tôi nhận thấy nhiệm vụ này sẽ dễ dàng hơn cho cuộc cách mạng nếu nó thành công muộn hơn vài năm, khi việc người Mỹ từ bỏ chế độ Thiệu đã dẫn đến thất bại kinh tế thảm hại và khốn cùng.

Cuối cùng, về câu hỏi thứ ba : tôi đã đề xuất những gì để giải quyết các vấn đề ngân hàng, tôi thú nhận rằng tôi đã đưa ra câu trả lời mà «người giám định» mong muốn. Tôi đề xuất các biện pháp hà khắc : đóng băng tài khoản, tịch thu tài sản, trả nợ ngay lập tức, v.v. Chiếc xe lu cách mạng... Kinh nghiệm ngân hàng ngắn ngủi của tôi cho tôi biết rằng đây chắc chắn không phải là điều cần phải

làm để thúc đẩy khôi phục hoạt động kinh tế ở Nam Việt Nam. Nhưng những gì tôi biết về những người cộng sản cho tôi biết rằng đây là giải pháp mà họ sẽ áp dụng dù sao đi nữa. Và tôi không muốn bị xếp vào nhóm kẻ thù của nhân dân, những người bảo vệ quyền sở hữu tư bản.

Hành vi của tôi trong vấn đề này cho thấy lý do tại sao việc đưa sự thật ra ánh sáng lại khó khăn đến vậy ở các chế độ cộng sản. Áp lực của quyền lực lớn đến vậy, nỗi sợ hãi lớn đến vậy, nên mọi người nhanh chóng học cách nói những gì người ta mong đợi ở anh ta, là hành động “như thế” để có được hòa bình. Trong đó mọi người dường như đều đồng ý với đảng và mọi người đều nói dối.

“Báo cáo” của tôi, kết hợp giữa sự táo bạo và thận trọng, đã được đón nhận rất nồng nhiệt. Vài ngày sau khi bàn giao, tôi lại thấy Trần Ngọc Hiến cùng chiếc xe Toyota và đoàn hộ tống đến nhà tôi. Lần này anh ấy cởi mở, thân thiện và gần như thân thiện. Rõ ràng là tôi đã vượt qua kỳ thi tuyển dụng một cách thành công. Ông chấp nhận ăn uống mà không cần nghi lễ gì, những gì có trong nồi.

Hiền tiết lộ với tôi rằng ba câu hỏi đó cũng đã được đặt ra cho khoảng bốn mươi chuyên gia, và câu trả lời của tôi được đánh giá cao hơn cả câu trả lời của những chuyên gia nổi tiếng như Giáo sư Nguyễn Văn Hào.

Hiền nói với tôi rằng tôi là một trong số ít người dường như không bị chủ nghĩa tư bản làm ô nhiễm về mặt trí tuệ. Tôi xin chúc mừng anh. Ý tưởng của

anh phù hợp với chính sách kinh tế và tài chính mà chúng tôi dự định áp dụng, đặc biệt liên quan đến việc tịch thu tài sản ngân hàng. Tuy nhiên, chúng tôi muốn anh phát triển dự án này chi tiết hơn. Ba ngày nữa tôi sẽ quay lại thăm anh.

Ba ngày sau, quả nhiên Hiền lại xuất hiện trước nhà tôi. Lần này ông đi cùng với Vương Kỳ Hiệp²⁸, lúc đó đang tạm thời giữ chức bộ trưởng tài chính ở Nam Việt Nam. Ông là người miền Nam. Hôm nay ông ấy mất tích, tôi không biết chuyện gì đã xảy ra với anh ấy.

Hiệp ngay lập tức đề nghị tôi vào Ủy ban Tài chính của GRP (chính phủ lâm

28 Ngoài Vương Kỳ Hiệp, GRP lúc đó còn sử dụng dịch vụ của một chuyên gia kinh tế miền Nam khác là Trương Như Tảng, người đã gia nhập Mặt trận Giải phóng miền Nam năm 1967. Anh trai của ông Tảng, Trương Như Bích, là Giám đốc Ngoại thương trong chính quyền cuối cùng ở Sài Gòn. Hai anh em đã mất tích,

thời FNL). Từ lần trước Hiến đến thăm, tôi đã mong đợi và chuẩn bị cho lời đề nghị như vậy. Và câu trả lời của tôi là không.

Khoảng thời gian ngắn ngủi làm việc với ban quản lý ngân hàng mới đã đủ để tôi thấy được sự bất lực hoàn toàn của họ. Họ không chỉ không hiểu hệ thống ngân hàng mà họ cho là phải cải cách, nhưng họ cũng không hiểu chính sách của chính phủ.

Nhưng tất nhiên tôi đã cố gắng diễn đạt lời từ chối của mình một cách khiêm tốn và hợp lý nhất có thể. Tôi chưa đến ba mươi. Kinh nghiệm làm việc trong ngành ngân hàng của tôi chỉ giới hạn ở việc quản lý hai chi nhánh tỉnh nhỏ. Tôi không học kinh tế. Tôi thực sự không thể đưa ra ý kiến hợp lý về các vấn đề tài chính cấp cao. Hơn nữa, tôi là dân nhà

quê, tôi không thể quen với cuộc sống ở thành phố lớn. Tôi muốn cùng vợ con trở về quê, về làng gần Vĩnh Long. Tôi đã nghĩ về điều đó trong một thời gian dài. Ở đó, chúng ta cũng cần những người tận tụy với cách mạng, có trình độ học vấn nhất định...

Anh Hiệp đã thể hiện năng lượng đáng ngạc nhiên khi cố gắng thay đổi suy nghĩ của tôi. Tất nhiên, ông đã trích dẫn lời Bác Hồ, nhưng có lẽ đó chỉ là lời nói suông. Bản chất của lập luận của ông chỉ gói gọn trong ba từ : “Anh đến từ miền Nam”.

Vâng, vào thời điểm đó, đó thực sự là nỗi ám ảnh của các nhà lãnh đạo Mặt trận, của GRP, những người ngày qua ngày chứng kiến quyền lực của họ tan biến trước những người đàn ông đến từ Hà Nội : tìm kiếm những người miền

Nam có khả năng đóng vai trò đối trọng, khẳng định sự tồn tại của một chính quyền tự chủ ở miền Nam. Nhưng đã quá muộn rồi. Các cán bộ quân sự của Mặt trận Dân tộc Giải phóng đã bị thảm sát trong cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân năm 1968. Các cán bộ chính trị hầu như hoàn toàn phục tùng đảng cộng sản. Trong một thời gian dài, GRP chỉ là một mặt tiền giả tạo. Trước khi rời Sài Gòn, các nhà báo nước ngoài đã có thể ghi nhận, vào ngày 17 tháng 5, trong một cuộc biểu tình kỷ niệm ngày sinh của Hồ Chí Minh, tại thành phố hiện mang tên ông, rằng các nhà lãnh đạo của GRP, bao gồm cả bà Nguyễn Thị Bình nổi tiếng, đã bị đẩy xuống vị trí thứ hai hoặc thứ ba.

Và bây giờ cuộc thanh trừng đã bắt đầu. Ở khắp mọi nơi, người miền Bắc đều nắm giữ những vị trí quan trọng,

trong khi người miền Nam bị coi là nghi phạm.

Tôi cảm thấy như vậy. Nó mang tính trực giác hơn là ý thức.

Cuối cùng tôi đã đồng ý tham gia cuộc họp đầu tiên của Ủy ban Tài chính GRP. Có khoảng bốn mươi người ở đó, được chủ trì bởi một giám đốc điều hành miền Bắc có thái độ kiêu ngạo không thể chịu nổi, kết hợp với sự thiếu hiểu biết đáng kể về thực tế kinh tế quốc tế. Ông chỉ nói về những thành công vang dội của miền Bắc và Liên Xô.

Ông muốn Ủy ban vạch ra một kế hoạch chi tiết về quốc hữu hóa và tập thể hóa ở miền Nam. «Chúng ta phải nhanh chóng tiến tới chủ nghĩa xã hội, theo quyết định của Đảng», ông nói với chúng tôi.

Tôi thấy cần phải chỉ ra rằng, ngược lại, tại Hội nghị lần thứ 24 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Lê Thanh Nghị đã khẳng định rằng trong một thời gian dài, thể chế kinh tế - xã hội của miền Bắc vẫn phải khác với miền Nam và việc thống nhất sẽ mất nhiều thời gian. Vào thời điểm đó, khẩu hiệu là : “Chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, dân chủ ở miền Nam”.

Với nụ cười hơi khinh thường, vị giám đốc giải thích rằng phát biểu của Lê Thanh Nghị nhằm mục đích trấn an người dân. Và ông nhấn mạnh :

– Trên thực tế, chúng ta phải đạt được chủ nghĩa xã hội ở đây như đã đạt được ở miền Bắc, và càng nhanh càng tốt.

Có một chút náo động trong khán phòng. Một số người, như Giáo sư Nguyễn Văn Hảo và Châu Tâm Luân, bày tỏ sự ngạc nhiên nhưng bằng giọng thì thầm. Thói quen cúi chào đại diện của đảng đã hình thành. Tôi, rất tức giận và ngây thơ tin rằng ban chấp hành đã hiểu sai chính sách thực sự của đảng, lại lên tiếng. Tôi phát triển ý tưởng rằng một sự biến động sâu sắc và nhanh chóng trong hệ thống kinh tế của miền Nam sẽ dẫn đến thảm họa. Chỉ nên tịch thu tài sản của những kẻ đầu cơ của chế độ cũ, còn lại cứ để yên.

Người điều hành cảm thấy rằng lập trường của tôi “không tiến bộ”. “Trong chủ nghĩa xã hội”, ông nói, “không có tài sản riêng. Mọi thứ đều thuộc về quốc gia. “Và để làm rõ vấn đề, ông nói thêm : «Đảng đã chọn mục tiêu cần đạt được.

Các bạn, những chuyên gia, nhiệm vụ của các bạn là xác định phương tiện để đạt được mục tiêu này, chứ không phải thảo luận về nó.

Tôi đến nhà Hiệp và kể lại cho anh ấy nghe những gì đã xảy ra trong cuộc họp. Có Phạm Văn Ba, cựu đại diện của FNL tại Paris, người đã đảm bảo với tôi :

– Nếu miền Bắc muốn áp đặt chính sách của mình ở miền Nam, Mặt trận sẽ phản đối, và chúng tôi có bạn bè trên thế giới. Nhưng tôi không nghĩ chúng tôi phải đi đến điều đó. Các nhà lãnh đạo đảng đã đưa ra cho chúng tôi những đảm bảo cụ thể.

Những tuyên bố này chỉ thuyết phục được tôi một nửa. Tôi đã xin Hiệp cho vài ngày để suy nghĩ trước khi quyết định mình sẽ làm gì để tích cực tham gia

vào việc triển khai của chế độ mới, hoặc nghỉ hưu ở tỉnh quê hương tôi.

Tôi không có thời gian để thiền định lâu. Hai hoặc ba ngày sau, tôi thấy mình đang ở trong tù. Tôi sắp mất đi những ảo tưởng cuối cùng của mình ở đó.

